VĂN HỌC CỔ ĐIỂN PHÁP

NỮ TU SĨ

DENIS DIDEROT



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

NỮ TU SĨ

NGUYỄN NGỌC BAN
và TÔN GIA NGÂN *dịch*
TÔN GIA NGÂN *giới thiệu*

*

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp "LA RELIGLEUSE" do "Club des Amis du livre progressiste" phát hành, 1958

ĐONI ĐIĐORÔ

NỮ TU SĨ

In lần thứ tư

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

Đơni Điđơrô (1713 - 1784), là một trong những nhà văn và nhà tư tưởng lớn của phong trào Ánh sáng Pháp ở thế kỷ XVIII, là một trong những người đã góp phần tích cực chuẩn bị cho cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789 về ý thức tư tưởng. Hoạt động của ông bao gồm nhiều mặt. Là một nhà tư tưởng duy vật, ông đã viết nhiều công trình triết học có giá trị như: Tư tưởng triết học *(1746)*, Bức thư về những người mù để cho người sáng mắt đọc *(1749). Ông cũng là người chủ biên bộ* Bách khoa toàn thư, *bộ sách đã tập hợp hầu hết những nhà khoa học, triết học, văn học lỗi lạc đương thời, được xuất bản với mục đích tuyên truyền cho những tư tưởng Ánh sáng, đánh đổ thế giới quan phong kiến phản động và xây dựng một thế giới quan duy vật tiến bộ. Điđơrô còn viết nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật. Ông chiến đấu cho một nền nghệ thuật có mục đích phục vụ nhân dân và đặt một số cơ sở cho nền văn học hiện thực. Đồng thời Điđơrô là một nhà soạn kịch, một nhà văn đã viết nhiều tác phẩm nổi tiếng, nhất là các truyện* Nữ tu sĩ *(1760)* Jăc, anh chàng định mệnh chủ nghĩa *(1761)*, Người cháu của Ramô *(1762)*.

Nữ tu sĩ *là một tác phẩm thuộc truyền thống văn học Pháp và châu Âu chống lại những sự hà lạm của nhà thờ. Đã từ lâu nhà thờ Thiên chúa giáo là dinh lũy của chế độ phong kiến phản động. Nhà vua*

chuyên chế, các giai cấp thống trị dùng nó làm một lợi khí đắc lực để mê hoặc và đàn áp sự phản kháng của nhân dân. Chúng lập một mạng lưới nhà thờ dày đặc khắp thành thị và nông thôn nước Pháp. Có thể nói bóng đen của nhà thờ ngả xuống hầu hết ruộng đất của nước Pháp. Bên cạnh chính quyền vốn đã hà khắc của chế độ quân chủ chuyên chế để cai trị nhân dân về mặt pháp lý, lại có thêm thần quyền của tôn giáo để áp bức nhân dân về mặt linh hồn. Hầu hết những việc ma chay, cưới hỏi của nhân dân đều do nhà thờ quyết định. Để kìm hãm nhân dân trong vòng ngu tối,, nhà thờ tích cực hoạt động ngăn trở sự phát triển của khoa học, của triết học duy vật, nói tóm lại, của tiến bộ xã hội. Vì vậy mà từ trước đến nay, những nhà tư tưởng, những văn nghệ sĩ tiền tiến của các thời đại đều đã lên tiếng phản đối những học thuyết ngu dân của nhà thờ. Từ thời Phục hưng, Bôcaxiô, nhà văn Ý, trong các truyện của mình, cũng như nhà viết hài kịch Pháp Môlierơ ở thế kỷ XVII, trong các vở Trường học làm vợ, Tactuyfơ, Đông Joăng *đều đã vạch trần tính chất giả nhân giả nghĩa và những sự tàn bạo của nhà thờ.*

Viết Nữ tu sĩ, *Điđơrô đã tiếp tục truyền thống chống những sự hà lạm của nhà thờ trong văn học Pháp và châu Âu. Qua sự mô tả cuộc đời của cô gái Xuydan ở các tu viện, ông lên án sự cuồng tín tôn giáo, cuộc sống khổ hạnh cùng tất cả những biện pháp thô bạo được áp dụng trong nhà tu nhằm đàn áp lý trí, hủy hoại nhân cách con người. Đồng thời ông gián tiếp lên án chế độ đương thời đã làm chỗ dựa cho những hoạt động tôn giáo phản động như vậy. Cuốn truyện cho ta*

thấy nhà tu kín quả thật là một địa ngục trần gian, ở đó hàng ngày diễn ra những cảnh tu nữ bị nhục hình, những cảnh điên loạn ghê rợn. Những kẻ được sủng ái thì hành hạ kẻ khác, những người bị ruồng bỏ thì trở thành nạn nhân của mọi sự hành hạ. Điđơrô cho ta thấy do một sự giáo dục khổ hạnh trái với tự nhiên, con người không còn giữ được bản chất tốt đẹp của mình, đúng như lời bà nhất Môni đã có lần nói với Xuydan: "Con ạ! Trong tất cả những người ở xung quanh chúng ta, những người rất mực ngoan ngoãn, trong trắng, dịu dàng, hầu như không có một người nào, phải, không có một người nào mà mẹ không thể làm cho họ trở thành một con thú dữ".

Nhưng Nữ tu sĩ *còn bao hàm một chủ đề tư tưởng khác: quyền lợi người phụ nữ trong xã hội. Điđơrô, cũng như các nhà Bách khoa khác, trong khi đấu tranh cho tự do, cho sự giải phóng của con người, đã nhiều lần lên tiếng bênh vực quyền lợi và địa vị của phụ nữ. Xuydan không chỉ là một cô gái hiền lành, mộ đạo, cô còn là một tâm hồn thiết tha yêu sự sống, một con người biết đấu tranh cho hạnh phúc của mình. Bao nhiêu đe dọa, bao nhiêu nhục hình vẫn không làm cô ngã lòng. Cô đã chiến thắng những tư tưởng bi quan, đầu hàng, và đã tìm mọi cách thoát ra khỏi tu viện hắc ám, tuy cuộc sống trước mắt còn dành cho cô bao sự hãi hùng. Hình ảnh Xuydan là hình ảnh những phụ nữ Pháp có nghị lực và can đảm, ngày mai đây sẽ cùng toàn dân xông vào phá ngục Baxti để giải phóng cho mình và giải phóng cho dân tộc. Cũng vì ý nghĩa cách mạng đó của tác phẩm mà* Nữ tu sĩ, *viết xong năm 1760, mãi đến*

năm 1796, sau cuộc cách mạng tư sản Pháp và sau khi nhà văn từ trần, mới được xuất bản.

Truyện này được viết theo thể loại truyện triết lý, một thể loại được sử dụng rộng rãi ở thế kỷ XVIII. Nhằm mục đích phổ biến rộng rãi các tư tưởng chính trị, triết học đến quảng đại quần chúng, các nhà văn Ánh sáng đã dùng những loại truyện này để làm cho người đọc dễ tiếp thu những quan điểm của mình. Chúng ta đều biết Vonte rất sở trường về loại văn này và đã để lại nhiều kiệt tác như Canđich, Người chất phác... *Các truyện khác của Điđơrô như* Người cháu của Ramô, Jăc, anh chàng định mệnh chủ nghĩa *đều là những truyện triết lý Nhân vật Xuydan làm ta nghĩ đến hình ảnh những "con người tự nhiên" mà ta thường thấy trong nền văn học thế kỷ XVIII. Đó là những con người trong trắng, ngây thơ, chưa hề bị những ảnh hưởng xấu xa của các quan hệ tư sản làm hư hỏng. Xuydan không phải là một người vô thần, trái lại, cô hết lòng kính Chúa, mộ đạo. Nhưng lương tri sáng suốt của "con người tự nhiên" không thể chấp nhận những tội ác hàng ngày diễn ra trong tu viện, những nghi lễ vô lý người ta bày ra ở đấy để mê hoặc các nữ tu sĩ đáng thương Xuydan, do những điều chứng kiến ở tu viện, đã nhìn nhận được những lừa bịp trắng trợn của những kẻ mạo danh Chúa để làm những điều bỉ ổi.*

Đây là điểm làm cho Nữ tu sĩ *khác với truyện triết lý của nhiều nhà văn khác. Thường thường trong các truyện triết lý, nhà văn quan tâm đến sự minh họa tư tưởng của mình hơn là mô tả tâm lý nhân vật. Ngược lại, Xuydan có một đời sống nội tâm khá tế nhị, phong*

phú. Với một ngòi bút mang nhiều tính chất hiện thực sâu sắc, Điđơrô mô tả một cách tỉ mỉ những diễn biến phức tạp trong tâm hồn Xuydan. Từ lòng tin Chúa ngây thơ, Xuydan đã dần dần đi tới chỗ hoài nghi, và từ đó đến chỗ phản kháng, phẫn nộ; cô gái hiền lành quen sống nhẫn nhục trong gia đình mà ở đó cô bị khinh bỉ đã dần dần trở nên một người dám nổi loạn chống áp bức, chống giả dối, chống thành kiến, chống tàn bạo. Ngoài Xuydan, các nhân vật khác như bà nhất và các tu nữ khác, cùng với những cơn điên loạn của họ, cũng đều có một đời sống tâm lý rõ rệt.

TÔN GIA NHÂN

Lời phúc đáp của hầu tước đơ Croaxmarơ, nếu ông ấy chịu viết, sẽ cung cấp cho tôi những dòng chữ đầu tiên của câu chuyện này. Trước khi viết thư cho ông, tôi muốn biết về ông. Ông là một người thuộc giới thượng lưu, nổi tiếng trong công vụ, ông đứng tuổi, đã có vợ, có một con gái và hai con trai mà ông yêu quý và ông cũng được các con yêu lại. Ông là con nhà dòng dõi, có trí thức, thông minh, vui vẻ, biết cảm thụ đúng đắn mỹ thuật và nhất là sự độc đáo. Người ta ngợi khen với tôi về sự tế nhị, về tinh thần danh dự, tính liêm khiết của ông; và cứ xét qua mối quan tâm đặc biệt của ông đối với công việc riêng của tôi cũng như qua những điều người ta nói với tôi về việc này, tôi có thể nghĩ rằng việc tôi nhờ vả ông không hề làm tổn hại đến danh dự của mình: nhưng không thể nghĩ rằng ông quyết định thay đổi số phận của tôi mà không hay biết tôi là người như thế nào, chính lý do đó đã thúc đẩy tôi phải chiến thắng tính tự ái và nỗi ghê tởm của mình, khi viết các đoạn hồi ký này, trong đó tôi mô tả một phần những điều bất hạnh của tôi, tuy tôi không có tài cũng không có nghệ thuật, mà chỉ có sự ngây thơ của một đứa trẻ thuộc lứa tuổi tôi, và một tính tình thật thà, ngay thẳng. Vì lẽ người đỡ đầu của tôi có thể yêu cầu, hoặc có lẽ do sự thích thú khiến tôi muốn hoàn thành các đoạn hồi ký đó trong một thời

gian mà những sự việc xa xôi có thể rời bỏ trí nhớ, tôi nghĩ rằng bản tóm tắt kết thúc các sự việc ấy, và cái ấn tượng sâu sắc còn lưu lại trong tôi cho đến lúc nhắm mắt cũng đủ để khiến cho tôi nhớ lại tất cả một cách chính xác.

... Cha tôi là trạng sư. Khi lấy mẹ tôi, cha tôi tuổi đã khá cao. Ông sinh được ba con gái. Ông thừa của cải để gây dựng cho ba con có nơi chốn vững vàng. Nhưng muốn thế, ít ra cũng cũng phải thương yêu ba đứa như nhau, đằng này tôi khó mà có thể khen ông về điều đó. Chắc chắn là tôi hơn hai chị tôi về trí tuệ, dung nhan cũng như về tính hạnh, tài hoa, nhưng hình như điều đó lại làm cho cha mẹ tôi phiền lòng. Những điểm tôi trội hơn hai chị tôi do thiên phú cho và do bản thân cố gắng mà có lại trở thành nỗi buồn khổ của tôi. Và để được âu yếm, nâng niu, nuông chiều như hai chị tôi, ngay từ nhỏ tôi đã muốn được giống như hai chị. Nếu có ai nói với mẹ tôi: "Các con bà kháu quá..." thì câu đó không bao giờ lại ngụ ý nói về tôi. Đôi khi tôi cũng được trả thù một cách đích đáng về nỗi bất công ấy, nhưng những lời khen ngợi mà tôi đã tiếp nhận được, tôi phải trả giá rất đắt khi khách đã ra về, đến nỗi thà bị đối xử thờ ơ, hoặc thậm chí bị lăng mạ còn hơn. Người ngoài càng tỏ vẻ mến tôi thì những người trong gia đình lại càng bực tức lúc khách đã ra về. Chao ôi! Biết bao lần tôi đã khóc và tiếc rằng sao khi sinh ra tôi không xấu xí, đần độn, ngu xuẩn, kiêu ngạo, tóm lại là có tất cả những nết xấu đã làm cho các chị tôi được cha mẹ yêu quý. Tôi thường tự hỏi do đâu một ông bố, một bà mẹ vẫn ngay thật, công bằng và kính Chúa lại cư xử kỳ quặc như vậy?

Thưa ông (1), tôi có nên nói thật với ông điều đó không? Một vài lời cha tôi đã thốt ra trong cơn giận dữ, - vì ông hay nổi nóng, - một vài sự việc lác đác thu thập lại, những lời xì xào của bà con láng giềng và kẻ ăn người ở, tất cả những cái đó đã làm cho tôi ngờ rằng có lẽ cũng có một lý do để tha thứ cho cha mẹ tôi một phần nào chăng. Có lẽ cha tôi có điều ngờ vực về dòng máu của tôi chăng; có thể là trông thấy tôi, mẹ tôi nhớ đến một lỗi lầm mà bà đã mắc phải, nhớ đến sự phụ bạc của một con người mà bà đã nhẹ dạ nghe theo, biết đâu đấy? Nhưng dù cho những nghi ngờ đó không có căn cứ chắc chắn đi nữa thì tôi có ngại gì mà không nói cùng ông kia chứ? Xin ông đốt bức thư này đi và tôi hứa với ông là sẽ đốt những thư trả lời của ông.

---

(1) Tức hầu tước Croaxmarơ, bạn thân của Điđơrô. Theo Gorin kể lại thì lúc bấy giờ có lưu hành một câu chuyện về một tu nữ trẻ ở tu viện Lôngsăng phủ nhận những lời tuyên thệ lúc đi tu của mình trước luật pháp, vì việc cô ta đi tu là do cha mẹ ép buộc. Ông Croaxmarơ rất chú ý đến câu chuyện ấy, và mặc dù không biết cô ta tên gì và cũng không chắc câu chuyện ấy có thật không, nhưng ông vẫn đến can thiệp ở tòa án. Tuy nhiên, vụ kiện của cô tu nữ thất bại, Điđơrô muốn làm sống lại câu chuyện ấy, cho rằng cô tu nữ thoát khỏi nhà tu và viết thư yêu cầu ông Croaxmarơ che chở. Thế là thư từ được trao qua đổi lại giữa ông Croaxmarơ và cô tu nữ giả hiệu ấy (chính là Điđơrô). Không được bao lâu trò chơi giữa bạn bè ấy kết thúc. Điđơrô đau xót cho số phận của cô tu nữ và bắt tay vào viết quyển tiểu thuyết này (N.D.) - Sau đây những chú thích không nghi (N.D.) đều trích trong bản Pháp văn do Club des Amis du Livre progressiste phát hành, 1958.

Ba chị em tôi sinh ra không cách nhau mấy, nên chúng tôi cùng lớn lên một loạt với nhau. Nhiều đám ngấp nghé. Một chàng thanh niên tuấn tú ngấp nghé chị cả tôi. Chẳng bao lâu tôi nhận thấy chàng ta đặc biệt chú ý đến tôi và tôi đoán rằng chị tôi chỉ là cái cớ để chàng lui tới. Tôi dự cảm thấy tất cả những nỗi buồn phiền mà sự thiên vị này có thể đem lại cho tôi và tôi nói với mẹ tôi biết. Có lẽ đó là việc duy nhất trong đời mà tôi đã làm cho mẹ tôi vừa ý, và tôi đã được đền đáp lại như thế này đây. Ba bốn ngày sau, tôi được báo rằng người ta đã quyết định cho tôi vào tu viện, và ngay hôm sau tôi được đưa đến đó. Tôi sống ở nhà rất khổ, nên việc ấy không làm cho tôi buồn phiền chút nào. Thế là tôi rất vui vẻ đến Xanh-tơ - Mari, tu viện đầu tiên của tôi. Trong khi ấy người yêu của chị tôi, vì không gặp tôi nữa, nên đã quên tôi và lấy chị tôi. Người ấy là ông K., bây giờ là một công chức và có nhà ở Córbây; vợ chồng sống với nhau hết sức bất hòa. Chị thứ của tôi lấy một ông Bôsông nào đó, buôn tơ lụa ở Pari, phố Canhcămpoa, và sống với ông ta khá hòa thuận.

Khi hai chị tôi đã có nơi có chốn, tôi tưởng rằng người ta sẽ nghĩ đến tôi, và chẳng bao lâu nữa tôi sẽ ra khỏi tu viện. Lúc ấy tôi mười sáu tuổi rưỡi. Cha mẹ tôi cho hai chị tôi những món hồi môn lớn, tôi đinh ninh rằng số phận tôi cũng được như các chị. Trong khi đầu óc tôi chan chứa những dự định đẹp đẽ thì có người cho gọi tôi đến phòng tiếp khách của tu viện. Đó là cha Xêraphanh, cha giáo đạo (1) của mẹ tôi. Trước kia, ông cũng là cha

(1) Cha đạo trông nom về phần đức hạnh cho một con chiên (N.D.).

giáo đạo của tôi nên ông không ngần ngại mà cho tôi biết duyên cớ đến thăm tôi: ông đến để khuyên tôi mặc áo tu sĩ. Tôi phản đối đề nghị lạ lùng đó và tuyên bố dứt khoát rằng tôi không thích đời sống tu hành một tí nào. Ông bèn bảo tôi: "Phải chịu vậy thôi, vì cha mẹ cô đã dốc sạch của cải cho hai chị và ta không thấy ông bà còn có thể lo liệu gì cho cô trong tình trạng neo túng hiện nay. Cô hãy suy nghĩ kỹ! Cần phải hoặc ở vĩnh viễn trong nhà tu này, hoặc đi đến một nhà tu nào khác ở tỉnh nhỏ, ở đấy chỉ phải trả một ít tiền nguyệt phí và cô chỉ được ra khỏi nhà tu khi cha mẹ cô đã qua đời, nhưng từ giờ đến lúc ấy có thể là còn lâu đấy...". Tôi chua xót, than thân trách phận, nước mắt chan hòa. Người ta đã nói trước cho bà nhất (1) biết nên bà đợi tôi khi tôi ở phòng tiếp khách về buồng. Lòng tôi rối bời khôn tả. Bà nhất nói với tôi: "Con thân yêu, con làm sao thế? (Thực ra, bà biết việc của tôi rõ hơn tôi nhiều). Sao con đến nỗi thế kia! Chưa bao giờ mẹ thấy có ai tuyệt vọng đến như con, con làm mẹ run cả người. Có phải là con đã mất ông thân hay bà thân không con?" Tôi đã định nép vào lòng bà mà trả lời: "Ôi!.. Giá được như thế...", nhưng rồi tôi chỉ kêu lên: "Chao ôi! Con không có cha cũng không còn mẹ, con là một kẻ bất hạnh bị ghét bỏ, người ta muốn chôn sống con ở đây". Bà để cho tôi tuôn hết nước mắt, chờ lúc tôi bình tâm trở lại. Tôi kể lại rõ ràng hơn cho bà điều mà người ta vừa nói với tôi. Bà tỏ vẻ thương hại, ái ngại cho tôi. Bà khuyến khích tôi không nên chọn một cuộc sống mà tôi không ưa thích. Bà hứa sẽ cầu khẩn, can gián, van xin cho tôi. Chao

(1) Bà cai quản tu viện (N.D.).

ôi! Thưa ông, các bà nhất tu viện mới giảo quyệt làm sao! Ông không thể tưởng tượng được đâu.

Thế rồi quả nhiên bà ta viết thư cho cha mẹ tôi. Bà ta cũng thừa biết là cha mẹ tôi sẽ trả lời như thế nào. Bà ta cho tôi xem những bức thư trả lời ấy. Mãi sau một thời gian khá lâu tôi mới biết nghi ngờ "thiện ý" của bà. Trong khi đó, thời hạn họ dành cho tôi quyết định đã hết. Bà ta đến nói cho tôi biết điều ấy với một vẻ buồn rầu hết sức khéo vờ vĩnh. Trước hết, bà lặng thinh một lát, rồi thốt ra một vài lời xót thương, do đó, tôi đã hiểu hết ý bà. Bà lại vờ tỏ vẻ buồn thảm; sau này, sẽ ít có những cảnh như thế nữa để thuật lại với ông. Biết tự kiềm chế là một nghệ thuật tài tình của các bà nhất. Sau đó, bà bảo tôi, hầu như vừa nói vừa khóc: "Thôi, thế là con sắp rời bỏ mẹ và các chị em ở đây rồi! Con thân mến, chúng ta sẽ không còn thấy mặt nhau nữa!..." và còn nhiều lời khác mà tôi không nghe hết. Tôi ngã vật trên một chiếc ghế; khi thì tôi im lặng, lúc tôi nức nở, khi ngồi yên không nhúc nhích, lúc đứng dậy, khi thì đến tựa vào tường, khi đến than thở trong lòng bà. Tôi đang như thế thì bà nói tiếp: "Mà có một cách này, sao con không làm nhỉ? Con hãy nghe mẹ, nhưng cần nhất là đừng cho ai biết rằng mẹ đã xui con. Mẹ mong con sẽ giữ việc này thật kín, vì nhất định mẹ không muốn để cho người ta có thể trách móc mẹ một điều gì. Cha mẹ con đòi hỏi con gì nào? Đòi con mặc áo nhà tu ư? Được, thế tại sao con lại không mặc? Cái đó bó buộc con gì nào? Không bó buộc gì cả, chẳng qua con chỉ ở lại đây thêm hai năm nữa với mẹ và các chị em con. Việc đời thay đổi không biết đâu là chừng;

hai năm, không phải ít đâu; trong hai năm biết bao việc có thể xảy ra...

Thêm vào những lời phỉnh phờ đó bà ra sức mơn trớn vỗ về, hết lời khẩn khoản tôi tin vào lòng trìu mến của bà đối với tôi và biết bao những lời giả dối ngọt ngào. Bà nói: "Trước kia, mẹ chỉ biết mẹ đang ở đâu chứ không biết người ta sẽ đưa mẹ đến đâu", và tôi bị thuyết phục. Thế là bà ta viết thư cho cha tôi, lời lẽ trong thư thật tốt đẹp: Chao ôi! Không có thể nào tốt đẹp hơn được nữa: bà không giấu giếm một chút nào về những nỗi đau buồn của tôi, những yêu cầu của tôi. Tôi quả quyết với ông rằng một người con gái tinh ý hơn tôi đi nữa chắc cũng bị lầm. Tuy nhiên, cuối thư bà lại nói rằng tôi đã đồng ý. Sau đó, mọi việc được chuẩn bị một cách mau chóng biết chừng nào! Ngày đã định, quần áo đã may, rồi giờ hành lễ đến; bây giờ đây tôi thấy những việc ấy đã xảy ra liên tiếp không hở một chút nào.

Tôi quên nói với ông là hôm ấy tôi có gặp mặt cha mẹ tôi. Tôi đã không từ cách nào để làm cho cha mẹ tôi động tâm, nhưng cha mẹ tôi không hề lay chuyển. Một ông tu viện trưởng tên gọi Bolanh, tiến sĩ thần học ở Xorbon, khuyên dụ tôi và ông giám mục hạt Alep trao áo tu nữ cho tôi. Bản thân nghi lễ ấy vốn đã không vui vẻ gì; buổi lễ ngày hôm đó lại càng buồn thảm. Mặc dù các tu nữ vồn vã quanh tôi để đỡ lấy tôi, nhưng biết bao lần tôi cảm thấy đầu gối tôi bủn rủn, và thấy như sắp ngã trên bục bàn thờ. Tôi không nghe thấy, không trông thấy gì cả, tôi như người mất hồn. Người ta dắt tôi và tôi bước đi, người ta hỏi tôi và người ta trả lời thay tôi. Tuy nhiên, nghi lễ tàn bạo ấy cũng kết thúc. Mọi người ra về còn tôi

thì ở lại giữa đàn chiên. Các tu nữ đã xúm quanh tôi, ôm hôn tôi và nói với nhau: "Hãy xem kìa, cô ấy đẹp biết bao! Vành khăn kia hợp với cô biết mấy! Nó làm cho khuôn mặt cô ta tròn trặn, làm cho đôi má cô ta đầy đặn làm sao! Bộ quần áo làm nổi thêm thân hình và hai cánh tay biết bao!..." Tôi chả buồn nghe, lòng dạ xót xa. Tuy vậy, xin thú thực khi còn lại một mình trong gian buồng con, tôi nhớ lại những lời khen nịnh ấy, tôi không thể không lấy chiếc gương nhỏ ra, soi xem thực hư thế nào; và tôi có cảm tưởng rằng những lời tán tụng của họ không phải hoàn toàn hão huyền. Có những nghi lễ gắn liền với ngày đó; đối với tôi, người ta lại còn bày vẽ thêm, nhưng tôi vẫn dửng dưng và người ta làm ra vẻ tin ngược lại và bảo với tôi như vậy, mặc dầu sự thực rõ ràng là chả phải như thế tí nào.

Tối hôm ấy, sau buổi cầu kinh, bà nhất vào buồng tôi. Sau một lúc ngắm nghía tôi, bà nói: "Mẹ thực không hiểu sao con lại tỏ ra ghê sợ bộ quần áo này đến thế. Nó rất hợp với con, trông con xinh lắm. Xuydan là một tu nữ tuyệt đẹp, và vì thế người ta càng yêu con hơn nữa. Nào, con đi đi xem nào. Con đứng chưa thật thẳng, đứng khom khom như thế!..." Bà sửa lại đầu tóc, bàn chân, bàn tay, thân mình, cánh tay của tôi; thật gần hệt như một bài dạy của Macxen (1) về những cái duyên dáng trong giới tu hành, vì rằng mỗi cảnh đời đều có những cái duyên dáng của nó. Đoạn, bà ngồi xuống và bảo tôi: "khá lắm, nhưng giờ chúng ta nói chuyện đứng đắn một chút. Thế là đã tranh thủ được hai năm; rồi cha mẹ con có thể thay

---

(1) Thầy dạy múa nổi tiếng.

đổi ý định. Chính bản thân con, biết đâu con cũng sẽ muốn ở đây khi ông bà muốn đưa con về nhà, điều ấy không phải là không thể xảy ra được. - Thưa mẹ, xin mẹ đừng tưởng như vậy. - Con ở đây với chúng ta lâu rồi, nhưng con còn chưa hiểu cuộc đời của chúng ta, hẳn là cuộc đời ở đây có những nỗi khổ cực, nhưng cũng có niềm vui...".

Thưa ông, chắc ông cũng thừa đoán được những lời bà ấy nói thêm với tôi về cuộc đời trần tục và cuộc đời tu hành, điều ấy thì ở sách nào chả có và ở đâu cũng một giọng như thế cả thôi. Vì, ơn Chúa, người ta đã cho tôi đọc một mớ hỗn độn những lời bọn tu hành nói về cuộc đời của họ, mà họ biết rõ và chán ghét, chống lại cuộc đời trần tục, mà họ yêu thích nhưng họ lại phỉ báng và không hiểu rõ.

Tôi sẽ không kể lại cho ông biết cặn kẽ về thời kỳ đầu cuộc đời tu hành của tôi. Nếu người ta tuân theo những luật lệ khắc khổ của nó thì không ai có thể chịu được đâu. Tuy nhiên, đó lại là thời kỳ êm dịu nhất trong cuộc đời tu hành. Một bà cả coi sóc những người mới vào tu bao giờ cũng rộng lượng không ai bằng. Công phu của bà ta là làm sao che giấu tất cả những gai góc của cuộc đời tu hành. Đó là khoa quyến rũ tinh vi nhất và khéo léo nhất. Chính bà là người làm cho bóng tối bao quanh ta thêm dày đặc, là người vỗ về, ru ngủ, lừa gạt, mê hoặc ta. Bà cả chúng tôi đặc biệt ân cần săn sóc tôi. Tôi nghĩ khó có ai còn trẻ và thiếu kinh nghiệm lại có thể cưỡng lại cái nghệ thuật tai hại ấy. Cuộc đời có những vực thẳm, nhưng tôi không tưởng tượng được rằng người ta lại rơi xuống đó bằng một con đường dốc dễ dàng đến thế. Hễ có hắt hơi luôn hai cái là tôi đã được miễn đi lễ, được

miễn làm việc, được miễn cầu kinh, tôi được đi ngủ sớm hơn và dậy muộn hơn; tôi không phải tuân theo kỷ luật nữa. Thưa ông, ông thử tưởng tượng có những hôm tôi khát khao mong giờ phút dâng mình cho Chúa. Không có câu chuyện đáng buồn nào ở ngoài đời mà người ta không kể cho nghe, người ta sắp xếp những chuyện thực, dựng đứng lên những chuyện không có, rồi không ngớt lời ca ngợi ơn Chúa đã che chở ta tránh khỏi những chuyện nhục nhã này. Trong lúc ấy, kỳ hạn mà tôi đã có lần nóng lòng mong đợi cũng sắp đến. Tôi đâm ra tư lự, tôi thấy những cảm giác ghê sợ đối với cuộc đời tu hành lại trỗi dậy và tăng lên. Tôi đem thú thật những ý nghĩ ấy với bà nhất hoặc bà cả. Làm phiền những bà ấy ta sẽ bị trả thù một cách đích đáng, vì không nên tưởng các bà ấy thích thú với vai trò giả nhân giả nghĩa mà họ phải đóng và những lời nhảm nhí mà họ bắt buộc phải lặp đi lặp lại mãi với ta. Việc ấy rốt cục làm cho họ chán ngấy và bực mình. Song, các bà cũng không nản, vì việc ấy đem lại nghìn đồng êquy cho nhà tu của họ. Đó là mục đích chính khiến các bà suốt đời luôn luôn dối trá và chuẩn bị cho những thiếu nữ vô tội một nỗi đau khổ trong bốn, năm mươi năm và cũng có thể là một nỗi đau khổ vĩnh viễn. Vì, thưa ông, chắc chắn là trong một trăm nữ tu chết trước năm mươi tuổi thì có vừa đúng trăm người bị đày xuống địa ngục, đó là chưa kể những người trong khi chờ đợi đã phát điên, phát dại hay trở nên hung dữ.

Có một hôm, một nữ tu điên bị nhốt trong buồng kín thoát ra được. Tôi đã trông thấy cô ta. Đó chính là thời kỳ hạnh phúc hay đau khổ của tôi tùy theo, thưa ông, thái độ của ông đối với tôi. Tôi chưa bao giờ thấy có

ai gớm ghiếc, xấu xí đến thế. Đầu tóc cô ta rối bù và cô ta hầu như không còn quần áo; chân kéo lê xích sắt, cặp mắt đờ đẫn. Cô ta bứt tóc, đấm thùm thụp vào ngực; cô ta chạy, la hét, nguyền rủa mình và nguyền rủa kẻ khác bằng những lời độc địa nhất; cô ta tìm một cửa sổ để lao mình xuống. Tôi đâm hoảng, tay chân run lẩy bẩy, tôi thấy số phận tôi trong số phận con người bất hạnh. Ngay lúc ấy tôi thầm quyết định: thà ràng chết đi nghìn lần còn hơn là lâm phải số phận đó. Người ta cảm thấy trước ràng sự việc xảy ra sẽ có ảnh hưởng không tốt đối với tôi và cho rằng cần phải ngăn ngừa điều đó. Thế là người ta kể với tôi không biết bao nhiêu là câu chuyện lố bịch trái ngược nhau về cô tu sĩ: nào là khi mới vào cô đã loạn óc, cô đã bị một phen khiếp sợ trong một thời kỳ khủng hoảng; nào là cô đã hoảng hốt, trông thấy những huyễn tượng, nào là cô tưởng mình giao du với các thiên thần, nào là cô đã đọc những sách hại nên tâm trí bị hư hỏng; nào là cô đã nghe những kẻ sáng lập ra một thứ đạo đức quá ư nghiêm ngặt, làm cho cô khiếp sợ những phán xét của Chúa đến nỗi trí óc đã sẵn lung lay của cô đâm ra hoàn toàn rối loạn; nào là cô chỉ còn thấy có ma quỷ, địa ngục và những vực thẳm hừng hực lửa; nào là họ rất lấy làm khổ sở, vì từ trước đến nay chưa hề nghe nói trong nhà tu này có ai như vậy bao giờ; những chuyện như thế thật không thể nào kể xiết... Những cái trò ấy không có tác dụng gì đối với tôi. Hình ảnh của nữ tu điên ấy cứ lởn vởn trong óc tôi và tôi thề đi thề lại với mình rằng quyết không phát nguyện.

Và đây đã đến lúc xem thử tôi có giữ nổi điều đã tự hứa với mình không. Một buổi sáng, sau khi làm lễ,

tôi thấy bà nhất đến chỗ tôi. Bà cầm một bức thư. Nét mặt bà buồn rầu, ủ rũ; tay bà buông thõng, dường như bàn tay không còn đủ sức nâng bức thư lên; bà nhìn tôi dường như nước mắt lưng tròng, bà lặng im, tôi cũng lặng im; bà chờ tôi nói trước. Tôi cũng muốn nói nhưng kịp ngừng lại. Bà hỏi thăm sức khỏe của tôi thế nào, buổi làm lễ hôm nay có kéo dài quá không; phải chăng tôi húng hắng ho; có lẽ tôi hơi khó ở chăng? Tôi chỉ trả lời: "Thưa mẹ, không". Bà vẫn cầm bức thư trong bàn tay bỏ thõng. Đang hỏi tôi, bà đặt bức thư lên đầu gối, bàn tay bà che lấp một phần bức thư. Cuối cùng, sau khi đã hỏi quanh về cha tôi, về mẹ tôi và thấy rằng tôi không đả động đến mảnh giấy kia, bà bèn nói: "Đây là một bức thư..."

Nghe nói bức thư, tôi cảm thấy trong lòng xáo động. Môi run run, tôi hỏi bà, giọng đứt quãng:

- Có phải thư của mẹ con không?

- Đúng rồi, đây, đọc đi...

Tôi hơi định thần lại, cầm lấy bức thư và đọc, ban đầu có vẻ cũng khá cứng cáp, nhưng càng đọc thì sự khiếp sợ, phẫn uất, giận dữ, oán hờn và những tình cảm khác nữa càng dồn dập đến với tôi. Giọng nói, nét mặt, cử chỉ của tôi thay đổi khác thường: khi thì tôi chỉ cầm hờ bức thư, lúc cầm nó như muốn xé ra, khi thì giận dữ nắm chặt nó như toan vò nát và vứt ra xa.

- Thế nào, con! Chúng ta sẽ trả lời sao đây?

- Thưa bà, bà đã biết đấy.

- Không, mẹ có biết gì đâu. Thời buổi thật khó khăn, gia đình con bị tổn thất nhiều, công việc của các chị con

gặp nhiều ngang trái, cả hai đều đông con. Cha mẹ con đã kiệt quệ vì việc gả chồng cho hai chị con, nay lại khánh kiệt vì giúp đỡ họ. Ông bà không thể gây dựng tí gì cho con được. Con đã mặc áo nhà tu, cha mẹ con cũng đã tốn kém nhiều vì con rồi. Bằng hành động này, con đã làm cho cha mẹ con hy vọng. Ở ngoài người ta đều đã biết tin con sẽ làm lễ tuyên thệ nay mai. Vả lại, con cứ trông vào sự giúp đỡ của mẹ. Mẹ chưa hề dụ dỗ ai đi tu cả, đó là con đường mà Chúa gọi chúng ta đi. Xen lẫn lời mình vào lời Chúa thì thật là nguy hiểm. Nếu lòng con không được ơn Chúa nhủ khuyên thì mẹ cũng không bao giờ đả động đến nó. Cho đến nay mẹ chưa từng phải tự trách mình vì đã làm cho kẻ khác đau khổ. Còn con, người mà mẹ rất yêu quý, chẳng lẽ mẹ lại làm cho con là người đầu tiên chịu đau khổ sao? Mẹ không thể nào quên rằng vì mẹ đã làm con tin phục nên con đã bước những bước đầu tiên và mẹ quyết không để người ta lạm dụng điều này để ràng buộc con ngoài ý nguyện của con. Nào, chúng ta hãy suy nghĩ, cùng nhau bàn bạc. Con đồng ý tuyên thệ không?

- Thưa mẹ, không.

- Chẳng lẽ con lại không cảm thấy thích thú một tí gì về cuộc đời tu hành sao?

- Thưa mẹ, không.

- Con không tuân theo ý định của cha mẹ con sao?

- Thưa mẹ, không.

- Thế con muốn sau này làm gì nào?

- Gì cũng được, chỉ trừ làm nữ tu. Con nhất quyết không làm nữ tu, con sẽ không bao giờ làm nữ tu.

- Thôi được! Con sẽ không làm nữ tu. Nào, chúng ta hãy bàn cách trả lời cho mẹ con đi...

Tôi và bà thỏa thuận với nhau một đôi điều. Bà viết thư và đưa cho tôi xem, lời lẽ trong thư xem ra còn rất tốt. Trong lúc ấy, người ta cho mời cha giáo đạo của tu viện đến để gặp tôi. Ông tiến sĩ thần học giảng đạo trong buổi lễ mặc áo nhà tu cho tôi trước kia cũng được mời đến. Người ta giao tôi cho bà cả trông nom. Tôi gặp ông giám mục hạt Alep. Tôi tranh luận kịch liệt với những nhà mộ đạo, những người đã xen vào công việc riêng của tôi, mặc dù tôi không biết họ là ai. Luôn luôn có những cuộc hội đàm với các vị tu sĩ, giáo sĩ. Cha tôi đến, các chị tôi viết thư cho tôi. Mẹ tôi đến sau cùng: tôi một mực chống lại tất cả. Tuy nhiên, ngày làm lễ tuyên thệ cho tôi đã được định trước. Người ta làm đủ mọi cách để tôi phải ưng thuận, nhưng khi thấy khẩn khoản cũng vô ích, người ta quyết định không cần đến sự đồng ý của tôi nữa.

Từ lúc ấy, tôi bị nhốt trong căn buồng kín. Người ta bắt tôi phải im lặng. Tôi bị tách hẳn mọi người, thui thủi một mình; và tôi thấy rõ là người ta cứ tự ý quyết định số phận của tôi không cần đếm xỉa gì đến tôi nữa. Tôi không muốn cam kết gì cả, tôi đã dứt khoát như thế. Tất cả những lời dọa dẫm hoặc đúng hoặc sai mà người ta không ngớt ném vào mặt tôi cũng không lay chuyển được tôi. Tuy nhiên, tình trạng tôi lúc bấy giờ thật bi đát. Tôi không biết nó kéo dài đến bao giờ, càng không biết một mai nó chấm dứt thì cảnh ngộ của tôi sẽ ra sao. Trong tâm trạng hoang mang đó, tôi quyết định một việc, mà, thưa ông, ông muốn xét đoán thế nào tùy ý. Hồi đó, tôi không được gặp ai nữa, cả bà nhất, bà cả cũng như

các nữ tu khác. Tôi bèn nhờ người báo cho bà nhất, giả vờ như đã gần đồng ý với cha mẹ tôi, nhưng kỳ thực tôi dự định phải làm ầm lên để chấm dứt việc hành hạ này và công khai phản kháng sự cưỡng bức tàn bạo mà người ta đang mưu đồ. Tôi ngỏ ý rằng số phận tôi hoàn toàn tùy thuộc người ta, người ta muốn định đoạt thế nào cũng được, rằng người ta đòi tôi làm lễ tuyên thệ thì tôi sẽ làm. Thế là nỗi vui mừng lan khắp tu viện. Người ta lại vuốt ve nịnh nọt và quyến rũ tôi. Họ nói: "Chúa đã cảm hóa lòng tôi, thật không ai có điều kiện để trở nên hoàn thiện (1) hơn tôi nữa. Điều đó là lẽ dĩ nhiên; từ trước, mọi người vẫn đinh ninh như vậy. Nếu quả không được Chúa thực sự kêu gọi thì không thể nào làm tròn nhiệm vụ một cách nhiệt thành và kiên gan đến thế. Bà cả chưa bao giờ thấy một người học trò nào của bà mà chí hướng biểu lộ rõ rệt hơn. Bà hết sức ngạc nhiên về sự lầm lạc của tôi trước đây, nhưng bà đã luôn luôn nói với bà nhất, là phải kiên trì, những điều ấy sẽ qua thôi, rằng đến các tu nữ ưu tú nhất cũng thường có những thời kỳ như thế nữa là; rằng đó là do quỷ xa tăng cám dỗ, khi biết sắp mất mồi thì nó càng cố sức; rằng tôi sắp thoát khỏi nanh vuốt của nó; rằng từ nay đời tôi chỉ toàn là hạnh phúc; rằng trước kia tôi càng cảm thấy đời sống tu hành nặng nề bó buộc bao nhiêu thì giờ đây tôi lại càng thấy nhẹ nhàng thoải mái bấy nhiêu; rằng cái ách đó đột nhiên nặng trĩu như vậy là một ân huệ của Chúa. Người đã dùng cách ấy để làm cho nó nhẹ đi... Tôi lấy làm kỳ quặc,

(1) Tức trạng thái trong sạch, thần thánh của kẻ tu hành.

vì cùng một chuyện mà khi thì do Chúa, khi thì do ma quỷ làm nên, người ta muốn nói sao cũng được. Có nhiều trường hợp tương tự như thế trong tôn giáo. Thường thường, khi an ủi tôi, người này cho rằng những ý nghĩ của tôi là do quỷ Xa tăng xui giục, người kia lại cho rằng do Chúa đã cảm hóa. Cũng là một điều bất hạnh, nhưng người thì cho rằng do Chúa thử thách, người lại cho rằng do ma quỷ cám dỗ.

Tôi hành động một cách rất kín đáo. Tôi tin rằng tôi có thể tự chủ được. Tôi gặp cha tôi, ông nói với tôi một cách lạnh lùng. Tôi gặp mẹ tôi, bà ôm hôn tôi. Tôi nhận được những bức thư chúc tụng của các chị tôi và của nhiều người khác nữa. Tôi biết rằng ông Xornanh, vị giáo chủ ở Xanh-Rốc, sẽ đọc lời thuyết giáo và ông Tieri, viện trưởng Viện thần học Pari sẽ chấp nhận những lời tuyên thệ của tôi. Cho đến hôm trước ngày quan trọng đó, mọi việc đều tiến hành thuận lợi, trừ một việc: khi tôi được biết là buổi lễ sẽ tiến hành bí mật, rất ít người được mời đến dự và chỉ có bà con thân thuộc của tôi mới được vào nhà thờ thì tôi nhờ chị giao tế (1) mời tất cả những người lân cận, bè bạn nam nữ của tôi đến. Tôi được phép viết thư cho một vài người quen biết. Thế là cả đám người không ai ngờ đó đều đến. Người ta để họ vào và số người dự thêm gần đủ số cần thiết để tôi thực hiện ý định của mình. Chao ôi! Thưa ông tôi thao thức suốt cái đêm trước ngày làm lễ! Tôi không ngủ một chút nào; tôi ngồi trên giường; tôi kêu gọi Chúa đến cứu tôi; tôi giơ hai tay lên

---

(1) Người đi tu nhưng không ở hẳn trong tu viện: giữ việc liên lạc giữa tu viện và bên ngoài. (N.D.).

trời xin Chúa chứng giám sự tàn bạo mà người ta đối xử với tôi. Tôi tưởng tượng đến cảnh diễn ra dưới bàn thờ, một người con gái lớn tiếng chống lại một việc mà dường như nàng đã đồng ý. Tôi tưởng tượng đến sự bất bình của những người dự lễ, sự thất vọng của các tu nữ, sự giận dữ của cha mẹ tôi.

"Lạy Chúa! Rồi con sẽ ra sao?"

Vừa nói thế rồi tôi cảm thấy bủn rủn cả người, tôi ngã lịm trên gối. Sau cơn mê man này tiếp ngay đến một cơn rét run, hai đầu gối đập vào nhau không ngớt, hai hàm răng va nhau cầm cập. Sau đó, tôi lại thấy toàn thân nóng bừng, trí óc rối loạn. Tôi không nhớ là tôi có cởi áo và ra khỏi buồng không, người ta thấy tôi chỉ có manh áo lót che thân nằm sóng sượt dưới đất trước cửa buồng bà nhất, không cử động và hầu như không còn sống nữa. Sau này, tôi mới biết được những việc ấy. Sáng hôm sau, tôi thấy tôi ở trong buồng của mình, xung quanh có bà nhất, bà cả và những người mà người ta gọi là những tu nữ giúp việc. Tôi kiệt sức, người ta hỏi tôi vài câu và qua những câu trả lời của tôi người ta thấy rằng tôi không biết gì về những việc đã xảy ra. Họ cũng chẳng nói gì cho tôi biết. Họ hỏi tôi thấy trong người thế nào, tôi có kiên trì theo quyết định thiêng liêng (1) của mình không và tôi có thấy đủ sức chịu đựng sự mệt nhọc trong ngày hôm nay không. Tôi trả lời là có. Và thế là - trái hẳn với sự chờ đợi của họ - không có gì phải xáo trộn cả.

---

(1) Tức là quyết định làm lễ phát nguyện chính thức (N.D.).

Người ta đã sắp sẵn tất cả từ đêm trước. Người ta đánh chuông để báo cho mọi người biết là sắp đày đọa một con người. Tim tôi vẫn còn đập mạnh. Người ta đến trang sức cho tôi. Ngày hôm đó là một ngày phải ăn mặc cho đẹp. Bây giờ đây nhớ lại tất cả những chi tiết của buổi lễ hôm đó tôi thấy có cái gì long trọng và thật xúc động đối với một cô gái non trẻ khờ dại quyết chí đi tu, không còn tơ tưởng gì khác nữa. Người ta đưa tôi đến nhà thờ và tiến hành lễ thánh: vị chủ giáo tốt bụng cho rằng tôi đã cam chịu một bề - nhưng thực ra thì không phải thế - thuyết tôi một hồi lâu, trong đó không có một lời nào là không lạc điệu. Có cái gì thật buồn cười trong tất cả những điều ông nói về hạnh phúc của tôi, về ân huệ của Chúa, về dũng khí, về lòng hăng hái, nhiệt thành của tôi và về tất cả những tình cảm tốt đẹp mà ông gán cho tôi. Sự trái ngược giữa lời khen của ông đối với việc tôi sắp thi hành làm tôi luống cuống. Cũng có những lúc tôi do dự, nhưng chỉ trong giây phút. Tôi lại càng cảm thấy rõ ràng tôi thiếu tất cả những gì cần phải có để trở thành một tu nữ tốt. Nhưng rồi giờ phút kinh khủng đó cũng đến. Khi phải đi vào chỗ mà tôi sẽ phải đọc lời tuyên thệ, tôi cảm thấy như không còn đủ sức để bước vào. Hai cô bạn tu nữ dìu tôi đi, đầu tôi ngả vào một cô và cứ thế tôi lê bước. Tôi không biết những người dự lễ hôm đó đã nghĩ gì, nhưng họ thấy người ta mang đến bàn thờ một con người bị hy sinh, còn trẻ, sống dở chết dở, và khắp nơi đều có tiếng thở dài, tiếng nức nở, trong đó tôi tin chắc là không có tiếng của cha mẹ tôi. Mọi người đều đứng, có một số thanh niên leo lên ghế và bám vào song sắt. Tất cả đều im phăng phắc khi vị chủ trì buổi lễ hỏi tôi:

- Mari Xuydan Ximônanh, con có hứa là sẽ nói đúng sự thật không?

- Con xin hứa.

- Con đến đây có phải là do con đã hoàn toàn tự nguyện và hoàn toàn theo ý muốn của con không?

Tôi trả lời: "Không", nhưng những tu sĩ đi theo tôi lại trả lời thay tôi: "Vâng".

- Mari Xuydan Ximônanh, con có hứa với Chúa nguyện giữ gìn trinh tiết chịu bần khổ và phục tùng không?

Tôi do dự một lúc, vị giáo sĩ chờ đợi, rồi tôi đáp:

- Thưa cha, không.

Ông lại hỏi:

- Mari Xuydan Ximônanh, con có hứa với Chúa nguyện giữ gìn trinh tiết, chịu bần khổ và phục tùng không?

Tôi trả lời với một giọng cương quyết hơn:

- Không, thưa cha, không.

Ông dừng lại và bảo tôi:

- Con ạ! Con hãy trấn tĩnh và nghe cha nói.

- Thưa cha, - tôi nói, - cha hỏi con có hứa với Chúa nguyện giữ gìn trinh tiết, chịu bần khổ và phục tùng không; con đã nghe rất rõ và con đã trả lời là không...

Và quay sang những người dự buổi lễ hôm ấy, - lúc ấy họ đang xì xào bàn tán, - tôi ra hiệu là tôi muốn nói. Tiếng xì xào vụt im bặt và tôi nói:

- Thưa các ngài, tôi xin các ngài, nhất là xin cha và mẹ làm chứng cho tôi...

Tôi nói tới đó thì một nữ tu rủ tấm màn che hàng song sắt lại và tôi thấy có tiếp tục cũng vô ích. Các tu nữ xúm xít quanh tôi, la rầy, quở mắng tôi túi bụi. Tôi lắng nghe, nhưng không nói một lời. Người ta đưa tôi về buồng và khóa trái cửa lại.

Một mình trong buồng, suy nghĩ miên man, tôi dần dần định thần lại. Tôi nghĩ lại việc vừa làm và không hối hận chút nào. Tôi thấy rằng, sau vụ náo động này, khó lòng mà tôi ở đây lâu được và có thể cha mẹ tôi không dám đưa tôi vào tu viện nữa. Tôi không biết người ta sẽ làm gì tôi, nhưng tôi thấy không có gì tệ hại hơn là bị bắt ép làm nữ tu. Tôi không biết tin tức gì về bất cứ một ai trong thời gian khá lâu. Những người đưa thức ăn vào buồng cho tôi đặt thức ăn xuống đất và lặng lẽ rút lui. Được một tháng, người ta đem cho tôi quần áo thường; tôi cởi trả lại quần áo của tu viện. Bà nhất đến và bảo tôi theo bà. Tôi theo bà ra đến cổng, leo lên chiếc xe ngựa đang chờ sẵn ở đó. Trong xe tôi chỉ thấy có một mình mẹ tôi đang đợi. Tôi ngồi ở đằng trước và xe bắt đầu lăn bánh. Tôi và mẹ tôi ngồi đối diện nhau, một hồi lâu không ai nói với ai một lời. Tôi cúi mặt xuống không dám nhìn mẹ tôi. Tôi không biết lúc đó tôi đang nghĩ gì, nhưng bỗng nhiên tôi ôm chầm lấy chân mẹ tôi, úp mặt trên đầu gối bà. Tôi không nói, chỉ nức nở, nghẹn ngào. Mẹ tôi gạt tôi ra một cách tàn nhẫn. Tôi không chịu đứng dậy, máu trong mũi chảy ra. Tôi cầm lấy bàn tay của mẹ tôi mặc dù bà không thích như vậy. Tôi đặt môi hôn lên bàn tay mẹ tôi đã ướt đẫm nước mắt và máu của tôi và tôi nói:

- Mẹ vẫn luôn luôn là mẹ của con, con vẫn mãi mãi là con của mẹ.

Và mẹ tôi trả lời (vừa nói vừa xô tôi tàn nhẫn hơn nữa và gỡ bàn tay bà ra khỏi tay tôi):

- Ngồi dậy, đồ khốn kiếp, ngồi dậy!

Tôi vâng lời, trở lai ngồi chỗ cũ và kéo khăn trùm xuống che mặt. Giọng mẹ tôi nghiêm nghị đến nỗi làm tôi phải lẩn tránh cặp mắt bà. Nước mắt và máu mũi hòa lẫn vào nhau, chảy dài theo cánh tay, làm người tôi ướt cả mà tôi không biết. Qua một vài lời của mẹ tôi, tôi biết rằng nước mắt và máu của tôi đã làm hoen ố áo ngoài và áo trong của bà và điều đó làm bà bực mình. Hai mẹ con vừa về đến nhà thì người ta dẫn ngay tôi đến một căn buồng nhỏ đã chuẩn bị sẵn sàng. Tôi còn ôm chầm lấy đầu gối mẹ tôi trên cầu thang, tôi nắm áo mẹ tôi để giữ lại và tất cả hiệu quả là làm cho bà quay lại phía tôi, nhìn vào tôi, đầu, miệng, mắt của bà đều biểu lộ vẻ bất bình, mà ông hình dung lấy thì rõ hơn là tôi tả lại.

Tôi bước vào nhà tù mới của tôi, ở sáu tháng trong ấy, ngày nào cũng khẩn khoản xin được nói với mẹ tôi, được đến thăm cha tôi hoặc được viết thư cho cả hai người, nhưng đều vô hiệu. Người ta đem thức ăn đến cho tôi, dọn dẹp chỗ ở của tôi; một người hầu gái dẫn tôi đi đọc kinh ở nhà thờ trong những ngày lễ và khi về thì lại nhốt tôi trong buồng. Tôi đọc sách, tôi làm việc, tôi khóc và cũng có đôi khi tôi hát nữa. Và cứ như thế ngày nọ nối tiếp ngày kia. Một ý nghĩ thầm kín nâng đỡ tôi; tôi sẽ được tự do và số phận của tôi, mặc dù gay go đến thế nào đi nữa, rồi cũng có thể thay đổi. Nhưng người ta đã quyết định tôi phải trở thành tu nữ và tôi trở thành tu nữ thật.

Bấy nhiêu sự tàn nhẫn, bấy nhiêu sự cố chấp của cha mẹ tôi đã xác định hoàn toàn mối ngờ vực của tôi về dòng máu. Tôi chưa hề tìm được lý do nào khác để tha thứ cho cha mẹ tôi. Hiển nhiên là mẹ tôi sợ một ngày kia tôi sẽ nêu lại vấn đề chia của cải, tôi sẽ đòi lại phần gia tài của tôi, đánh lộn sòng con đẻ hoang vào con chính thức. Nhưng cái điều mà trước kia chỉ là phỏng đoán nay sắp trở thành một điều chắc chắn.

Trong khi bị nhốt trong nhà, tôi ít đi lễ ở ngoài. Tuy nhiên, người ta cũng đưa tôi đi xưng tội đêm trước những ngày lễ lớn. Tôi đã nói với ông rằng cha đỡ đầu của mẹ tôi cũng là cha đỡ đầu của tôi. Tôi nói với ông ta, tôi trình bày với ông về tất cả những cái người ta đối xử khắc nghiệt với tôi trong gần ba năm qua. Ông ta cũng biết những việc ấy. Đặc biệt tôi phàn nàn với ông về mẹ tôi với tất cả sự chua xót và giận hờn. Giáo sĩ ấy vào nghề muộn, ông vẫn còn có lòng nhân đạo, ông im lặng nghe tôi và nói:

- Con ạ! Hãy thương hại mẹ con, thương hại hơn là oán trách bà ta, mẹ con vốn có tâm địa tốt, con hãy tin chắc rằng bà đối xử như thế là chuyện cực chẳng đã.

- Cực chẳng đã sao, thưa ông? Ai có thể ép bà phải làm như thế? Chẳng phải bà đã sinh tôi ra hay sao? Và giữa các chị tôi với tôi có gì khác nhau?

- Nhiều lắm.

- Nhiều lắm! Ông nói tôi không hiểu gì cả...

Tôi sắp đem so sánh các chị tôi và tôi thì ông ngắt lời tôi và bảo:

- Cha mẹ con không phải là những người tàn nhẫn. Con hãy cố gắng kiên nhẫn chịu đựng số phận của con và ít ra bằng điều đó con sẽ tỏ ra xứng đáng với Chúa. Cha sẽ nói chuyện với mẹ con và con nên tin chắc rằng cha sẽ sử dụng tất cả uy tín của cha đối với bà để giúp đỡ con...

Tiếng "nhiều lắm" mà ông giáo sĩ đã dùng để trả lời tôi là một tia sáng đối với tôi. Tôi không còn nghi ngờ gì nữa: điều tôi phỏng đoán về dòng máu của tôi là đúng.

Thứ bảy sau, vào lúc năm giờ rưỡi chiều, khi trời vừa tối, người hầu gái lên buồng tôi và nói: "Bà bảo cô mặc quần áo vào..." Một giờ sau, chị ta lại lên và nói: "Bà bảo cô cùng tôi xuống dưới nhà...". Tôi thấy có một chiếc xe đỗ trước cửa, tôi và người hầu gái lên xe; và tôi được biết là chúng tôi đến tu viện Pholăng, có cha Xêraphanh ở đấy. Ông đợi chúng tôi; ông chỉ có một mình. Người hầu gái lui ra, còn tôi thì vào phòng khách. Tôi ngồi, lo lắng và nóng lòng muốn biết ông ta sẽ nói với tôi việc gì. Đây, ông nói với tôi như thế này:

- Con ạ! Con sắp được biết điều bí ẩn vì sao cha mẹ con lại đối đãi với con một cách khắc nghiệt như thế. Cha được phép mẹ con nói cho con rõ. Con khôn ngoan, thông minh, cương nghị. Bây giờ con đã đến tuổi mà người ta có thể cho con biết một điều bí mật, ngay cả khi việc ấy không liên quan gì đến. Lần đầu tiên cha khuyên mẹ con nói ra với con điều mà con sắp biết đây, và đã lâu rồi, nhưng bà chưa bao giờ quyết tâm được. Thật là khổ tâm cho một bà mẹ phải thú nhận một lỗi lầm nặng nề với đứa con của mình. Con biết tính bà đấy: Bà không

thể chịu đựng được nỗi nhục khi phải thú nhận lỗi lầm đó. Bà đã tưởng rằng không cần đến phương sách đó cũng có thể làm cho con tuân theo ý định của bà, nhưng bà đã lầm và bà bực tức. Bây giờ bà mới chịu nghe theo lời khuyên của cha và chính bà đã nhờ cha nói lại với con rằng con không phải là con ông Ximônanh.

Tôi lập tức trả lời:

- Con cũng đã ngờ như thế.

- Con ạ, - ông tiếp, - bây giờ con hãy nghĩ, hãy cân nhắc, hãy phán đoán xem thử, - nếu không được sự đồng ý của cha con, mà dù được sự đồng ý ấy đi nữa, - làm sao mẹ con có thể coi con như những đứa con khác mà con không phải là em ruột; làm sao mẹ con có thể thú nhận với cha con một việc mà cha con đã hết sức nghi ngờ.

- Nhưng, thưa ông, ai là cha đẻ con?

- Con ạ, đó là điều mà người ta không tiết lộ cho cha biết. Có điều chắc chắn là người ta đã chia rất nhiều của cải cho hai chị con, và người ta đã làm tất cả mọi cách để đề phòng, bằng những khế ước hôn thú, bằng cách biến chất tài sản với những khoản quy định rành mạch, bằng những cách giao thác tài sản và trăm nghìn thủ đoạn khác nữa để làm cho phần gia tài của con không còn gì trong trường hợp, một ngày kia, con có thể đưa ra pháp luật để đòi lại. Nếu cha mẹ con mất đi thì phần của con cũng chẳng được là bao. Bây giờ đây con cự tuyệt không vào nhà tu, có lẽ sau này con sẽ hối tiếc.

- Thưa cha, điều đó không đời nào xảy ra, con không đòi hỏi gì cả.

- Con chưa biết thế nào là vất vả, lao lực, bần cùng.

- Ít ra con cũng biết cái giá trị của tự do và cái nặng nề của một cuộc sống không hợp với ý muốn của mình.

- Cha đã nói với con tất cả những điều cần phải nói, bây giờ thì tùy con suy nghĩ lấy.

Nói đoạn, ông đứng dậy.

- Nhưng, thưa cha cho con hỏi một câu nữa. Các chị con có biết điều mà cha vừa nói với con không?

- Không, con ạ.

- Thế tại sao họ lại có thể nỡ lòng tước đoạt cả phần gia tài của đứa em gái của họ? Vì họ vẫn tưởng con là em ruột cơ mà.

- Con ạ, chỉ vì tư lợi! Tư lợi! Nếu không có của, họ đã không vớ được những tấm chồng cự phách thế kia. Trong thời gian này ai cũng nghĩ đến mình cả thôi. Cha khuyên con không nên trông cậy vào hai chị con khi cha mẹ con mất đi. Con nên tin chắc rằng họ sẽ tranh giành với con đến từng đồng xu nhỏ trong cái phần ít ỏi mà con sẽ phải chia với họ. Hai chị con đông con, lý do đó cũng đủ đẩy con vào cảnh ăn xin rồi. Vả lại, hai chị con cũng không thể làm gì được nữa, mọi việc đều do chồng họ quyết định cả. Nếu họ có thương hại con đôi chút thì việc họ lén lút giúp đỡ con sẽ trở thành một nguồn bất hòa trong gia đình. Cha chỉ thấy toàn là những cảnh như thế, hoặc là đứa con bị ruồng bỏ, hoặc là những đứa con, dù là chính thức, được giúp đỡ, đều phương hại đến sự hòa thuận trong gia đình. Với lại, con ạ, miếng ăn xin của kẻ khác thật là khó nuốt. Nếu con tin cha, con nên làm lành

với cha mẹ con, con hãy làm theo lòng mong mỏi của mẹ con, con sẽ đi tu, người ta sẽ cho con một số tiền cấp dưỡng nhỏ, để con sống một cuộc đời, nếu không phải là sung sướng, thì ít ra cũng có thể chịu đựng được. Ngoài ra, cha không giấu con là việc mẹ con có vẻ ruồng bỏ con, cố tình giam giữ con, muốn bắt con trở lại nhà tu, và một việc khác nữa, mà hồi ấy cha đã có biết, giờ đây con không nhớ ra, chính những việc ấy đã gây cho cha con một cảm giác như con: ông đã nghi ngờ về dòng máu của con; bây giờ ông không ngờ nữa, và mặc dầu không được nghe lời thú nhận của mẹ con, ông cũng biết chắc con là con của ông chỉ là chiếu theo luật pháp gán con cái cho người nào mang danh nghĩa là chồng. Con là một người hiền hậu và ngoan ngoãn, con hãy suy nghĩ về những điều cha vừa nói.

Tôi đứng dậy và khóc òa. Tôi thấy chính ông cũng mủi lòng. Ông từ từ ngước mắt nhìn trời và tiễn tôi ra. Tôi gọi người hầu gái đi theo và chúng tôi cùng lên xe về nhà.

Đêm đã khuya. Tôi thao thức nghĩ ngợi về những điều mà người ta vừa nói cho tôi biết; cả ngày hôm sau tôi vẫn còn suy nghĩ điều đó. Tôi không có cha; vì giữ kẽ nên mẹ tôi không còn là mẹ tôi nữa; người ta phòng ngừa bằng đủ cách để tôi không thể nào đòi hỏi gì về quyền lợi của một đứa con hợp pháp; tôi bị giam cầm trong nhà một cách hết sức gắt gao, không còn một hy vọng, một phương kế nào. Lẽ ra, nếu người ta giải thích cho tôi biết sớm hơn, ngay sau khi các chị tôi đã thành gia thất, và cứ để tôi ở nhà, ở đấy vốn có nhiều khách khứa lui tới, thì có lẽ tôi cũng gặp được một người nào đó, coi tính tình, trí tuệ, nhan sắc, tài hoa của tôi là một món hồi môn tạm đủ. Chuyện đó không phải là không còn có thể

được nữa, những việc ầm ĩ ở tu viện làm cho chuyện đó khó xảy ra. Người ta không thể hiểu nổi làm sao một cô gái mười bảy, mười tám tuổi có thể đi đến cái nước ấy, trừ phi cô ta có một tính cương nghị khác thường. Đàn ông rất ca ngợi đức tính đó, nhưng tôi cảm thấy rằng khi kén vợ, họ sẵn sàng không cần đến nó. Tuy vậy, đó cũng là một phương kế, nên tính đến trước khi tìm một cách khác. Tôi quyết định thổ lộ với mẹ tôi. Tôi xin gặp bà và được bà cho gặp.

Lúc ấy vào mùa đông. Mẹ tôi ngồi trong chiếc ghế bành trước lò sưởi. Vẻ mặt bà nghiêm nghị, mắt nhìn đăm đăm, nét mặt im lìm. Tôi lại gần, quỳ dưới chân bà và xin bà tha thứ cho tôi về tất cả những lỗi lầm mà tôi đã mắc phải. Mẹ tôi nói:

- Mẹ sẽ tha thứ cho con nếu bây giờ đây con tỏ ra đáng được tha thứ. Con hãy đứng dậy. Cha con không có ở nhà. Con có đủ thời giờ để nói rõ ý của con. Con đã gặp cha Xêraphanh, con đã biết con là ai, và cũng biết con có thể trông mong gì ở mẹ, nếu như ý định của con phải là bắt tội mẹ suốt đời vì một lỗi lầm mà mẹ đã chịu trừng phạt quá nhiều rồi. Thế nào? Vậy con muốn mẹ làm gì nào? Con đã quyết định như thế nào rồi?

- Thưa mẹ, - tôi trả lời, - con biết con không có gì cả và không được đòi hỏi gì cả. Con thật không có ý muốn làm cho mẹ thêm phiền não, bất cứ là vì lẽ gì. Nếu như mẹ cho con biết sớm hơn một vài việc mà con khó lòng phỏng đoán được thì có lẽ mẹ đã thấy rằng con biết tuân theo ý mẹ hơn. Nhưng bây giờ con cũng đã biết, con biết con là con ai, và con chỉ còn cách ăn ở thế nào cho hợp

với tình cảnh của con. Con không lấy làm ngạc nhiên về những cách đối xử phân biệt giữa con và các chị con nữa. Con thừa nhận như thế là đúng, con đành lòng cam chịu như vậy, nhưng con vẫn là con của mẹ. Mẹ đã mang nặng để đau và con hy vọng mẹ không bao giờ quên điều ấy.

- Mẹ có thể nhìn nhận con đến mức độ nào thì mẹ đã làm đến đấy, nếu mẹ nói sai, trời hại mẹ.

- Thưa mẹ, thế mẹ hãy trả lại cho con cái quyền được mẹ thương yêu, trả lại cho con cái quyền được sống bên mẹ, trả lại cho con cái quyền được hưởng sự âu yếm của người vẫn tưởng mình là cha của con.

- Có lẽ ông ấy cũng gần biết về dòng máu của con chả kém gì mẹ và con đâu. Chưa bao giờ mẹ trông thấy con ở bên ông ấy mà không nghe thấy những lời rỉa rói của ông, ông ấy rỉa rói mẹ cũng cay nghiệt như với con, con đừng hy vọng ở ông ấy những tình cảm của một người cha âu yếm. Và mẹ có nên thú thật với con điều này không? Con làm cho mẹ nhớ đến sự lừa đối, sự phụ bạc đáng căm giận của người khác, đến nỗi cứ nghĩ đến là mẹ không thể chịu được, người ấy luôn luôn hiện ra giữa mẹ và con, hắn ruồng rẫy mẹ, mẹ căm ghét hắn và lòng căm ghét ấy truyền sang con.

- Sao? Chẳng lẽ con không thể hy vọng rằng mẹ và ông Ximônanh đối đãi với con như một người dưng, một người không quen biết nào đó được nuôi dưỡng vì lòng nhân từ sao?

- Việc ấy không thể được, đối với mẹ cũng như với ông ấy. Con ạ, con đừng làm cho đời mẹ đau khổ lâu hơn nữa. Nếu không có các chị con, mẹ thừa biết mẹ phải làm

gì, nhưng con lại có hai chị và cả hai đều đông con. Đã từ lâu cái tình cảm nâng đỡ mẹ đã tắt và lương tâm đã trở lại làm chủ.

- Nhưng còn người sinh ra con...

- Hắn không còn nữa, hắn đã chết không nhớ gì đến con và đó là việc nhỏ nhất trong những tội bạc ác của hắn...

Nói đến đó, mẹ tôi biến sắc, cặp mắt bừng bừng, vẻ mặt hầm hầm vì giận dữ. Bà muốn nói, nhưng đôi môi run rẩy, lắp bắp không nên lời. Bà ngồi úp mặt vào hai bàn tay để giấu không cho tôi thấy những xúc động mãnh liệt trong lòng bà. Bà ngồi như thế một lát rồi đứng dậy, đi vài vòng xung quanh phòng, không nói một lời, nước mắt ứa ra, nhưng bà cố dằn lại và nói:

- Đồ quái vật! Thiếu chút nữa hắn đã bóp chết con trong bụng mẹ, với tất cả những điều đau khổ mà hắn đã gây ra cho mẹ. Nhưng Chúa đã giữ gìn cả mẹ lẫn con để cho mẹ nuôi con mà đền tội. Con ạ, con không có gì cả, con sẽ không bao giờ có gì cả, cho con được chút gì là mẹ lấy của hai chị con. Đó là hậu quả của một phút yếu đuối. Song, mẹ hy vọng rằng mẹ sẽ không ân hận gì khi mẹ chết; mẹ sẽ tiết kiệm để dành dụm cho con một số tiền hồi môn. Mẹ không hề lợi dụng sự dễ dãi của chồng, nhưng thỉnh thoảng ông ta cũng tỏ ra rộng rãi; do đó, ngày nào mẹ cũng để ra được một ít. Mẹ đã bán hết đồ trang sức của mẹ và được ông đồng ý cho mẹ tùy tiện sử dụng món tiền ấy. Trước kia, mẹ thích đánh bạc, nhưng bây giờ mẹ không chơi nữa; mẹ thích xem hát, nhưng mẹ đã không đi, mẹ thích giao du, nhưng mẹ đã sống biệt tích, mẹ thích

ăn diện, nhưng mẹ đã từ bỏ cả. Nếu con đi tu theo ý muốn của mẹ và cũng là của ông Ximônanh thì tiền hồi môn cho con sẽ là số tiền mẹ trích vào phần của mẹ hàng ngày.

- Nhưng, thưa mẹ, ở nhà ta cũng còn vài người tử tế lui tới; cũng có thể có người nào đó vừa ý về con và không đòi hỏi ngay cả món tiền mà mẹ đã dành dụm để gây dựng cho con.

- Bây giờ thì đừng có hòng gì nữa. Cái việc ầm ĩ con làm hôm trước đã hại con.

- Không có cách nào cứu vãn nữa sao?

- Không có cách nào.

- Nhưng nếu con không tìm được một người chồng thì có nhất thiết con phải tự nhốt mình trong tu viện không?

- Trừ phi con muốn làm cho mẹ đau khổ và hối hận cho đến khi nhắm mắt. Rồi cũng sẽ đến lúc ấy, nhưng đến lúc khủng khiếp đó, các chị con sẽ ở bên giường mẹ: con thử nghĩ mẹ có thể nào thấy con cùng đứng với các chị con; sự có mặt của con trong những giây phút cuối cùng ấy sẽ làm cho mẹ đau khổ biết chừng nào! Con ạ, mặc dù mẹ không muốn, nhưng con vẫn là con của mẹ; các chị con mang một cái tên theo luật pháp, còn con thì lại mang tên ấy do tội lỗi; con đừng làm buồn phiền một người mẹ sắp thở hơi cuối cùng. Hãy để cho người ấy yên tĩnh mà xuống mồ. Hãy để cho mẹ, khi sắp đứng trước Chúa anh minh, có thể tự nhủ rằng đã cố hết sức để sửa chữa các lỗi lầm và để cho mẹ có thể hy vọng, sau khi chết, con sẽ không làm việc rắc rối trong gia đình và không đòi hưởng những quyền lợi mà con không có.

- Thưa mẹ về việc ấy mẹ cứ yên tâm; mẹ cho mời một luật gia và yêu cầu ông ta thảo ra một tờ cam đoan từ bỏ quyền thừa kế và con sẽ tuân theo ý muốn của mẹ.

- Điều đó không thể được, vì con không tự mình tước quyền thừa kế, trừ phi bố mẹ, vì giận con với lý do chính đáng, mới trừng phạt con như thế được. Nếu ngày mai Chúa gọi mẹ về hầu Người thì mẹ cũng phải đi đến phương sách cuối cùng đó. Mẹ sẽ nói với ông Ximônanh để cùng thi hành những biện pháp chung. Con đừng bắt mẹ nói ra một việc làm cho mẹ trở thành một người đáng căm giận đối với chồng và gây ra những hậu quả làm cho con nhơ nhuốc. Nếu con còn sống, sau khi mẹ đã qua đời rồi, con sẽ sống không tên tuổi, không của cải, không nghề nghiệp. Thật khốn khổ! Hãy nói cho mẹ biết con sẽ làm gì? Con muốn mẹ mang theo xuống mồ những ý nghĩ gì? Phải chăng mẹ phải nói với cha con... Mẹ sẽ nói gì đây với ông ta? Nói rằng con không phải là con của ông ta!... Con ơi, nếu chỉ cần quỳ gối dưới chân con để được con... nhưng không, con không cảm thấy gì cả; con cũng có trái tim sắt đá như cha con.

Vừa lúc ấy ông Ximônanh bước vào; ông thấy vợ ông có vẻ rối loạn; ông vốn yêu bà, tính lại hay nổi nóng; ông đứng sững lại, quắc mắt ngoảnh nhìn tôi và nói:

- Đi ra!

Nếu ông là cha đẻ tôi thì tôi không vâng lời đâu, nhưng ông không phải là cha đẻ tôi.

Quay lại người hầu đang cầm đèn soi đường cho tôi, ông tiếp:

- Bảo nó đừng trở lại đây nữa.

Tôi lại chui vào nhà tù nhỏ bé của tôi. Tôi nghĩ đến những điều mẹ tôi nói với tôi; tôi quỳ xuống; tôi cầu Chúa soi sáng cho lòng tôi; tôi cầu nguyện hồi lâu, cúi mặt sát đất. Thường người ta chỉ cầu trời phán bảo khi tự mình không còn biết xử trí cách nào cả và ít khi trời lại khuyên ta không nên vâng lời. Và tôi đã quyết định vâng lời. Người ta muốn tôi trở thành tu sĩ, cũng có thể đó là ý muốn của Chúa. Được! Tôi sẽ trở thành tu sĩ nếu dù sao tôi cũng phải chịu đau khổ thì đau khổ ở đâu mà chả thế! Tôi dặn người hầu khi nào cha tôi đi vắng thì báo cho tôi biết. Ngay ngày hôm sau, tôi xin được nói chuyện với mẹ tôi. Bà cho người trả lời với tôi rằng bà đã hứa với ông Ximônanh là không gặp tôi nữa, nhưng tôi có thể dùng chiếc bút chì mà người ta đưa cho tôi để viết cho bà. Thế là tôi viết trên một mảnh giấy (mảnh giấy tai hại ấy sau này người ta tìm thấy nó và triệt để lợi dụng để chống lại tôi): "Thưa mẹ, con lấy làm hối tiếc về những buồn phiền mà con đã gây ra cho mẹ; con xin lỗi mẹ: con có ý định chấm dứt những buồn phiền ấy. Mẹ hãy ra lệnh cho con làm bất cứ việc gì: nếu ý của mẹ muốn con đi tu thì con mong rằng đó cũng chính là ý muốn của Chúa..."

Chị hầu đem mảnh giấy ấy đến cho mẹ tôi. Một lát sau, chị ta lên buồng tôi và nói với tôi, lòng tràn ngập vui sướng: "Cô ạ, chỉ cần một tiếng thôi là có thể làm cho cha cô, mẹ cô và cả cô nữa được hạnh phúc, thế sao cô lại trì hoãn mãi không nói ra? Vì cô mà lâu nay ông bà cứ bất hòa mãi. Hôm nay, ông bà có một vẻ mặt mà tôi chưa từng thấy từ khi tôi ở nhà này. Lạy Chúa! Từ nay về sau, tôi sẽ không phải trông thấy cảnh bất hòa kia nữa..."

Trong khi chị hầu nói, tôi nghĩ rằng tôi vừa ký vào bản án tử hình của mình và, thưa ông, linh cảm ấy sẽ thành sự thật nếu ông không cứu vớt tôi.

Vài ngày trôi qua, tôi chẳng nghe thấy nói năng gì cả: nhưng một buổi mai kia, vào lúc chín giờ, cánh cửa buồng tôi thình lình mở ra; ông Ximônanh bước vào, mình mặc áo ngủ, đầu đội mũ ngủ. Từ khi tôi biết ông không phải là cha tôi, sự có mặt của ông chỉ làm cho tôi sợ hãi. Tôi đứng dậy, nghiêng mình chào. Hình như tôi có hai trái tim: tôi không thể nghĩ đến mẹ tôi mà không xúc động, mà không muốn khóc; nhưng đối với ông Ximônanh thì lại không thế. Một người cha bao giờ cũng gợi lên một tình cảm mà ta không có đối với bất kỳ một ai khác ở đời; người ta không cảm thấy được điều đó nếu không như tôi đang phải đối diện với người từ lâu đã mang cái danh nghĩa thiêng liêng ấy, nhưng bây giờ không còn nữa. Người khác sẽ không bao giờ biết được điều đó. Đứng trước ông hình như tôi là một người khác, không giống như khi đứng trước mẹ tôi. Ông bảo tôi:

- Xuydan, con nhận ra mảnh giấy này chứ?

- Thưa vâng.

- Không ai bắt buộc con viết mảnh giấy ấy chứ?

- Con có thể nói rằng: vâng.

- Ít ra con cũng quyết tâm thực hiện điều mà con hứa chứ?

- Con quyết tâm.

- Con chọn tu viện nào?

- Không cần thiết, đối với con tu viện nào cũng thế.

- Được.

Tôi đã trả lời như thế đấy; nhưng khốn thay điều ấy lại không viết ra. Trong vòng nửa tháng sau tôi không biết gì về những việc xảy ra. Tuồng như trong thời gian ấy cha mẹ tôi đã đi hỏi nhiều tu viện, nhưng ở đâu người ta cũng không muốn nhận tôi: việc tôi làm ầm ĩ chuyến trước đã ngăn trở người ta tiếp nhận lời thỉnh cầu vào tu viện của tôi. Ở tu viện Lôngsăng (1) thì hơi dễ dàng hơn; có lẽ ở đấy người ta nghe phong thanh là tôi đàn hát hay. Cha mẹ tôi thêu dệt ra rất nhiều khó khăn trong việc xin cho tôi vào tu viện và cho rằng việc tôi được chấp nhận là một ân huệ đối với tôi. Cha mẹ tôi còn buộc tôi viết đơn cho bà nhất nữa kia. Tôi không cảm thấy được những hậu quả của chứng từ mà cha mẹ tôi bắt tôi viết, rõ ràng ông bà sợ rằng một ngày kia tôi lại thủ tiêu lời phát nguyện; cha mẹ tôi muốn có một giấy chứng thực, do chính tay tôi viết ra, tỏ rằng ý muốn của tôi là hoàn toàn tự nguyện. Nếu không phải vì lý do đó thì làm sao bức thư ấy, lẽ ra phải nằm trong tay bà nhất, nhưng sau lại chuyển vào tay hai anh rể tôi. Nhưng thôi, hãy bỏ qua việc đó. Nó gợi cho tôi hình ảnh ông Ximônanh mà tôi không muốn nhìn thấy ông ta như vậy: hiện giờ ông cũng không còn nữa.

Tôi được dẫn đến nhà tu Lôngsăng, mẹ tôi cùng đi với tôi. Tôi đã không xin đến từ biệt ông Ximônanh; thú thật, khi đi đường tôi mới nhớ đến việc ấy. Người ta đợi tôi ở tu viện. Người ta đã báo trước chuyện cũ của tôi và cả tài năng của tôi, nhưng tu viện ấy lại không chú ý gì

(1) Tu viện nổi tiếng phồn hoa.

đến chuyện cũ mà chỉ nóng lòng xem thử việc kiếm được tôi có bõ không. Sau khi đã nói với tôi những chuyện đâu đâu - vì sau những việc đã xảy ra, chắc ông cũng biết rằng người ta không còn nói với tôi về Chúa, về chí hướng, về đường đời nguy hiểm, về cuộc sống tu hành êm dịu, hơn nữa, cũng không dám nhắc với tôi một lời về những điều nhạt nhẽo, vô vị, thường dùng để khuyên nhủ một nữ tu mới đến dốc lòng theo đạo - thì bà nhất nói: "Con biết âm nhạc, con biết hát; chúng ta có đàn phong cầm; nếu con muốn, chúng ta sẽ đi vào phòng khách..."

Tôi thấy lòng thắt lại, nhưng không phải lúc để tỏ nỗi ghê tởm của mình. Mẹ tôi đi trước, tôi theo sau, tiếp theo là bà nhất và một vài nữ tu, vì tò mò nên cũng đi theo. Trời đã tối, người ta đem nến lại cho tôi. Tôi ngồi vào trước đàn phong cầm, tôi thử đàn hồi lâu; những bài nhạc trước kia thì đầy rẫy trong óc mà bây giờ tôi không nhớ lấy được một bài. Nhưng bà nhất giục tôi và tôi hát theo thói quen, chẳng chú ý gì, vì bài hát đã quá quen thuộc với tôi: *Những trang trí chán ngắt, những cây đuốc nhợt nhạt, một ngày thê lương hơn cả bóng tối*, (1), v.v... Tôi không biết là bái hát ấy đã gây nên ảnh hưởng gì, nhưng người ta không nghe lâu họ cắt ngang bài hát bằng những lời khen ngợi, đến nỗi tôi lấy làm ngạc nhiên sao tôi lại được khen một cách mau chóng và dễ dàng đến thế. Mẹ tôi trao tôi cho bà nhất, đưa tay cho tôi hôn và trở về nhà.

---

(1) Bài hát của Têlaiơ, trong vở nhạc kịch *"Caxlo và Pônllúyt"* của Rămô, nhà soạn nhạc Pháp nổi tiếng thế kỷ XVIII.

Thế là tôi ở trong tu viện khác, làm một tu nữ thỉnh nguyện với tất cả vẻ bề ngoài dường như hoàn toàn tự ý thỉnh nguyện. Nhưng, thưa ông, ông là người đã biết tất cả những việc xảy ra từ trước đến nay, ông nghĩ như thế nào? Phần nhiều những sự việc ấy tôi đã không viện ra khi tôi muốn thủ tiêu lời phát nguyện, vì rằng một số sự việc không có gì làm chứng có chắc chắn, còn một số khác thì đưa ra chẳng ích gì mà lại có thể làm cho tôi thành người khả ố. Người ta sẽ thấy tôi chỉ là một đứa con hư hỏng, đã bêu xấu cha mẹ để được tự do. Người ta có đủ chứng cớ về cái *sai* của tôi, còn những chứng cớ về cái *đúng* thì lại không thể nào được trần tình, được bày tỏ. Tôi không muốn người ta nói xa nói gần với mấy ông quan tòa điều ngờ vực về dòng máu của tôi. Một vài người, chưa nắm được luật pháp, khuyên tôi nên tố cáo cha đỡ đầu của mẹ tôi và của tôi trong vụ kiện. Việc ấy không thể được, và cho rằng có được đi nữa thì tôi cũng không làm.

Lại còn một việc mà tôi sợ quên mất và sợ rằng nhiệt tình của ông muốn giúp đỡ tôi làm cho ông không nghĩ đến: tôi thiết tưởng - trừ phi ông có ý gì hay hơn - việc tôi biết chơi nhạc và biết chơi phong cầm phải được giữ thật kín, vì chỉ một việc ấy cũng đủ làm lộ tung tích của tôi. Tôi đang tìm một cuộc sống ẩn dật và yên thân nên việc phô trương những tài năng ấy không thích hợp chút nào. Những người con gái sống trong hoàn cảnh như tôi không biết những trò ấy và tôi cũng nên tỏ ra là không biết. Nếu tôi bị bắt buộc phải đi ra nước ngoài, tôi sẽ dùng những tài năng ấy để sinh nhai. Đi ra nước ngoài! Nhưng, thưa ông, tại sao ý nghĩ ấy lại làm tôi sợ hãi? Vì rằng tôi không biết đi đâu, tôi còn trẻ và không có kinh

nghiệm, vì rằng tôi sợ cảnh nghèo khổ, sợ bọn đàn ông và những thói xấu xa, vì rằng tôi đã luôn luôn sống giam hãm và nếu tôi rời khỏi Pari, tôi sẽ tưởng như mình lạc lõng, bơ vơ. Tất cả những điều ấy có lẽ không đúng lắm, nhưng tôi cảm thấy như thế. Thưa ông, tôi không biết đi đâu, cũng không biết sẽ làm gì, cái đó tùy thuộc ở ông.

Ở tu viện Lôngsăng, cũng như phần lớn các tu viện khác, cứ ba năm thay một bà nhất. Khi tôi vào tu viện thì bà Đơ Môni là người mới đến nhận chức. Thưa ông, dù tôi có nói tốt cho bà đến thế nào cũng không có gì quá đáng, song chính lòng tốt ấy lại làm hại tôi. Bà là một người nhiều xúc cảm, hiểu được trái tim con người. Bà có lượng khoan dung, mặc dù không ai cần đến nó mấy. Tất cả chúng tôi là con gái của bà; bà chỉ để ý đến những lỗi lầm nào mà bà không thể không trông thấy, hoặc những lỗi lầm quan trọng đến nỗi không thể nhắm mắt làm ngơ. Tôi nói điều ấy thật vô tư, vì rằng tôi làm nhiệm vụ một cách nghiêm túc và có lẽ bà phải công nhận rằng tôi không mắc một lỗi nào để bà phải phạt hoặc tha thứ. Nếu bà có yêu mến riêng ai thì cũng hoàn toàn vì những đức tính của người ấy. Sau khi đã viết như thế không biết tôi có nên nói với ông rằng bà rất yêu tôi và trong số những con cưng của bà tôi không phải là người cuối cùng. Tôi biết rằng như thế là tôi đã tự khen quá nhiều, nhiều hơn là ông có thể tưởng tượng, vì ông chưa quen biết bà. Danh từ con cưng là do các tu nữ khác vì ganh tị mà đặt cho những ai được bà nhất yêu mến hơn. Có lẽ bà Đơ Môni chỉ có một nhược điểm mà tôi có thể trách cứ: bà ưa chuộng đức hạnh, tín tâm, tính trung thực, nét dịu dàng, tài năng và tính ngay thẳng; nhưng bà bộc lộ thiên tướng

của mình quá rõ ràng, mặc dù bà biết rằng điều đó làm cho số tu nữ không thể có những đức tính đó càng thêm tủi lòng. Bà có một năng khiếu, có lẽ năng khiếu ấy thường có trong nhà tu hơn là ngoài cuộc đời: phân biệt rất nhạy ai tốt ai xấu. Thật hiếm có một tu nữ nào buổi đầu bà không thích mà sau này lại được bà ưa chuộng. Bà tỏ ra yêu mến tôi ngay khi tôi mới đến và tôi cảm thấy hoàn toàn tin cậy ở bà. Rủi cho những chị em nào không chịu tin cậy bà ngay! Tất nhiên, họ là những người xấu nết, bất tài và chính họ cũng nhận thấy như thế. Bà hỏi chuyện tôi về những năm ở tu viện Xanhtơ Mari. Với bà, tôi kể lại không giấu giếm điều gì, cũng như đối với ông. Tôi nói với bà tất cả những điều tôi vừa viết cho ông, cả vấn đề dòng dõi của tôi, cũng như tất cả những đau khổ của tôi, tôi nói hết không bỏ sót điều gì. Bà ái ngại cho tôi, an ủi tôi, làm cho tôi hy vọng ở một tương lai êm dịu hơn.

Thời kỳ dự bị sắp hết, đã đến lúc phải mặc áo nhà tu và tôi đã mặc. Thời gian tập sự của tôi cũng không đến nỗi chán lắm. Hai năm ấy trôi qua nhanh chóng, vì không có gì làm tôi buồn bã, ngoài ý nghĩ âm thầm rằng tôi cứ từng bước, từng bước, dấn thân vào một cuộc sống không thích hợp với tôi chút nào. Đôi khi ý nghĩ đó trở lại rất mãnh liệt, những lúc ấy tôi chạy đến bà nhất tốt bụng của tôi. Bà ôm hôn tôi, cởi mở linh hồn cho tôi, phân tích một cách đanh thép các lý lẽ của bà và bao giờ, cuối cùng, bà cũng bảo tôi: "Thế còn những cuộc sống khác há lại không có gai góc sao? Người ta chỉ thấy những gai góc trong cuộc sống của mình thôi. Con ạ. Chúng ta hãy quỳ xuống và cầu nguyện...".

Bà quỳ xuống và cất cao giọng cầu nguyện, nghe uyển chuyển, hùng hồn, dịu dàng, cao siêu và mãnh liệt biết bao đến nỗi tưởng chừng như có Thánh linh soi lòng. Bà có những ý nghĩ, những lời nói, những hình ảnh thấm tận vào đáy lòng. Ban đầu người ta nghe cầu nguyện, nhưng dần bị lôi cuốn theo, hòa hợp với bà làm một: tâm hồn rung động và người ta cũng cảm thấy niềm hân hoan như bà. Bà không có dụng ý quyến rũ lòng người, nhưng rõ ràng là bà đã thực sự quyến rũ: mỗi lần, từ phòng bà đi ra, người ta cảm thấy lòng đầy nhiệt tình, nét mặt lộ rõ niềm phấn khởi. Thế rồi người ta rơi những giọt nước mắt êm dịu làm sao! Đó cũng là một ấn tượng chính bà cảm thấy, chính bà ấp ủ rất lâu và người khác không quên được. Không phải chỉ riêng tôi mà các chị em tu nữ đều cảm thấy như thế. Một vài người còn nói với tôi là họ cảm thấy sự cần thiết được an ủi cũng như cần thiết được hưởng một niềm vui sướng lớn lao. Tôi tin rằng chỉ cần quen quen một ít nữa thì tôi cũng cảm thấy như thế.

Càng đến gần ngày lễ tuyên thệ tôi lại càng cảm thấy một nỗi buồn sâu sắc khiến bà nhất hiền hậu của tôi phải trải qua những thử thách gay go. Bà thấy không còn khả năng để khuyên dỗ tôi nữa và bà đã thú thật với tôi điều đó. Bà nói:

- Mẹ không hiểu trong lòng mẹ có điều gì, hình như khi con đến thì Chúa lại lánh đi và tiếng nói anh linh của Người cũng im bặt. Mẹ đã tự cổ vũ mình, suy nghĩ nhiều, cố khích lệ tâm hồn mình nhưng đều vô hiệu, mẹ cảm thấy mẹ là một người đàn bà tầm thường và thô thiển; mẹ sợ nói...

- Chao ôi! Mẹ thân yêu, - tôi nói, - mối linh cảm lạ lùng! Nếu thực là Chúa đã khiến cho mẹ nói chẳng nên lời!...

Một hôm, tôi cảm thấy lo lắng và thất vọng hơn bao giờ hết; tôi liền vào buồng bà. Thấy tôi vào, lúc đầu bà sững sờ; trong cặp mắt tôi, trong cả con người tôi, bà trông thấy rõ ràng là bầu tâm sự sâu sắc tôi đang mang trong lòng vượt quá sức cảm hóa của bà. Bà không muốn chiến đấu khi không nắm chắc được phần thắng lợi. Tuy nhiên, bà vẫn nói chuyện với tôi và dần dần trở lại sôi nổi. Càng thấy tôi bớt đau khổ, nhiệt tình của bà lại càng tăng. Bỗng bà quỳ xuống và tôi quỳ theo bà. Tôi tưởng sắp được chia sẻ niềm hân hoan với bà, tôi mong được như thế. Bà lẩm bẩm vài lời, rồi bỗng bà im bặt. Tôi chờ đợi vô ích: bà không thốt ra lời nào nữa, bà đứng dậy, khóc òa, cầm tay tôi và ôm tôi vào lòng: "Chao ôi! Con yêu quý của mẹ, - bà nói, - con đã làm cho mẹ đau khổ biết chừng nào! Thế là xong, Chúa anh linh đã đi rồi, mẹ cảm thấy như thế; thôi, để Chúa trực tiếp nói với con, vì Chúa không muốn để con nghe Chúa qua lời mẹ...".

Thực ra, tôi không biết bà đã nghĩ gì. Có phải vì tôi mà bà đã nghi ngờ về khả năng của mình, một mối nghi ngờ khó tiêu tan. Có phải là do tôi đã làm cho bà nhu nhược hay chính tôi đã thực sự cắt đứt mối giao cảm giữa bà với Chúa? Có điều là bà không còn khả năng để an ủi tôi nữa. Đêm trước ngày lễ tuyên thệ, tôi đến thăm bà; bà cũng buồn bã như tôi. Tôi khóc và bà cũng khóc; tôi quỳ dưới chân bà, bà cầu phúc cho tôi, nâng tôi dậy, ôm hôn tôi và sau khi bảo tôi đi ra, bà nói: "Mẹ đã chán sống rồi, mẹ mong được chết, mẹ đã xin Chúa đừng cho mẹ thấy cái ngày ấy, nhưng đó không phải là ý muốn của

Chúa. Thôi, mẹ sẽ nói với mẹ đẻ của con. mẹ sẽ thức suốt đêm để cầu nguyện, và con, con cũng cầu nguyện đi; nhưng giờ đây thì con hãy đi ngủ, mẹ ra lệnh cho con đó".

- Thưa mẹ, mẹ cho con cùng cầu nguyện với mẹ.

- Mẹ chỉ cho con cầu nguyện từ chín giờ đến mười một giờ, không được hơn nữa. Đến chín giờ rưỡi, mẹ sẽ bắt đầu cầu nguyện và con cũng thế; nhưng đến mười một giờ, con sẽ để một mình mẹ, còn con thì đi ngủ. Thôi, con thân yêu, mẹ sẽ thức để cầu nguyện Chúa suốt đêm.

Bà muốn cầu nguyện, nhưng bà không thể cầu nguyện được. Khi tôi ngủ, người đàn bà thánh đức ấy đi vào các hành lang; gõ từng cửa một, đánh thức các tu nữ dậy và bảo họ yên lặng đi xuống nhà thờ. Mọi người tụ tập ở đấy và khi dã đông đủ bà bảo họ cầu nguyện trong yên lặng, đoạn bà tắt đèn; mọi người cùng đọc bài thánh thi *Miserere* (1), trừ bà nhất đang quỳ dưới chân bàn thờ, tự hành hạ mình một cách tàn nhẫn và nói: "Lạy Chúa! Nếu có phải vì con mắc lỗi lầm mà Chúa xa lánh con thì xin Chúa hãy tha thứ cho con. Con không xin Chúa trả lại cho con cái khả năng mà Chúa đã tước đi, nhưng xin Chúa hãy đoái hoài tới cô bé vô tội, giờ đây đang ngủ, trong khi con đang vì cô ta mà cầu Chúa ở đây. Xin Chúa hãy nói với cô bé ấy, nói với cha mẹ cô bé ấy và tha thứ cho con"

Sáng hôm sau, bà vào buồng tôi rất sớm mà tôi không nghe thấy gì cả; tôi chưa thức dậy. Bà ngồi cạnh giường tôi, đặt nhẹ bàn tay lên trán tôi. Bà nhìn tôi, nét

---

(1) Chữ latinh có nghĩa là thương hại (N.D.).

mặt đầy lo âu, bối rối và đau khổ. Khi tôi mở mắt ra, tôi thấy bà ở trong trạng thái như thế. Bà không nói gì về những điều đã xảy ra trong đêm qua, chỉ hỏi tôi có đi ngủ sớm không. Tôi đáp:

- Con đi ngủ đúng giờ mẹ dặn.

- Con có ngủ yên không?

- Thưa, ngủ say lắm.

- Mẹ cũng đoán thế... Bây giờ con thấy trong người thế nào?

- Thưa mẹ, rất khỏe... Còn mẹ?

- Chao ôi! Từ trước tới nay mẹ chưa hề thấy một người nào bước chân đi tu mà mẹ lại không lo lắng, nhưng mẹ chưa hề thấy xúc động về người nào nhiều như là về con. Mẹ rất mong con được sung sướng.

- Nếu mẹ mãi mãi yêu con thì con sẽ được sung sướng.

- Ôi! Nếu chỉ cần có thế! Đêm vừa qua con không nghĩ gì cả chứ?

- Không.

- Con không nằm mơ chứ?

- Không.

- Thế bây giờ con đang nghĩ gì?

- Con như người mất hồn. Con vâng theo số phận của con không gớm ghiếc mà cũng chẳng thích thú gì: con cảm thấy số phận như thế thì cũng đành cam chịu. Mẹ thân yêu! Con không mảy may cảm thấy niềm vui êm dịu, mối xúc động, nỗi buồn man mác, sự lo lắng êm đềm mà trước đây có lần con đã nhận thấy ở các chị em đang ở

vào hoàn cảnh như con. Con ngẩn ngơ đờ dẫn, con cũng chẳng còn khóc được nữa, bây giờ trong đầu óc con chỉ có một ý nghĩ: người ta đã muốn thế thì con phải thế. Nhưng sao mẹ lại không bảo gì con cả?

- Mẹ đến đây không phải là để chuyện trò với con mà là để thăm con và nghe con nói. Mẹ đang đợi mẹ đẻ của con; con hãy cố gắng đừng làm mẹ xúc động; hãy để tình cảm chất chứa trong tâm hồn mẹ và đến khi nó đầy tràn thì mẹ sẽ từ giã con. Bây giờ mẹ phải lặng thinh, vì mẹ biết mẹ lắm: mẹ đã nói là tuôn một mạch, bồng bột, sôi nổi, nhưng mẹ không thể bộc lộ với con như vậy được. Con hãy nằm nghỉ một lát nữa để mẹ được trông thấy con. Con hãy nói với mẹ chỉ một đôi lời và con hãy để mẹ nhận lấy ở đây điều mà mẹ đến tìm. Rồi mẹ sẽ đi, và Chúa sẽ hoàn thành phần còn lại...

Tôi lặng im, tựa mình trên gối và đưa bàn tay ra cho bà nắm. Tuồng như bà đang suy nghĩ và suy nghĩ lung lắm. Bà gắng sức nhắm mắt lại, đôi khi lại mở ra, nhìn lên cao, rồi lại nhìn tôi. Bà đứng ngồi không yên, tâm hồn bà ngổn ngang trăm mối, khi thì trấn tĩnh, khi lại nao nao. Thực ra, người đàn bà ấy sinh ra là để làm một bậc tiên tri, bà có nét mặt và tính tình của một vị tiên tri. Bà trước kia vốn là một người đẹp, nhưng tuổi tác đã làm tàn héo nhan sắc và để lại những nét nhăn khá đậm, tuổi tác làm cho vẻ mặt bà thêm trang nghiêm. Đôi mắt bà nhỏ bé, nhưng có vẻ hoặc nhìn vào chính mình, hoặc nhìn thấu qua những vật xung quanh, đến tận cõi xa xăm, trong quá khứ hay trong vị lai. Bỗng bà hỏi tôi mấy giờ rồi.

"Thôi con ở lại, mẹ ra đây, người ta sắp đến mặc áo cho con, mẹ không muốn ở đây để chứng kiến cảnh ấy; nó làm cho tư tưởng mẹ phân tán. Mẹ chỉ còn lo làm sao giữ được mực thước trong những giờ phút đầu tiên".

Bà vừa ra khỏi thì bà cả và các tu nữ bước vào. Họ cởi áo tu và mặc áo đời cho tôi, đó là tục lệ mà chắc ông đã biết. Tôi không nghe, không hiểu gì cả về những điều mà người ta nói xung quanh tôi. Tôi như trở thành một con người máy. Tôi không nhận thấy gì nữa cả; thỉnh thoảng tôi rùng mình như bị giật. Người ta bảo tôi phải làm gì và phải nhắc lại tôi mới làm, vì nói lần đầu tôi không nghe thấy. Không phải vì tôi đang nghĩ về một điều gì khác mà đúng ra là tôi đang miên man đờ đẫn. Đầu óc tôi nặng trĩu như khi người ta bị mệt lả là vì suy nghĩ quá nhiều. Trong khi ấy, bà nhất đang nói chuyện với mẹ tôi. Tôi không hề được biết hai người nói gì với nhau trong một lúc lâu như thế. Sau này, người ta chỉ cho tôi biết là khi hai người từ biệt nhau thì mẹ tôi hết sức bối rối, đến nỗi bà không nhìn thấy lối cửa bà đã đi vào, còn bà nhất thì đi ra hai tay nắm chặt vào nhau và úp lên trán.

Chuông đánh, tôi đi xuống nhà nguyện. Người dự lễ thưa thớt. Người ta giảng đạo cho tôi, hay hay dở, tôi cũng không nghe gì cả; họ tùy ý muốn làm gì tôi thì làm suốt buổi sáng hôm ấy, một buổi sáng hình như không có trong đời tôi. Tôi không biết tôi đã làm gì, đã nói gì. Chắc là họ đã có hỏi tôi và chắc là tôi đã trả lời. Chắc tôi đã đọc lời phát nguyện, nhưng tôi còn nhớ gì nữa và tôi thấy tôi biến thành tu nữ một cách vô tri như trước kia tôi đã biến thành một tín đồ. Đối với những nghi thức của cái lễ phát nguyện này tôi chẳng hiểu gì hơn là đối với những

nghi thức của lễ rửa tội, nó chỉ khác nhau ở chỗ một đằng thì được Chúa ban phúc cho, một đằng thì mặc nhận là đã được giáng phúc. Thưa ông, mặc dù ở Lôngsăng tôi không phản kháng như ở Xanhtơ Mari, nhưng ông có cho rằng bây giờ đây tôi có ý thức cam kết hơn không? Về vấn đề đó, tôi xin ông hãy phán đoán, xin Chúa hãy phán đoán. Tâm hồn tôi rã rời đến nỗi vài ngày sau, khi người ta cho tôi biết là tôi được tham gia vào đội xướng kinh, tôi cũng không biết người ta muốn nói gì. Tôi hỏi có phải thật là tôi đã làm lễ phát nguyện không; tôi muốn xem chữ ký của tôi trong bản phát nguyện: rồi lại phải thêm vài những chứng có ấy sự làm chứng của cả tu viện và của một số quan khách có dự buổi lễ hôm ấy. Nhiều lần nói chuyện với bà nhất, tôi hỏi bà: "Như vậy là điều ấy có thực à?..." và tôi luôn luôn hy vọng bà trả lời: "Không con ạ! Người ta nói dối con đó...". Đã nhiều lần bà đã nói với tôi là điều ấy có thực, nhưng tôi vẫn không tin, vì tôi không thể nào hình dung được rằng trong suốt cả một ngày ồn ào, có nhiều sự việc khác thường và nổi bật như thế xẩy ra mà tôi lại không nhớ ông giáo sĩ đã giảng đạo cho tôi cũng như ông giáo sĩ đã nhận lời phát nguyện của tôi. Tôi chỉ còn nhớ mỗi một việc: người ta cởi áo đạo và thay áo đời cho tôi. Từ lúc đó tôi ở trong một trạng thái mà người ta gọi là loạn óc. Mấy tháng sau tôi mới khỏi. Chính vì thời gian bình phục kéo dài ấy mà tôi quên tất cả những việc đã xảy ra, cũng như một người bị ốm lâu, trong lúc ốm thì nói năng có suy xét đúng đắn, chịu các thánh lễ, nhưng khi khỏi thì không còn nhớ gì nữa. Tôi đã thấy nhiều trường hợp như thế trong tu viện và tôi tự nhủ: "Đại khái tôi cũng như thế trong ngày lễ phát nguyện

mà thôi". Tuy nhiên, giờ đây cần phải xác minh xem những việc ấy có phải do con người làm ra không và có con người trong đó không, mặc dù bề ngoài thì dường như là có.

Trong năm ấy, tôi bị ba tổn thất đáng chú ý: cha tôi mất - hay đúng hơn là người được coi là cha tôi, ông đã già, và đã làm việc nhiều; ông tắt như ngọn đèn khô dầu, rồi đến bà nhất và mẹ tôi cũng mất.

Người tu nữ đáng kính ấy cảm thấy từ lâu giờ phút lâm chung của mình gần đến, bà tự bắt mình giữ im lặng.

Bà bảo mang quan tài vào buồng bà, bà mất ngủ, bà thức trọn ngày thâu đêm để suy nghĩ và viết; bà có để lại mười lăm thiên mặc tưởng; tôi cho rằng đó là một tác phẩm tuyệt vời. Tôi có giữ một bản sao. Một ngày nào đó, vì hiếu kỳ, ông muốn biết những ý nghĩ của bà trước lúc lâm chung thì tôi có thể đưa cho ông xem. Nhan đề tập đó là: *Những giờ phút cuối cùng của nữ tu sĩ Môni*.

Khi gần chết bà nằm trên giường, bảo người thay quần áo. Người ta làm lễ lâm chung cho bà. Bà cầm trong tay cây thánh giá. Lúc ấy đang đêm, ánh đuốc soi sáng cảnh tượng thê lương này. Chúng tôi đứng xung quanh bà, ai nấy nước mắt giàn giụa. Bỗng nhiên, cặp mắt bà sáng ngời, mọi người trong phòng đều thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc, bà đột nhiên ngồi dậy, bà cất tiếng nói, giọng bà vang lên như khi còn khỏe; cái thiên bẩm đã mất đi bây giờ lại trở lại với bà: bà khiển trách chúng tôi sao lại khóc, dường như chúng tôi ganh tị với hạnh phúc vĩnh cửu của bà. "Các con, - bà nói, - sự đau khổ đã làm cho các con nghĩ lầm. Chính ở nơi kia, nơi kia, - bà chỉ lên trời, - chính ở đấy mẹ sẽ phục vụ các con, mắt mẹ sẽ luôn

luôn nhìn về ngôi nhà này, mẹ sẽ cầu khẩn cho các con và những lời cầu khẩn của mẹ sẽ đến tai Chúa. Các con hãy lại gần đây để mẹ có thể hôn các con, lại đây để mẹ cầu phúc cho các con và vĩnh biệt các con...". Nói xong, những lời cuối cùng người đàn bà hiếm có ấy qua đời để lại những nỗi thương tiếc không bao giờ nguôi.

Mẹ tôi mất sau chuyến đi thăm một cô con về, vào dạo cuối thu. Bà buồn bực, sút đi trông thấy, tôi chưa bao giờ biết tên cha đẻ tôi cũng như về chuyện ra đời của tôi. Mẹ tôi có ủy nhiệm cho cha giáo đạo của bà và cũng là của tôi đưa cho tôi một gói nhỏ: đó là năm mươi đồng Lu-i và một mảnh giấy bọc trong một mảnh vải khâu lại. Trong giấy viết rằng:

"Con ạ, thật là ít ỏi, nhưng lương tâm không cho phép mẹ tự tiện sử dụng một số tiền lớn hơn; đây là số tiền còn lại mà mẹ đã dành dụm được từ những món tặng phẩm nhỏ mọn của ông Ximônanh. Con hãy sống cho trong sạch, đó là điều tốt nhất, ngay đối với hạnh phúc của con trong thế gian này. Con hãy cầu nguyện cho mẹ; sinh con ra là lỗi lầm duy nhất quan trọng mà mẹ mắc phải, con hãy giúp mẹ chuộc tội, mong rằng Chúa xét những công việc tốt lành con sẽ làm mà tha cho mẹ tội đã đẻ con ra. Nhất là con đừng làm khuấy động gia đình, và mặc dù việc lựa chọn cuộc sống của con đã không được tự nguyện như mẹ ước mong, song con cũng đừng nên thay lòng đổi dạ. Sao mẹ lại không bị giam cầm suốt đời trong một nhà tu! Giá được như thế, mẹ đã không quá xao xuyến khi nghĩ rằng trong chốc lát mẹ sẽ chịu sự phán xét kinh khủng. Con ơi! Con hãy nghĩ rằng số phận của mẹ ở bên

thế giới bên kia như thế nào là tùy thuộc rất nhiều vào cách xử sự của con trong thế gian này. Chúa thấu suốt cả mọi việc. Người sẽ xét xử mẹ căn cứ vào tất cả những điều xấu mà con sẽ làm. Vĩnh biệt, Xuydan, con đừng đòi hỏi gì ở hai chị con; các chị con không thể giúp được gì cho con đâu. Con cũng đừng hy vọng gì ở cha con, ông đã đi trước mẹ, ông đã được thấy cái ngày trọng đại nhất, ông đang đợi mẹ và cuộc gặp gỡ đối với mẹ sẽ khủng khiếp hơn là đối với ông. Một lần nữa, vĩnh biệt con. Chao ôi! Mẹ bất hạnh! Con bất hạnh! Các chị con đã đến đây, mẹ không bằng lòng chúng, chúng lấy sạch, mang đi sạch, chúng cãi nhau về chuyện tiền bạc trước mặt người mẹ sắp chết, điều đó làm mẹ rất đau khổ. Khi chúng đến gần giường mẹ, mẹ quay mặt chỗ khác, mẹ nhìn thấy gì ở hai đứa ấy? Chỉ là hai con người mà sự nghèo túng đã dập tắt hết những tình cảm của con người. Chúng khát khao số ít của cải mà mẹ để lại; chúng đặt những câu hỏi sỗ sàng với bác sĩ và hộ lý, điều đó chứng tỏ chúng nóng lòng chờ đợi giờ phút mẹ nhắm mắt để chúng chiếm lấy tất cả mọi vật quanh mẹ. Mẹ không hiểu vì sao mà chúng nghi mẹ có giấu một ít tiền dưới đệm. Chúng làm mọi cách để bắt mẹ dậy, và chúng đã dựng được mẹ dậy, nhưng may mà hôm qua có người tin cẩn đến và mẹ đã giao cho ông ta gói nhỏ này với bức thư do mẹ đọc cho ông viết (1). Con hãy đốt bức thư đi khi con biết là mẹ không còn nữa, mà mẹ cũng sắp chết trong giây phút; con hãy cầu siêu

---

(1) Ở đây có sự lơ đãng của tác giả: bà mẹ đã kể trong bức thư chuyện xảy ra sau khi bức thư đã gửi đi! (ND.).

cho mẹ và con hãy nhắc lại lời nguyện của con, vì mẹ bao giờ cũng muốn con là một tu nữ. Nghĩ đến việc con lạc lõng bơ vơ trong thế tục, không người giúp đỡ, không nơi nương tựa, mà con lại còn trẻ dại, sẽ làm cho mẹ không yên tâm trong những giây phút cuối cùng của đời mẹ".

Cha tôi mất ngày 5 tháng giêng, bà nhất mất cuối tháng ấy rồi đến mẹ tôi vào lễ Giáng sinh năm sau. Bà Xanhtơ Coritxtin thay cho mẹ Môni. Chao ôi! Thưa ông, hai người khác nhau một trời một vực! Tôi đã nói với ông về bà thứ nhất như thế nào rồi. Bà này thì nhỏ nhen, hẹp hòi, vô cùng mê tín. Bà đua đòi những tư tưởng mới, thường bàn bạc với những người theo dòng Xuynpixơ (1) và dòng Jêduyt (2). Bà ghét bỏ tất cả những người được bà nhất trước yêu mến; chỉ trong một thời gian ngắn tu viện đã đầy dẫy những sự bất hòa, hiềm khích, gièm pha, tố giác, vu khống và ngược đãi. Bà bắt chúng tôi phải tỏ rõ ý kiến của mình về những vấn đề thần học, mà chúng tôi chẳng hiểu gì hết, bắt công nhận các thứ tín điều, phục tùng những nghi lễ kỳ quái. Trước đây, mẹ Đơ Môni không bao giờ công nhận lối hành hạ thể xác để sám hối. Trong đời bà chỉ có hai lần bà làm như thế: một lần vào đêm

---

(1) Một tổ chức gồm các giáo sĩ thế tục dùng để cai quản các chủng viện (ND.).

(2) Một dòng đạo được thành lập từ thế kỷ XVI, một tổ chức cải cách của Thiên chúa giáo dùng để chống lại tân giáo và lừa bịp nhân dân. Nó buộc các tu sĩ, ngoài ba lời thề giữ gìn trinh tiết, chịu bần khổ và phục tùng Chúa, còn phải thề phục tùng đức giáo hoàng. Đó là một dòng rất mạnh và chia ra làm nhiều đẳng cấp (ND).

trước hôm làm lễ phát nguyện của tôi và một lần khác trong hoàn cảnh tương tự. Bà nói rằng những lối khổ hạnh như thế không sửa chữa được một lỗi lầm nào mà chỉ làm cho lòng kiêu ngạo phát sinh. Bà muốn các tu nữ của bà khỏe mạnh, thân thể tráng kiện và tâm hồn trong sáng. Khi bà vào cai quản tu viện, việc đầu tiên là bắt các tu nữ đem nộp tất cả quần áo bằng vải cứng, bỏ roi vọt, cấm trộn tro vào thức ăn, cấm nằm trên ván cứng, không đệm, và cấm không được sắm một thứ đồ tu khổ hạnh nào. Bà Coritxtin thì trái hẳn, bà bắt các tu nữ mặc lại quần áo vải cứng và dùng roi vọt, thu hồi kinh Cựu ước và kinh Tân ước. Những kẻ được ưu đãi của triều đại trước không bao giờ được ưu đãi ở triều đại sau. Bà nhất hiện nay thờ ơ với tôi - ấy là nói nhẹ lời nhất - vì lẽ bà trước đã yêu mến tôi, nhưng chẳng bao lâu tôi đã làm cho số phận của tôi xấu hơn bằng những hành động mà ông có thể cho là dại dột cũng được, là cương quyết cũng được, tùy theo cách nhìn của ông.

Trước hết, tôi biểu lộ tất cả sự đau đớn của tôi đối với cái chết của bà nhất trước; tôi ca ngợi bà trong mọi trường hợp; tôi gây nên sự so sánh giữa bà trước và bà đang cai quản chúng tôi, những sự so sánh ấy, không có lợi cho bà sau. Tôi mô tả lại quang cảnh của tu viện những năm trước, tôi nhắc đến trước kia chúng tôi đã được sống yên vui như thế nào, được đối đãi khoan dung ra sao, được bồi dưỡng về tinh thần lẫn vật chất như thế nào và tôi tán dương phẩm hạnh, tình cảm và tính tình của bà Đơ Môni. Thứ hai, tôi đốt cả quần áo vải cứng, vứt bỏ roi vọt, thuyết phục chị em và rủ rê một số làm theo tôi. Thứ ba, tôi kiếm được một quyển kinh Cựu ước và kinh Tân

ước. Thứ tư, tôi bác bỏ mọi giáo phái chỉ coi mình mới là tín đồ Thiên chúa giáo, chứ không phải là Jăngxênit (1) hay Môlinit (2), gì cả. Thứ năm, tôi tự khép mình một cách chặt chẽ vào kỷ luật của tu viện, không làm điều gì thái quá hoặc bất cập. Vì thế, tôi không làm một việc gì khác ngoài nhiệm vụ của mình, vì hoàn thành những nhiệm vụ chính đã là gay go lắm rồi. Tôi chỉ đánh đàn trong những ngày lễ, chỉ hát trong đội xướng kinh, tôi không để cho người ta lạm dụng tính nhanh nhẩu và tài năng của tôi nữa, không cho người ta ngày nào cũng dồn cho tôi mọi việc. Tôi đọc đi đọc lại những điều lệ của tu viện đến thuộc lòng. Nếu người ta bảo tôi làm một việc hoặc không ghi rõ trong điều lệ, hoặc không có, hoặc tôi cho là trái, thì tôi kiên quyết từ chối. Tôi cầm lấy quyển điều lệ và nói: "Đây là những điều tôi đã cam kết, ngoài ra tôi không hề cam kết gì khác nữa".

Những lời nói của tôi cũng lôi kéo được một số chị em khác. Quyền lực của các bà cai quản tu viện do đó bị hạn chế rất nhiều. Họ không thể tùy tiện sử dụng chúng tôi như những người nô lệ của họ. Hầu như không có ngày nào không xảy ra những vụ ầm ĩ. Gặp những trường hợp nghi vấn chị em đến hỏi tôi và bao giờ tôi cũng bảo vệ điều lệ của tu viện và chống lại ách chuyên chế. Chẳng mấy chốc mà tôi mang tiếng là kẻ phiến loạn và có lẽ thực tế tôi cũng đóng vai trò ấy trên chừng mực nào đó.

---

(1) Những tín điều của dòng này hạn chế sự tự do ý chí của con người (N.D.).

(2) Những tín điều của dòng này công nhận sự xá tội và sự tự do ý chí của con người. (N.D.).

Các ông phó giám mục luôn luôn được mời đến tu viện. Người ta gọi tôi đến để xét xử; tôi bào chữa cho tôi và cho các chị em. Chưa có lần nào người ta buộc tội được tôi, vì bao giờ tôi cũng có lý lẽ xác đáng. Người ta không thể kết tội tôi về mặt trách nhiệm, vì tôi hoàn thành nhiệm vụ một cách nghiêm túc. Còn như những ân huệ nhỏ nhặt mà một bà nhất tùy ý muốn ban cho hay không thì tôi không bao giờ đòi hỏi. Tôi không hề ló mặt ra phòng khách: không có ai quen thuộc, nên tôi chả phải tiếp một người khách nào. Tôi đã đốt quần áo vải cứng và vứt bỏ roi vọt; tôi khuyên chị em khác cũng làm như thế. Tôi không thích nghe về những lý thuyết của dòng Jăngxênit, cũng như dòng Môlinit dù là nói tốt hay nói xấu cũng vậy. Khi người ta hỏi tôi có phục tùng giáo hiến không thì tôi trả lời là tôi phục tùng nhà thờ, có thừa nhận sắc lệnh của đức giáo hoàng không thì tôi trả lời là tôi thừa nhận kinh phúc âm. Có lần người ta lục soát căn buồng tôi và tìm thấy quyển kinh Cựu ước và kinh Tân ước. Tôi nói hở ra đôi câu về sự thân mật đáng nghi ngờ của mấy tu nữ được bà nhất yêu chuộng. Tôi thấy bà nhất thường hay chuyện trò rất lâu với một giáo sĩ trẻ và tôi đã phát hiện được lý do của những cuộc gặp gỡ đó. Tóm lại, tôi không bỏ qua một điều gì có thể làm cho người ta sợ tôi, ghét tôi, làm hại tôi và cuối cùng, tôi đã đạt được mục đích. Người ta không còn thưa với các vị đứng đầu trong giáo hội nữa, nhưng lại ra sức làm cho tôi phải sống một cách khổ sở. Người ta cấm không cho các tu nữ khác đến gần tôi và chẳng mấy chốc tôi thấy mình trơ trọi. Tôi có một ít bạn thân; người ta nghi rằng họ cố tìm cách lén lút vi phạm sự cấm đoán, nghi họ đến thăm tôi ban đêm,

hoặc vào những giờ cấm, vì ban ngày thì không đến được. Thế là người ta rình mò và bắt gặp tôi, khi với người này, khi với người khác. Người ta dựa vào sự khinh suất ấy để muốn làm gì tôi cũng được và tôi bị trừng trị một cách hết sức vô nhân đạo. Trong mấy tuần lễ ròng rã, khi làm lễ ở nhà nguyện, người ta bắt tôi quỳ giữa lễ đường, tách khỏi mọi người, người ta chỉ cho tôi bánh mì và nước lã, nhốt tôi trong buồng, bắt tôi làm những việc hèn hạ nhất trong tu viện. Số chị em mà người ta gọi là a tòng cũng bị đối xử không kém gì tôi. Khi người ta thấy tôi không có lỗi gì thì người ta bịa ra. Cùng một lúc người ta ra cho tôi những lệnh trái nhau và phạt tôi vì không làm tròn phận sự. Người ta thay đổi giờ làm lễ, giờ ăn sớm hơn; người ta xáo trộn tất cả nội quy của tu viện, nhưng không cho tôi biết và vì thế nên ngày nào cũng bị phạt, mặc dù tôi rất chăm chỉ, cần mẫn. Tôi can đảm, nhưng không có thứ can đảm nào có thể chống chọi được với sự bỏ rơi, cô đơn và ngược đãi. Sự việc đi đến chỗ là có năm mươi người liên kết với nhau lấy việc giày vò tôi làm trò chơi, làm thú tiêu khiển. Khó lòng mà mô tả một cách chi tiết tất cả những sự độc ác đó. Họ quấy rầy không cho tôi ngủ, không cho tôi thức, không cho tôi cầu nguyện. Một hôm họ lấy cắp một vài bộ phận trong bộ quần áo tu nữ của tôi. Một lần khác họ lại lấy chìa khóa và sách kinh. Ổ khóa cửa bỗng nhiên bị hỏng. Khi thì họ cản trở không cho tôi làm tốt, khi thì họ phá những việc tôi đã làm tốt. Họ đặt điều cho tôi, vu khống tôi. Họ bắt tôi chịu trách nhiệm về tất cả mọi việc và cuộc đời tôi là một chuỗi dài những tội lỗi có thực hoặc bịa ra, một chuỗi dài những sự trừng phạt.

Sức khỏe của tôi không thể chịu đựng được những thử thách kéo dài và quá ư tàn bạo đó. Tôi đâm ra chán nản, buồn bực, âu sầu. Trong những ngày đầu tôi thường quỳ dưới bàn thờ, mong lấy lại được tính kiên nghị và lòng nhẫn nại. Tôi suy nghĩ đắn đo giữa sự nhẫn nhục và sự tuyệt vọng, lúc chịu hàng phục, lúc nghĩ đến chuyện giải thoát bằng những biện pháp quyết liệt. Cuối vườn có một cái giếng sâu. Đã bao lần tôi đi đến đó! Đã bao lần tôi nhìn xuống giếng! Gần giếng có một cái ghế đá. Đã bao lần tôi ngồi trên đó, gục đầu vào thành giếng! Đã bao lần muôn vàn ý nghĩ quay cuồng trong óc tôi, tôi đột nhiên đứng dậy và quyết định chấm dứt những nỗi đau khổ của tôi! Cái gì đã giữ tôi lại? Tại sao lúc ấy tôi lại khóc lóc, kêu gào, gí dưới chân chiếc khăn trùm, bứt tóc và lấy móng tay cấu xé mặt mày. Nếu Chúa đã ngăn tôi không cho tôi tự hại thì tại sao Chúa lại không ngăn tất cả những hành động kia?

Điều tôi sắp kể với ông đây có lẽ đối với ông thật là kỳ quặc, nhưng đó là sự thật hoàn toàn; tôi tin chắc rằng việc tôi thường lui tới cái giếng ấy làm cho người ta để ý và những kẻ thù tàn bạo của tôi thích thú mong sao một ngày kia tôi sẽ thực hiện dự định đang sôi sục trong lòng tôi. Khi tôi đi về phía giếng thì người ta lại cố tình lảng đi và nhìn ra chỗ khác. Nhiều lần tôi thấy cửa vườn mở trong những giờ mà lẽ ra phải đóng, đặc biệt là trong những ngày mà người ta làm cho tôi đau buồn vô hạn. Người ta đã làm cho tính tình tôi trở nên hung dữ đến cùng cực và cho là tôi đã mất trí. Nhưng khi tôi nhận thấy rằng cái lối thoát ấy có thể nói là chính họ đã xếp đặt cho tôi trong lúc tuyệt vọng, hầu như họ dắt tay tôi

đến giếng và cái giếng bao giờ cũng sẵn sàng đón tôi, thì tôi thôi không nghĩ đến chuyện đó nữa mà xoay sang những hướng khác. Tôi đứng trong các hành lang, ước lượng chiều cao từ cửa sổ xuống đất. Buổi tối, trong khi thay quần áo, tôi bất giác thử đôi dây thắt bí tất xem có chắc không. Một ngày khác tôi không chịu ăn; tôi xuống dưới nhà ăn, ngồi tựa lưng vào tường, hai tay buông thõng, mắt nhắm lại và không đụng vào một món ăn nào dọn trước mặt tôi. Tôi cứ chìm đắm trong trạng thái như thế, đến nỗi tất cả các tu nữ đã đi ra hết, chỉ còn một mình tôi ở lại. Người ta cố ý lặng lẽ rút lui và bỏ tôi lại đó, rồi phạt tôi đã vắng mặt trong buổi đọc kinh. Nói gì với ông đây? Họ làm cho tôi chán ghét hầu hết mọi cách quyên sinh, vì tôi thấy rằng dường như họ không những không ngăn trở mà còn bày vẽ cho tôi những cách ấy nữa. Rõ ràng là chúng ta không muốn để cho người đời đẩy mình ra khỏi thế giới này và có lẽ tôi cũng không còn ở đấy nữa nếu họ đã làm ra vẻ giữ tôi lại. Có lẽ con người khi từ bỏ cuộc sống là muốn làm cho những kẻ khác đau khổ, nhưng khi thấy rằng cái chết của mình chỉ làm cho họ thỏa thích thì người ta vẫn cứ bám lấy cuộc sống. Đó là những ý nghĩa rất tế nhị trong tâm hồn chúng ta. Thực ra nếu tôi nhớ lại tình cảnh tôi lúc ở cạnh giếng thì dường như, trong thâm tâm, tôi lớn tiếng nói với bọn tu nữ khốn nạn, đang bỏ đi để khuyến khích một tội lỗi: "Hãy bước một bước về phía ta, hãy cho ta thấy rằng các người có một chút ý định cứu vớt ta, hãy chạy đến để giữ ta lại và các ngươi có thể tin chắc rằng các người sẽ đến quá muộn". Thực ra, tôi sống chỉ vì người ta mong tôi chết. Ở ngoài đời, những kẻ cố tình theo đuổi làm hại người khác,

giày vò người khác mãi rồi cũng chán, ở trong các tu viện người ta không biết chán.

Tôi ở trong tình trạng như thế, khi nghĩ lại quãng đời đã qua; tôi nghĩ đến chuyện xin thủ tiêu lời phát nguyện. Mới đầu, ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua mà thôi. Một thân một mình, lại bị bỏ rơi, không nơi nương tựa, thử hỏi làm sao tôi có thể thực hiện có kết quả một dự định khó khăn đến như thế, ngay dù có được những sự giúp đỡ mà tôi không có. Tuy nhiên, ý nghĩ ấy đã làm tôi yên tâm. Tôi vững dạ và tôi tin ở tôi hơn. Tôi cố tránh những nỗi đau khổ và gắng chịu đựng một cách kiên nhẫn những nỗi đau khổ đến với tôi. Người ta nhận ra sự thay đổi ấy và lấy làm ngạc nhiên. Sự tàn bạo chấm dứt ngay, chẳng khác nào khi một kẻ thù hèn nhát đuổi theo ta và thình lình ta quay lại, mặt giáp mặt lúc hắn không ngờ. Thưa ông, tôi muốn hỏi ông một điều: khi những ý nghĩ nguy hại đang quay cuồng trong đầu óc một tu nữ tuyệt vọng thì tại sao cô ấy lại không hề nghĩ đến việc đốt tu viện? Chưa khi nào tôi nghĩ đến điều ấy và chị em khác cũng thế, mặc dù ý nghĩ ấy dễ thực hiện nhất: nhân một ngày gió to, chỉ cần mang một mồi lửa vào vựa thóc, vào kho củi, hoặc vào trong một hành lang nào đó. Chưa bao giờ xảy ra nạn cháy trong các tu viện; trong những trường hợp như thế, các cửa mở toang và mạnh ai nấy thoát thân. Phải chăng vì sợ nguy hiểm cho mình, cả cho người mình yêu, và không muốn người ta đến cứu mình, đồng thời cứu cả những người mình ghét? Ý nghĩ sau cùng này quá tế nhị, vị tất đã là đúng.

Do cứ tập trung suy nghĩ vào một việc, cuối cùng người ta cảm thấy nó đúng, và có thể thực hiện được; đến bước đó người ta cảm thấy khoan khoái. Tôi đã suy nghĩ mười lăm ngày; đầu óc tôi khá minh mẫn. Phải làm gì đây? Phải viết bản cáo trạng và đem trao cho một người nào đó, cả hai việc đều không phải là không nguy hiểm. Từ khi nhận thấy tôi có một sự thay đổi lớn lao thì người ta chú ý theo dõi tôi hơn bao giờ hết. Mắt họ không rời khỏi tôi, nhất cử nhất động của tôi đều được tỏ tường, không một lời nói nào của tôi mà không được đem ra cân nhắc. Người ta tìm cách gần gũi tôi, thăm dò tôi. Người ta hỏi han tôi. Người ta nhắc lại quá khứ của tôi, khiển trách tôi một cách nhẹ nhàng và tha thứ cho tôi. Người ta hy vọng tôi sẽ ngoan ngoãn hơn và hứa hẹn với tôi một tương lai êm dịu. Nhưng, trong khi ấy, lúc nào cũng có người lấy cớ này cớ nọ để vào buồng tôi, ban ngày cũng như ban đêm. Người ta đi rón rén và thình lình vén màn tôi lên, rồi lặng lẽ rút lui. Đã thành thói quen tôi cứ mặc nguyên quần áo mà ngủ; một thói quen khác là viết lời xưng tội của tôi ra giấy. Trong những ngày ấy - những ngày đã quy định - tôi đến bà nhất để xin giấy mực. Bà không từ chối.

Thế là tôi đợi ngày làm lễ xưng tội và trong khi chờ đợi tôi sắp xếp lại trong đầu óc những điều tôi muốn đề nghị; đó là tất cả những điều tôi đã viết cho ông, tóm tắt lại và trình bày dưới những tên mượn. Nhưng tôi có ba điều sơ suất: thứ nhất, nói với bà nhất rằng tôi có nhiều điều phải viết và lấy cớ đó để xin bà quá số giấy được phép xin; thứ hai, quá chú ý đến bản cáo trạng mà lơ là

viết bản xưng tội; và thứ ba, đã không viết bản xưng tôi và không chuẩn bị gì cả cho cái nghi lễ ấy của tôn giáo; tôi lại chỉ đứng ở buồng xưng tội có một lúc. Tất cả những điều ấy đều bị để ý và người ta kết luận rằng giấy tôi xin được là để dùng vào một việc khác mà tôi không nói. Nhưng nếu tôi không viết lời xưng tội - điều đó đã quá rõ ràng - thì tôi đã dùng giấy để làm gì?

Tôi không biết rằng người ta sẽ để ý đến những điều ấy nhưng tôi cảm thấy không nên để cho người ta tìm thấy trong buồng tôi một tài liệu quan trọng như vậy. Thoạt tiên, tôi nghĩ nên đem khâu nó vào gối hoặc vào đệm, rồi lại định cất giấu trong quần áo, chôn ngoài vườn hoặc đốt đi. Chắc ông không thể tưởng tượng được rằng tôi đã viết vội vã như thế nào và, khi đã viết xong, tôi bối rối như thế nào. Trước tiên, tôi niêm phong lại rồi giấu vào người và đi làm lễ, vì chuông đã đánh. Tôi lo lắng đến nỗi để lộ cả trong điệu bộ đi đứng. Tôi ngồi cạnh một tu sĩ trẻ, vốn có cảm tình với tôi; đã có đôi lúc, tôi thấy chị nhìn tôi với vẻ thương hại và ứa nước mắt ra; chị không nói gì với tôi, nhưng chắc là chị đau lòng. Mặc mọi nỗi nguy hiểm có thể xảy đến, tôi đánh liều phó thác tập giấy của tôi cho chị; chờ lúc cầu nguyện, khi các tu nữ đều quỳ xuống, cúi lạy và như gục xuống ghế tựa, tôi nhè nhẹ rút bản cáo trạng trong người ra và đưa cho chị ở phía sau tôi. Chị nắm lấy và cất vào người. Đó là sự giúp đỡ quan trọng nhất của chị đối với tôi, nhưng ngoài ra chị còn giúp đỡ nhiều việc khác nữa. Người ta thường tạo ra những trở ngại nhỏ để tôi không làm tròn bổn phận và lấy cớ đó để trừng phạt tôi, nhưng, ròng rã mấy tháng

liền, chị đã giúp tôi tránh khỏi tất cả mà chị cũng không bị tai vạ gì. Chị đến gõ cửa tôi khi tới giờ phải đi: người ta xáo trộn thì chị thu xếp lại cho tôi; chị thay tôi đi kéo chuông hoặc trả lời khi cần thiết; chị có mặt ở mọi nơi mà tôi phải có mặt. Bấy giờ tôi không biết gì về những việc ấy.

Việc tôi vừa làm đó, thế mà hay. Khi ở cung thánh về, bà nhất bảo tôi: "Xơ Xuydan, hãy theo ta..." Tôi theo bà. Bà dừng lại trong hành lang trước một cửa buồng khác và nói: "Đây, buồng của xơ đây; còn xơ Xanhtơ Giêrôm sẽ ở buồng cũ của xơ". Tôi vào và bà cũng vào với tôi. Cả hai chúng tôi đều ngồi và không nói với nhau một lời. Vừa lúc ấy, một tu nữ bước vào và đặt một bộ áo trên ghế. Bà nhất nói với tôi: "Xơ Xuydan, hãy cởi áo ra và mặc bộ này..." Tôi thay áo trước mặt bà; trong lúc đó bà chăm chú theo dõi mọi cử động của tôi. Cô tu nữ mang áo cho tôi lui ra đứng ngoài cửa; sau cô ta trở vào, cầm lấy chiếc áo tôi đã thay và đi ra. Bà nhất cũng theo ra. Người ta không cho tôi biết vì sao lại làm thế và tôi cũng chẳng hỏi. Xong người ta đã lục lọi khắp buồng tôi, tháo chỉ khâu gối đệm ra, xáo trộn mọi thứ. Tôi đi đến đâu, họ liền theo tới đó: trong buồng xưng tội, trong cung thánh, trong vườn, ngoài giếng, trên ghế đá. Tôi trông thấy một phần việc lục soát đó và đoán biết những việc khác. Người ta chả tìm thấy gì cả, nhưng vẫn tin chắc rằng có một cái gì đó. Họ tiếp tục dò xét tôi trong nhiều ngày, nơi nào tôi đã đến thì họ cũng đều tới; họ để mắt khắp mọi nơi, nhưng vô hiệu. Cuối cùng, bà nhất cho rằng chỉ có thể biết được sự thật do tôi nói ra mà thôi. Một hôm, bà vào buồng tôi và bảo:

- Xơ Xuydan, xơ có nhiều thói xấu, nhưng xơ không có tật nói dối, xơ hãy nói thật cho ta biết xơ đã dành bao nhiêu giấy ta cho để làm gì?

- Thưa mẹ con đã nói với mẹ rồi.

- Không có lẽ, vì xơ xin giấy ta rất nhiều, và xơ chỉ ở buồng xưng tội có một lúc.

- Đúng như thế.

- Thế xơ dùng giấy ấy để làm gì?

- Làm điều mà con đã nói với mẹ.

- Thôi được! Thế xơ đã nhân danh sự phục tùng thiêng liêng mà xơ đã hứa với Chúa để thề với ta rằng điều ấy là có thật và mặc dầu tất cả mọi vẻ bề ngoài, ta sẽ tin lời.

- Thưa mẹ, mẹ không được phép bắt con phải thề vì một câu chuyện nhỏ nhặt như thế và con cũng không được phép làm việc ấy. Con không thể thề được.

- Xơ Xuydan, xơ lừa dối ta và xơ không biết rằng việc ấy sẽ đưa đến hậu quả gì cho xơ, xơ đã dùng giấy ta cho để làm gì?

- Con đã nói với mẹ rồi.

- Giấy đó đâu?

- Con không còn nữa.

- Xơ đã dùng giấy làm gì rồi?

- Như người ta vẫn làm với những loại giấy tờ ấy, dùng xong rồi thì nó thành giấy bỏ đi.

- Nhân danh sự phục tùng thiêng liêng xơ hãy thề rằng xơ đã dùng tất cả giấy đó để viết lời xưng tội và bây giờ thì không còn nữa.

- Thưa mẹ, con xin nhắc lại, điều thứ hai này không quan trọng gì hơn điều thứ nhất, con không thể thề.

- Hãy thề đi, hoặc là...

- Con sẽ không thề.

- Xơ sẽ không thề?

- Thưa mẹ, không.

- Thế xơ có tội à?

- Nhưng con phạm tội gì?

- Mọi tội: không có gì mà xơ không làm được; xơ cố tình ca tụng bà nhất trước để hạ thấp giá trị của ta, xơ khinh bỉ những tục lệ mà ta thấy cần khôi phục lại khi bà ấy đã bài trừ. Xơ xui giục mọi người nổi loạn, vi phạm các qui tắc, chia rẽ mọi người, xơ không làm tròn một bổn phận của mình, xơ buộc ta phải phạt xơ và phạt những người khác bị xơ cám dỗ. Đó là điều làm cho ta đau lòng nhất. Ta có thể nghiêm trị xơ bằng những cách gắt gao nhất, nhưng ta đã khoan hồng với xơ: ta tưởng rằng xơ sẽ nhận thấy tội lỗi của mình, xơ sẽ lấy lại tinh thần của kẻ tu hành và trở về với ta, nhưng xơ đã không làm vậy. Trong tâm hồn xơ có cái gì không tốt, xơ đang có những dự định nào đó; lợi ích của tu viện buộc ta phải biết những dự định ấy và nhất định ta sẽ biết; ta cam đoan với xơ như thế. Xơ Xuydan, hay nói cho ta biết sự thật.

- Con đã nói rồi.

- Ta sẽ ra ngay bây giờ, nhưng ta sẽ trở lại và xơ hãy coi chừng... ta ngồi nán lại đây và cho xơ một phút để quyết định... Giấy tờ của xơ đâu, nếu còn?

- Con không còn nữa.

- Hoặc xơ thề rằng trên giấy tờ có lời xưng tội cho xơ.

- Con không thể thề được.

Bà ngồi im lặng một lúc, bỏ đi ra và trở lại với bốn tu nữ thân cận. Họ đều có vẻ như điên dại và giận dữ. Tôi quỳ xuống chân họ, tôi van xin lòng thương xót của họ. Nhưng cả bọn cùng thét lên: "Thưa mẹ, không thương xót gì cả, đừng để cho nó làm mủi lòng, hoặc nó đưa giấy tờ ra, hoặc nó vào nhà giam". Tôi ôm gối hết người này đến người kia; tôi nói với họ, tôi gọi tên từng người ra: "Chị Xanhtơ Anhet, chị Xanhtơ Juyli! Tôi đã làm gì các chị? Vì sao các chị lại làm cho bà nhất giận tôi. Trước kia có bao giờ tôi đối xử với các chị như thế đâu? Biết bao lần tôi chẳng đã can xin cho các chị đó sao? Các chị không còn nhớ điều đó nữa. Lúc ấy các chị có lỗi chứ giờ đây tôi không có tội gì".

Bà nhất đứng sững, nhìn tôi và bảo: "Đưa giấy đây, đồ khốn kiếp, hoặc mày hãy nói mày đã viết những gì trong ấy".

Bốn tu nữ kia nói:

- Thưa mẹ, đừng đòi hỏi ở nó nữa, mẹ quá tốt, mẹ chưa biết nó đấy; nó là một đứa ngang ngạnh, chỉ có thể dùng những cách cực đoan mới có thể trị nó được. Chính nó bắt mẹ phải làm như thế; cho nó đáng kiếp.

- Thưa mẹ thân yêu, tôi nói với bà, con chẳng làm gì để có thể xúc phạm đến Chúa, đến người khác, xin thề với mẹ như thế.

- Đó không phải lời thề mà ta muốn.

- Chắc là nó viết những lời chống lại chúng con, chống lại mẹ, để đưa cho đức phó giám mục hay đức tổng giám mục. Có Chúa mới biết nó đã bôi bác cuộc sống trong nhà này như thế nào. Người ta cũng dễ tin điều xấu. Thưa mẹ, phải định đoạt cái ngữ ấy nếu mẹ không muốn nó định đoạt mẹ và chúng con".

Bà nhất nói tiếp: "Xuydan, xơ thấy đấy...".

Đột nhiên, tôi đứng dậy và nói với bà: "Thưa mẹ, con đã thấy tất cả, con biết là con nguy khốn rồi, nhưng sớm hay muộn hơn một chút cũng thế thôi. Mẹ muốn làm gì con thì làm; mẹ hãy nghe lời giận dữ của họ, hãy hoàn thành nốt sự bất công của mẹ..."

Ngay lúc ấy tôi đưa tay ra. Các tu nữ nắm lấy, họ cởi khăn trùm của tôi, lột áo tôi không chút ngượng ngùng. Họ tìm thấy trong người tôi một bức chân dung của bà nhất trước. Họ tước lấy ngay; tôi van xin được hôn bức chân dung lần cuối cùng, nhưng họ từ chối.. Họ ném cho tôi chiếc áo lót, cởi bít tất của tôi ra và khoác cho tôi một cái bao tải. Họ dắt tôi đi qua các hành lang đầu trần, chân đất. Tôi thét lên, tôi kêu cứu, nhưng người ta đã đánh chuông để báo cho mọi người không được ló mặt. Tôi kêu trời, tôi lăn xuống đất và họ cứ thế lôi tôi đi. Khi đến chân cầu thang, hai bàn chân tôi đẫm máu và hai ống chân tím bầm. Ai có tâm hồn sắt đá đến đâu cũng động lòng trước cảnh tượng đó. Với những chìa khóa to

tướng người ta mở cửa một cái hầm nhỏ tối tăm và tống tôi vào đấy quẳng tôi trên một chiếc chiếu ẩm ướt và mục nát. Ở đấy, tôi thấy có một mẩu bánh mì đen, một bình nước và vài chiếc bình thô cần thiết. Một đầu chiếu cuộn lại để gối đầu. Trên một phiến đá để một cái đầu lâu và một cây thánh giá bằng gỗ. Hành động đầu tiên của tôi là tự hủy hoại mình; tôi đưa hai tay lên cổ họng; tôi dùng răng cắn áo, tôi kêu la khủng khiếp; tôi rống lên như một con thú dữ; tôi đập đầu vào tường; người tôi đầy máu me; tôi tìm cách tự hủy hoại mình cho đến khi tôi không còn hơi sức nữa và điều đó cũng chẳng lâu la gì. Tôi ở trong hầm ba ngày; tôi cứ tưởng là phải ở suốt đời. Sáng sớm một trong những kẻ hành hạ tôi lại đến và nói với tôi: "Hãy vâng lời bà nhất đi, rồi chị sẽ được ra khỏi nơi này".

- Tôi không làm gì cả, tôi không biết người ta đòi hỏi gì ở tôi. Chao ôi! Chị Xanh Colêmăng, có một vị Chúa..." Ngày thứ ba, vào lúc chín giờ tối, người ta mở cửa hầm; vẫn là những tu nữ dẫn tôi đến hôm trước. Sau khi ca ngợi lòng tốt của bà nhất, họ cho tôi biết là bà đã tha tội cho tôi và họ đến đây để thả tôi ra.

- Muộn quá rồi, - tôi nói với họ, - để cho tôi ở đây. Tôi muốn chết ở đây.

Song họ cứ dựng tôi dậy và lôi tôi đi; họ đưa tôi vào một căn buồng, ở đó tôi gặp bà nhất.

- Ta đã cầu xin Chúa soi lòng về số phận của xơ. Người đã gợi mối từ tâm của ta; Người muốn ta thương xót xơ và ta vâng lời Người. Xơ quỳ xuống và xin Chúa tha tội cho.

Tôi quỳ xuống và nói:

- Lạy Chúa, con cầu xin Chúa tha thứ cho con về những lỗi lầm mà con đã mắc phải cũng như Chúa đã cầu xin cho con trên thánh giá.

- Kiêu ngạo làm sao! Các tu nữ la lên; nó ví nó như đức Chúa Giêsu và ví chúng ta như bọn Do Thái đã đóng đanh đức Chúa trên thánh giá.

- Các người không nên xét tôi, - tôi nói với họ, - mà hãy tự xét mình và phân xử.

- Chưa phải đã hết, - bà nhất tiếp, - nhân danh sự phục tùng thiêng liêng, xơ hãy thề rằng không bao giờ nói với ai về những việc đã xảy ra.

- Như vậy việc mẹ đã làm thật là không phải, vì mẹ buộc con phải thề giữ kín; sẽ không bao giờ ai biết được gì cả ngoài lương tâm mẹ, con xin thề như thế với mẹ.

- Xơ thề như thế?

- Vâng, con thề như thế!

Sau đó, các tu nữ lột bộ áo mà họ đã đưa cho tôi và trả lại bộ áo cũ để tôi mặc.

Tôi bị cảm lạnh. Tình hình sức khỏe của tôi rất gay go, khắp mình bị sây sát. Đã mấy ngày nay tôi chỉ uống vài giọt nước và ăn một ít bánh mì. Tôi nghĩ rằng đây là sự hành hạ cuối cùng mà tôi phải chịu đựng. Chẳng bao lâu tôi đã hoàn toàn bình phục. Những trận vùi dập phũ phàng chỉ có thể ảnh hưởng trong một thời gian ngắn, điều đó cho ta thấy sức sống của tuổi trẻ thật dồi dào. Khi ra khỏi nhà giam tôi nhận thấy cả tu viện đều tin rằng suốt trong thời gian ấy tôi bị ốm. Tôi lại làm công việc hàng ngày ở tu viện và lại đến nhà thờ. Tôi không

quên bản cáo trạng của tôi và chị tu sĩ trẻ mà tôi đã ủy thác. Tôi chắc rằng chị không phụ lòng tin của tôi đã ủy thác cho chị, nhưng cũng nghĩ rằng chị không thể giữ tập giấy ấy mà không lo lắng. Vài ngày sau, khi ra khỏi nhà giam, chúng tôi đang ở cung thánh, đúng vào lúc mà trước đây tôi đã trao bản cáo trạng cho chị, ai nấy đều quỳ gối và chụm đầu vào nhau, khuất hẳn sau ghế, thì tôi cảm thấy có người kéo nhẹ áo tôi. Tôi đưa tay ra sau và nhận được một mảnh giấy chỉ có mấy chữ: "Chị làm tôi lo lắng quá! Giờ tôi phải làm gì đây với tập giấy ác nghiệt ấy?" Đọc xong, tôi vò mảnh giấy và bỏ vào mồm nuốt chửng. Tất cả những việc ấy xảy ra vào đầu tuần chay. Sắp đến lúc mà các giới say mê âm nhạc ở Pari, gồm đủ hạng người, xấu tốt lẫn lộn, đến Lông săng để nghe hát. Giọng tôi rất tốt, tôi ít bị mất giọng. Ở tu viện người ta chú ý đến những cái gì có lợi cho tu viện, dù nhỏ nhất đi nữa. Người ta đối xử với tôi có khá hơn, tôi được tự do hơn một chút. Chị em được tôi dạy hát có thể gần tôi mà không bị phiền gì trong số đó có chị tu nữ mà tôi đã trao bản cáo trạng. Khi chúng tôi nghỉ ngơi ở vườn, tôi dẫn chị ra riêng một nơi, bảo chị hát và trong lúc chị hát tôi nói với chị:

- Chị quen biết nhiều người, còn tôi thì không quen ai cả. Tôi không muốn chị bị liên lụy; tôi muốn chết ở đây hơn là làm cho người ta nghi ngờ chị đã giúp tôi. Chị ạ, điều đó có thể làm cho chị nguy đấy, tôi biết lắm và như thế thì chị cũng chả cứu được tôi. Nếu như chị phải nguy khốn để giải thoát cho tôi thì tôi cũng không muốn được giải thoát với giá đó.

- Thôi hãy gác những chuyện ấy lại, - chị ta trả lời. - Bây giờ đây, cần phải làm gì?

- Cần phải đưa bản cáo trạng ấy một cách chắc chắn đến tận tay một trạng sư giỏi mà không cho ông ta biết từ tu viện nào đến và sau đó nhận thư trả lời của ông. Chị sẽ chuyển thư ấy cho tôi trong nhà thờ hoặc nơi nào khác cũng được.

- À, tôi muốn biết chị đã làm gì về mảnh giấy tôi đã đưa chị.

- Chị hãy yên tâm, tôi đã nuốt đi rồi.

- Chị cũng nên yên tâm, tôi sẽ nghĩ đến việc của chị.

Thưa ông, ông chú ý cho rằng trong lúc tôi hát thì chị ta nói, trong lúc chị ta hát thì tôi trả lời và câu chuyện của chúng tôi bị tiếng hát cắt quãng. Chị ấy đang còn ở trong tu viện. Hạnh phúc của chị ta ở trong tay ông. Nếu chẳng may người ta khám phá được việc chị ta giúp tôi, chị sẽ phải chịu mọi sự hành hạ. Tôi không muốn vì tôi mà chị ấy phải bị tống giam. Thà rằng tôi trở lại đó. Vậy xin ông hãy đốt những bức thư này đi, nếu ông nhận thấy nó không liên quan gì đến sự quan tâm của ông đối với số phận tôi thì không cần phải giữ lại làm gì.

Đó là điều mà tôi viết cho ông lúc bấy giờ. Nhưng, than ôi! Giờ đây chị ấy không còn nữa và tôi chỉ còn lại một mình...

Chị ta giữ lời hứa với tôi ngay, và báo tin cho tôi biết theo cách thức mà chúng tôi vẫn làm. Tuần lễ thánh tới; số người tham gia vào các buổi hát cầu kinh tắt đèn rất đông. Tôi hát khá nổi, tới mức có thể gây nên sự ồn

ào do những tiếng vỗ tay quá ầm ĩ mà người ta thường tặng cho các diễn viên kịch trong các rạp hát, mà không bao giờ lại được nghe trong các thánh đường của Chúa, nhất là trong những ngày long trọng và sầu thảm khi người ta tưởng niệm con trai của Người bị đóng đinh trên chữ thập để chuộc tội cho loài người. Các học sinh nhỏ của tôi được chuẩn bị chu đáo; một số có giọng hát tốt; còn hầu như tất cả đều biết cách biểu diễn và có năng khiếu; và theo tôi, công chúng đã nghe họ hát một cách thích thú, và tập thể giáo đoàn thì tỏ ra hài lòng về sự thành công của tôi.

Thưa ông, ông hẳn biết rằng vào ngày thứ năm xá tội, người ta chuyển Thánh thể từ thánh mạc đến một cung yên nghỉ đặc biệt, và thánh thể ở đó cho đến ngày thứ sáu thánh, khoảng cách thời gian đó tràn đầy những lời chúc tụng liên tục của các tu nữ; họ lần lượt người sau kẻ trước, hoặc từng đôi một bước tới nơi nghỉ. Có một tấm bảng chỉ dẫn cho mỗi người giờ nào họ được đến chúc tụng; tôi thật hài lòng, khi đọc thấy giòng chữ: Xơ Xanhtơ Xuydan và Xơ Xanhtơ Eyêcxuylơ từ hai đến ba giờ sáng! Tôi đến nơi nghỉ vào giờ đã định; bạn tôi đã có mặt ở đó. Chúng tôi đứng bên cạnh nhau trên các bậc thềm của nhà thờ; chúng tôi cùng quỳ lạy, cùng chúc tụng Chúa trong nửa tiếng đồng hồ. Sau thời gian ấy, người bạn gái trẻ của tôi chìa bàn tay ra nắm lấy tay tôi và nói:

"Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ có cơ hội trò chuyện với nhau lâu và thoải mái như thế này: Chúa hiểu rõ cuộc sống gò bó của chúng ta, và Người sẽ tha thứ cho chúng ta nếu chúng ta chia bớt một khoảng thời gian hoàn toàn do Người ban cho chúng ta. Tôi chưa đọc cuốn hồi ký của

chị; nhưng cũng dễ phỏng đoán nó chứa đựng nội dung gì rồi; tôi sẽ không ngừng có lời giải đáp về điều đó. Nhưng nếu lời giải đáp đó cho phép chị theo đuổi sự thực hiện những nguyện vọng của mình, thì há chị không thấy rằng nhất thiết chị phải thương thuyết với các viên chức ngành pháp lý?

- Đúng như vậy.

- Rằng chị cần thiết phải có tự do?

- Đúng như vậy.

- Rằng nếu chị biết cách làm, chị sẽ lợi dụng những thuận lợi hiện nay để tạo cho mình cái tự do ấy?

- Tôi đã nghĩ đến điều đó.

- Vậy chị sẽ làm như thế chứ?

- Tôi sẽ xem.

- Một điều khác; nếu công việc của chị bắt đầu, giáo đoàn sẽ trút tất cả sự phẫn nộ của họ lên đầu chị. Chị có hình dung được trước tất cả những hình phạt đang chờ đợi chị?

- Chúng sẽ không hơn gì những cảnh mà tôi đã trải qua.

- Tôi không đoán được là sẽ như thế nào.

- Xin lỗi chị. Trước hết người ta sẽ không dám tự tiện sử dụng tự do của tôi.

- Tại sao vậy?

- Vì lúc đó tôi sẽ sống dưới sự bảo vệ của pháp luật, tôi sẽ phải ra hầu tòa; nói cách khác, tôi sẽ sống ở giữa xã hội và nhà tù; tôi sẽ được phép ăn nói, được tự do kêu

ca cho mình; tôi sẽ phân bua với tất cả; người ta sẽ không dám gây ra một sự việc xấu xa mà tôi có thể kiện được. Người ta không thể làm cho sự việc xấu đi. Tôi không mong gì hơn là người ta sẽ hành động xấu với tôi; nhưng người ta sẽ không làm như vậy: chị hãy tin chắc rằng họ sẽ giữ một thái độ trái ngược lại. Người ta sẽ cầu khẩn tôi, người ta vẽ ra cho thấy tôi sẽ làm tổn hại đến bản thân mình và đến nhà tu như thế nào; và chị hãy nghĩ rằng người ta dùng lời dọa nạt tôi khi nào họ thấy rằng sự ngọt ngào và sự dụ dỗ không đưa đến kết quả gì, và người ta sẽ không dùng đến con đường võ lực.

- Nhưng thật là không thể tưởng tượng được tại sao chị lại thù ghét một cuộc sống trong đó chị hoàn thành thật là dễ dàng và thật là chu đáo nhiệm vụ của mình.

- Tôi cảm thấy sự thù ghét đó; khi sinh ra tôi đã mang nó trong người, và nó sẽ không từ bỏ tôi. Cuối cùng, tôi sẽ là một người nữ tu sĩ xấu; cần phải tránh trước cái ngày ấy.

- Nhưng nếu chẳng may chị ngã quy?

- Nếu tôi ngã quy xuống, tôi sẽ đòi chuyển tôi sang nhà tu khác, hoặc tôi sẽ chết trong nhà này.

- Người ta còn phải đau khổ lâu mới chết được. Ôi! Cô bạn thân mến, cuộc vận động của chị làm tôi run sợ; tôi lo rằng những lời thề của chị sẽ được hủy bỏ, cầu cho không phải là như thế. Nếu xóa được, số phận chị sẽ ra sao? Chị sẽ làm gì trong xã hội? Chị có nhan sắc, trí thông minh và tài năng; nhưng người ta nói những cái đó kèm theo tiết hạnh sẽ không đi đến đâu; mà tôi biết rằng chị sẽ không từ bỏ cái phẩm chất cuối cùng này.

- Chị đánh giá tôi một cách công bằng, nhưng không đánh giá đúng đức hạnh; mà tôi thì chỉ quan tâm đến đức hạnh; nó càng hiếm hoi trong xã hội loài người thì nó càng phải được coi trọng.

- Người ta khen ngợi nó, nhưng người ta không làm gì cho nó cả.

- Chính nó khuyến khích và nâng đỡ tôi trong dự định của mình. Dầu người ta viện chứng để phản đối tôi như thế nào, người ta cũng sẽ phải kính trọng tư cách của tôi; ít nhất, người ta sẽ không nói, như về phần lớn những người khác, là tôi đã bị lôi kéo ra khỏi cuộc sống tu hành do một dục vọng phóng đãng: tôi không gặp mặt ai, tôi không hề quen biết một người nào. Tôi đòi hỏi được tự do, vì việc hy sinh tự do của tôi đã là một việc làm không tự nguyện. Chị đã đọc hồi ký của tôi chưa?

- Chưa; tôi đã mở cái gói mà chị đưa cho tôi vì trên gói không đề địa chỉ, tôi đã nghĩ chị gửi nó cho tôi, nhưng những dòng đầu tiên đã cho tôi thấy là mình nhầm, và tôi đã không đi xa hơn nữa. Linh tính của chị thật là nhạy khi chị giao nó cho tôi! Chậm một chút nữa người ta sẽ tìm thấy nó trên người chị... Nhưng thôi, giờ nguyện của chúng ta sắp hết, chúng ta hãy quỳ xuống sao cho những kẻ tiếp theo ta sẽ nhìn thấy chúng ta trong một tư thế đúng phép. Hãy cầu nguyện Chúa soi sáng cho chị và dẫn dắt chị; tôi sẽ hòa lời cầu nguyện và những tiếng thở dài của mình vào những lời cầu nguyện và những tiếng thở dài của chị.

Tâm hồn tôi phần nào được khuây khỏa. Người bạn gái của tôi cầu nguyện, người đứng thẳng, còn tôi thì quỳ

xuống; trán cúi sát bậc thềm cuối cùng của bàn thờ, đôi cánh tay giang ra đặt lên những bậc trên. Tôi nghĩ chưa bao giờ tôi lại cầu nguyện Chúa với một niềm an ủi và nhiệt tình hơn như thế. Tim tôi đập dữ dội, trong giây phút, tôi quên hết những gì diễn ra quanh tôi. Tôi không biết tôi đã đứng trong tư thế như vậy trong bao lâu, cũng như không biết tôi sẽ có thể đứng đấy bao lâu nữa; nhưng rõ ràng là tôi đã tạo nên một cảnh tượng khá cảm động đối với người bạn gái của tôi và đối với hai người nữ tu sĩ vừa đến. Khi tôi đứng dậy, tôi tưởng rằng tôi chỉ có một mình; tôi nhầm, cả ba người đều đứng sau lưng tôi giàn giụa nước mắt: họ không dám cắt đứt dòng cảm xúc của tôi; họ chờ cho tôi qua cơn xúc cảm mạnh mẽ và chứa chan. Khi tôi ngoảnh mặt về phía họ, hẳn nét mặt tôi khá trang nghiêm, nếu xét qua tác động mà nó gây nên ở họ và qua lời họ nói rằng lúc đó tôi giống như bà nhất cũ, khi bà an ủi chúng tôi, họ nói rằng nét mặt của tôi đã gây nên ở họ một sự rung động tương tự. Nếu như tôi có chút ít khuynh hướng đóng một vai đạo đức giả hay một vai cuồng tín, và nếu tôi muốn leo lên một chức vụ gì đó trong nhà tu, thì không nghi ngờ gì tôi đã thành công. Tâm hồn tôi dễ trở nên sôi nổi, hưng phấn, xúc động, và cái bà nhất tốt bụng đó đã hàng trăm lần nói với tôi, khi bà ôm hôn tôi, rằng không ai có thể yêu Chúa hơn tôi; rằng tôi có một trái tim bằng thịt, còn những người khác thì là một trái tim bằng đá. Chắc chắn là tôi rất dễ chia sẻ trạng thái hưng phấn của bà; và trong những lời cầu nguyện mà bà đọc to, đôi lúc tôi cũng lên tiếng, cũng theo đuổi dòng suy nghĩ của bà và, như thế là có một nguồn cảm hứng, tôi đã bắt gặp một phần những điều mà bản

thân bà có thể nói. Những người khác im lặng nghe bà, hoặc là nói theo bà, còn tôi thì ngắt lời bà, hoặc là nói trước bà hay nói với bà. Tôi giữ rất lâu cái ấn tượng mà tôi đã có; và bề ngoài tôi phải hoàn lại cho bà một cái gì đó, bởi vì, nếu người ta nhận rõ trong những người khác rằng họ đã nói chuyện với bà, thì người ta lại nhận rõ ở bà rằng bà đã nói chuyện với tôi. Nhưng cái đó có ý nghĩa gì, khi không có sự sùng đạo?... Giờ nguyện xong, chúng tôi nhường chỗ cho những người kế tiếp mình, người bạn gái trẻ và tôi ôm hôn nhau rất dịu dàng trước khi chia tay nhau.

Câu chuyện xảy ra ở cung nghỉ gây khá nhiều xôn xao trong nhà tu; thêm vào đó, phải nói đến sự thành công của buổi hát cầu kinh ngày thứ sáu thánh: tôi hát, tôi chơi đại phong cầm, tôi được vỗ tay hoan nghênh. Ôi những cái đầu điên loạn của các nữ tu sĩ. Tôi hầu như không phải làm gì mà cũng dàn hòa được với tất cả giáo đoàn; họ đến với tôi trước, bà nhất là người đầu tiên. Đôi người thuộc giới thượng lưu tìm cách làm quen với tôi; điều đó khá phù hợp với dự định của tôi nên tôi không từ chối. Tôi gặp quan chánh nhất, bà Đơ Xubidơ và một lô những nhà quý tộc, những thầy tu, những vị tư tế, những quan chức nhà binh, những quan tư pháp, những bà mộ đạo, những phụ nữ thượng lưu; ngoài những người này, còn một lũ ngu ngốc được mệnh danh là các nhà quý tộc mang giày *gót đỏ* (1) mà tôi mời ngay ra khỏi cửa. Tôi chỉ giao thiệp với những người mà người ta không thể chê

---

(1) Triều thần mang giày gót đỏ để chứng tỏ mình thuộc từng lớp quý tộc.

trách tôi được; còn lại tôi để mặc các nữ tu sĩ vốn không đến nỗi khó tính lắm.

Tôi quên nói với ông rằng cái dấu hiệu tử tế đầu tiên mà người ta ban cho tôi là người ta đã cho tôi trở lại căn phòng nhỏ của mình. Tôi đã mạnh dạn xin lại bức chân dung nhỏ của bà nhất cũ; và người ta đã không từ chối. Nó đã chiếm lại vị trí của mình trên trái tim tôi và nó sẽ ở đó mãi mãi khi tôi còn sống. Sáng sáng, cử chỉ đầu tiên của tôi là dâng tâm hồn mình lên cho Chúa, cử chỉ thứ hai là hôn bức chân dung; mỗi khi muốn cầu nguyện nhưng cảm thấy tâm hồn mình lạnh lẽo, tôi liền gỡ nó ra khỏi cổ để trước mặt rồi nhìn nó và nó đã khiến tôi xúc động. Thật đáng tiếc là chúng ta đã không biết những nhân vật thần thánh mà tượng thần còn lại vẫn để chúng ta phải tôn kính; hẳn là họ sẽ gây nên một ấn tượng khác đối với chúng ta; họ sẽ không để chúng ta quỳ dưới chân họ hoặc đứng trước mặt họ mà trong lòng vẫn lạnh lùng.

Tôi nhận được thư trả lời về bản cáo trạng; một ông tên là Manuri (1) viết cho tôi, không tán thành mà cũng không phản đối. Trước khi phát biểu ý kiến về công việc của tôi, ông muốn biết hàng loạt những vấn đề khác nữa mà tôi khó lòng bày tỏ trong khi tôi không được trực tiếp gặp ông. Vì thế tôi nói thật tên tôi và yêu cầu ông Manuri đến Lôngsăng. Các ngài ấy không dễ gì mà chịu ra khỏi cửa, nhưng rồi ông cũng đến. Tôi và ông nói chuyện rất lâu. Chúng tôi thỏa thuận với nhau về cách trao đổi thư

---

(1) Một trạng sư nổi tiếng lúc bấy giờ.

từ theo đó ông sẽ gửi tới tôi một cách chắc chắn những câu hỏi và tôi sẽ gửi thư trả lời lại. Về phần tôi, lợi dụng khoảng thời gian mà ông dành vào vụ kiện của tôi, tôi tìm cách làm cho người ngoài tin tôi, chú ý đến tôi và bênh vực tôi. Tôi nói tên tôi cho họ biết, tôi kể lại những việc đã làm ở tu viện trước kia, những đau khổ mà tôi đã phải chịu ở nhà cha mẹ cũng như ở tu viện, vụ phản kháng của tôi ở Xanhtơ Mari, những ngày ở Lôngsăng, lễ mặc áo tu sĩ, lễ phát nguyện. Tôi cũng nói hết những hình phạt tàn bạo đối với tôi từ khi tôi đã làm lễ phát nguyện. Người ta tỏ lòng thương xót tôi, muốn giúp đỡ tôi; tôi ghi tạc lòng tốt của họ, hứa là sau này khi cần đến sẽ nhờ họ giúp đỡ và không nói gì hơn. Trong tu viện không ai hay biết gì cả. Tôi cũng nhận được giấy cho phép khiếu nại về lễ phát nguyện của tôi từ Rôm gửi đến. Vụ kiện sắp tiến hành, nhưng ở đây tuyệt nhiên không ai hay biết gì cả. Ông thử tưởng tượng bà nhất ngạc nhiên biết chừng nào khi người ta thông đạt cho bà biết lời kháng nghị về lễ phát nguyện của nữ tu sĩ Mari Xuydan Ximônanh với lời thỉnh cầu được bỏ áo tu hành và ra khỏi tu viện để sống theo ý mình.

Tôi thấy trước là tôi sẽ gặp nhiều phản ứng của tu viện, của luật pháp, của hai anh rể và hai chị tôi. Họ hoảng hốt, lo lắng, vì họ đã thu tóm hết cả của cải trong gia đình và cho rằng, sau khi được tự do, tôi có thể đòi lại phần khá lớn của cải ấy. Tôi viết thư cho hai chị tôi, yêu cầu họ đừng gây trở ngại gì trong việc tôi ra khỏi tu viện. Tôi kêu gọi lương tâm họ, cho họ biết rằng việc tôi làm lễ phát nguyện là bị bắt buộc. Bằng một chứng thư chính thức gửi cho họ, tôi cam kết từ bỏ mọi tham vọng

về quyền thừa kế tài sản của bố mẹ. Tôi tìm mọi cách để làm cho họ tin rằng việc tôi làm không phải là do tư lợi hay lòng căm giận thôi thúc. Tôi không làm được cho họ bỏ những cảm nghĩ của họ. Họ cho rằng chứng từ mà tôi viết cho họ, khi tôi còn ở tu viện, sau này có thể không có hiệu quả, họ lo rằng khi được tự do tôi sẽ phủ nhận những đề nghị của tôi: mặt khác chấp nhận những đề nghị ấy có tiện cho họ không? Có nên để cho một cô em không nhà cửa, không của cải không? Liệu có thể hưởng được phần gia tài của nó không? Thiên hạ sẽ nói gì? Nếu cô ta đến xin ăn, liệu có từ chối được không? Nếu cô ta hứng chí lên mà lấy chồng thì cô ta sẽ lấy hạng người nào? Rồi nếu cô ta có con?... Phải ra sức chống lại cái ý định nguy hiểm ấy... Đó là những điều mà hai chị tôi đã tự nhủ và thi hành.

Khi bà nhất vừa nhận được giấy báo của tòa án về vụ kiện của tôi thì bà vội chạy đến buồng tôi. Bà hỏi:

- Thế nào, xơ Xuydan, xơ muốn từ bỏ chúng tôi sao?

- Thưa mẹ, vâng.

- Và xơ kháng cáo về lễ phát nguyện của xơ?

- Thưa mẹ, vâng.

- Chẳng phải xơ đã tự ý phát nguyện đó sao?

- Thưa mẹ, không.

- Thế thì ai đã bắt buộc xơ?

- Mọi người.

- Cụ thân sinh ra xơ.

- Cha con.

- Bà thân sinh ra xơ?

- Chính mẹ con.

- Nhưng tại sao xơ không kháng nghị trước bàn thờ khi làm lễ.

- Lúc ấy hầu như con không biết gì cả, đến nỗi con cũng không còn nhớ là con có dự lễ hôm ấy hay không?

- Xơ có thể nói như thế sao?

- Con nói sự thật.

- Thế nào! Xơ không nghe cha giáo sĩ hỏi: "Xanhtơ Xuydan Ximônanh, con có hứa với Chúa nguyện phục tùng, giữ gìn trinh tiết và chịu bần khổ không?"

- Con không còn nhớ nữa.

- Chẳng phải xơ đã trả lời "Vâng" đó sao?

- Con không còn nhớ nữa.

- Xơ tưởng rằng người ta tin lời xơ hay sao?

- Tin hay không, nhưng sự thật là như thế.

- Con ạ! Nếu người ta nghe được những lời lẽ như thế thì hậu quả thật là tai hại. Con đã làm một việc thiếu suy nghĩ, con đã bị lòng trả thù lôi kéo. Những trừng phạt mà con buộc ta phải thi hành, con khắc sâu trong lòng và cho rằng như thế cũng đủ để con hủy bỏ lời phát nguyện. Con lầm rồi: điều ấy không thể được trước mọi người cũng như trước Chúa. Con phải biết rằng phản bội lời thề là tội lớn nhất. Con đã phạm tội đó trong tâm hồn và bây giờ đây con toan thực hiện bằng hành động.

- Con không phản bội gì cả, vì con không thề gì hết.

- Nếu người ta đã phạm đôi chút sai lầm đối với con thì những sai lầm đó chẳng đã được sửa chữa rồi là gì?

- Không phải những sai lầm ấy quyết định việc làm của con...

- Thế thì cái gì?

- Vì không được Chúa gọi, vì không được tự do trong lễ phát nguyện.

- Nếu con không được Chúa gọi, nếu con bị bắt buộc thế tại sao con lại không nói trong lúc còn có thể nói được?

- Điều đó có ích gì cho con đâu?

- Tại sao con không hành động một cách cương quyết như khi ở tu viện Xanhtơ Mari?

- Nhưng sự cương quyết có phải tùy thuộc ở chúng con đâu? Lần đầu con cương quyết, nhưng lần thứ hai thì con trở nên đần độn.

- Tại sao con không nhờ một luật sư? Tại sao con không phản đối? Con có quyền tuyên bố từ bỏ lời thề trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ kia mà.

- Con có biết gì về những quy tắc đó đâu? Nhưng nếu có biết đi nữa thì làm thế nào con có hoàn cảnh để thực hiện? Mà cho dù có hoàn cảnh đi nữa thì thử hỏi con có thể thực hiện được không? Thưa mẹ, chẳng lẽ mẹ không nhận thấy rằng lúc ấy tinh thần con rối loạn sao? Nếu con nhờ mẹ làm chứng, liệu mẹ có thề rằng tâm trí con vẫn còn lành mạnh không?

- Đúng, ta sẽ thề như thế.

- Thế thì, thưa mẹ, chính mẹ, chứ không phải con là người thề gian.

- Con ạ! Con sắp làm ầm lên vô ích mà thôi. Vì lợi ích của bản thân con cũng như của cả tu viện ta mong con hãy suy nghĩ lại. Không bao giờ thiên hạ theo dõi những việc như thế mà lại không rêu rao bàn luận.

- Đó không phải là lỗi tại con.

- Người đời độc ác lắm. Người ta sẽ đặt ra những giả thiết hết sức không lợi đối với tâm trí cũng như với phẩm hạnh của con. Người ta sẽ nghĩ rằng...

- Muốn nghĩ gì thì nghĩ.

- Nhưng con hãy nói thẳng thắn với mẹ, nếu con có điều gì bất bình âm thầm, dầu là điều gì đi nữa, cũng cần có phương cứu chữa.

- Con đã, đang và sẽ suốt đời không vừa ý về cuộc đời tu hành của con.

- Phải chăng con quỷ cám dỗ vốn luôn luôn vây quanh chúng ta và tìm mọi cách để hại ta, đã thừa lúc người ta để cho con quá tự do ít lâu nay để gieo vào óc con một ý nghĩ nguy hiểm nào đó?

- Thưa mẹ, không ạ. Mẹ biết rằng con không thề một cách dễ dàng. Xin Chúa hãy chứng giám cho tấm lòng trong sạch của con, chưa bao giờ con có một tình cảm đáng hổ thẹn.

- Điều đó không thể hiểu được.

- Nhưng, thưa mẹ, không gì dễ hiểu bằng. Mỗi người có cá tính của mình và con có cá tính của con. Mẹ thích cuộc đời trong tu viện, còn con thì con ghét cuộc đời ấy.

Mẹ theo đuổi nghiệp tu hành là nhờ ơn Chúa giáng phúc, còn con thì chả được Chúa ban cho phúc đó. Ở ngoài đời, mẹ sẽ bị lạc lõng và mẹ tìm ở đây một lối thoát chắc chắn; còn con, trái lại, ở đây con sẽ chết mất và con hy vọng được cứu thoát ở ngoài đời; con là một tu nữ xấu và mãi mãi sẽ là một tu nữ xấu.

- Nhưng tại sao thế? Không ai hoàn thành bổn phận tốt hơn con.

- Vâng, nhưng chỉ là miễn cưỡng, và đau khổ vô cùng.

- Chính vì vậy mà con càng xứng đáng được khen ngợi.

- Không ai có thể biết hơn con rằng con xứng đáng với cái gì; và con buộc lòng phải tự thú nhận rằng chính trong khi con chịu phục tùng tất cả, là khi con không xứng đáng với cái gì hết. Con chán lối sống giả dối. Trong khi làm những việc thường cứu thoát kẻ khác thì con tự chán ghét con và tự mình làm khổ mình. Tóm lại, thưa mẹ, đối với con, những tu nữ chân chính là những người đến đây vì thích ở ẩn và họ cứ ở mãi ở đây, dù xung quanh họ không có tường cao, rào sắt giữ họ lại. Còn con tuyệt nhiên không phải là người trong số đó: thân thể con ở đây, nhưng trái tim con không ở đây mà ở bên ngoài kia, và nếu con phải chọn giữa cái chết và cảnh tù chung thân này thì con chọn cái chết không chút do dự. Đó là những ý nghĩ của con.

- Lạ chưa! Con từ bỏ không chút hối tiếc cái khăn trùm này, bộ áo này, những thứ đã hiến dâng con cho Giêsu Corit sao?

- Vâng, thưa mẹ, vì con đã mang những thứ ấy không suy nghĩ và không có tự do...

Tôi trả lời bà ta như vậy là ôn hòa lắm, vì đó không phải là tiếng nói của thâm tâm tôi. Nó nói với tôi khác kia:

"Ôi! Tiếc rằng chưa phải lúc để ta có thể xé nát và vứt bỏ những thứ ấy ra xa...".

Vậy mà câu trả lời của tôi đã làm cho bà khiếp sợ; bà tái mặt, bà con muốn nói nữa, nhưng môi bà run bần bật, bà không biết còn nên nói gì với tôi. Tôi bước từng bước dài trong phòng. Bà la lên:

- Lạy Chúa! Các tu nữ của chúng ta sẽ nói gì? Giêsu! Xin người hãy rũ lòng thương hại cô ta! Xơ Xuydan!

- Thưa mẹ...

- Con quyết định dứt khoát như thế rồi sao? Con muốn làm sỉ nhục chúng ta, làm cho chúng ta trở thành trò cười cho thiên hạ và tự mình làm hại mình sao?

- Con muốn ra khỏi nơi này.

- Nếu chỉ là con không thích tu viện này..

- Không thích tu viện, không thích cuộc đời tu hành, không thích tôn giáo; con không muốn bị giam cầm, dù là ở đây hay ở nơi nào khác.

- Con ơi! Con bị ma quỷ ám ảnh rồi. Chính nó đã kích động con, đã làm cho con nói năng như thế, đã làm cho con trở nên cuồng loạn. Hoàn toàn đúng như thế rồi. Con thử nhìn xem, khăn áo xốc xếch chưa kìa!

Thực thế, nhìn vào mình, tôi thấy khăn áo xốc xếch, khăn trùm đầu gần như xoay ngược lại, đằng trước ra đằng sau, còn khăn quàng thì rơi xuống vai. Những lời nói của cái bà nhất độc ác ấy, giọng dịu dàng giả tạo, làm tôi chán ngấy. Tôi tức giận nói với bà ta:

- Không, thưa mẹ, không, con không muốn thứ áo khăn này, con không muốn nữa.

Tuy vậy, tôi cũng sửa lại khăn quàng cho chỉnh tề, nhưng hai bàn tay run rẩy và càng cố sửa thì lại càng làm cho nó xốc xếch thêm. Bực mình, tôi giật phăng ra, ném xuống đất và đứng trước bà nhất, trán chít một dải băng, đầu tóc rối bù. Bà không biết có nên ở lại hay không, bà đi đi lại lại trong phòng và nói:

- Giêsu! Nó bị ma quỷ ám ảnh rồi. Không nghi ngờ gì nữa, nó bị quỷ ám rồi...

Rồi con người giả dối ấy làm dấu bằng chiếc thánh giá đeo ở chuỗi tràng hạt.

Tôi nhanh chóng trở lại tỉnh táo và cảm thấy trang phục của mình không được chỉnh tề cũng như lời nói của mình không thận trọng. Tôi cố gắng sửa sang lại y phục, tôi nhặt khăn lên và quàng lại. Rồi, quay về phía bà, tôi nói:

- Thưa mẹ, con không điên và cũng không bị ma quỷ ám ảnh; con lấy làm hổ thẹn về những cử chỉ quá khích vừa rồi và xin mẹ tha thứ cho con. Nhưng mẹ thấy đấy: cuộc sống tu hành thật ít thích hợp với con và việc con tìm cách để thoát khỏi nó nếu có thể, là rất chính đáng.

Không nghe tôi nói, bà cứ nhắc đi nhắc lại: "Thiên hạ sẽ nói thế nào đây? Các tu nữ của chúng ta sẽ nói thế nào đây?".

- Thưa mẹ, tôi nói, mẹ muốn tránh tai tiếng phải không? Có thể được. Con không đòi lại số tiền đã nộp vào tu viện mà chỉ xin được tự do: con không xin mẹ mở cửa tu viện cho con, mà chỉ yêu cầu mẹ làm sao hôm nay,

ngày mai, hoặc ít bữa nữa, người ta giữ cửa bớt nghiêm ngặt hơn; và sau đó, mẹ sẽ nhận được tin con đi trốn càng muộn càng hay...

- Đồ khốn kiếp! Ngươi cả gan đề nghị với ta cái gì vậy?

- Con chỉ có một lời khuyên mà một bà nhất tốt và khôn ngoan cần phải theo đối với tất cả những chị em nào xem tu viện là một nhà tù. Đối với con thì tu viện đáng gờm một nghìn lần hơn là những nhà tù nhốt các tội phạm. Hoặc con ra khỏi đây, hoặc chết ở đây.

Với một giọng dõng dạc và cái nhìn quả quyết, tôi tiếp tục: "Thưa mẹ, mẹ nghe con, nếu luật lệ mà con nhờ đến phụ lòng mong đợi của con thì sự thất vọng - mà con đã từng trải quá nhiều rồi - có thể đẩy con đến... Ở đây có một cái giếng... trong tu viện có nhiều cửa sổ... xung quanh đâu đâu cũng có tường... có thể xé áo ra... có hai bàn tay để...".

- Thôi, thôi, đồ khốn kiếp! Ngươi làm ta run sợ. Sao? Người có thể...

- Nếu không có cách gì để kết thúc nhanh chóng những nỗi đau khổ của cuộc đời thì con có thể tuyệt thực. Người ta có thể làm chủ được mình trong việc ăn uống. Nếu sau các điều con vừa nói với mẹ con có can đảm... mà mẹ biết rằng con có đủ can đảm; mẹ cũng biết rằng có những khi cần có can đảm để sống hơn là để chết... mẹ thử tưởng tượng và nói cho con biết: trước sự phán xét của Chúa, ai là người có tội hơn, bà nhất hay tu nữ của bà. Con không đòi lại và sẽ không bao giờ đòi lại một

tí gì cả ở nhà này; đừng làm cho con phải phạm một trọng tội, phải hối hận nhiều; hãy thỏa thuận với nhau như vậy.

- Xanhtơ Xuydan! Xơ nghĩ sao! Xơ muốn ta vi phạm bổn phận hàng đầu của ta sao? Muốn ta nhúng tay vào một tội ác sao? Muốn ta đồng lõa với tội phạm thánh sao?

- Tội phạm thánh thật sự, thưa mẹ, chính con ngày nào cũng mắc phải vì con coi khinh những thánh phục mà con mặc. Hãy cởi ra cho con, con không xứng đáng được mặc những thứ ấy. Hãy tìm ở trong làng cho con một mảnh áo rách rưới của một chị nông dân nghèo khổ nhất và hãy hé mở cửa tu viện cho con.

- Thế con sẽ đi đâu để được sung sướng hơn?

- Con không biết con sẽ đi đâu, nhưng có điều là người ta chỉ khổ ở nơi nào mà Chúa không muốn ta ở và Chúa không muốn con ở đây chút nào.

- Con không có gì trong tay.

- Đúng như thế, nhưng sự nghèo khó không phải là điều mà con sợ nhất.

- Hãy đề chừng những sai lầm mà cảnh nghèo khó sẽ đưa người ta đến.

- Quá khứ của con có thể bảo đảm cho tương lai. Nếu con nghe theo tiếng gọi của tội ác thì con đã được tự do, nhưng con muốn ra khỏi nhà này hoặc do sự đồng ý của mẹ hoặc do quyền lực của pháp luật. Mẹ có thể chọn...

Câu chuyện đã diễn ra khá lâu. Sau đó, nhớ lại những điều đã nói và đã làm, tôi thấy những điều tôi đã nói và đã làm thô lỗ và lố lăng quá: tôi lấy làm xấu hổ; nhưng muộn quá rồi. Trong khi bà nhất còn thốt lên:

"Thiên hạ sẽ nói gì? Các tu nữ của chúng ta sẽ nói gì?" thì tiếng chuông lễ vẳng lên làm chúng tôi phải chia tay. Khi từ giã tôi, bà nhất còn nói:

- Xanhtơ Xuydan, xơ hãy đi đến nhà thờ, cầu xin Chúa ban phước cho con và hoàn lại chí tu hành cho con. Hãy tự vấn lương tâm và hãy tin điều lương tâm nói không thể nào lương tâm không khiển trách con. Thôi, ta miễn cho con khỏi phải hát.

Bà nhất và tôi xuống gác hầu như cùng một lúc. Khi buổi lễ kết thúc và khi các tu nữ sắp ra về, bà vỗ vào quyển sách kinh của bà, bảo họ đứng lại và nói:

- Hỡi các con! Các con hãy quỳ gối dưới bàn thờ để cầu xin Chúa hãy rũ lòng thương một tu nữ mà Người đã từ bỏ, một tu nữ không còn lòng mộ đạo, không còn chí tu hành, và sắp mắc phải một hành động phạm thượng đối với Chúa và đáng hổ thẹn đối với người đời.

Tôi không thể tả lại cho ông biết sự ngạc nhiên của mọi người. Trong nháy mắt, các tu nữ nhìn nhau, không một ai nhúc nhích, hy vọng rằng có thể nhìn thấy vẻ bối rối của một người nào đó để phát hiện ra thủ phạm. Mọi người đều quỳ xuống và cầu nguyện trong im lặng. Sau một lúc khá lâu, bà nhất khe khẽ hát bài *Vêni Coreato* và tất cả cùng đều khe khẽ hát theo. Sau một lúc im lặng nữa bà nhất gõ vào giá để sách kinh và tất cả đều đi ra.

Ông thử tưởng tượng những lời bàn tán xôn xao của cả tu viện: "Ai vậy? Ai thế nhỉ? Chị ta đã làm gì? Chị ta định làm gì?..." Chẳng bao lâu sự ngờ vực ấy cũng chấm dứt. Việc kiện của tôi đã bắt đầu có tiếng vang bên ngoài. Người ta liên tục đến thăm hỏi tôi, có người khiển trách

tôi, có người khuyên nhủ tôi, có những người đồng tình, có những kẻ lên án. Trước mọi người, tôi chỉ có một cách bào chữa là cho họ biết cha mẹ tôi đã cư xử với tôi như thế nào. Chỉ với một số người thực lòng gắn bó với tôi, và với ông Manuri, người đang lo công việc của tôi, tôi mới dám nói hết. Khi những đau khổ đe dọa tôi, làm cho tôi lo sợ thì cái hầm giam, mà trước đây tôi đã bị tống vào một lần, hiện lên trong óc tôi với tất cả sự khủng khiếp của nó. Tôi biết các tu nữ căm giận tôi. Tôi ngỏ những nỗi lo sợ ấy với ông Manuri, ông bảo tôi: "Khó mà tránh được tất cả đau khổ: đau khổ sẽ đến, cô phải sẵn sàng chờ đợi, cần phải kiên nhẫn và vững lòng, hy vọng rằng những nỗi đau khổ ấy sẽ chấm dứt. Còn về cái hầm giam ấy, tôi hứa với cô là không bao giờ cô lại vào trong ấy nữa, đó là công việc của tôi..." Thật thế, một vài ngày sau, ông đưa đến cho bà nhất một tờ lệnh là bất cứ lúc nào, nếu cần, bà cũng phải để cho tôi ra phòng khách.

Ngày hôm sau, khi làm lễ xong, cả tu viện lại cầu nguyện cho tôi: người ta cầu nguyện trong im lặng, và cũng khẽ hát bài hôm qua. Ngày thứ ba cũng thế, có khác là người ta bắt tôi đứng giữa cung thánh và người ta đọc những bài kinh cầu nguyện cho những người hấp hối, kinh cầu đảo các thánh với cái điệp khúc *ora proeâ* (1). Ngày thứ tư là một cái lễ nhố nhăng, làm rõ thêm tính chất quái gở của bà nhất. Sau khi làm lễ, người ta bắt tôi nằm trong một cỗ quan tài đặt giữa cung thánh, xung quanh có thắp nến và có đặt một chậu nước thánh. Người ta

---

(1) Cầu nguyện cho chị ta (N.D.).

trùm lên tôi một tấm vải liệm và đọc một bài kinh truy điệu. Sau đó, mỗi tu nữ khi đi ra đều rảy nước thánh vào người tôi và nói: *Requiescat inpace* (1). Phải hiểu được tiếng nói trong nhà tu thì mới biết được sự đe dọa chứa đựng trong những tiếng cuối cùng ấy. Hai tu nữ giở khăn liệm ra, tắt nến và bỏ đi, để tôi lại đó ướt như chuột lột: họ đã có ác ý tưới nước vào người tôi. Bộ áo khô dần trên mình tôi; tôi không có gì để thay cả. Tiếp theo nhục hình ấy là một nhục hình khác. Cả tu viện tập trung lại, người ta nhìn tôi như một người bị Chúa trừng phạt và xem hành động của tôi như sự bội giáo. Người ta ngăn cấm tất cả các tu nữ không ai được nói chuyện với tôi, giúp đỡ tôi, đến gần tôi, ngay cả đến đồ vật mà tôi đã dùng. Người ta bắt thi hành những mệnh lệnh ấy một cách khắt khe. Các hành lang của tu viện rất hẹp, có một đôi chỗ hai người khó lòng mà đi ngang nhau được. Nếu chẳng may có một tu nữ nào gặp tôi trong hành lang thì hoặc chị trở lui, hoặc chị ép sát mình vào tường, giữ lấy khăn áo vì sợ chạm phải khăn áo tôi. Nếu tôi muốn đưa ai vật gì, tôi phải đặt nó xuống đất và người ấy sẽ lấy vải lót tay mà cầm lên. Nếu ai muốn đưa cho tôi vật gì, họ vứt cho tôi.

Nếu có ai chẳng may đụng vào tôi, người ấy cho là bị ô uế và đến thú tội ngay với bà nhất để được ân xá. Người ta nói rằng nịnh hót là hèn hạ và xấu xa; thói ấy lại càng tàn bạo và nham hiểm khi người ta nịnh hót để lấy lòng một kẻ nào đó bằng cách nghĩ ra những nhục

---

(1) Hãy yên nghỉ (N.D.).

hình đối với một người khác. Đã biết bao lần tôi nhớ lại lời của bà nhất đơ Môni hiện giờ đang ở trên thiên đường. "Con ạ! Trong tất cả những người ở xung quanh chúng ta, những người rất mực ngoan ngoãn, trong trắng, dịu dàng, hầu như không có một người nào, phải, không một người nào mà mẹ không thể làm cho họ trở thành một con thú dữ. Một sự biến đổi lạ lùng! Và một cô gái vào tu viện càng sớm, càng ít hiểu biết cuộc đời, thì sự biến đổi ấy lại càng dễ dàng. Những lời lẽ ấy chắc làm cho con ngạc nhiên, cầu Chúa cho con khỏi phải trải qua sự thật ấy. Xơ Xuydan ạ, một tu nữ tốt là người vào tu viện để chuộc một trọng tội nào đó".

Người ta không cho tôi làm một công việc gì. Ở nhà thờ, người ta chừa hai ghế trống ở hai bên ghế tôi ngồi; ở nhà ăn, tôi ngồi một mình một bàn; người ta không dọn thức ăn cho tôi, tôi buộc phải xuống bếp để hỏi suất ăn của tôi. Lần đầu tiên bà tu nữ nấu bếp la lên: "Đừng vào, ra đi!".

Tôi vâng lời bà.

- Xơ muốn gì?

- Tôi muốn ăn.

- Ăn à? Xơ không đáng sống...

Có khi tôi trở về và cả ngày không ăn gì cả, có khi tôi nằn nì; người ta đặt thức ăn lên bục cửa, những thức ăn mà giá có đem cho gia súc ăn thì người ta cũng phải lấy làm ngượng. Tôi nhặt lấy, nước mắt chan hòa, rồi đi ra. Nếu tôi là người cuối cùng đến cung thánh thì tôi thấy cửa đóng. Tôi quỳ trước cửa và đợi cho đến khi buổi lễ kết thúc. Nếu lễ làm ở ngoài vườn thì tôi trở về buồng.

Sức khỏe tôi giảm sút vì ăn thiếu, thức ăn lại quá tồi, và nhất là vì phải chịu đựng những đau khổ mà người ta đã liên tiếp gây ra cho tôi do lòng vô nhân đạo. Tôi cảm thấy nếu cứ tiếp tục chịu đau khổ mà không kêu ca phản đối thì vụ kiện của tôi sẽ không bao giờ kết thúc. Vì thế, tôi quyết định nói chuyện với bà nhất. Tôi sợ khiếp hồn khiếp vía, song tôi vẫn cứ đến buồng bà và khẽ gõ vào cửa; nhưng khi thấy tôi, bà lùi lại mấy bước và la lên:

- Đồ bội giáo, hãy tránh xa ra.

Tôi tránh ra.

- Xa nữa.

Tôi tránh xa hơn.

- Xơ muốn gì?

- Vì rằng Chúa, cũng như người đời, chưa ai kết con vào tội chết nên con mong mẹ ra lệnh để người ta cho con sống.

- Sống à? Xơ còn đáng sống không? - Bà lắp lại câu nói của bà tu nữ đầu bếp.

- Chỉ có Chúa mới biết được. Nhưng con xin nói trước với bà rằng nếu người ta không cho con ăn thì con buộc phải đem việc ấy kêu với những người nhận che chở cho con. Con chỉ ở đây tạm thời cho đến khi nào cuộc sống của con, số phận của con được quyết định.

- Đi đi! - Bà nói. - Đừng nhìn ta mà bẩn cả ta ra. Rồi ta sẽ thí cho...

Tôi đi ra và bà giận dữ đóng sầm cửa lại. Bề ngoài bà cũng có ra lệnh, nhưng tôi cũng không được đối xử khác hơn chút nào; người ta cho rằng không tuân lệnh bà

là một công trạng, người ta vứt cho tôi những thức ăn tồi nhất, lại còn làm cho hư hỏng bằng cách trộn tro hoặc các thứ dơ bẩn vào đó.

Đấy, trong khi vụ án của tôi kéo dài thì cuộc đời tôi như thế đó. Người ta không thể cấm tôi vào phòng khách, tôi vẫn được tự do nói với các quan tòa và trạng sư của tôi. Tuy nhiên, ông trạng sư nhiều phen đã phải dùng tới phương sách hăm dọa mới có thể gặp tôi được. Những lúc ấy, có một tu nữ đi theo tôi, chị ta phàn nàn nếu tôi nói nhỏ, tỏ vẻ sốt ruột nếu tôi ngồi lâu, cắt ngang câu chuyện, cải chính, nói ngược lại, sau đó thuật với bà nhất những điều tôi đã nói, nhưng lại xuyên tạc, bóp méo và thêm thắt nhiều điều mà tôi không nói. Làm sao kể xiết được? Người ta đi đến chỗ lấy cắp, cướp đoạt của tôi, cất cả bàn ghế, chăn đệm của tôi đi; người ta không cho tôi vải trắng nữa, quần áo tôi rách dần, tôi hầu như không còn giày, còn tất nữa. Gay go lắm tôi mới có nước uống. Nhiều lần tôi phải ra tận giếng để múc nước, chính cái giếng mà tôi đã nói với ông. Người ta lại đập vỡ mấy chiếc bình của tôi, thế là tôi phải uống ngay ở giếng không mang được nước vào buồng. Khi đi ngang qua dưới các cửa sổ, tôi phải chạy nhanh, nếu không sẽ bị những đồ dơ bẩn từ buồng ném ra đầy người. Một vài tu nữ nhổ cả nước bọt vào mặt tôi. Tôi trở nên bẩn thỉu, gớm ghiếc. Sợ tôi đem kể lể những nỗi khổ sở của tôi với các cha giáo đạo, người ta cấm không cho tôi đi xưng tội.

Một ngày lễ lớn, hình như là lễ đức Chúa Giêsu lên trời thì phải, người ta làm hóc khóa cửa buồng tôi để tôi không đi dự lễ được. Có lẽ tôi sẽ không thể nào đi dự tất cả các buổi lễ khác ở nhà thờ, nếu không có ông Manuri

đến. Trước hết họ nói với ông rằng không ai biết tôi làm gì, tôi đã biến đi đằng nào rồi, và tôi không làm một nhiệm vụ nào của một người đi đạo. Trong khi ấy, tôi cố hết sức lay mạnh cửa buồng, rồi phá được ổ khóa, đi đến cung thánh, nhưng lại thấy cửa đóng như những lần trước, mỗi khi tôi đến sau cùng. Tôi nằm dưới đất, đầu và lưng dựa vào tường, tay vòng trước ngực, một phần thân thể chắn lối đi. Buổi lễ xong, khi các tu nữ đi ra thì người đầu tiên bỗng đứng sững lại. Những người tiếp theo ùn cả ở sau. Bà nhất đã đoán ra từ trước, liền bảo:

- Bước lên nó mà đi, đó chỉ là một xác chết.

Một vài tu nữ vâng lời và đạp lên tôi mà đi, một số khác, nhân đạo hơn chút ít, nhưng không ai dám giơ tay đỡ tôi dậy.

Trong khi tôi vắng mặt, người ta vào buồng tôi lấy mất chiếc ghế cầu nguyện,. bức chân dung của vị sáng lập tu viện, tranh các thánh và cả chiếc thánh giá nữa. Chỉ còn chiếc thánh giá tôi đeo ở tràng hạt, nhưng chẳng được bao lâu cũng bị người ta lấy nốt. Tôi sống giữa bốn bức tường trơ trụi, trong căn phòng không có cánh cửa, không có ghế. Tôi phải đứng hoặc nằm trên một tấm đệm rơm. Một chiếc bình cần thiết nhất cũng không có. Tôi buộc lòng phải đi ra ngoài vào ban đêm để giải quyết những nhu cầu cần thiết, nhưng sáng ra thì người ta lại kết tội là tôi đi phá sự yên tĩnh của tu viện, đã đi lang thang và trở nên điên dại. Vì cửa buồng tôi không còn cánh để đóng lại nên ban đêm người ta ra vào ầm ĩ, la ó, kéo giường, đập vỡ cửa kính, làm cho tôi hoảng sợ bằng đủ mọi cách. Tiếng ồn ào vang lên tầng trên, dội xuống tầng

dưới. Những người không tham gia vào âm mưu ấy thì cho rằng ở buồng tôi đang xảy ra những chuyện kỳ lạ; họ nghe thấy những giọng bi ai, những tiếng kêu la, tiếng loảng xoảng của xích sắt và cho rằng tôi đang nói chuyện với ma quỷ, rằng nhất định tôi đã mật ước với chúng, rằng phải lập tức ra khỏi hành lang của tôi.

Trong tu viện có những người yếu bóng vía và số đó lại là số đông. Họ tin theo những điều người ta nói với họ, không dám đi qua cửa buồng tôi; trong trí tưởng tượng rối loạn của họ, họ hình dung tôi với bộ mặt gớm ghiếc; họ làm dấu thánh khi gặp tôi, họ lánh xa và la lên: "Đồ quỷ Xa tăng, hãy lánh xa ta ra! Lạy Chúa! Xin Chúa đến cứu con!" Có lần, một tu nữ vào loại trẻ nhất đang ở cuối hành lang khi tôi đi về phía cô ta. Không còn cách nào để tránh tôi nữa nên cô ta rất hoảng sợ. Thoạt đầu, cô ta úp mặt vào tường nói lắp bắp, giọng run run: "Lạy Chúa! Lạy Chúa! Lạy Chúa Giêsu! Mari!..." Tôi cứ tiến tới, khi biết tôi đã đến gần, cô lấy tay che mặt vì sợ phải nhìn thấy tôi, cô vụt chạy về phía tôi, lao mạnh vào tôi và kêu lên: "Cứu tôi với! Cứu tôi với! Thương tôi với! Xơ Xanhtơ Xuydan, hãy thương hại tôi!" Nói xong, cô ta ngã nhào, mê man.

Nghe kêu, người ta chạy đến, dẫn cô đi. Tôi không thể nói lại với ông là người ta đã bóp méo câu chuyện đến như thế nào. Người ta thêu dệt, biến nó thành một tội ác ghê gớm nhất. Người ta nói rằng tôi đã bị con quỷ ô uế ám ảnh; người ta gán cho tôi những dự định, những hành động mà tôi không dám gọi tên và cho rằng vì tôi có những dục vọng kỳ quái nên đã làm cho áo cô tu sĩ ấy xốc xếch như thế. Tôi không phải là đàn ông và tôi

không biết người ta có thể tưởng tượng những gì về quan hệ giữa hai người đàn bà, nhất là về một người đàn bà sống một mình. Giường tôi không có rèm che và người ta tự tiện vào buồng tôi bất cứ lúc nào, thế thì tôi còn phải nói gì với ông nữa, thưa ông? Những người đàn bà ấy bên ngoài thì có vẻ e dè, cặp mắt nhìn có vẻ nhu mì, và nét mặt có vẻ trinh khiết, nhưng họ có một trái tim hư hỏng: họ biết là khi sống một mình người phụ nữ có những hành động xấu xa như thế nào, tôi thì tôi không hề biết. Vì thế nên tôi không bao giờ hiểu họ kết tội tôi về chuyện gì. Họ nói những câu hết sức tối nghĩa đến nỗi tôi cũng không biết như thế nào để trả lời họ.

Tôi không thể tả hết được những vụ hành hạ đó. Thưa ông, nếu ông có con, xin ông cứ xem số phận của tôi mà suy ra số phận mà ông dành cho họ, nếu ông để cho họ bước vào đời tu hành mà không có dấu hiệu của một thiên hướng mãnh liệt và cương quyết. Thiên hạ sao bất công đến thế! Người ta cho phép một đứa bé tùy ý sử dụng quyền tự do của nó ở cái tuổi mà nó chưa được phép sử dụng một đồng xu. Thà rằng ông giết con gái của ông đi còn hơn là nhốt nó trong một nhà tu trái với ý muốn của nó. Vâng, giết nó đi còn hơn. Đã biết bao lần tôi nghĩ: thà mẹ tôi bóp chết tôi đi khi tôi mới ra đời! Như vậy còn ít độc ác hơn.

Họ tước sách kinh của tôi và cấm tôi cầu nguyện Chúa, ông có thể tin được điều đó không? Lẽ dĩ nhiên là tôi không tuân theo. Chao ôi! Đó là niềm an ủi độc nhất của tôi. Tôi giơ hai tay lên trời, tôi kêu la và tin rằng tiếng kêu của tôi sẽ thấu đến Chúa, vì chỉ có Chúa mới thấu được nỗi khổ của tôi. Người ta rình ngoài cửa buồng

tôi để nghe. Một hôm, trong cơn đau khổ, tôi cầu nguyện Chúa, xin Chúa cứu giúp tôi thì họ nói với tôi:

- Chị cầu xin Chúa cũng vô ích. Đối với chị thì chẳng còn Chúa nữa. Chị hãy chết đi trong đau khổ và chị sẽ bị đầy xuống địa ngục.

Những người khác nói tiếp vào: "Hãy trừng phạt đồ bội giáo, *Amen*!".

Và đây là một việc mà ông sẽ cho là kỳ quặc hơn bất cứ việc nào khác. Tôi không biết đó là sự tàn bạo cố ý hay chỉ là lầm tưởng mà thôi. Mặc dù tôi không làm việc gì chứng tỏ tinh thần rối loạn, chứ đừng nói là tôi bị ma quỷ ám ảnh, nhưng họ cứ bàn tán với nhau là có nên trừ tà cho tôi không; kết quả là đa số cho rằng tôi đã bỏ không rảy nước thánh và làm lễ rửa tội nữa; rằng ma quỷ ẩn nấu trong tôi, làm cho tôi lánh các buổi lễ. Một tu nữ khác lại nói thêm rằng trong một số buổi cầu nguyện tôi đã nghiến răng ken két và rùng mình trong nhà thờ; rằng trong lễ dâng cao Thánh thể tôi đã vặn vẹo cánh tay. Một kẻ khác lại nói rằng tôi đã xéo lên tượng Chúa và không mang tràng hạt (tràng hạt này đã bị người ta lấy cắp); rằng tôi đã thốt ra những lời phỉ báng, mà tôi không dám nhắc lại với ông. Tất cả mọi người đều cho rằng hình như ở tôi có cái gì bất thường và có lẽ phải trình tất cả những việc ấy với ông phó giám mục và họ đã làm như thế.

Vị phó giám mục ấy là ông Êbe, một người đã có tuổi và nhiều kinh nghiệm, một người cục cằn, nhưng công bằng và sáng suốt. Người ta kể lại với ông một cách chi tiết việc lộn xộn trong tu viện; cố nhiên đó là một cảnh

lộn xộn trầm trọng, nhưng nếu tôi là nguyên nhân thì nguyên nhân đó quả là ngớ ngẩn. Tất nhiên trong bản báo cáo gửi cho ông phó giám mục người ta không quên nói đến việc tôi đi lại ban đêm; việc tôi vắng mặt trong các buổi xướng kinh; những tiếng ầm ĩ trong phòng tôi, đến những việc người này thấy được, kẻ kia nghe được; việc tôi căm ghét những cái gì thiêng liêng; những lời phỉ báng, những hành động tà dâm mà người ta đã vu oan cho tôi. Còn chuyện cô tu nữ trẻ kia thì họ tha hồ mà thêu dệt, xuyên tạc. Những sự tố cáo ấy mãnh liệt và nhiều đến nỗi, với tất cả lương tri của mình, ông Êbe không thể không tin một phần và cho rằng trong đó nhiều điều có thật. Ông cho đây là một việc khá quan trọng, nên muốn đích thân điều tra. Ông báo trước cho tu viện biết là ông sẽ đến và quả nhiên ông đến cùng với hai giáo sĩ theo hầu còn trẻ; họ giúp đỡ trong nhiệm vụ nặng nề của ông.

Trước đó, mấy hôm, đang đêm, tôi nghe có ai bước nhẹ vào buồng tôi. Tôi không nói gì cả, tôi chờ người ấy hỏi tôi; một giọng thì thầm và run run gọi tôi:

- Chị Xanhtơ Xuydan, chị ngủ đấy à?

- Không, tôi không ngủ. Ai đấy?

- Tôi đây mà.

- Ai, chị đấy à?

- Bạn của chị đây, tôi hết sức lo lắng và liều mình vào đây để khuyên chị một điều, có lẽ là thừa. Chị ạ, ngày mai hay ngày kia gì đó, ông phó giám mục sẽ đến đây, người ta sẽ tố cáo chị; chị hãy chuẩn bị mà tự bào

chữa. Thôi, chào chị, chúc chị can đảm, cầu Chúa giúp đỡ chị.

Nói xong, chị ta đi ra, nhẹ nhàng như một cái bóng.

Ông thấy đấy, khắp mọi nơi, ngay cả trong các tu viện, vẫn có những tâm hồn trắc ẩn không có gì làm cho họ trở nên sắt đá được.

Trong lúc ấy, ở ngoài, thiên hạ đang nhiệt tình theo dõi vụ kiện của tôi, một đám người, cả nam lẫn nữ, đủ mọi nghề nghiệp, đủ mọi giới mà tôi không quen biết để tâm đến số phận của tôi và vận động giúp đỡ tôi. Ông là người trong số đó và chắc ông biết rõ hơn tôi về diễn biến của vụ kiện; vì, về sau tôi không thể trao đổi với ông Manuri được nữa. Người ta nói với ông là tôi bị ốm; ông biết rằng người ta đã lừa ông, ông lo sợ là người ta lại nhốt tôi vào hầm giam. Ông đến tòa Tổng giám mục, nhưng ở đấy không ai thèm nghe ông; ở đấy người ta được báo trước rằng tôi bị điên hoặc giả bị bệnh gì còn tệ hơn nữa. Ông lại đến gặp các quan tòa. Ông yêu cầu thi hành lệnh đã thông báo cho bà nhất là phải để tôi được gặp ông, dù tôi sống hay chết. Mấy ông tòa án đời lại thúc đẩy mấy ông tòa án đạo. Những ông này cảm thấy việc ấy sẽ đem lại hậu quả không hay ho gì nếu họ không tiến hành trước đi; và chính đó là điều khiến ông phó giám mục phải vội vã đến tu viện; do các ngài ấy luôn luôn bị những vụ rắc rối trong tu viện phiền nhiễu, nên thường không vội vã gì mà can thiệp vào; do kinh nghiệm, họ biết người ta vẫn hay trốn tránh và vi phạm quyền hành của họ.

Nghe theo ý kiến của cô bạn, tôi cầu mong Chúa giúp đỡ tôi, củng cố tinh thần và chuẩn bị để đối phó. Tôi

chỉ cầu mong Chúa ban hạnh phúc được người ta hỏi tôi và nghe tôi trả lời một cách không thiện vị. Tôi đã đạt được hạnh phúc ấy, nhưng ông đã biết với một giá đắt như thế nào. Nếu như trước mặt quan tòa tôi cần tỏ ra vô tội và từ tốn bao nhiêu thì bà nhất càng cần làm cho người ta thấy rằng tôi hung ác, tôi bị ma quỷ ám ảnh, tôi phạm tội và điên rồ bấy nhiêu. Vì thế, tôi càng tỏ ra nhiệt thành và ngoan đạo, người ta lại càng đối xử với tôi tàn nhẫn hơn: người ta chỉ cho tôi ăn cốt để tôi khỏi chết đói, người ta hành hạ tôi quá đỗi; người ta tăng cường bố trí xung quanh tôi những điều làm cho tôi kinh hãi, người ta quấy rầy cả đêm, không cho tôi ngủ một tí nào; họ làm dủ mọi việc nhằm làm cho sức khỏe tôi suy nhược và tinh thần rối loạn; ông khó mà hình dung được những hành động tàn bạo ấy. Xin ông cứ xét việc tôi sắp kể với ông đây thì ông sẽ rõ.

Một hôm, tôi ra khỏi buồng để đến nhà thờ hoặc đến một nơi nào đó thì tôi thấy ở dưới đất có một cái kẹp than nằm ngang giữa hành lang; tôi cúi nhặt nó lên và đặt thế nào để cho cô tu nữ đánh rơi sẽ dễ tìm thấy: vì trong hành lang ánh sáng mờ mờ nên tôi không thấy rằng cái kẹp ấy đã nung đỏ; tôi cầm lên; nóng quá, tôi buông tay ra, cả một lớp da bị bóc khỏi bàn tay nóng bỏng của tôi cũng rơi theo.

Ban đêm, ở những chỗ mà tôi phải đi qua, người ta đặt các chướng ngại vật ở dưới chân hoặc vừa ngang đầu; tôi đã bị thương không biết bao nhiêu lần; không hiểu sao tôi không bị giết chết. Tôi không có đèn đuốc gì, nên tôi buộc phải bước đi run rẩy, hai tay sờ soạng trước mặt. Người ta rắc mảnh chai trên đường tôi đi. Tôi quyết định

sẽ nói tất cả những điều ấy và sau này hầu như tôi cũng đã nói cả. Các nhà tiêu đều đóng cửa và tôi buộc phải xuống mấy tầng gác và chạy ra góc vườn khi cửa vườn mở; khi cửa vườn đóng thì... Chao ôi! Thưa ông, những người đàn bà tu kín ấy mới tàn nhẫn làm sao! Họ tin chắc là họ hỗ trợ lòng căm ghét của bà nhất và cho rằng làm cho ta đau khổ là họ đã phụng sự Chúa! Đã đến lúc ông phó giám mục cần phải đến ngay và cũng đã đến lúc vụ kiện của tôi cần phải được kết thúc.

Đây là thời kỳ khủng khiếp nhất trong đời tôi; vì, thưa ông, tôi hoàn toàn không biết người ta đã tô vẽ tôi như thế nào với ông phó giám mục, không biết ông đến chỉ là tò mò muốn xem một người con gái bị ma quỷ ám ảnh thật hay là giả vờ. Người ta cho rằng chỉ có làm cho tôi khiếp đảm đến cao độ mới đẩy tôi vào tình trạng đó được; và thưa ông, người ta đã làm cho tôi khiếp đảm bằng cách này đây.

Hôm ông phó giám mục đến, vừa mới tinh mơ, bà nhất đã vào buồng tôi; có ba tu nữ nữa đi theo; chị thứ nhất bưng cái chậu đựng nước thánh, chị thứ hai cầm cây thánh giá và chị thứ ba cầm cuộn dây thừng. Với một giọng lớn tiếng và đe dọa, bà nhất nói với tôi:

- Đứng lên... quỳ xuống và cầu Chúa phù hộ cho.

- Thưa mẹ, - tôi nói, - trước khi vâng lời mẹ, cho phép con được hỏi là con sẽ ra sao, mẹ đã quyết định điều gì về con và con phải cầu Chúa điều gì?

Mồ hôi đầm đìa lạnh toát cả người, tôi run rẩy, tôi cảm thấy đầu gối tôi quy xuống, tôi sợ hãi nhìn ba tu nữ tùy tùng sừng sững trước mặt tôi như những hung thần,

họ đứng thẳng hàng, mặt tối sầm, môi cắn chặt và mắt nhắm nghiền. Vì khiếp sợ nên lời nói của tôi đứt quãng từng tiếng, từng tiếng một. Không thấy họ trả lời gì cả, tôi tưởng họ chưa nghe câu hỏi của tôi; tôi lắp lại những tiếng cuối cùng vì tôi không đủ sức lắp lại cả câu hỏi. Tôi hỏi với một giọng yếu ớt và nhỏ dần:

- Tôi phải cầu Chúa điều gì?

Người ta trả lời:

- Hãy cầu xin Người tha cho chị tất cả những lỗi lầm mà chị đã mắc phải trong đời này, hãy nói với Người như khi chị đang đứng trước mặt Người vậy (1).

Qua những lời ấy, tôi cho rằng họ đã thỏa thuận với nhau rồi và quyết định trừ khử tôi. Tôi cũng có nghe nói là đôi khi người ta thực hiện điều ấy trong các tu viện nam giới, người ta phán xét một vài tu sĩ nào đó, kết án và hành hình họ. Tôi không tin rằng người ta đã thi hành cái trò phán xét vô nhân đạo ấy ở trong một nữ tu viện nào; nhưng có biết bao nhiêu chuyện khác tôi không hề đoán trước được mà vẫn cứ diễn ra ở đó. Nghĩ đến cái chết sắp đến ấy, tôi muốn la lên; nhưng tôi không la được một tiếng, mặc dù miệng tôi vẫn há hốc; tôi giơ hai cánh tay cầu khẩn về phía bà nhất và tôi lả người đi, ngã vật ra đằng sau: tôi ngã, nhưng không đau lắm. Trong những giây phút quá khủng khiếp, sức lực không còn nữa, tự nhiên chân tay bủn rủn, rã rời, như đè lên nhau mà quy

---

(1) Theo Thiên Chúa giáo, sau khi đã chết, linh hồn của con chiên sẽ đứng trước Chúa kể tất cả những việc đã làm ở trần thế để chịu sự phát xét của Chúa (N.D.).

xuống và thể phách không đứng vững được nữa như muốn mềm nhũn mà xỉu đi. Tôi mê man không biết gì cả; tôi chỉ nghe loáng thoáng xung quanh tôi những thanh âm hỗn loạn và xa xôi; hoặc là họ nói gì, hoặc là lỗ tai tôi kêu vù vù, tôi chỉ nghe thấy tiếng vù vù ấy kéo dài. Tôi không biết tôi ở trong trạng thái ấy bao nhiêu lâu, nhưng một cơn lạnh đột ngột làm tôi chợt tỉnh, tôi hơi co giật và hắt ra một hơi thở dài. Người tôi đẫm nước, nước chảy từ khăn áo xuống đất, người ta đã hắt cả chậu nước thánh vào người tôi. Tôi nằm nghiêng, ngâm mình trong nước, đầu tựa vào tường, miệng hé mở, mắt đờ đẫn và nhắm nghiền; tôi cố mở mắt và nhìn xung quanh; nhưng dường như có một màng khí dày bao phủ lấy tôi, xuyên qua cái màng ấy, tôi chỉ thấy thấp thoáng những khăn áo trôi nổi bồng bềnh mà tôi cố bám lấy, nhưng không được. Tôi cố thử duỗi cánh tay không bị đè dưới mình; tôi muốn giơ lên, nhưng không được; tình trạng kiệt sức ấy giảm dần; tôi nhỏm dậy; tôi tựa lưng vào tường; hai tay tôi, dầm trong nước, đầu gục xuống trước ngực và tôi thốt ra những tiếng rên rỉ không rõ rệt, cắt quãng và mệt nhọc. Những người đàn bà đứng đấy chằm chằm nhìn tôi với một vẻ mặt sắt lạnh lùng, làm cho tôi không còn can đảm để cầu xin họ. Bà nhất nói:

- Dựng nó đứng dậy.

Người ta xốc nách tôi và dựng tôi dậy. Bà nói tiếp: "Nó đã không muốn cầu Chúa thì mặc nó, các xơ đã biết phải làm gì rồi, hãy làm nốt đi".

Tôi cho rằng cuộn dây thừng mà người ta mang đến đó là để thắt cổ tôi, tôi nhìn cuộn dây, nước mắt đầm đìa.

Tôi xin được hôn cây thánh giá, nhưng người ta không cho. Tôi yêu cầu cho tôi hôn cuộn dây, họ liền đưa cho tôi. Tôi chồm tới trước, tôi cầm áo thánh (1) của bà nhất và nói:

- Lạy Chúa, xin Chúa hãy thương xót con! Lạy Chúa, xin Chúa hãy thương xót con! Các chị thân mến, xin các chị cố gắng đừng làm tôi đau đớn.

Nói xong, tôi đưa cổ ra.

Tôi không biết nói với ông tôi đã phải chịu đựng những gì và người ta đã làm gì; chắc chắn là những người bị đem đi hành tội - tôi tin rằng tôi cũng là người trong số đó - đều chết ngất trước khi hành hình. Người ta đặt tôi ngồi trên cái giường ổ rơm, hai cánh tay bị trói ngoặt ra sau lưng, chiếc thánh giá bằng sắt to tướng đặt trên hai đầu gối...

. Thưa hầu tước, tôi đã thấy trước bao nỗi phiền nhiễu mà tôi gây ra cho ông; nhưng ông đã có ý muốn biết tôi có xứng đáng chút nào với lòng trắc ẩn mà tôi mong chờ ở ông không.

Thế là tôi đã cảm thấy ưu thế của đạo Cơ đốc đối với tất cả các tôn giáo trên đời, cảm thấy ý nghĩa thâm thúy trong cái mà nền triết học mù quáng gọi là cuồng tín trước cây thánh giá. Trong tình trạng của tôi lúc bấy giờ, thử hỏi hình ảnh một vị lập pháp sung sướng và tràn đầy vinh quang, sẽ giúp chúng tôi được gì? Tôi trông thấy kẻ vô tội, sườn bị đâm thủng, vòng gai nhọn thắt chặt lấy

(1) Thứ áo để che vai và ngực của các tu nữ (N.D.).

trán, tay chân đóng đinh, và người ấy tắt thở trong những cơn đau đớn. Tôi tự nhủ: "Chúa của tôi thế kia mà tôi còn dám oán thán ư?...". Tôi bám chặt lấy ý nghĩ ấy và cảm thấy lại được an ủi; tôi biết cuộc đời là phù vân và cảm thấy hết sức sung sướng được chết sớm đi, để càng đỡ lầm lỡ. Nhưng tính năm tháng, tôi thấy rằng tôi mới xấp xỉ hai mươi tuổi và tôi thở dài; tôi quá kiệt sức, quá mệt lả, khó lòng vực tinh thần khỏi nỗi khiếp sợ trước cái chết; nếu sức khỏe đầy đủ, có lẽ tôi đủ can đảm để quyết tâm hơn.

Khi bà nhất và các tu nữ đi theo trở lại, họ thấy tôi đã tỉnh táo hơn họ chờ đợi và mong muốn. Họ đỡ tôi đứng dậy, trùm khăn lên mặt tôi; hai tu nữ đỡ tôi, người thứ ba đẩy tôi sau lưng, còn bà nhất thì ra lệnh cho tôi bước đi. Tôi đi mà không biết đi đâu, nhưng tôi tin rằng sẽ đi đến chỗ hành hình và tôi nói: "Lạy Chúa, xin Chúa thương xót con! Lạy Chúa, xin Chúa nâng đỡ con! Lạy Chúa, đừng ruồng bỏ con! Lạy Chúa, xin Chúa tha thứ nếu con đã xúc phạm đến Chúa!".

Tôi đến nhà thờ. Ở đó vị phó giám mục đang làm lễ. Giáo đoàn tụ tập đông đủ. Tôi quên nói với các ngài rằng, khi tôi còn ở ngoài cửa, ba người nữ tu sĩ dẫn tôi đi đã nắm chặt tôi, xô đẩy tôi một cách dữ dội, làm ra bộ lo lắng về tôi, và họ lôi kéo tôi đi, người này nắm lấy cánh tay, người khác giữ tôi lại, như thể là tôi chống cự lại họ, và từ chối không chịu vào nhà thờ: thực ra không phải như vậy. Người ta dẫn tôi đến những bậc thềm của điện thờ: khó khăn lắm tôi mới đứng vững được; và người ta bắt tôi quỳ xuống, làm như tôi không muốn quỳ; người ta giữ chặt lấy tôi như thể tôi có ý đồ bỏ chạy. Người ta

hát bài *Vêni Coreato*: người ta bày Thánh thể ra; người ta làm lễ giáng phúc. Trong lúc làm lễ giáng phúc, khi người ta nghiêng mình tỏ lòng kính trọng, các tu nữ đang nắm cánh tay tôi liền làm ra vẻ như cố bắt tôi khom người xuống, còn những người khác thì lấy tay đè lên đôi vai tôi. Tôi thấy rõ tất cả những động tác đó; nhưng tôi không thể đoán được sự việc sẽ kết thúc, như thế nào; cuối cùng mọi việc được sáng tỏ.

Sau lễ giáng phúc, vị phó giám mục cởi bỏ áo lễ, chỉ mặc mỗi chiếc áo trắng và khoác khăn choàng cổ, ông bước đến bậc thềm điện thờ nơi tôi đang quỳ; ông đứng giữa các tăng lữ, lưng quay về phía điện thờ chỗ đặt Thánh thể, còn mặt quay về phá tôi. Ông tiến về phía tôi và nói:

"Xơ Xanhtơ Xuydan, hãy đứng dậy".

Các xơ đang nắm giữ tôi nhấc tôi đứng lên một cách đột ngột, những người khác vây quanh tôi và ôm tôi ở ngang lưng, như thể họ sợ tôi chạy mất. Ông nói tiếp:

"Hãy cởi trói cho cô ta!"

Người ta không vâng lời ông: họ làm ra vẻ sợ có điều bất tiện thậm chí nguy hiểm nếu tôi được tự do, nhưng tôi đã nói với các ngài là con người ấy có tính cộc cằn: ông nhắc lại với một giọng cương quyết và gay gắt.

"Hãy cởi trói cho cô ta".

Người ta tuân theo lời ông.

Hai bàn tay vừa được cởi trói tôi liền thốt lên một tiếng kêu đau đớn xé lòng làm ông tái mặt và các nữ tu sĩ đạo đức giả ở gần tôi liền chạy tản ra như thể họ khiếp sợ.

Ông lấy lại bình bĩnh; các xơ quay trở lại như thể vừa đi vừa run; tôi đứng im lặng, và ông hỏi tôi:

"Xơ làm sao thế?"

Tôi chỉ trả lời ông bằng cách chỉ vào hai cánh tay tôi; chiếc dây thừng mà người ta dùng để trói tôi gần như hằn sâu vào thịt tôi; và hai cánh tay trở nên tím ngắt vì máu không lưu thông được và ứa ra; ông cho rằng tiếng kêu thét của tôi là do cơn đau đột ngột vì máu chảy trở lại bình thường. Ông nói:

"Hãy cất chiếc khăn trùm mặt cô ta".

Người ta đã khâu nó ở nhiều chỗ, mà tôi không nhận thấy: người ta còn tỏ ra khá lúng túng và hung bạo trong một việc mà sở dĩ phải làm như thế chỉ là do người ta đã bày ra; phải làm cho vị phó giám mục tưởng tôi bị ma ám hoặc điên rồ; nhưng do người ta kéo giật chỉ tuột ra ở đôi chỗ, tấm khăn trùm hoặc quần áo tôi bị rách toạc ra đôi chỗ, và người ta nhìn thấy tôi.

Tôi có khuôn mặt dễ làm cho người ta chú ý; nỗi đau đớn phi thường đã làm cho nó biến đổi, nhưng chưa làm mất hết vẻ riêng của nó; tôi có một giọng nói dễ xúc động lòng người; người ta cảm thấy đó là sự biểu hiện của chân lý. Những đặc điểm đó cộng lại gây nên một ấn tượng mạnh mẽ khiến cho những tu sĩ trẻ tuổi của vị phó giám mục phải thương xót; còn riêng đối với ông phó giám mục thì ông không biết đến những tình cảm như thế; công bằng nhưng ít xúc động, ông thuộc trong số những người không may sinh ra là chỉ để thực hiện điều đức hạnh, mà không thấy sự dịu ngọt của phẩm hạnh; họ làm việc thiện

với tinh thần kỷ luật, cũng như khi họ lập luận. Ông cầm lấy tá áo của mình đặt lên đầu tôi và nói:

- Xơ Xuydan, xơ có tin ở Đức Chúa trời, cha, con và Thánh thần không?

Tôi trả lời:

- Con tin.

- Xơ có tin ở Đức Mẹ thánh thần của chúng ta không?

- Con tin.

- Xơ có khước từ Xa tăng và việc làm của hắn không?

Đáng lẽ đáp lời ông, tôi bỗng đột ngột chồm người ra đằng trước, kêu to lên một tiếng và mảnh áo của ông rời khỏi đầu tôi. Ông bối rối, hai người đi theo ông tái mặt; còn các xơ thì người bỏ chạy, người rời khỏi ghế ngồi trong cảnh ồn ào. Ông ra hiệu cho mọi người trấn tĩnh lại, trong khi đó, ông nhìn tôi; ông chờ đợi một việc gì đó khác thường. Tôi nói cho ông yên lòng:

"Thưa cha, không có việc gì cả, sự việc chỉ là do có một nữ tu sĩ đã dùng một vật gì đó nhọn sắc đâm vào người con; và tôi ngước mắt lên nhìn, giơ hai bàn tay lên trời vừa đổ từng suối nước mắt vừa nói tiếp:

"Ấy chỉ là vì người ta đã làm cho con đau đớn khi cha hỏi con là con có khước từ quỷ sứ và những hành động của hắn, và con biết rõ vì sao..."

Tất cả phản đối thông qua lời bà nhất chối là họ không làm gì tôi cả.

Vị phó giám mục lại đặt vạt áo của ông lên đầu tôi; các nữ tu sĩ tiến lại gần; nhưng ông ra hiệu cho họ lùi

xa ra, và ông hỏi lại tôi có khước từ quỷ Xa tăng và việc làm của hắn; tôi trả lời ông một cách cương quyết:

"Tôi khước từ, tôi khước từ".

Ông bảo đưa đến một cây thánh giá và bảo tôi hôn; tôi hôn vào chân, vào tay và vào vết thương bên sườn của thánh giá.

Ông bảo tôi hãy lên tiếng ca ngợi nó; tôi đặt nó xuống đất, và vừa quỳ vừa nói:

"Đức Chúa của con, đấng cứu thế của con, Người đã chịu khổ nạn trên cây khổ giá vì lỗi lầm của con và vì lỗi lầm của nhân loại, tôi ngợi ca Người, hãy áp dụng vào con cái công dụng của những nỗi thống khổ mà Người đã từng chịu đựng, hãy làm chảy trên người con một giọt máu mà Người đã nhỏ ra, cho con được rửa sạch tội. Đức Chúa của con, hãy tha thứ cho con, như con tha thứ cho tất cả những kẻ thù của con..."

Ông nói tiếp với tôi:

"Hãy tỏ ra con có tín ngưỡng..." và tôi làm.

"Hãy tỏ ra con có tình thương..." và tôi làm.

"Hãy tỏ ra con có hy vọng..." và tôi làm.

"Hãy tỏ ra con có lòng nhân ái..." và tôi làm.

Tôi không nhớ người ta đã hiểu những lời tôi nói như thế nào; nhưng tôi nghĩ rằng hình như những lời đó, rất cảm động vì tôi đã làm cho một vài nữ tu sĩ khóc nức nở, hai tu sĩ trẻ cũng rơi nước mắt và ông phó giám mục ngạc nhiên hỏi tôi đã tìm đâu ra những lời cầu nguyện mà tôi vừa mới thốt lên.

Tôi nói với ông:

"Từ đáy lòng con, đó là những suy nghĩ và tình cảm của con, Chúa chứng thực cho con, Người lắng nghe chúng ta ở khắp mọi nơi và Người đang có mặt trên điện thờ này. Con là tín đồ đạo Cơ đốc, con là kẻ vô tội; nếu con có vài lỗi lầm, chỉ một mình Chúa biết; chỉ có Người là có quyền buộc con phải trình bày và Người trừng phạt..."

Nghe những lời ấy, ông nhìn bà nhất với đôi mắt dữ tợn.

Phần cuối cùng của buổi lễ, trong đó sự trang nghiêm của Chúa đã bị lăng nhục, những thứ thiêng liêng nhất đã bị xúc phạm, còn vị mục sư của nhà thờ thì bị nhạo báng, - phần cuối cùng đó đã kết thúc; các nữ tu sĩ rút lui, trừ bà nhất, tôi và hai tu sĩ trẻ tuổi. Phó giám mục ngồi xuống và rút ra tập báo cáo mà người ta trình lên ông để tố cáo tôi, ông đọc to, và hỏi tôi về các mục mà nó chứa đựng.

"Tại sao, - ông hỏi tôi, - xơ không đi xưng tội?

- Vì người ta ngăn cấm con.

- Tại sao xơ lại không xưng tội và chịu lễ ban thánh thể?

- Vì người ta ngăn cấm con.

- Tại sao xơ không dự lễ cầu kinh cũng không dự lễ mi-sa?

- Vì người ta ngăn cấm con"

Bà nhất muốn lên tiếng, với giọng nói riêng của mình, ông bảo:

"Thưa bà, bà hãy im đi... Tại sao ban đêm xơ đã ra khỏi căn phòng mình?

- Vì người ta không cho con nước uống, người ta cất cả lọ đựng nước và tất cả bình đựng cần thiết cho nhu cầu của tự nhiên.

- Tại sao đang đêm, người ta lại nghe tiếng động trong buồng ngủ và trong căn phòng của xơ?

- Vì người ta muốn làm cho con không được nghỉ ngơi".

Bà nhất lại muốn lên tiếng; ông nói lần thứ hai: "Thưa bà, tôi đã nói là bà hãy im đi, bà sẽ trả lời lúc nào tôi hỏi bà..." Vì sao lại có chuyện người nữ tu sĩ mà người ta giằng từ tay xơ và người ta thấy nằm vật xuống đất giữa hành lang?

- Đấy là hậu quả của sự khủng khiếp mà người ta gây ra cho cô ta khi cô nhìn thấy con.

- Cô ta có phải là bạn thân của xơ không?

- Thưa cha, không.

- Có bao giờ xơ vào trong căn phòng cô ta không?

- Không bao giờ.

- Xơ có bao giờ làm điều gì bất chính với cô ta, hoặc với kẻ khác?

- Không bao giờ.

- Tại sao người ta lại trói xơ.

- Con không biết.

- Tại sao cửa phòng xơ lại không đóng?

- Vì con đã bẻ gãy khóa.

- Tại sao xơ lại bẻ gãy?

- Để mở cửa và tham dự buổi cầu kinh ngày lễ thăng thiên.

- Thế là xơ có mặt ở nhà thờ ngày đó?

- Thưa cha, vâng...".

Bà nhất nói:

"Thưa cha không đúng; tất cả giáo đoàn..."

Tôi ngắt lời bà:

"Sẽ chứng nhận là cánh cửa chỗ hát kinh đóng; rằng người ta tìm thấy con đang quỳ ở cửa đó, và rằng bà đã ra lệnh cho họ giẫm lên người con mà đi, điều mà một số đã làm; nhưng con tha thứ cho họ và thưa bà, cho cả bà là người đã ra lệnh, con đến đây không phải để tố cáo ai cả, mà là để bào chữa cho mình.

- Tại sao xơ không có tràng hạt lẫn tượng Chúa?

- Vì người ta đã tước mất của con.

- Kinh cầu nguyện của xơ đâu?

- Người ta đã tước mất của con.

- Thế thì xơ cầu nguyện làm sao?

- Con cầu nguyện bằng trái tim và trí óc, dầu người ta đã cấm con cầu nguyện.

- Ai đã cấm xơ?

- Bà nhất..."

Bà nhất lại muốn nói.

"Thưa bà, - ông ta nói, - thực hay giả việc bà cấm cô ta cầu nguyện? Bà nói có hay không."

- Tôi tin rằng, và tôi có lý do để tin rằng...

- Tôi không hỏi điều đó; bà có cấm cô ta cầu nguyện không, có hay là không?

- Tôi đã cấm cô ta, nhưng..."

Bà ta còn định tiếp tục.

"Nhưng, phó giám mục hỏi tiếp, - nhưng... xơ Xuydan, tại sao xơ đi chân đất?"

- Vì người ta không cấp cho con bít tất lẫn giày.

- Tại sao đồ vải và quần áo của xơ lại cũ nát và bẩn thỉu đến như vậy?

- Đó là vì đã hơn ba tháng người ta từ chối không cho con đồ vải và con buộc phải ngủ với cả quần áo trên người.

- Vì sao xơ lại nằm với quần áo trên người?

- Vì con không có màn, không có nệm lẫn chăn đắp, không có vải bọc lẫn đồ ngủ.

- Tại sao xơ lại không có các thứ ấy?

- Vì người ta đã tước mất của con.

- Xơ có được ăn uống?

- Con đòi được ăn uống.

- Vậy xơ không được ăn uống sao?

Tôi im lặng; và ông nói thêm:

- Thật khó mà tin rằng người ta đã đối xử với xơ nghiêm khắc đến như vậy, mà xơ lại không phạm một lỗi lầm nào xứng đáng với hình phạt.

- Lỗi lầm của con là đã không được gọi đến cuộc sống tu hành, và đã chống lại những lời thề mà con đã không làm một cách tự nguyện.

- Luật pháp sẽ quyết định việc ấy; và dầu những lời thế ấy đã được nói lên như thế nào, thì trong khi chờ đợi xơ vẫn phải làm tròn những bổn phận của cuộc sống tu hành.

- Thưa cha, không một người nào đã làm tròn một cách chính xác như con.

- Xơ phải được hưởng số phận như tất cả các bạn đồng nghiệp của xơ.

- Đó là điều con mong mỏi.

- Xơ không kêu ca về ai cả chứ?

- Thưa cha, không, con đã nói với cha như vậy; con đến đây không phải để buộc tội, mà là để tự bảo vệ.

- Xơ hãy đi đi.

- Thưa cha, con phải đi đâu?

- Về căn phòng của xơ.

Tôi đi được mấy bước rồi quay lại và tôi quỳ xuống chân bà nhất và phó giám mục.

"Nào, gì vậy? - ông hỏi tôi".

Tôi vừa nói, vừa chỉ cho ông xem đầu bị xây xát rất nhiều chỗ, đôi bàn chân đẫm máu, hai cánh tay bầm tím, da bọc xương, bộ quần áo bẩn thỉu và rách rưới.

"Đấy cha xem!".

Tôi hiểu ông, thưa ông hầu tước, và phần lớn những người đã được đọc các bản tố cáo ấy: "Những điều ghê sợ

ngày càng tăng, càng đa dạng, càng liên tục làm sao! Một chuỗi những sự tàn bạo mới hiếm có làm sao trong những tâm hồn người có đạo. Thật không thể tưởng tượng nổi", họ sẽ nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Và tôi cũng đồng ý như vậy, nhưng đó là điều có thực, và có Chúa chứng giám cho tôi, Chúa sẽ phán xử tôi với tất cả sự nghiêm khắc của Người và kết tội tôi trên ngọn lửa vĩnh hằng, nếu tôi cho phép sự vu khống dù chỉ hơi làm lu mờ một dòng chữ của tôi! Mặc dầu đã từ lâu tôi cảm thấy rằng sự thù ghét của một bà nhất dễ dàng dẫn đến sự đồi bại tự nhiên, nhất là khi sự đồi bại đó lại tự cho mình là đáng khen lại vỗ tay khoe khoang về những tội ác của mình, sự oán hận sẽ vẫn không ngăn cản tôi giữ thái độ công bằng. Tôi càng nghĩ, càng tin tưởng rằng cái gì đến với tôi vẫn chưa đến và có lẽ sẽ không bao giờ đến. Trong một lần cầu Chúa đó là lần thứ nhất và cũng là lần cuối cùng, Chúa, mà những con đường đi đến Người chúng ta không biết được, Chúa đã muốn tập hợp lại ở riêng một kẻ bất hạnh tất cả những sự tàn bạo mà trong các mệnh lệnh huyền bí của Người, Người đã phân chia cho vô số những kẻ khốn khổ từng đến nhà tu trước và sau kẻ bất hạnh đó. Tôi đã từng đau khổ, đã từng đau khổ rất nhiều; nhưng tôi cho số phận của những kẻ hành hạ tôi bao giờ cũng đáng thương hơn là số phận của tôi. Chẳng thà tôi chết đi còn hơn là từ bỏ vai trò của mình, với điều kiện là phải đóng vai trò của họ. Những nỗi đau khổ của tôi sẽ chấm dứt, tôi hy vọng như vậy nhờ lòng tốt của ngài; sự nhớ lại, sự xấu hổ và sự hối hận về tội ác sẽ theo dõi họ cho đến giờ phán xét cuối cùng. Họ đã tự kết án mình, không nghi ngờ gì nữa; họ sẽ tự kết án họ suốt đời; và

sự khủng khiếp sẽ cùng họ xuống dưới mồ. Tuy nhiên, thưa ngài hầu tước, tình trạng hiện nay của tôi thật là thương tâm, cuộc sống đối với tôi thật là nặng nề; tôi là một người đàn bà, và cũng như những người cùng giới tinh thần tôi yếu đuối; Chúa có thể từ bỏ tôi; tôi cảm thấy không còn đủ sức và can đảm để chịu đựng lâu hơn nữa những điều tôi đã chịu đựng, thưa ngài hầu tước, xin ngài liệu gấp cho, sợ rằng một biến cố nguy cấp nào đó sẽ diễn lại; dẫu ngài sẽ hết nước mắt khóc cho số phận của tôi, dẫu ngài có bị sự hối hận cắn xé, tôi sẽ cũng không vì thế mà thoát khỏi vực thẳm, nó sẽ vĩnh viễn khép lại đối với một kẻ tuyệt vọng.

"Xơ đi đi", phó giám mục nói với tôi.

Một trong hai tu sĩ giơ tay đỡ tôi dậy; và phó giám mục nói tiếp:

"Ta đã chất vấn con, ta sẽ chất vấn bà nhất của con; và ta sẽ không ra khỏi nơi này, nếu chưa lập lại được trật tự".

Tôi lui gót. Tôi thấy cả nhà tu náo động; tất cả các nữ tu sĩ đều đứng ở ngưỡng cửa căn phòng họ, họ nói chuyện với nhau từ hành lang này sang hành lang khác; khi tôi xuất hiện thì họ rút lui, và tôi nghe tiếng rít kéo dài của các cánh cửa được lần lượt đóng lại một cách dữ dội. Tôi trở về căn phòng của mình; tôi quì mặt áp vào tường, và tôi cầu nguyện Chúa chú ý tới thái độ đúng mức của tôi khi tôi nói chuyện với vị phó giám mục, và tôi báo cáo để ông ấy biết về sự vô tội của tôi và về sự thật.

Tôi đang cầu nguyện thì vị phó giám mục, hai tu sĩ đi theo và bà nhất xuất hiện trong phòng tôi.

Tôi đã nói với ông là tôi không có thảm, không có ghế tựa, không có ghế quỳ để cầu kinh, không có màn, nệm chăn, vải bọc chăn, không có bình đựng nước, không có cửa để đóng, hầu như hoàn toàn không có kính ở các cửa sổ. Tôi đứng dậy; vị phó giám mục, đột ngột dừng lại, và quay lại nhìn bà nhất với đôi mắt phẫn nộ, ông nói với bà:

- "Sao! Thưa bà?"

Bà ta trả lời:

"Tôi không được biết.

- Bà không biết? Bà nói dối! Có ngày nào bà không vào đây không, và có phải bà cũng vừa mới từ đây đến hay không?... Xơ Xuydan, xơ hãy nói rõ: hôm nay bà ta không vào đây, có phải không?".

Tôi không trả lời; ông cũng không nài thêm; nhưng các tu sĩ trẻ tuổi thì bộc lộ khá rõ nỗi đau khổ và ngạc nhiên của họ, hai cánh tay họ rơi xuống, đầu cúi gằm và mắt thì nhìn chằm chằm xuống đất. Tất cả đi ra; và tôi nghe vị phó giám mục nói với bà nhất ở hành lang:

"Bà không xứng đáng với chức vụ của mình; bà đáng bị cách chức. Tôi sẽ khiếu nại lên đức ông chủ giáo. Tôi mong rằng tất cả những sự lộn xộn này phải được khắc phục trước khi tôi ra khỏi nơi đây".

Và vừa tiếp tục đi vừa lắc lắc cái đầu, ông nói tiếp:

"Thật là ghê tởm. Những người theo đạo Cơ đốc mà thế đấy! Những nữ tu sĩ! Những con người! Thật là ghê tởm".

Từ lúc đó, tôi không nghe nói gì nữa; nhưng tôi được cấp vải quần áo khác, được cấp màn, vải bọc chăn, mấy cái chăn, bình đựng nước, kinh cầu nguyện, sách đạo, tràng hạt, tượng Chúa bị nạn, kính lắp cửa sổ, nói tóm lại, tất cả những cái làm cho tôi được sống cuộc đời bình thường của những nữ tu sĩ; tôi cũng được trả lại cả quyền tư do vào phòng nói chuyện của tu viện, nhưng chỉ trong lúc có những việc liên quan đến tôi.

Những việc này tiến hành không được may mắn. Ngài Manuri công bố một bản báo cáo đầu tiên ít gây ấn tượng; trong đó có nhiều nét sắc sảo, mà không đủ tính chất cảm động và hầu như không có chứng cứ. Cũng không nên hoàn toàn trách cứ vị luật sư khôn khéo đó. Tôi tuyệt đối không muốn ông ta đả kích vào danh tiếng của cha mẹ tôi; tôi muốn ông ta vị nể sinh hoạt tôn giáo và nhất là nhà tu nơi tôi đang sống; tôi không muốn ông ta mô tả các anh em rể và các chị của tôi với những màu sắc quá bỉ ổi. Bảo vệ cho tôi chỉ có một lời phản đối đầu tiên, đúng là long trọng, nhưng lại là một nhà tu khác và từ đó cũng không bao giờ được lặp lại. Khi người ta đặt ra những giới hạn chật hẹp như thế cho việc bào chữa, và khi người ta chọi với những kẻ không đặt ra một giới hạn nào trong cách tấn công của họ, với những kẻ chà đạp dưới chân cả cái công bằng lẫn cái bất công, những kẻ nói ra rồi lại chối cùng với một cách vô liêm sỉ như nhau, những kẻ không biết đỏ mặt xấu hổ vì những lời buộc tội cũng như những sự nghi ngờ, vì điều nói xấu cũng như điều vu khống, khi đã như vậy thì cũng khó mà thắng họ, nhất là các tòa án, là nơi mà thói quen và nỗi chán chường đối với các vụ án hầu như không còn cho phép

người ta xét xử các vụ quan trọng nhất với một chút cẩn trọng nào đó; và là nơi mà những lời tố tụng như kiểu của tôi bao giờ cũng bị người làm chính trị nhìn với một con mắt ác cảm vì họ sợ rằng nếu như một nữ tu sĩ kháng nghị lại những lời thề của mình mà thành công, thì hàng loạt những điều phản đối khác cũng sẽ được nêu lên theo một cách tương tự. người ta âm thầm cảm thấy rằng nếu như người ta để cho các cánh cửa của những nhà tu như vậy đổ xuống vì một cô gái khốn khổ, thì đám đông sẽ xông vào đây và tìm cách phá cửa. Người ta cố sức làm cho chúng ta chán nản và nhẫn nhục chịu đựng số phận vì thất vọng cho rằng không còn thay đổi được. Tuy nhiên, tôi tưởng rằng trong một nhà nước được cai trị tốt, đáng lẽ ra là sự việc phải ngược lại: đi vào tôn giáo một cách khó khăn và ra khỏi tôn giáo một cách dễ dàng. Và tại sao lại không bổ sung trường hợp này vào bao nhiêu trường hợp khác, ở đó một khuyết điểm nhỏ về thủ tục có thể xóa bỏ cả một vụ án, dẫu đã được xử một cách đúng đắn? Các nhà tu cần thiết cho sự cấu thành một nhà nước đến thế kia ư? Chúa Giêsu đã tạo ra các thầy tu và các nữ tu sĩ sao? Phải chăng nhà thờ tuyệt đối không thể thiếu họ được sao? Tại sao Chúa lại cần phải có nhiều nữ đồng trinh điên rồ đến thế? Và tại sao nhân loại lại cần phải có nhiều vật hy sinh đến thế? Phải chăng người ta sẽ không bao giờ cảm thấy sự cần thiết phải thu hẹp cửa các hang sâu kia, nơi mà những dòng giống tương lai sẽ bị quẳng xuống? Tất cả những lời cầu nguyện cũ rích có đáng giá một đồng trinh mà lòng thương hại ban cho kẻ khó? Chúa đã sáng tạo ra con người có tính xã hội, vậy Chúa có tán thành việc con người lại tự đóng kín mình lại không?

Chúa đã sáng tạo ra con người nhẹ dạ như thế, mong manh như thế, Chúa có thể cho phép nó có những lời thề táo bạo như thế chăng? Những lời thề ước kia, vốn xúc phạm khuynh hướng chung của tự nhiên, phải chăng chúng sẽ chỉ có thể được chấp hành nghiêm túc bởi một số kẻ không được bình thường, những kẻ mà tình cảm đã bị khô héo và người ta có thể sắp xếp họ một cách đúng đắn vào loại quái vật, nếu như trí tuệ của chúng ta cho phép chúng ta hiểu được cấu trúc bên trong của con người cũng dễ dàng như là hình thức bên ngoài của nó. Tất cả những lễ nghi sầu thảm kia mà người ta tiến hành khi làm lễ thụ pháp và phát biểu tín ngưỡng, khi người ta thừa nhận cho một người đàn ông hay một người đàn bà được bước vào cuộc đời nhà tu, cuộc đời khổ hạnh, những lễ nghi đó có làm biến mất những chức năng thú vật ở con người không? Ngược lại, phải chăng chúng lại trỗi dậy trong sự im lặng, trong sự gò bó và rỗi rãi với một sức mạnh mà con người sống trong xã hội có hàng loạt những trò giải trí, không thể biết tới? Nơi nào là nơi mà người ta thấy xuất hiện những đầu óc bị ám ảnh bởi các ảo ảnh vẩn đục vẫn theo dõi và khuấy động chúng? Nơi nào là nơi mà người ta thấy xuất hiện sự phiền muộn sâu sắc kia, màu da xanh xao kia, sự gầy gò kia, là những dấu hiệu của tự nhiên đang tàn lụi và bị thiêu hủy. Ở đâu có những đêm tối bị khuấy động bởi những tiếng rên rỉ, có những ngày đẫm những giọt nước mắt tuôn ra một cách vô duyên cớ sau cơn u sầu không hiểu vì sao? Đâu là nơi mà tự nhiên, nổi loạn vì một sự cưỡng bức mà nó không sẵn sàng chịu đựng, đang bẻ gãy những chướng ngại mà người ta đặt ra trước nó, trở nên dữ tợn, cái hài hòa của cơ thể trở nên

lộn xộn và không có cách gì cứu chữa? Đâu là nơi mà nỗi phiền muộn và bất bình đã tiêu diệt tất cả những đức tính xã hội? Đâu là nơi không còn cha con lẫn anh chị em, không còn bà con lẫn bạn bè? Đâu là nơi mà con người do chỗ tự cho mình như là một sinh vật chỉ sống thoáng qua trong chốc lát và sẽ đi qua, đã coi các mối quan hệ dịu dàng nhất trên đời như một khách qua đường coi các đồ vật mà nó gặp, không chút quyến luyến? Đâu là nơi ngự trị lòng thù ghét, sự ghê tởm và những cơn giận dữ? Đâu là nơi diễn ra thói nô lệ và thói độc đoán? Đâu là nơi những sự thù ghét không hề bị dập tắt? Đâu là nơi mà các dục vọng được nung nấu trong im lặng? Đâu là nơi trú ngụ của lòng độc ác và của tính tò mò? Người ta không biết gì về những nơi đó, trong bản biện hộ của mình, ông Manuri có nói tiếp, người ta không biết gì về nó. Ông nói thêm ở đoạn khác: "Thề nguyền sống nghèo khổ tức là tự buộc mình bằng lời thề sống lười biếng và bằng nghề trộm cắp; thề nguyền giữ trinh tiết suốt đời tức là hứa hẹn với Chúa sẽ vi phạm thường xuyên điều khôn ngoan nhất và quan trọng nhất trong những luật lệ của Người; thề nguyền sự phục tùng ấy là khước từ cái đặc quyền không thể nhượng cho ai của con người là quyền tự do. Nếu người ta tuân thủ những lời thề ấy, người ta là kẻ có tội; nếu người ta không tuân thủ, thì người ta là kẻ bội ước. Cuộc đời đi tu là cuộc đời của một kẻ cuồng tín hoặc của một kẻ giả dối".

Một cô gái xin phép bố mẹ được vào sống với chúng tôi. Người cha bảo cô là ông ta đồng ý, nhưng ông cho cô ta ba năm để ông nghĩ về điều ấy. Điều luật ấy có phần nghiêm khắc đối với cô gái đầy lòng sùng đạo; nhưng cô

ta phải tuân theo. Cô ta không thay đổi khuynh hướng, trở lại với người cha và nói cho biết là ba năm đã trôi qua. "Thế là tốt, con ạ, người cha nói, cha đã cho con ba năm để thử thách con, cha mong rằng con cũng vui lòng dành cho cha từng ấy thời gian để giải quyết..." Điều này tỏ ra càng nghiêm khắc nhiều hơn và nhiều nước mắt đã nhỏ xuống; nhưng người cha là một người kiên quyết không biết nhượng bộ. Sau sáu năm đó, cô ta vào nhà tu, thề nguyền sống cuộc đời tu hành. Đó là một nữ tu sĩ tốt, giản dị, mộ đạo, chính xác trong mọi bổn phận; nhưng xẩy ra sự kiện là các vị giám đốc lạm dụng lòng chân thực của cô để tìm hiểu ở nhà sám hối những điều gì xẩy ra trong nhà tu. Các bà nhất của chúng tôi hoài nghi điều đó; cô ta bị nhốt lại; không được thực hành các nhiệm vụ đối với tôn giáo; cô ta phát điên: và làm sao đầu óc có thể cưỡng lại những kiểu hành hạ của năm mươi con người chỉ nhằm làm khổ mình từ tảng sáng cho đến đêm khuya? Trước kia người ta đã dăng cho mẹ cô ta một cái bẫy, chứng tỏ sự bủn xỉn của các nhà tu kín. Người ta gợi ý cho người mẹ cô nữ tu sĩ xin vào nhà tu và thăm căn buồng của cô con gái. Bà ta khẩn cầu các phó giám mục và họ đồng ý cho phép bà được vào. Bà ta vào; bà chạy nhanh đến căn buồng của con; nhưng bà ngạc nhiên biết bao khi thấy bốn bức tường đều trần trụi! Người ta đã mang đi hết tất cả. Người ta tin rằng người mẹ nhân từ và đa cảm ấy không nỡ để con gái sống trong một tình trạng như thế; thực vậy, bà ta đã trang bị lại, sắm sửa đầy đủ vải vóc và quần áo, và nói với các nữ tu sĩ rằng bà đã phải trả một cái giá quá đắt cho tính tò mò của mình và hy vọng sự việc trên không còn xảy ra một lần

thứ hai nữa; rằng ba hay bốn lần đi thăm mỗi năm sẽ làm khánh kiệt các anh em và chị em cô gái.... Chính đây là nơi mà tính hiếu danh và thói xa xỉ đã làm tổn hại một phần của cải của những gia đình để tạo cho phần còn lại có một số phận thuận lợi hơn; đó là một nơi ô uế mà người ta ném vào cái vật bỏ đi của xã hội. Biết bao nhiêu người mẹ như mẹ tôi đã chuộc một tội ác bí mật bằng một tội ác khác!

Ông Manuri còn công bố một bản cáo trạng thứ hai có tác dụng hơn. Người ta lại chạy vạy một cách tích cực; tôi lại hứa đảm bảo cho các chị tôi là sẽ để cho họ thừa kế một cách toàn vẹn và yên ổn gia tài của bố mẹ tôi. Đã có lúc vụ án của tôi có chiều hướng thuận lợi nhất và tôi đã hy vọng được tự do; nhưng tôi chỉ càng đau khổ hơn vì đã nhầm; sự việc của tôi được biện hộ trước tòa và thất bại. Tất cả giáo đoàn đều được thông báo mà tôi không biết. Đó là cả một sự náo động xôn xao, một niềm vui, những câu trao đổi ngắn gọn bí mật, những cuộc đi lại tại nhà bà nhất và giữa các nữ tu sĩ. Toàn thân tôi run rẩy; tôi không thể cứ ở yên trong căn buồng mình, cũng không dám đi ra; tôi không có một người bạn thân nào để có thể ngả vào tay người ấy. Ôi tàn nhẫn là cái buổi sáng mà người ta xử một vụ án lớn! Tôi muốn cầu nguyện mà không thể làm được, tôi quỳ xuống, tôi lắng mình trầm tư, tôi bắt đầu một bài kinh, nhưng chẳng mấy chốc ngoài ý muốn của tôi, trí óc tôi lại đến giữa các quan tòa; tôi thấy họ, tôi nghe các luật sư nói, tôi nói với họ, tôi cắt đứt lời nói của tôi, tôi thấy vụ án của tôi không được biện hộ một cách đúng đắn. Tôi không quen biết một vị quan tòa nào, nhưng tôi tưởng tượng ra mọi thứ hình

ảnh về họ; có kẻ bệnh vực tôi, có kẻ thì hiểm ác, có kẻ thì bàng quan: tôi sống trong một cơn xúc động, trong một sự rối loạn tư tưởng không thể hình dung được. Tiếng ồn ào nhường chỗ cho một sự im lặng sâu sắc; các nữ tu sĩ không nói chuyện với nhau nữa; dường như trong dàn đồng ca họ có giọng hát lanh lảnh hơn ngày thường, ít nhất đó cũng là giọng của những người đang hát; những kẻ khác không hát; sau buổi lễ họ im lặng rút lui. Tôi tin rằng sự chờ đợi làm cho họ lo lắng chẳng khác gì tôi; nhưng sau buổi trưa, tiếng ồn ào và tiếng người đi lại bỗng nhiên lại nổi lên ở mọi phía; tôi nghe tiếng những cánh cửa mở ra khép lại, tiếng những nữ tu sĩ đi đi, lại lại, tiếng rì rầm của những người đang nói khẽ với nhau. Tôi ghé tai vào ổ khóa phòng tôi; nhưng hình như khi đi qua cửa phòng tôi là người ta nín bặt, và nhón trên đầu ngón chân mà đi. Tôi cảm thấy trước là tôi đã thất bại trong vụ án, tôi không còn nghi ngờ một phút nào nữa. Tôi đi vòng quanh buồng không nói năng gì; tôi bị ngạt thở, tôi không rên la được, tôi vòng hai tay lên đầu, áp trán vào bức tường này rồi lại vào bức tường khác; tôi muốn nằm nghỉ trên giường mình, nhưng tim đập mạnh nên không nằm được: chắc chắn là tôi nghe trái tim mình đập và và làm cho đầu óc tôi căng lên. Tôi đang đứng đó thì có người đến báo là có người hỏi tôi. Tôi đi xuống, tôi không dám bước đi nữa. Người đến báo tin cho tôi tỏ ra vui vẻ đến nỗi tôi phải nghĩ rằng điều mà người ta đưa đến cho tôi chỉ có thể là hết sức buồn: tuy vậy, tôi vẫn đi. Đến phòng nói chuyện, tôi đứng lại đột ngột và chạy đến một xó; tôi không thể đứng vững; tuy vậy tôi vẫn bước vào. Không có ai cả; tôi chờ đợi; người ta đã ngăn cấm người cho gọi tôi

xuất hiện trước tôi; người ta hẳn nghĩ rằng đó là người của trạng sư bào chữa cho tôi sai đến; người ta muốn biết cái gì đã diễn ra giữa chúng tôi; người ta đã tập hợp nhau lại để nghe ngóng. Khi ông ta xuất hiện, tôi đã ngồi xuống, đầu áp vào cánh tay và tựa vào các song sắt.

"Ông Manuri phái tôi đến, - ông ta nói với tôi.

- Để báo cho tôi biết rằng tôi đã thua kiện, tôi đáp lại.

- Thưa cô, tôi không biết gì hết; nhưng ông ta trao cho tôi lá thư này; ông ta có vẻ buồn rầu khi giao tôi làm việc này; và tôi đã nhanh chóng chạy đến, như lời ông ấy dặn.

- Đưa cho tôi..."

Ông ta đưa bức thư cho tôi, và tôi cầm lấy nó, người không nhúc nhích và mặt không nhìn người đưa; tôi để lá thư trên đầu gối, và tôi ngồi yên. Nhưng người ấy hỏi tôi: "Cô không có thư trả lời sao?

- Không, tôi nói với ông ta, ông cứ về đi."

Ông ta đi; và tôi vẫn ngồi nguyên ở chỗ cũ, không thể cử động được, cũng không thể quyết định đi ra.

Ở nhà tu kín, không ai có quyền viết, cũng không có quyền nhận thư nếu không được phép của bà nhất; người ta phải đưa cho bà những bức thư nhận được cũng như viết đi: vậy là phải đưa cho bà ta bức thư của tôi. Vì lẽ đó tôi bước ra, tôi tưởng không bao giờ tôi đi đến nơi: một kẻ bị đưa đi hành hình, đi ra khỏi ngục tối để nghe bản án của mình có lẽ cũng không đi chậm hơn và cũng không thất vọng hơn. Nhưng tôi đã đến trước cửa

phòng bà ta rồi. Các nữ tu sĩ quan sát tôi từ xa; họ không muốn để mất cơ hội được xem cái cảnh tượng đau đớn và nhục nhã của tôi. Tôi gõ cửa, người ta mở ra. Bà nhất đang ở đó cùng với một số nữ tu sĩ khác, tôi nhận ra họ qua vạt áo dưới vì tôi không dám nhìn lên; tôi trình bức thư cho bà ta, tay run rẩy; bà ta cầm lấy, đọc rồi trả lại tôi. Tôi quay trở lại căn buồng của mình; tôi ném mình xuống giường, bức thư để bên cạnh, và tôi nằm như vậy mà không đọc thư, không ngồi dậy ăn bữa trưa, không động đậy cho đến giờ lễ buổi chiều. Đến ba giờ rưỡi, có tiếng chuông báo cho tôi xuống. Đã có một số nữ tu sĩ đến rồi; bà nhất đứng ở cửa ra vào hát kinh; bà bắt tôi dừng lại, ra lệnh cho tôi quỳ xuống ở bên ngoài; số còn lại trong giáo đoàn bước vào, và cánh cửa đóng lại. Sau buổi lễ, họ ra hết; tôi để cho họ đi qua; tôi đứng dậy đi theo họ sau cùng; từ lúc đó tôi bắt đầu tự đày đọa mình theo ý muốn của người ta: người ta vừa cấm tôi vào nhà thờ; tôi lại tự cấm mình vào nhà ăn và bỏ cả giờ nghỉ. Tôi suy nghĩ về thân phận của mình trên mọi mặt và tôi chỉ thấy có mỗi phương sách là trông cậy vào tài năng của mình và vào sự phục tùng. Tôi đành lòng với sự quên lãng của mọi người trong nhiều ngày. Có một số người đến thăm tôi, nhưng người ta chỉ cho phép tôi tiếp ông Manuri. Khi vào phòng nói chuyện, tôi thấy ông ta, đúng như khi tôi tiếp người ông phái đến, đầu đặt trên cánh tay và hai cánh tay tựa vào song sắt. Tôi nhận ra ông, tôi không nói gì cả. Ông ta không dám nhìn tôi và cũng không dám nói gì với tôi.

"Thưa cô, - ông nói với tôi, - tôi đã viết thư cho cô; có đọc chưa?

- Tôi đã nhận nhưng không đọc.

- Vậy ra cô chưa biết...

- Không phải, thưa ngài, tôi biết hết, tôi đã đoán ra số phận của mình, và tôi đã cam chịu.

- Người ta cư xử với cô như thế nào?

- Người ta còn chưa nghĩ gì đến tôi; nhưng quá khứ dạy cho tôi biết cái gì tương lai đang chuẩn bị cho tôi. Tôi chỉ có một điều an ủi là bị tước mất niềm hy vọng từng nâng đỡ tôi, tôi cũng không thể nào còn đau khổ nhiều hơn cảnh đau khổ mà tôi đã trải qua; tôi sẽ chết. Lỗi lầm mà tôi phạm phải không thuộc vào số lỗi lầm mà người ta tha thứ trong tôn giáo. Tôi không hề cầu mong Chúa làm mềm yếu trái tim những kẻ mà Người đã phó mặc tôi cho họ, mà chỉ cầu mong Người ban cho tôi sức mạnh để đau khổ, để tôi thoát khỏi sự thất vọng, và để Chúa gọi tôi về với người một cách nhanh chóng.

- Thưa cô, - ông ta vừa khóc vừa nói với tôi, - ví như cô là em gái ruột của tôi, tôi cũng không thể làm hơn..."

Con người ấy có trái tim dễ xúc cảm.

"Thưa cô, - ông nói tiếp, - nếu tôi có giúp ích được gì cho cô, cô cứ bảo. Tôi sẽ gặp quan chánh nhất, tôi được ông ta quý trọng; tôi sẽ gặp các vị phó giám mục và giáo chủ.

- Thưa ngài, đừng gặp ai cả, tất cả đều đã hết.

- Nhưng nếu có thể chạy cho cô chuyển sang một nhà tu khác?

- Có quá nhiều trở ngại.

- Nhưng đó là những trở ngại gì?

- Một giấy phép khó mà xin được, một món tiền mới để cúng vào nhà tu, hoặc món tiền cũ cần rút ra từ nhà tu này; hơn nữa tôi sẽ tìm được gì ở một nhà tu khác? Trái tim tôi không gì lay chuyển, những bà nhất tàn nhẫn, những nữ tu sĩ không tốt gì hơn ở đây, những nhiệm vụ tương tự, những đau khổ tương tự. Tốt hơn là tôi kết thúc cuộc đời của tôi ở đây; nó sẽ ngắn ngủi hơn.

- Nhưng thưa cô, cô đã làm cho nhiều bậc quân tử quan tâm, phần đông là những người giàu có; tu viện sẽ không giữ cô lại đây, nếu cô ra đi mà không mang theo gì cả.

- Tôi tin như vậy.

- Một nữ tu sĩ ra đi hay qua đời sẽ làm tăng thêm hạnh phúc cho những kẻ ở lại.

- Nhưng các bậc quân tử, những nhà giàu có ấy không nghĩ gì đến tôi, và ngài sẽ thấy họ khá lạnh lùng nếu họ phải bỏ tiền ra cúng vào nhà tu cho tôi. Tại sao ngài lại muốn rằng người ta đưa ra khỏi nhà tu một nữ tu sĩ không có thiên hướng lại dễ dàng hơn là các nhân vật sùng đạo muốn đưa vào đó một nữ tu sĩ ngoan đạo? Người ta có cúng tiền dễ dàng cho những kẻ này không? Ôi! Thưa ngài, tất cả mọi người đã rút lui từ khi tôi thua kiện; tôi không gặp một ai nữa.

- Thưa cô, xin cô hãy giao cho tôi chỉ một việc ấy; tôi sẽ gặp may mắn hơn.

- Tôi không cầu mong gì cả, tôi không hy vọng gì hết, tôi không chống lại bất kỳ cái gì, phương sách duy

nhất còn lại của tôi đã bị bẻ gãy. Giá như tôi còn có thể tự hứa với mình là Chúa sẽ thay đổi tôi, và những đức tính của thân phận người tu sĩ trong tâm hồn tôi sẽ thay thế cho niềm hy vọng được từ bỏ thân phận ấy, niềm hy vọng mà tôi đã mất... Nhưng điều đó không thể xẩy ra; bộ quần áo này đã dính vào da, vào xương tôi, và chỉ làm cho tôi thêm vướng víu. Ôi! Cái số phận mới oái oăm làm sao! Mãi mãi là một nữ tu sĩ mà lại cảm thấy rằng mình mãi mãi sẽ chỉ là một nữ tu sĩ tồi! Suốt đời đập đầu vào song sắt của nhà tù giam hãm mình!".

Nói đến đây, tôi bèn kêu to lên nhiều tiếng, tôi muốn ghìm lại, nhưng không thể được. Ông Manuri, ngạc nhiên vì hành động này, hỏi tôi:

- "Thưa cô, cô cho phép tôi hỏi cô một câu?

- Xin ông cứ tự nhiên.

- Một nỗi đau đớn dữ dội như vậy ắt hẳn phải có một lý do bí mật nào đó?

- Thưa ông không. Tôi căm ghét cuộc sống cô độc, tôi cảm thấy tôi căm ghét nó,, tôi cảm thấy tôi sẽ căm ghét nó mãi mãi. Tôi không thể nào tự buộc mình chịu đựng mọi điều đê tiện tràn đầy cuộc sống hàng ngày của một người tu kín; đó chỉ là một mớ những chuyện trẻ con mà tôi khinh bỉ; tôi đã có thể thích nghi với những trò ấy, nếu tôi đã có thể làm quen với nó; đã hàng trăm lần tôi tìm cách tự buộc mình thích nghi, tự chấm dứt ở đó; tôi vẫn không thể làm được. Tôi đã thèm thuồng ước ao, cầu Chúa ban cho tôi cái trí óc đần độn của các bạn gái tôi; tôi đã không có được. Người sẽ không cho tôi. Tôi làm cái gì cũng hỏng, tôi nói lung tung, nhược điểm về thiên

hướng xuyên qua mọi hành động của tôi, ai cũng thấy; lúc nào tôi cũng nguyền rủa cuộc sống ở nhà tu kín, người ta gọi sự không thích nghi của tôi là tính kiêu ngạo; người ta tìm cách làm nhục tôi; các lỗi lầm và những sự trừng phạt tăng lên vô tận, và những ngày sống của tôi chỉ còn là để lấy mắt đo chiều cao của những bức tường.

- Thưa cô, tôi không thể phá những bức tường ấy, nhưng tôi có thể làm một việc.

- Thưa ông, ông đừng có làm gì hết.

- Phải thay đổi nhà tu, tôi sẽ lo việc này. Tôi sẽ đến gặp lại cô; tôi hy vọng là người ta sẽ không giấu kín cô; cô sẽ luôn luôn nhận tin của tôi. Cô hãy tin chắc rằng, nếu cô đồng ý, tôi sẽ đưa cô ra khỏi nơi này. Nếu người ta cư xử quá nghiêm khắc với cô, cô đừng giấu tôi.

Khi ông Manuri ra về, trời đã muộn. Tôi trở lại phòng riêng. Chẳng mấy chốc chuông cầu kinh buổi tối vang lên; tôi là một trong số những người tới sớm nhất; tôi nhường cho các tu nữ vượt lên trước và tôi cầm chắc là phải đứng ở ngoài cửa; quả nhiên bà nhất đã đóng cửa trước mặt tôi. Buổi tối, vào giờ ăn, vừa bước chân vào bà đã ra hiệu cho tôi ngồi xuống dưới đất, ở giữa phòng ăn. Tôi vâng lời bà và người ta chỉ dọn cho tôi bánh mì với nước lã; tôi ăn chút bánh và nuốt theo mấy giọt nước mắt. Hôm sau người ta họp bàn, cả tu viện được mời đến xét xử tôi. Người ta làm tội tôi, không cho tôi được nghỉ ngơi, phải nghe cầu kinh ở ngoài cửa cung thánh, trong một tháng trời, phải ăn dưới đất giữa phòng ăn, phải tạ tội công khai trong ba ngày liền; phải làm lại lễ mặc áo và phát nguyện, phải mặc áo vải thô, cứ hai ngày thì phải

nhịn một, phải chịu khổ hạnh sau buổi đọc kinh tối ngày thứ sáu. Trong khi người ta đọc cho tôi nghe bản án này, tôi quỳ dưới đất, khăn trùm bỏ xuống che kín mặt.

Ngày hôm sau, bà nhất đến buồng tôi với một tu nữ cầm trong tay một chiếc áo lót và chiếc áo dài vải thô mà người ta đã khoác cho tôi khi tống tôi vào buồng giam. Tôi hiểu rõ bà định làm gì, tôi cởi áo hay đúng hơn là người ta giật lấy cái khăn trùm của tôi, lột áo tôi ra, tôi mặc chiếc áo dài vải thô vào. Đầu trần, chân không, tóc dài xõa xuống vai, tôi mặc chiếc áo lót vải thô mà người ta đưa cho tôi, một chiếc sơ mi vải thô và chiếc áo dài thắt chặt lấy cổ, dài quét đất. Tôi mặc như vậy suốt ngày và trong tất cả các buổi lễ.

Buổi tối, khi ở trong buồng riêng, tôi nghe tiếng cầu kinh của các tu nữ đang tiến về phía tôi; thì ra tất cả nhà tu xếp thành hai hàng. Họ kéo vào, tôi ra gặp họ, họ tròng một chiếc thừng vào cổ tôi, nhét một bó đuốc đang cháy vào tay tôi và một chiếc roi vào tay kia. Một tu nữ cầm lấy đầu dây thừng, kéo tôi đi giữa hai hàng người, rồi đám rước tiến về phía một ngôi nhà nguyện nhỏ thờ Đức mẹ; đến nơi người ta lầm rầm cầu nguyện, lúc đi người ta lặng lẽ im lìm. Khi tôi tới ngôi nhà nguyện có hai ngọn đèn thắp sáng, người ta ra lệnh cho tôi phải tạ tội với Chúa, với tất cả tu viện về chuyện xấu xa mà tôi đã làm; cô tu nữ dẫn tôi đi nói thầm với tôi những câu mà tôi phải nhắc lại, và tôi đã nhắc lại không sót một lời. Sau đó, người ta tháo dây thừng cho tôi, cởi trần tôi đến tận thắt lưng, vơ mớ tóc lòa xòa trên vai tôi hất sang một bên, đặt vào tay phải tôi chiếc roi tôi đang cầm trong tay trái, rồi bắt đầu đọc bài kinh *Miserere*. Tôi hiểu

ra điều người ta mong chờ ở tôi, và tôi làm đúng như người ta muốn. Đọc xong bài kinh *Miserere*, bà nhất nói mấy lời khuyến khích tôi; người ta tắt đèn đi, các tu nữ rút lui và tôi lại mặc áo vào.

Khi về đến buồng riêng tôi thấy chân tôi đau nhói, tôi nhìn xuống; hai bàn chân tôi loe loét máu vì những mảnh thủy tinh mà người ta đã độc ác rắc trên lối đi của tôi.

Hai ngày tiếp sau, tôi tạ tội công khai giống hệt như trên, có điều là hôm cuối cùng, người ta đã thêm vào bài *Miserere* một bài thánh thi.

Ngày thứ tư, người ta trả áo tu hành cho tôi với những nghi thức long trọng gần giống như khi làm lễ công khai mặc áo.

Ngày thứ năm, tôi phát nguyện lại. Tôi thực hiện trong một tháng hình phạt còn lại mà người ta đã bắt tôi phải chịu, sau đó, tôi gần như trở lại trong trật tự chung của nhà tu, trở về vị trí cũ trong ban hát và trong nhà ăn, và cứ đến lượt là tôi đi làm mọi công việc trong tu viện. Một hôm, tôi ngoảnh nhìn cô bạn trẻ đã lo lắng cho số phận tôi thì ôi! Sao mà lạ vậy! Tôi thấy chị đã thay đổi gần như tôi; thân hình gầy gò đáng sợ, mặt nhợt nhạt như mặt người chết, môi trắng bệch và ánh mắt hầu như tắt ngấm.

- Chị Uyêcxuylơ! - tôi hỏi nhỏ chị ta, - chị làm sao vậy?

- Tôi làm sao ư! - chị trả lời tôi, - tôi thương yêu chị, thế mà chị còn phải hỏi! Chị đã chịu quá nhiều cực hình, đã đến lúc phải chấm dứt; tôi đau lòng đến chết mất.

Trong hai ngày tạ tội công khai cuối cùng, chân tôi mà không bị sây sát, chính là nhờ chị đã chú ý lén lút quét hành lang và gạt những mảnh thủy tinh sang hai bên. Những ngày tôi bắt buộc phải ăn bánh mì với nước lã, chị đã nhịn ăn một phần của chị, bọc vào một mảnh vải trắng và ném vào phòng cho tôi. Người ta đã gắp thăm xem ai sẽ cầm dây dắt tôi đi, và đã gắp trúng chị. Chị đã cương quyết đến gặp bà nhất để từ chối, chị quyết sẽ chết, còn hơn là làm cái công việc nhục nhã, ác nghiệt ấy. May mà chị là con một gia đình có danh vọng; chị được hưởng một khoản sinh hoạt phí lớn mà chị có quyền tiêu dùng theo ý bà nhất. Với vài cân đường và cà phê, chị đã tìm được một tu nữ khác thay thế. Tôi không dám nghĩ rằng bàn tay của Chúa đã trừng trị người tu nữ không xứng đáng này; chị ta đã hóa rồ hóa dại và bị nhốt kín; bà nhất thì vẫn sống, vẫn cai quản, vẫn hành hạ và vẫn khỏe mạnh.

Sức khỏe tôi không thể nào chống lại nổi những thử thách gay go kéo dài, tôi lâm bệnh. Chính trong dịp này, chị Uyêcxuylơ đã tỏ hết tình bạn đối với tôi; nhờ chị mà tôi còn sống được. Cuộc sống mà chị cố giữ cho tôi không phải là một hạnh phúc đối với tôi, chính chị thường nói như vậy. Nhưng không có việc gì là chị không giúp tôi trong những ngày chị làm ở bệnh xá. Những ngày khác, tôi không bị lãng quên là nhờ có chị chăm lo, nhờ những món quà nhỏ mà chị phân phát cho những ai đã săn sóc tôi và tùy theo đã làm vừa lòng tôi nhiều hay ít. Chị đã xin coi giữ tôi ban đêm, bà nhất đã từ chối, lấy cớ rằng chị yếu đuối, không kham nổi công việc vất vả ấy, điều đó làm cho chị phiền muộn vô cùng. Tất cả những sự săn

sóc của chị không ngăn cản được con bệnh ngày càng trầm trọng của tôi. Tôi như gần chết. Người ta làm lễ xưng tội cho tôi.

Trước đó một ít, tôi xin được gặp tất cả nhà tu, người ta đồng ý. Các tu nữ vây quanh giường tôi, bà nhất đứng giữa. Chị bạn trẻ của tôi đứng ở đầu giường, cầm lấy bàn tay tôi mà chị tưới đầm nước mắt. Người ta đoán rằng tôi có điều gì muốn nói, người ta nâng tôi dậy, dựng tôi ngồi tựa vào hai chiếc gối. Tôi xin bà nhất ban phúc cho tôi và quên những lầm lỗi của tôi; tôi xin tất cả các bạn tu hành tha thứ cho cái gương xấu mà tôi đã nêu ra. Tôi nhờ họ đem đến bên tôi những vật vặt vãnh, những thứ hoặc đã trang điểm cho gian phòng tôi, hoặc là đồ dùng riêng của tôi, và tôi xin bà nhất cho phép tôi được sử dụng theo ý muốn. Bà bằng lòng và tôi tặng các vật ấy cho những tu nữ đã đi theo bà khi tôi bị bà tống vào nhà giam. Tôi gọi cô cầm dây dắt tôi hôm tôi tạ tội công khai đến bên tôi; tôi vừa nói vừa ôm lấy cô, và đưa cho cô chuỗi tràng hạt với cây thánh giá: "Chị yêu quý, chị hãy nhớ đến tôi trong khi cầu nguyện; chị hãy yên trí rằng tôi sẽ không quên chị trước mặt Chúa". Mà sao Chúa lại không mang tôi đi vào lúc ấy? Tôi đến với Chúa không chút lo lắng. Đó là một phúc lành lớn biết bao! Ai là người có thể mong được hưởng phúc ấy đến hai lần? Ai biết được tôi sẽ ra sao và phút cuối cùng? Phút đó tôi chẳng tránh được nào. Cầu xin Chúa cứ làm cho tôi thêm đau khổ, nhưng xin Chúa ban cho tôi phút lâm chung cũng bình thản như giây phút vừa qua! Tôi đã thấy những cánh cửa thiên đường mở rộng, chắc chắn là như thế, vì trong giây phút ấy lương tâm không hề lừa dối, nó hứa hẹn cho tôi

một hạnh phúc lớn lao vĩnh viễn. Sau khi chịu lễ, tôi như mê man đi; suốt đêm hôm đó, người ta không còn hy vọng gì về tôi. Chốc chốc, người ta lại đến sờ bắt mạch tôi; những bàn tay đưa đi đưa lại trên mặt tôi, tôi nghe thấy những tiếng nói khác nhau như vẳng lại từ xa: "Mạch lại đập nhanh... Mũi lạnh... không sống được đến ngày mai đâu... chị giữ lấy chuỗi tràng hạt và cây thánh giá". Rồi một tiếng nói khác, giọng giận dữ: "Đi xa ra, đi ra chỗ khác; hãy để cho chị ấy được chết yên ổn; các người hành hạ chị ấy như thế còn chưa đủ hay sao?... Thật là một phút êm dịu, khi thoát khỏi cơn nguy kịch, tôi mở mắt ra thấy mình nằm trong tay người bạn quý. Chị đã không rời tôi một phút, chị đã thức suốt đêm để cứu chữa cho tôi, chị đọc đi đọc lại những bài kinh cầu nguyện cho người hấp hối, chị đưa cây thánh giá cho tôi, rồi đưa lên môi mình. Thấy tôi mở to mắt và hắt ra một hơi thở dài, chị tưởng đó là hơi cuối cùng; thế là chị kêu ầm lên, gọi tôi là bạn chí thân và cầu nguyện: "Lạy Chúa, Chúa hãy nhận lấy linh hồn của chị! Bạn thân mến, khi tới trước mặt Chúa, chị hãy nhớ đến tu nữ Uyêcxuylơ!...". Tôi nhìn chị, siết chặt tay chị, miệng mỉm cười buồn bã, nước mắt đầm đìa.

Giữa lúc đó, ông Buva tới: ông là thầy thuốc của nhà tu. Theo tin đồn thì ông là người thạo nghề, nhưng ông có tính độc đoán, kiêu ngạo và nghiệt ngã. Ông gạt cô bạn tôi ra một cách phũ phàng; ông thăm mạch, sờ da tôi; bà nhất và mấy tu nữ thân cận đi theo ông. Ông hỏi về bệnh tình đã qua bằng mấy câu cộc lốc; ông nói "Chị ta sẽ qua khỏi". Bà nhất nghe nói có ý không vừa lòng. Nhìn bà, ông tiếp: "Vâng, thưa bà, chị ta sẽ qua khỏi; da

dẻ còn tốt, cơn sốt đã lui, sức sống đã bắt đầu ló trong đôi mắt".

Nghe đến đâu nét mặt cô bạn tôi hớn hở, vui mừng đến đấy, nhưng bà nhất và những cô đi theo lại có vẻ buồn, họ cố che giấu nhưng vẫn cứ lộ ra.

- Thưa ông, - tôi nói, - tôi không mong sống.

- Mặc! - ông đáp.

Ông kê một đơn thuốc, rồi đi ra. Người ta bảo rằng trong lúc mê sảng tôi đã nhiều lần nói: "Mẹ yêu quý ơi, như vậy là con sắp đến bên mẹ! Con sẽ kể hết với mẹ". Rõ ràng là tôi nói với bà nhất trước kia của tôi, tôi tin chắc như vậy. Tấm chân dung của bà, tôi không đưa cho ai, tôi muốn mang nó xuống mồ.

Việc chẩn đoán của ông Buva được nghiệm là đúng: cơn sốt đã giảm, mồ hôi đầm đìa đã làm cho cơn sốt dứt hẳn. Tôi sẽ khỏi bệnh, không còn ngờ vực gì nữa; tôi khỏi bệnh thực sự, nhưng thời gian hồi phục kéo dài. Số phận đã định rằng tôi sẽ phải chịu đựng trong nhà này tất cả những nỗi cực khổ có thể chịu đựng được. Bệnh của tôi là một bệnh ác tính; chị Uyêcxuylơ không hề xa rời tôi. Khi tôi bắt đầu hồi phục thì sức khỏe chị suy tàn, bộ máy tiêu hóa rối loạn, chiều đến là chị lả đi, đôi khi tới mười lăm phút; trong tình trạng đó, chị như chết lịm, mắt đờ ra, mồ hôi lạnh toát đầy trán và tụ lại thành giọt chảy ròng ròng trên má; tay buông thõng bên mình, không động đậy. Người ta chỉ làm cho chị nhẹ nhõm hơn chút ít bằng cách cởi nút và nới lỏng yếm áo cho chị. Khi chị tỉnh lại, ý nghĩ đầu tiên của chị là tìm tôi ở bên chị, và bao giờ chị cũng thấy tôi ở đó. Thậm chí đôi lúc chị còn tỉnh và

có được chút cảm giác, chị đưa đi đưa lại bàn tay quanh mình, mắt vẫn nhắm. Cử chỉ này tỏ rõ ý muốn của chị, có mấy tu nữ đón lấy bàn tay đang sờ soạng, nhưng khi đó thì cánh tay chị lại buông thõng xuống, không động đậy, vì không đúng cái chị muốn tìm. Các cô nói với tôi: "Chị Xuydan này, chị ấy muốn tìm chị đấy, chị lại gần chị ấy đi vậy..." Tôi sà vào đầu gối chị, kéo bàn tay chị đặt vào trán tôi và bàn tay ấy đặt yên đó cho đến khi chị hết mê man; khi tỉnh lại, chị nói với tôi: "Chị Xuydan: Chính tôi sẽ ra đi, và chị sẽ ở lại, tôi sẽ là người đầu tiên gặp lại bà, tôi sẽ nói chuyện với bà về chị, bà sẽ không thể nghe chuyện tôi mà không khóc. Nếu có những giọt nước mắt đau xót thì cũng có những giọt nước mắt êm dịu, và nếu ở trên ấy người ta cũng yêu thì có lẽ nào người ta lại không khóc?". Nói xong, chị gục đầu vào cổ tôi, nước mắt chan hòa, chị nói tiếp: "Thôi vĩnh biệt chị Xuydan, vĩnh biệt người bạn thân thiết của tôi. Ai là người sẽ chia sẻ nỗi nhục nhằn với chị, khi tôi không còn ở đây nữa? Ai là người...? Ôi! Chị bạn thân mến, tôi thương chị biết bao! Tôi đi đây, tôi cảm thấy rõ thế, tôi đi đây. Nếu chị được sung sướng, tôi có chết đi cũng đỡ ân hận rất nhiều".

Tình trạng của chị làm tôi lo sợ. Tôi báo với bà nhất. Tôi xin đưa chị vào bệnh xá, xin miễn cho chị những buổi lễ và những công việc nặng nhọc khác, xin mời một thầy thuốc đến; nhưng lúc nào người ta cũng trả lời tôi rằng chẳng hề gì, rằng những lúc lả đi như vậy tự nó sẽ qua khỏi. Nữ tu sĩ Uyêcxuylơ cũng chẳng đòi hỏi gì hơn là làm tròn bổn phận mình và tuân theo cuộc sống chung trong nhà tu. Một hôm sau khi dự buổi đọc kinh ban sáng lần

thứ nhất, chị không ló mặt ra ngoài nữa. Tôi đoán rằng chị mệt nặng. Chầu lễ buổi sáng xong xuôi, tôi vội chạy đến phòng chị, thấy chị đang nằm trên giường, mặc cả áo ngoài; chị nói với tôi: "Chị đã đến đấy ư, chị bạn thân mến? Tôi tin rằng thế nào chị cũng tới và tôi đang chờ chị. Chị hãy nghe tôi. Tôi sốt ruột mong chị đến biết mấy! Tôi vừa mệt lả và lâu đến nỗi tôi không hy vọng hồi tỉnh và gặp lại chị nữa. Đây, chìa khóa phòng nguyện của tôi, chị mở tủ ra, chị nhấc tấm ván chia đôi ngăn kéo bên dưới, chị sẽ thấy một bó giấy sau tấm ván; dù giữ nó có nguy hiểm đến đâu, dù đọc nó có đau khổ đến đâu chăng nữa, tôi cũng chưa bao giờ đành lòng mà rời xa nó được. Ôi! Những trang giấy đó gần như đã nhòa hết vì thấm đầy nước mắt: khi tôi không còn nữa, chị sẽ đốt nó đi...".

Chị mệt lả và thở khó khăn đến nỗi không thể nói được hai tiếng liền, cứ nói một tiếng lại ngừng, mà chị nói nhỏ quá, tôi vất vả lắm mới nghe được, mặc dù tai tôi đã áp sát vào miệng chị. Tôi cầm lấy chìa khóa, chỉ về phía phòng nguyện, chị gật đầu. Thế rồi, cảm thấy rằng tôi sắp mất chị và yên trí rằng bệnh của chị đã do lây bệnh của tôi, hoặc do chị đã quá vất vả, hoặc do chị đã chăm sóc tôi quá ân cần, tôi òa lên khóc và buồn bã hết sức. Tôi hôn trán, hôn mắt, hôn mặt, hôn tay chị, tôi xin chị tha thứ, nhưng hình như chị không chú ý, chị không nghe tiếng tôi nói; rồi một tay chị đặt lên mặt tôi, vuốt ve tôi. Tôi ngờ rằng chị không trông thấy tôi nữa, cũng có lẽ chị tưởng tôi đã đi ra ngoài rồi, vì chị gọi tôi:

- Chị Xuydan ơi!

Tôi đáp:

- Tôi đây mà,

- Mấy giờ rồi hả chị?

- Mười một giờ rưỡi rồi.

- Mười một giờ rưỡi! Chị đi ăn đi, chị đi đi rồi trở lại đây ngay nhé...

Chuông báo ăn đã đánh, tôi phải rời chị. Khi tôi ra tới cửa, chị gọi tôi trở lại; tôi trở vào, chị cố gắng giơ má cho tôi; tôi hôn chị, chị nắm lấy tay tôi, siết chặt; hình như chị không muốn, chị không thể rời tôi: "Nhưng đành phải như vậy, chị buông tay tôi ra mà nói. Ý Chúa muốn thế; thôi, vĩnh biệt chị Xuydan. Chị đưa cho tôi cây thánh giá..." Tôi đặt cây thánh giá vào tay chị rồi đi ra.

Bữa ăn gần xong. Tôi đến bên bà nhất, nói với bà, trước mặt tất cả các tu nữ, về bệnh tình nguy ngập của xơ Uyêcxuylơ; tôi giục bà quyết định. Bà nói: "Phải đi thăm nó đã" Bà lên buồng chị, có mấy tu nữ đi theo; tôi cũng theo họ; họ vào trong buồng: người tu nữ đáng thương không còn nữa; chị nằm dài trên giường, mặc nguyên cả áo, đầu nghiêng trên gối, miệng hé mở, mắt nhắm, cây thánh giá cầm trong tay. Bà nhất lạnh lùng nhìn chị và nói: "Con bé chết rồi à. Ai ngờ nó lại chết chóng đến thế. Con bé thật là ngoan; đi kéo chuông chiêu hồn, rồi liệm cho nó".

Tôi ở lại một mình bên giường chị. Tôi không biết tả nỗi đau khổ của tôi ra sao; nhưng tôi thèm muốn số phận của chị. Tôi đến gần chị, khóc chị, hôn chị nhiều lần và kéo chăn che mặt cho chị; nét mặt chị đã bắt đầu biến đổi. Tôi nghĩ đến việc thực hiện những điều chị đã trối trăng. Tôi chờ mọi người đi lễ để việc làm của tôi khỏi bị

ngắt quãng: tôi mở cửa phòng nguyện, ngả tấm ván xuống và thấy một bó giấy khá lớn, tôi đốt ngay tối hôm đó. Chị vốn lúc nào cũng buồn, tôi chưa khi nào thấy chị cười, trừ có một lần khi chị đang ốm.

Như vậy là còn lại một mình tôi trong ngôi nhà này, trên đời này; vì tôi không biết có một người nào quan tâm đến tôi. Tôi không còn nghe nói đến ông trạng sự Manuri; tôi đoán chừng hoặc là ông ta đã chán nản vì những khó khăn, hoặc là bị lôi kéo vào những thú vui hay vào công việc, những điều ông hứa giúp tôi đã rời xa trí nhớ của ông, và tôi cũng không oán trách gì ông: tính tôi dễ thiên về sự khoan dung; tôi có thể tha thứ tất cả cho mọi người, trừ sự bất công, sự phản bội và sự tàn nhẫn. Vậy là tôi tha thứ cho ngài trạng sư Manuri và tất cả những người đã tỏ ra tích cực trong quá trình vụ án của tôi, đối với những người đó tôi không còn tồn tại, và cả ông nữa, thưa ông hầu tước, khi các quan chức tăng lữ đến thăm nhà tu.

Họ đi vào, rạo khắp các buồng, họ hỏi han các nữ tu sĩ, họ tìm hiểu sự quản lý về mặt vật chất và tinh thần; và tùy theo cách thực hiện nhiệm vụ của mình, họ sửa chữa hay làm tăng thêm sự lộn xộn. Vậy là tôi gặp lại cha Êbe lương thiện và khe khắt, cùng với hai tu sĩ hạ cấp trẻ tuổi và giàu lòng trắc ẩn. Hình như họ cùng nhớ lại tình trạng đáng thương của tôi trước kia khi tôi đứng trước mắt họ; mặt họ đẫm lệ; và tôi nhận thấy trên khuôn mặt họ sự cảm động và vui mừng. Ông Êbe ngồi xuống, và bảo tôi ngồi xuống trước mặt ông; hai người đi theo ông đứng đằng sau ghế tựa của ông; họ nhìn chằm chằm vào tôi. Ông Êbe nói với tôi:

"Thế nào, Xuydan, hiện nay người ta cư xử với xơ như thế nào?

Tôi trả lời: "Thưa cha người ta quên con".

- Càng tốt.

- Và đó cũng là tất cả những gì mà con mong mỏi: nhưng con đề đạt lên cha một nguyện vọng quan trọng; ấy là cha hãy cho gọi bà nhất mẹ con lên đây.

- Và tại sao?

- Vì rằng, nếu như người ta có phàn nàn với cha điều gì về bà ta, bà ta sẽ không quên buộc tội cho con.

- Cha hiểu; nhưng hãy cứ nói cho cha những điều con biết.

- Thưa cha, con khẩn cầu cha triệu bà ta đến, và tự bà ấy nghe những câu hỏi của cha và những câu trả lời của con.

- Xơ cứ nói.

- Thưa cha, cha sẽ làm hại con.

- Không, xơ đừng sợ gì hết; từ ngày hôm nay, xơ không còn thuộc dưới quyền của bà ta; trước một tuần lễ, xơ sẽ được chuyển sang Xanhtơ Orôpơ, gần Acpagiông. Xơ có một người bạn tốt.

- Một người bạn tốt ư, thưa cha! Con không hề biết một người nào.

- Ấy là trạng sư của xơ.

- Ngài Manuri?

- Chính ông ấy.

- Con đã tưởng là ông ấy không còn nhớ đến con.

- Ông ta đã gặp các chị của xơ, ông ta đã gặp Ngài Tổng chủ giáo, quan chánh nhất, tất cả những người có tiếng là ngoan đạo; ông ta đã cúng một số tiền vào nhà tu mà cha vừa nói cho xơ biết; và xơ chỉ còn ở đây trong chốc lát. Vì vậy mà, nếu xơ biết có sự lộn xộn nào, xơ có thể cho cha hay mà không hại gì cho mình; và cha ra lệnh cho xơ nhân danh sự vâng lời thiêng liêng.

- Con không hề biết gì cả.

- Sao! Người ta đã thi hành một sự trừng phạt nào đó với xơ từ khi xơ thua kiện phải không?

- Người ta đã tin, và ý người ta phải tin rằng con đã phạm một lỗi lầm khi làm ngược lại lời thề của mình, và người ta đã bắt con xin Chúa tha tội.

- Nhưng chính những hoàn cảnh cho một sự tha thứ như vậy là một điều cha muốn biết..."

Và vừa nói những lời trên, ông vừa lúc lắc đầu, ông nhíu đôi lông mày lại; và tôi biết rằng chỉ còn tùy thuộc ở tôi việc trả lại cho bà nhất một phần những hình phạt mà bà đã áp dụng đối với tôi; nhưng đó không phải là ý đồ của tôi. Phó giám mục thấy rõ rằng ông không thể biết gì được ở tôi, và ông đi ra, dặn tôi giữ kín việc ông vừa cho tôi biết là sẽ chuyển tôi sang Xanhtơ Orôpơ gần Acpagiông.

Trong khi cha Êbe đôn hậu đi một mình trong hành lang, thì hai người đi theo ông quay trở lại, và chào tôi với một vẻ thân ái và dịu dàng. Tôi không biết họ là ai: nhưng cầu Chúa hãy giữ gìn ở họ cái tính tình hiền dịu

và từ bi vốn rất hiếm có trong địa vị của họ, và thích hợp biết bao với những người được ký thác sự yếu đuối của con người với những người cầu xin lòng từ bi của Chúa. Tôi tưởng Cha Êbe đang bận an ủi, hỏi han hay quở mắng một nữ tu sĩ nào đó, thì ông trở lại căn buồng tôi. Ông nói với tôi:

"Do đâu mà xơ quen biết ông Manuri?

- Do vụ kiện của con.

- Ai giới thiệu ông ấy với xơ?

- Ấy là phu nhân quan chánh nhất.

- Chắc là xơ đã đàm luận thường xuyên với ông ta trong quá trình vụ kiện.

- Không, thưa cha, con ít gặp ông ấy.

- Làm thế nào mà xơ cho ông ta hay biết sự việc.

- Qua một số báo cáo tự tay con viết.

- Xơ có bản sao những báo cáo ấy không?

- Thưa cha, không.

- Ai giao cho ông ta những báo cáo ấy?

- Phu nhân ngài chánh nhất.

- Thế xơ quen bà ta ở đâu?

- Con quen bà ta thông qua xơ Uyêcxuylơ, bạn thân của con và là bà con của bà ta.

- Xơ đã gặp ông Manuri sau khi thua kiện chưa?

- Một lần.

- Thế là quá ít. Ông ta không viết thư cho xơ ư?

- Thưa cha, không.

- Xơ không viết thư cho ông ấy?

- Thưa cha, không.

- Chắc là ông ta sẽ báo cho xơ hay ông ta đã làm gì cho xơ. Cha ra lệnh cho xơ đừng gặp ông ấy ở phòng nói chuyện; và nếu ông ta viết thư cho xơ, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, hãy gửi lá thư ấy cho cha mà đừng mở ra; xơ nghe chưa, đừng mở ra.

- Vâng, thưa cha; và con sẽ vâng lời..."

Sự cảnh giác của cha Êbe đụng chạm đến tôi hoặc đến ân nhân tôi, nên tôi phật ý.

Ông Manuri đến Lôngsăng ngay trong buổi tối ấy: tôi giữ lời hứa với ngài phó giám mục; tôi từ chối không nói chuyện với ông ta. Ngày hôm sau, ông ta viết thư cho tôi thông qua người của ông phái đến; tôi nhận thư ông và không mở ra, tôi gửi cho cha Êbe. Ấy là ngày thứ ba, theo trí nhớ của tôi. Tôi vẫn chờ đợi một cách sốt ruột kết quả lời hứa của ngài phó giám mục và của những hành động của ông Manuri. Thứ tư, thứ năm, thứ sáu đi qua mà tôi không nghe nói gì hết.

Những ngày ấy đối với tôi mới dài làm sao! Tôi lo sợ có một trở ngại nào đó xảy ra làm cho tất cả đảo lộn. Tôi không khôi phục được tự do, nhưng tôi thay đổi nhà tù; và đó là một điều đáng kể. Một biến cố may mắn đầu tiên làm nẩy nở trong ta hy vọng ở một biến cố thứ hai; và có lẽ đó là nguồn gốc của câu cách ngôn: *hạnh phúc không bao giờ đến mà không kèm theo một hạnh phúc khác*.

Tôi từng biết những người bạn gái mà tôi vừa bỏ đi, và không khó khăn gì mà tôi không thể đoán được rằng tôi sẽ được lợi một điều gì đó khi sống với những nữ tù nhân khác; dầu họ như thế nào đi nữa, họ cũng không thể độc ác hơn, hoặc thiếu thiện ý hơn. Buổi sáng thứ bảy, vào khoảng chín giờ, trong nhà tu có một sự huyên náo; chỉ cần một chuyện cỏn con cũng đủ làm cho đầu óc các nữ tu sĩ quay cuồng. Người ta đi đi lại lại, nói chuyện thì thầm với nhau; cửa các buồng ngủ mở ra rồi khép lại; giống như là ta đã thấy cho đến nay dấu hiệu của những cuộc cách mạng trong nhà tu kín. Tôi đứng một mình trong căn buồng của tôi; tim tôi đập mạnh. Tôi lắng nghe bên ngoài cửa, tôi nhìn ra cửa sổ, tôi chạy đi chạy lại mà không hiểu tôi làm gì; tôi tự nói với mình một cách mừng rỡ: "Người ta đến tìm ta đấy; một chốc nữa ta sẽ không còn ở đây..." và tôi đã không nhầm.

Hai khuôn mặt lại hiện ra trước mắt tôi: đó là một nữ tu sĩ và một chị giao tế của Acpagiông; họ nói một vài lời về lý do cuộc đến thăm. Tôi rối rít vơ vét các thứ của cóp nhóp nhỏ nhoi thuộc về mình; tôi ném tất cả lung tung vào trong tạp đề của chị giao tế, chị này xếp lại thành mấy gói. Tôi không yêu cầu gặp bà nhất; xơ Uyêcxuylơ không còn nữa; tôi không từ biệt ai. Tôi đi xuống; người ta mở các cửa, sau khi đã xem xét các đồ đạc tôi mang theo; tôi bước lên một chiếc xe ngựa, và thế là tôi ra đi.

Phó giám mục và hai tăng lữ trẻ tuổi, bà phu nhân của quan chánh nhất và ông Manuri đang ở tại nhà bà nhất, nơi mà người ta báo cho biết tôi ra đi. Trên đường đi, người tu sĩ cho tôi biết về nhà tu tôi sắp đến, và chị giao tế nói thêm vào như thể một điệp khúc sau mỗi câu

ca tụng mà tôi được nghe: "Đó là sự thật trăm phần trăm..." Chị tự hào là người ta đã chọn chị để đến đón tôi, và muốn rằng chị sẽ là bạn thân của tôi; nhân đó, chị tiết lộ cho tôi một vài điều bí mật, và khuyên răn tôi ít điều về cách ăn ở, những lời khuyên ấy dường như thích hợp với chị; nhưng không thể phù hợp với tôi.

Không biết ông đã trông thấy tu viện Acpagiông chưa? Đó là một tòa nhà vuông vắn, mặt trông ra đường cái, còn mặt kia trông ra đồng quê và vườn tược. Ở mỗi cửa sổ mặt trước lóa ra một, hai hay bà tu nữ; chỉ riêng khung cảnh này cũng đã cho tôi thấy trật tự trong nhà tu hơn là tất cả những điều mà cô tu nữ và người bạn cùng đi với cô đã kể cho tôi nghe. Hình như người ta nhận ra chiếc xe chở chúng tôi, vì trong nháy mắt, những khuôn mặt che khăn trùm kia đều biến hết; và tôi đã tới cửa nhà tu mới của tôi. Bà nhất ra đón, hai tay dang rộng, bà ôm hôn tôi, dắt tay dẫn tôi vào phòng họp; một vài tu nữ đã tới đó từ trước, những cô khác lục đục kéo đến.

Bà nhất này tên là bà ***. Trước khi kể tiếp, tôi không thể không phác họa mấy nét về bà ta để ông rõ. Bà thấp bé, tròn trĩnh, nhưng nhanh nhẹn, hoạt bát; đầu bà luôn luôn cử động; lúc nào cũng có cái gì không ổn trong cách ăn mặc của bà. Khuôn mặt bà có thể gọi là đẹp; đôi mắt bà, mắt bên phải, cao hơn và to hơn, long lanh như lơ đãng; khi bà đi, hai cánh tay vung vẩy. Bà định nói ư? Chưa sắp xếp xong ý tứ, bà đã mở miệng rồi, cho nên bà nói hơi lắp. Bà ngồi ư? Bà cựa quậy trên ghế như có gì làm phiền bà. Bà quên hết cả phép lịch sự; bà giở khăn trùm đầu lên để gãi, bà bắt chéo chân. Bà hỏi người ta, người ta trả lời, nhưng bà không nghe; bà nói

với người ta, nhưng bà quên đi, bà ngừng phắt lại, vì không biết là đã nói đến đâu; bà tức giận, gọi người ta là con vật, là đồ ngốc, đồ ngu xuẩn, nếu người ta không nhắc cho bà nói tiếp. Có khi bà thân mật đến mức xưng hô là mày tao, có khi lại kiêu căng hách dịch đến mức tỏ vẻ khinh khỉnh; những lúc bà nghiêm trang thật ngắn ngủi; bà lần lượt hết dễ động lòng lại đến nhẫn tâm. Sắc mặt luôn luôn biến đổi của bà chỉ rõ tất cả sự hỗn độn trong trí óc và sự thất thường trong tính nết; vì thế cho nên trật tự và hỗn độn kế tiếp nhau trong nhà tu, có những ngày hoàn toàn lộn xộn, không có sự phân biệt giữa tu nữ chính thức với tu nữ tập sự. Trong những ngày ấy, người này chạy vào buồng người khác, cùng nhau uống nước chè, cà phê, sô côla, rượu mùi; các buổi lễ kết thúc chóng vánh một cách hết sức sỗ sàng.

Giữa cảnh ồn ào ấy, nét mặt bà nhất đột nhiên thay đổi, chuông kéo ầm lên, mọi người đếu rút lui, tự nhốt mình lại, cảnh yên lặng nhất tiếp theo tiếng động, tiếng kêu, tiếng ồn ào, và người ta tưởng chừng như mọi vật bỗng nhiên chết lịm đi. Lúc đó, có tu nữ nào sơ suất trong một việc nhỏ nhặt ư? Bà gọi cô ta đến phòng, đối xử với cô tàn tệ, bắt cô phải cởi áo và tự đánh mình hai mươi roi. Tu nữ ấy vâng lệnh, cởi áo ra, cầm lấy roi và tự hành hạ mình; nhưng cô ta vụt vào mình chưa được mấy roi thì bà nhất đã mủi lòng, giật lấy roi, khóc lóc, kể lể rằng bà lấy làm đau khổ khi phải trừng phạt; bà hôn trán, hôn mắt, hôn miệng, hôn vai cô ta, vuốt ve cô ta, khen ngợi cô ta: "Da trắng và mịn biết bao! Thân hình mũm mĩm biết bao! Cái cổ tuyệt làm sao! Mà búi tóc quả là xinh! Ôguyxtin, con điên ư mà phải thẹn thùng; hãy buông chiếc

áo này xuống, ta là đàn bà, lại là bề trên của con. Ôi chao! Cái ngực đẹp biết bao! Cứng cáp biết bao! Lẽ nào ta lại để cho những mũi nhọn chọc rách nó? Không, không, không thể như thế được..." Bà lại hôn cô ta, nâng cô ta dậy, tự tay bà mặc áo lại cho cô ta, nói với cô ta những lời dịu dàng nhất, miễn cho cô các buổi lễ và cho cô về phòng riêng. Người ta rất khổ sở với những người đàn bà như vậy; không bao giờ người ta biết được điều gì vừa lòng họ hoặc trái ý họ, điều gì phải tránh hoặc phải làm. Chả có cái gì thành quy tắc cả; hoặc là người ta được cung cấp thừa thãi, hoặc là người ta chết đói. Việc chi tiêu trong nhà tu rất là rối ren; người ta không tiếp nhận những lời can gián; hoặc để nó ngoài tai. Hoặc người ta quá gần gũi, hoặc quá xa cách với những bà nhất tính tình như vậy. Không có sự cách biệt thích đáng nào, cũng không có mức độ vừa phải nào: người ta đang được ưu đãi thì bị ghét bỏ, rồi đang bị ghét bỏ thì được ưu đãi mà không biết tại sao. Ông có muốn tôi nêu lên, trong một việc nhỏ, một thí dụ tổng quát về sự cai quản của bà không? Mỗi năm hai lần, bà đi hết buồng này sang buồng khác, và sai vứt qua cửa sổ tất cả những chai rượu mùi mà bà trông thấy, rồi bốn ngày sau, chính bà lại gửi rượu mùi đến cho phần lớn các tu nữ của bà. Đấy, tôi đã nguyện một cách long trọng phải vâng lời một người như thế; vì chúng tôi mang lời nguyền từ nhà tu này sang nhà tu khác...

Tôi đi vào với bà, bà ôm ngang lưng mà dẫn tôi đi. Người ta thết một tiệc nước bằng quà bánh, hạnh nhân và mứt. Ông phó giám mục trang nghiêm bắt đầu khen ngợi tôi; bà ngắt lời ông bằng những câu: "Họ trái, họ trái,

tôi biết lắm!..." Ông phó giám mục trang nghiêm muốn nói tiếp, bà nhất lại ngắt lời ông bằng những câu: "Vì sao họ đành lòng ruồng bỏ cô ta? Cô ta chính là hiện thân của sự khiêm tốn dịu dàng? Nghe nói cô ta nhiều tài hoa lắm". Ông phó giám mục trang nghiêm định nhắc lại mấy lời cuối cùng, nhưng bà nhất lại ngắt lời ông, và nói thầm vào tai tôi: "Ta yêu con không biết chừng nào. Khi bọn lên mặt dạy đời kia đi rồi, ta sẽ gọi các tu nữ tới và con sẽ hát cho chúng ta nghe một bài, được không nào?..."

Tôi bật cười. Ông Êbe trang nghiêm hơi chưng hửng, hai người tùy tùng trẻ tuổi của ông cười thầm vì sự lúng túng của ông và của tôi. Nhưng ông Êbe đã trở lại với tính tình, cử chỉ quen thuộc của ông, ông bỗng ra lệnh cho bà ta ngồi xuống, và buộc bà phải lặng im. Bà ta ngồi xuống, nhưng không được thoải mái; bà vặn vẹo người, gãi đầu, xốc lại áo ở chỗ chẳng xốc xếch chút nào; rồi bà ngáp vặt. Trong khi đó, ông phó giám mục vẫn thao thao nói về nhà tu tôi vừa từ giã; về nỗi phiền muộn mà tôi đã chịu đựng, về nhà tu tôi vừa vào, về ân huệ của những người đã giúp đỡ tôi. Đến đây, tôi nhìn ông Manuri, ông đưa mắt nhìn xuống. Lúc đó, câu chuyện lan rộng hơn; vẻ yên lặng khó chịu mà bà nhất bắt buộc phải giữ cũng chấm dứt. Tôi đến gần ông Manuri, tôi cám ơn ông về những việc ông đã giúp đỡ tôi; tôi run rẩy, ấp úng, tôi không biết hứa sẽ đền đáp ông như thế nào. Vẻ bối rối, lúng túng, xúc động, mừng mừng tủi tủi, tất cả những cử chỉ của tôi đã nói với ông nhiều hơn là những lời tôi có thể nói. Lời ông đáp lại cũng chẳng mạch lạc gì hơn những lời tôi nói, ông cũng bối rối như tôi. Tôi không nhớ hết ông đã nói với tôi những gì; tôi chỉ còn nhớ ông bảo rằng

nếu ông đã làm dịu được phần nào số phận gay go của tôi thì như vậy là ông đã được đền đáp quá mức rồi; rằng khi nhớ lại những việc đã làm, có lẽ ông còn thấy thích thú hơn cả tôi nữa; rằng ông rất áy náy vì công việc giữ chặt ông ở tòa án Pari, không cho phép ông năng đến thăm tu viện Acpagiông được; nhưng ông hy vọng vị phó giám mục và bà nhất sẽ cho phép ông hỏi thăm sức khỏe và tình hình của tôi.

Ông phó giám mục không nghe thấy; nhưng bà nhất đã trả lời: "Thưa ngài, xin tùy ý ngài, cô ấy muốn làm gì thì làm, tùy thích, chúng tôi sẽ cố gắng đền bù vào nỗi phiền muộn mà người ta đã gây cho cô..." Rồi bà nói thầm với tôi: "Con ơi, như vậy là con đã đau khổ nhiều rồi ư? Sao bọn quỷ ở Lông-săng lại nỡ lòng giày vò con? Mẹ có biết bà nhất của con; mẹ cũng đã cùng ăn học với bà ta ở Po Roayan; chẳng ai ưa con mụ ấy. Rồi chúng ta sẽ có thì giờ gặp nhau. Con sẽ kể cho mẹ nghe tất cả những chuyện đó..." Miệng bà nói, tay bà nắm lấy và đập nhẹ vào tay tôi. Mấy tu sĩ trẻ tuổi cũng chúc mừng tôi. Đã muộn, ông Manuri từ biệt chúng tôi, ông phó giám mục với những người tùy tùng đi đến nhà ông, một vị chúa đất ở Acpagiông, theo lời ông này mời. Tôi ở lại một mình với bà nhất. Nhưng chẳng được mấy chốc, tất cả các tu nữ, chính thức, tập sự, tu sinh, kéo nhau đến rối rít; trong nháy mắt, hàng trăm người vây lấy tôi. Tôi không biết nghe ai, cũng không biết trả lời ai; khuôn mặt các cô đủ các kiểu, câu chuyện các cô chẳng thiếu giọng nào; tuy vậy, tôi nhận thấy các cô không phải là không hài lòng về những câu trả lời của tôi và cả về con người tôi nữa.

Khi cuộc họp phiền phức này kéo dài đã được khá lâu và nỗi tò mò ban đầu đã được thỏa mãn thì đám người thưa dần; bà nhất xua số còn lại đi, rồi bà thân hành dẫn tôi về buồng riêng; bà khoe gian phòng theo kiểu của bà; bà chỉ phòng nguyện và nói: "Cô bạn nhỏ của tôi sẽ cầu nguyện Chúa ở đó; tôi sẽ cho đặt chiếc đệm vào cái bậc này để đôi đầu gối nhỏ nhắn của cô khỏi đau. Không có một giọt nước thánh nào trong chậu; cái chị Đôrôtê này bao giờ cũng phải quên một cái gì mới yên. Cô hãy ngồi thử vào chiếc ghế bành này xem có dễ chịu không..."

Miệng bà nói, tay bà đặt tôi ngồi xuống, ngả đầu tôi vào lưng ghế và hôn vào trán. Bà ra cửa sổ xem cửa đóng có mở dễ dàng không; bà đến giường tôi, kéo ra kéo vào bức rèm, xem cho có kín không. Bà xem kỹ mấy chiếc chăn: "Chăn ấm đấy". Bà cầm lấy chiếc gối, đập phồng lên và hỏi: "Cái đầu quý mến gối vào đây thì tha hồ mà êm; vải trải giường này không được mịn, nhưng đó là vải của toàn thể nhà tu; những chiếc đệm này êm đấy..." Xong rồi bà đến chỗ tôi ngồi ôm hôn tôi và từ giã. Trước những cử chỉ ấy, tôi thầm nhủ: "Ôi! Con người điên!". Và tôi sẵn sàng chờ đợi những ngày vui buồn sắp tới.

Tôi chuẩn bị trong buồng ngủ; tôi dự lễ mi-sa buổi chiều, dự buổi ăn tối và giờ giải lao tiếp theo đó. Một số tu nữ tiến gần lại tôi, một số khác lại đi xa tôi ra; những người trên hy vọng sẽ được tôi che chở cho bên cạnh bà nhất, những người khác lại hoảng sợ vì sự biệt đãi của bà nhất đối với tôi. Trong những phút gặp gỡ đầu tiên, hai bên khen ngợi lẫn nhau, người ta hỏi tôi về nhà tu mà tôi vừa từ bỏ, tìm hiểu về tính nết tôi, về các thiên hướng, về các thị hiếu, và về sự hiểu biết của tôi: người

ta dò xét khắp mọi nơi; đó là một chuỗi những cạm bẫy mà người ta chăng ra và chính từ đó mà người ta rút ra những kết luận đúng đắn nhất. Ví dụ, người ta ném ra một lời gièm pha, rồi người ta nhìn vào mặt mình; người ta gợi ra một câu chuyện và người ta chờ đợi xem mình có hỏi tiếp không hay là không để ý; nếu mình nói một lời bình thường, người ta sẽ thấy là nó có ý vị, mặc dầu người ta biết rằng không phải như vậy; người ta khen ngợi mình hoặc người ta quở trách mình một cách cố ý, người ta tìm cách phát hiện những suy nghĩ thầm kín nhất của mình; người ta hỏi xem mình hay đọc sách nào; người ta đưa cho mình xem những sách thánh hoặc là sách thế tục; người ta theo dõi sự lựa chọn của mình; người ta xúi bẩy mình đi đến những sự vi phạm nhỏ về quy tắc, người ta thổ lộ tâm sự với mình, người ta ném ra vài lời về các thói xấu của bà nhất: người ta im lặng và lặp lại lời đã nói; người ta từ giã mình rồi lại tìm gặp mình; người ta dò hỏi ý kiến mình về các phong tục, về lòng mộ đạo, về xã hội, về tôn giáo, về cuộc sống tu hành, về tất cả. Từ những thử thách được lặp đi lặp lại đó, người ta đi đến chỗ xác định một hình dung từ đặc trưng cho tính cách của mình, và người ta gắn vào tên một biệt hiệu; và như thế tôi được gọi là Xanhtơ Xuydan thận trọng.

Ngay buổi chiều đầu tiên, bà nhất đến thăm tôi; bà đến khi tôi đang thay quần áo; chính bà gỡ khăn che mặt và khăn trùm đầu của tôi, và đêm bà gài tóc cho tôi; chính bà cởi áo quần cho tôi. Bà nói với tôi hàng trăm lời dịu dàng, và vuốt ve tôi hàng ngàn lần khiến cho tôi hơi bối rối, không hiểu vì sao, vì tôi không hiểu gì hết, cả bà cũng vậy; ngay bây giờ đây khi nghĩ lại, tôi vẫn thấy rằng

có thể hiểu như thế nào được về một hành vi như thế kia chứ? Tuy vậy, tôi có cho cha giáo đạo biết việc này; ông nói về sự thân mật của bà nhất, mà lúc đó và cả ngay bây giờ đối với tôi là một việc làm hồn nhiên, với một giọng nghiêm nghị, và ông long trọng cấm tôi không cho bà làm như vậy nữa. Bà hôn tôi ở cổ, ở hai vai và hai cánh tay; bà ca ngợi vóc người và thân hình tôi, và đỡ tôi nằm xuống giường; bà vén khăn trùm giường của tôi lên ở cả hai bên, hôn lên mắt tôi, kéo màn lại và đi ra. Tôi quên nói với ông rằng bà ta cho là tôi mệt nhọc, nên cho phép tôi muốn nằm nghỉ đến bao giờ cũng được.

Tôi sử dụng ngay điều bà cho phép; có lẽ đó là những đêm yên lành duy nhất mà tôi được trải qua trong tu viện; và tôi hầu như ngủ mãi ở đó không đi ra nữa. Ngày hôm sau, lúc chín giờ, tôi nghe tiếng gõ cửa nhè nhẹ; tôi còn nằm trên giường; tôi trả lời, người ta mở cửa vào; đó là một tu nữ, cô ta khá cáu kỉnh khi nói với tôi là đã trưa rồi và bà nhất cho gọi tôi. Tôi ngồi dậy, vội vàng mặc quần áo rồi đi ra.

"Chào con của mẹ, - bà nhất nói, - con ngủ có ngon không? Cốc cà phê mẹ pha đợi con đã một tiếng đồng hồ rồi; mẹ nghĩ là con uống sẽ thấy ngon; vậy con hãy uống nhanh lên rồi sau đó ta trò chuyện..."

Vừa nói bà vừa trải một chiếc khăn nhỏ lên bàn, trải một chiếc nữa trước mặt tôi, rót cà phê và cho đường vào. Các tu nữ khác cũng làm như vậy. Trong lúc tôi ăn sáng, bà nhất nói chuyện với tôi về các bạn tu nữ, mô tả họ tùy theo sự yêu ghét hoặc sở thích của bà, biểu lộ với tôi vô vàn tình cảm thân thiết, đặt ra cho tôi hàng ngàn

câu hỏi về tu viện mà tôi vừa từ bỏ, về cha mẹ tôi, về những sự bực dọc mà tôi đã phải chịu đựng, khen ngợi, quở trách tùy theo ý thích của bà, không bao giờ bà nghe một câu trả lời của tôi cho đến đầu đến đũa. Tôi không nói gì trái với bà; bà hài lòng về trí tuệ của tôi, về óc phán đoán và về sự thận trọng của tôi. Tuy nhiên, một tu nữ đến, rồi một người khác, một người thứ ba, một người thứ tư, một người thứ năm; người ta nói về những con chim của bà nhất, người này nói về những thói xấu của một xơ, người kia về tất cả những điều buồn cười nhỏ nhặt của những xơ vắng mặt, không khí trở nên vui vẻ. Ở góc phòng có một chiếc đàn cầm nhỏ; để tiêu khiển, tôi đặt ngón tay lên đó; vì là người mới đến nhà tu và chưa hiểu gì về những điều người ta đùa cợt, việc ấy không làm cho tôi thích thú chút nào; vả chăng, nếu tôi hiểu thì chắc cũng chẳng có gì vui hơn. Cần phải có quá nhiều sự thông minh để biết khôi hài một cách hóm hỉnh, vả lại, ai mà chả có cái gì đó đáng buồn cười? Trong khi người ta cười đùa, tôi dạo vài điệu đàn, dần dần tôi làm cho người ta chú ý. Bà nhất tiến lại gần tôi và khẽ vỗ vào vai tôi: "Nào, Xanhtơ Xuydan, bà nói, hãy làm cho chúng ta vui lên nào! Đánh đàn cho chúng ta nghe; đánh đàn đã; sau rồi con sẽ hát." Tôi làm theo lời bà, tôi chơi vài bản nhạc mà tôi có trong tay; tôi dạo một bản nhạc phóng túng, tôi hát một vài câu trong thánh thi của Môngđônvin (1).

"Thế là tốt lắm, - bà nhất nói với tôi; - nhưng về thánh thi thì ở nhà thờ chúng ta muốn lúc nào có lúc nấy: chúng ta đều cô độc; các xơ đây là bạn của mẹ, và

---

(1) Tác giả kịch và nhạc sĩ Pháp (1715 - 1773)

cũng sẽ là bạn của con; con hãy hát cho chúng ta nghe bài gì vui nhộn hơn."

Vài tu nữ nói: "Nhưng có lẽ chị ta chỉ biết hát như thế, chị ấy đi đường mệt nhọc, phải giữ gìn sức khỏe cho chị; lần này như thế là đủ rồi".

- Không, không, - bà nhất nói, - xơ ấy tự đệm đàn hòa nhạc cho mình hát một cách tuyệt diệu, xơ ấy có giọng hát hay nhất đời (và thật vậy, giọng hát của tôi không đến nỗi dở, tồi nhưng đúng hơn giọng hát ấy chuẩn xác dịu dàng và uyển chuyển nhiều hơn là sức mạnh và độ âm vang), nếu xơ ấy không hát một bài khác thì ta chưa tha cho đâu."

Tôi hơi bị phật ý về lời nói của các tu nữ! Tôi trả lời bà nhất rằng việc tôi hát như vậy sẽ không còn làm vừa lòng các xơ nữa. "Nhưng nó còn làm vừa lòng mẹ".

Tôi lấy làm ngại về câu trả lời ấy. Cho nên tôi bèn hát một bài hát nhỏ khá tế nhị; và tất cả vỗ tay hoan nghênh, khen ngợi tôi, ôm hôn tôi, vuốt ve tôi, đòi tôi hát một bài thứ hai; đó là những sự vờ vĩnh giả tạo cho phù hợp với câu trả lời của bà nhất; có lẽ hầu như không có một kẻ nào trong số đó mà lại không ngắt lời tôi và không đánh gãy các ngón tay tôi nếu như họ có thể làm như vậy. Những chị có lẽ cả đời chưa được nghe nhạc, nẩy ra ý nghĩ buông ra một vài lời vừa lố bịch vừa vô duyên về bài hát của tôi; những lời đó không hợp ý với bà nhất chút nào.

"Các chị im đi, - bà nói, - xơ ấy chơi đàn và hát như một thiên thần, và ta muốn rằng ngày nào cô ta cũng

đến đây; ngày xưa *ta có biết chơi Clavoxanh chút ít,* và tôi muốn được cô ta dạy lại.

- A! Thưa mẹ, - tôi nói với bà, - nếu xưa kia mẹ đã biết chơi đàn, thì bây giờ không thể quên hẳn...

- "Rất vui lòng, con hãy nhường chỗ cho mẹ..."

Bà dạo đàn đánh một cách điên rồ, kỳ quái, không có mạch lạc giống y như những ý nghĩ của bà; nhưng qua tất cả những nhược điểm trong cách biểu diễn của bà, tôi vẫn thấy bà có bàn tay muôn ngàn lần nhẹ nhàng hơn tôi. Tôi nói với bà điều tôi nhận xét, vì tôi thích khen ngợi, và ít khi tôi bỏ lỡ cơ hội để khen ngợi một cách chân thành; điều đó êm dịu biết bao! Các tu nữ lần lượt lảng ra, và tôi ở lại gần như là một mình để nói chuyện âm nhạc với bà nhất. Bà ngồi, tôi đứng, bà vừa cầm lấy và xiết chặt hai bàn tay tôi vừa nói: "Nhưng ngoài việc chơi đàn giỏi, con còn có những ngón tay đẹp nhất đời; này xơ Têredơ, con hãy xem đây..." Xơ Têredơ mắt nhìn xuống đất, đỏ mặt và nói ấp úng; dù cho những ngón tay tôi đẹp hay không, dù cho bà nhất ngắm nhìn nó đúng hay sai, thì điều đó có liên quan gì đến chị kia chứ? Bà nhất ôm hôn ngang mình tôi và bà thấy tôi có một thân hình đẹp nhất. Bà kéo tôi sát lại người bà; bà đặt tôi ngồi trên hai gối bà; bà dùng hai tay đỡ lấy đầu tôi và bảo tôi nhìn vào mặt bà; bà khen ngợi đôi mắt tôi, nước da tôi: tôi không nói gì hết, mắt tôi nhìn xuống, và tôi mặc cho bà vuốt ve như một đứa trẻ đần độn. Xơ Têredơ như một kẻ đãng trí, băn khoăn, đi dạo từ phải sang trái, cái gì cũng sờ vào mà không cần đến gì cả, không biết làm gì với con người của mình, ngước nhìn qua cửa sổ, tưởng như nghe

tiếng ai gõ cửa; và bà nhất nói với chị: "Xanhtơ, Têredơ, con có thể đi ra nếu con cảm thấy buồn".

- Thưa mẹ, con không thấy buồn.

- Có điều là mẹ có hàng ngàn điều muốn hỏi cô gái này.

- Con nghĩ như vậy.

- Mẹ muốn biết tất cả câu chuyện của cô ta. Nếu mẹ không biết thì làm thế nào mà mẹ đền bù được những nỗi đau khổ mà người ta đã gây ra cho cô. Mẹ muốn cô kể cho nghe không bỏ sót một tí gì, mẹ chắc rằng trái tim mẹ rất đau xót và mẹ sẽ rơi nước mắt, nhưng mặc: Xanhtơ Xuydan, bao giờ thì mẹ sẽ được biết hết.

- Thưa mẹ, khi nào mẹ ra lệnh.

- "Chút nữa mẹ sẽ yêu cầu con, nếu chúng ta có thì giờ. Mấy giờ rồi?..."

Xơ Têredơ trả lời: "Thưa mẹ năm giờ rồi, và sắp đến giờ kinh vãn khóa".

- Kệ, cứ bắt đầu đi.

- Nhưng thưa mẹ, mẹ đã hứa với con một phút an ủi trước giờ kinh vãn khóa. Con có những ý nghĩ làm con lo lắng, con muốn giải bày với mẹ. Con không thể đến lễ mi-sa mà không được tâm sự với mẹ, con sẽ không cầu nguyện được, con sẽ trở nên kẻ đãng trí.

- Không được, không được, - bà nhất nói, - con thật điên rồ với những ý nghĩ của mình. Mẹ cam đoan rằng mẹ biết điều đó là gì; ngày mai ta sẽ nói chuyện.

- A! Mẹ thân yêu, - xơ Têredơ nói, khi chị quỳ dưới chân bà nhất, ràn rụa nước mắt, - vậy thì xin mẹ chốc nữa vậy.

- Thưa mẹ, - tôi nói với bà nhất, vừa nói vừa rời khỏi gối bà, là nơi tôi đang ngồi, - hãy ban cho người chị con điều mà chị ấy yêu cầu; mẹ đừng để cho nỗi đau khổ của chị ấy phải kéo dài; con xin rút lui; lúc nào con cũng có thì giờ để thỏa mãn mối quan tâm mà mẹ dành cho con; và khi mẹ đã lắng nghe xơ Têredơ, chị ấy sẽ không đau khổ nữa."

Tôi bước về phía cửa để đi ra, bà nhất giơ một tay giữ tôi lại, xơ Têredơ quỳ xuống ôm hôn bàn tay kia và khóc; bà nhất nói với chị:

"Xanhtơ Têredơ ạ, thực ra con làm phiền mẹ với những sự băn khoăn của mình; mẹ đã nói với con, điều đó làm mẹ khó chịu con làm rầy mẹ; mẹ không muốn bị quấy rầy.

- "Thưa mẹ, con biết vậy, nhưng con không làm chủ được tình cảm của mình, con muốn và con không thể..."

Trong khi ấy, tôi đã rút lui, để người bạn gái trẻ tuổi ở lại với bà nhất. Tôi không thể không tò mò nhìn chị ở nhà thờ; nét mặt chị biểu lộ sự thất vọng và buồn rầu; mắt chúng tôi gặp nhau nhiều lần và tôi có cảm tưởng là chị khó mà chịu nổi cái nhìn của tôi, về phần bà nhất, bà đã thiu thiu ngủ trên chiếc ghế gỗ ở giáo đường.

Lễ mi-sa được tiến hành gấp trong nháy mắt theo sự nhận xét của tôi: dàn đồng ca không phải là nơi mà người ta thích thú nhất ở nhà tu. Người ta đi ra khỏi nơi đó một cách vội vàng, và chuyện trò ríu rít như đàn chim

thoát ra khỏi lồng; và các xơ phân tán ra thăm hỏi nhau, vừa đi vừa chạy, vừa cười nói; bà nhất vào phòng mình đóng cửa lại, và xơ Têredơ dừng lại trước cửa phòng bà, theo dõi tôi như thể muốn biết tôi sẽ làm gì. Tôi trở về phòng mình và cánh cửa phòng xơ Têredơ chỉ đóng lại một chốc sau đó, và khép lại rất nhẹ nhàng. Tôi nẩy ra ý nghĩ là cô gái ấy ghen tuông với tôi, và chị ấy sợ tôi dành mất cái địa vị mà chị đã có khi xơ được bà nhất săn sóc và âu yếm. Tôi quan sát chị nhiều ngày liên tiếp; và khi tôi đã đủ chứng cớ để tin rằng sự nghi ngờ của tôi là đúng đắn - chứng cớ là những cơn giận, những nỗi lo sợ trẻ con của chị, việc chị kiên trì theo dõi từng bước đi của tôi, quan sát tôi, đứng ngáng giữa bà nhất và tôi, cắt ngang các câu chuyện giữa bà và tôi, việc chị chê bai các đức tính và bới xấu các nhược điểm của tôi; rõ hơn nữa là nét mặt xanh xao của chị, sự đau khổ, những giọt nước mắt và sự rối loạn sức khỏe cũng như trí óc của chị, - khi ấy tôi mới đến tìm chị và nói với chị: "Bạn thân mến ơi, bạn làm sao vậy?"

Chị không trả lời tôi, sự thăm hỏi của tôi làm chị ngạc nhiên và bối rối; chị không biết phải nói gì, làm gì.

"Chị đã xử sự không đúng với tôi; chị hãy nói thực đi, có phải chị sợ tôi lạm dụng sự yêu mến của mẹ chúng ta đối với tôi không, có phải chị sợ tôi sẽ làm cho mẹ xa rời chị không. Chị hãy yên tâm; tôi không có cái tính ấy đâu, không bao giờ tôi cảm thấy sung sướng vì đã chiếm được phần nào sự biệt đãi của mẹ..."

- Chị sẽ có tất cả những gì chị muốn; mẹ yêu chị; ngày nay mẹ đối xử với chị đúng y như lúc đầu mẹ đã đối xử với tôi.

- Vậy chị hãy tin rằng tôi chỉ sử dụng lòng tin cậy mà mẹ ban cho tôi để làm cho chị càng được yêu quý hơn.

- Nhưng điều đó có tùy thuộc vào chị không?

- Và tại sao lại không tùy thuộc vào tôi?

Đáng lẽ trả lời tôi, chị lại ôm chầm lấy cổ tôi, và vừa thở vừa nói với tôi: "Đó không phải là lỗi của chị, tôi biết rõ như vậy, lúc nào tôi cũng tự bảo mình như thế; nhưng chị hãy hứa với tôi...

- Chị muốn tôi hứa gì với chị?

- Rằng...

- Chị cứ nói hết; tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể làm được".

Chị ngần ngừ, lấy hai tay che mắt lại, và nói với tôi bằng một giọng nhỏ đến nỗi phải khó khăn lắm tôi mới nghe nổi: "Rằng chị càng ít gặp mẹ bao nhiêu càng hay bấy nhiêu...".

- Điều yêu cầu của chị đối với tôi thật lạ lùng khiến tôi không thể không trả lời chị: "Nhưng có gì là quan trọng nếu tôi thường xuyên gặp hay thỉnh thoảng mới gặp bà nhất? Tôi sẽ không hề bất bình nếu chị gặp mẹ luôn luôn. Đáng lẽ chị không nên lấy làm bất bình nếu tôi cũng làm như vậy; tôi cam đoan rằng tôi sẽ không làm hại chị trước mặt mẹ, tôi không làm hại chị cũng như không làm hại bất cứ ai, như thế chưa đủ ư?

Chị chỉ trả lời tôi bằng những lời mà chị thốt lên một cách đau đớn sau đây, khi chị chia tay với tôi và nằm vật xuống giường: "Thế là hết!"

- Thế là hết! Và tại sao? Hẳn chị phải cho rằng tôi là con người ti tiện độc ác nhất trên cõi đời này!"

Câu chuyện đến đó thì bà nhất vào. Bà đã đi qua phòng tôi, bà không tìm thấy tôi ở đó; hầu như bà đã chạy quanh khắp nhà một cách vô ích; bà không thể ngờ rằng tôi đã ở lại buồng chị Xanhtơ Têredơ. Khi bà đã được tin những tu nữ mà bà phái đi tìm tôi cho biết là tôi ở đây, bà liền chạy đến. Một sự bối rối thoáng qua trong cái nhìn và trên khuôn mặt bà; nhưng toàn thể con người bà xưa nay vốn ít khi ăn nhịp với nhau! Xanhtơ Têredơ im lặng, ngồi trên giường, còn tôi thì đứng. Tôi nói với bà: "Thưa mẹ thân yêu, con xin lỗi mẹ vì đã đến đây mà không xin phép mẹ."

- Đúng như vậy, - bà nói với tôi, - tốt hơn là con nên xin phép mẹ.

- Nhưng bà chị thân yêu này làm con thương hại, con thấy chị ấy đang đau khổ, mẹ ạ.

- Nhưng về cái gì?

- Con có nên nói với mẹ không? Và tại sao con lại không nói với mẹ kia chứ? Đó là một sự tế nhị làm vinh dự cho tâm hồn chị biết bao, và cũng là điều chứng tỏ rằng sự tìm kiếm của chị đối với mẹ thiết tha làm sao. Những ân huệ của mẹ ban cho con đã làm cho tình cảm đằm thắm của chị trở nên bối rối; chị đã sợ rằng trái tim của mẹ sẽ dành sự biệt đãi cho con; sự ghen tị ấy; một sự ghen tị vốn dĩ lành mạnh, vốn dĩ tự nhiên và đáng làm cho mẹ tự hào, thưa mẹ thân yêu, - sự ghen tị ấy, theo như con thấy, đã làm cho bà chị của con đau khổ, và con cố làm cho chị yên lòng."

Sau khi nghe tôi nói xong, bà nhất, với một vẻ nghiêm nghị và đường bệ, nói với chị:

"Xơ Têredơ, mẹ đã yêu mến con, và mẹ vẫn còn yêu mến con; mẹ không có điều gì phải phàn nàn về con, và con cũng sẽ không có điều gì phải phàn nàn về mẹ, nhưng mẹ không thể chịu đựng được những yêu cầu thái quá như vậy. Con hãy bỏ cái thói ấy đi, nếu con không muốn dập tắt luôn những gì còn là tình quyến luyến của mẹ đối với con, và nếu con còn nhớ cái số phận của xơ Agat..." Rồi quay về phía tôi, bà nói với tôi: "Ấy là cái cô gái to lớn, có nước da nâu mà con vẫn thấy đứng trước mặt mẹ ở dàn đồng ca." (Bởi vì tôi ít giao du, tôi mới đến nhà tu kín này, tôi còn là kẻ mới lạ, nên tôi chưa biết hết tên của các bạn đồng nghiệp). Bà nói tiếp: "Mẹ yêu xơ ấy, khi xơ Têredơ đến đây và khi mẹ bắt dầu yêu xơ Têredơ. Cô ta cũng có những điều thắc mắc như vậy, cô ta cũng làm những điều điên rồ như vậy, mẹ đã cảnh cáo, cô ta không chịu sửa chữa, và mẹ đã buộc phải đi đến những biện pháp nghiêm khắc và kéo dài khá lâu, tuy rằng tính mẹ vốn không thích làm như vậy; chứng cớ là tất cả các tu nữ đều bảo với con là mẹ có lòng lành và bao giờ mẹ cũng trừng phạt một cách bất đắc dĩ..."

Rồi hướng về Xanhtơ Têredơ, bà nói tiếp: "Con ạ, mẹ không muốn bị quấy rầy, mẹ đã nói với con như vậy; con biết tính mẹ; con đừng làm cho mẹ phải làm khác với tính của mình..." Sau đó, bà đặt một bàn tay lên vai tôi và nói: "Xanhtơ Xuydan, con lại đây, con hãy dẫn mẹ về".

Chúng tôi đi ra. Xơ Têredơ muốn đi theo chúng tôi; nhưng bà nhất khẽ ngoái đầu lại nhìn qua vai tôi và bảo

chị với một giọng y như mệnh lệnh độc đoán: "Hãy trở về phòng của con và con chỉ được ra khỏi đó khi mẹ cho phép..." Chị vâng lời, đóng sập cửa lại và thốt ra một số lời nói làm cho bà nhất phải rùng mình; tôi không hiểu tại sao, vì những lời đó không có nghĩa gì; tôi nhận thấy sự tức giận của bà và tôi nói với bà: "Thưa mẹ thân yêu, nếu mẹ có lòng thương con, thì mẹ hãy tha thứ cho chị Têredơ của con; chị ấy mất trí; không biết mình nói gì; làm gì nữa"

- Ừ, thì mẹ tha thứ cho nó! Mẹ muốn như thế lắm; nhưng con sẽ cho mẹ gì nào?

- A! Thưa mẹ thân yêu, con sẽ lấy làm sung sướng nếu như có thể làm điều gì đó cho mẹ vui lòng và bình tâm trở lại".

Cặp mắt bà nhìn xuống, đỏ mặt và thở dài; nói thực ra, giống y như một gã tình nhân. Sau đó, ngả người vào tôi một cách mệt mỏi như thể sắp té xỉu, bà nói với tôi "Con đưa trán lại gần đây cho mẹ hôn..." Tôi vươn người tới và bà hôn vào trán tôi. Từ ngày đó, hễ một tu nữ nào phạm lỗi, tôi liền cầu xin cho chị ta, và tôi chắc chắn dành được sự tha thứ của bà biểu hiện bằng một ơn huệ nào đấy; lúc nào cũng là một cái hôn lên trán hoặc lên cổ, hoặc lên hai mắt, hai má, hoặc lên miệng, lên hai tay, hoặc lên cuống họng, hoặc lên đôi cánh tay, nhưng thường là lên miệng, bà bảo rằng tôi có hơi thở tinh khiết, răng trắng và đôi môi tươi mát một màu son.

Nói thực tôi sẽ là một cô gái khá xinh đẹp nếu tôi xứng đáng chỉ với một phần nhỏ nhất những lời khen ngợi mà bà ban cho tôi. Trán tôi ấy ư, bà bảo nó trắng, đều

đặn, với một hình dáng đáng yêu; đôi mắt tôi sáng long lanh, má tôi ửng hồng và mịn màng; đôi bàn tay tôi nhỏ nhắn và mũm mĩm; ngực tôi rắn chắc và có một hình dáng tuyệt vời; và có lẽ không thể có đôi cánh tay nào đẹp đẽ tròn trĩnh hơn cánh tay tôi, không một xơ nào có cái cổ đẹp đẽ mỹ miều quý giá hơn: tôi không còn biết bà nói những gì về tôi nữa! Có phần nào sự thực trong những lời ca ngợi của bà; tôi phải cắt giảm nhiều trong những lời ấy, nhưng không phải tất cả. Đôi lúc, trong khi nhìn tôi từ đầu đến chân với một vẻ thỏa mãn mà tôi không bao giờ thấy ở một người đàn bà nào khác, bà nói với tôi: "Không, việc Chúa gọi cô ta đến nhà tu thật là một điều may mắn lớn; với một khuôn mặt như thế, trong xã hội cô ta sẽ đưa xuống địa ngục hết những người đàn ông mà cô ta gặp, và cô ta cũng sẽ xuống địa ngục cùng họ. Mọi sự Chúa làm đều là đúng."

Trong lúc ấy, chúng tôi tiến đến phòng bà ở; tôi định từ giã bà, nhưng bà đã cầm lấy tay tôi và nói: "Đã quá khuya không còn thời giờ để con bắt đầu kể câu chuyện của con ở Xanhtơ Mari và Lôngsăng; nhưng con vào đi và dạy ta một bài học nhỏ về đàn clavơxanh."

Tôi đi theo bà. Trong phút chốc, bà đã mở đàn chuẩn bị một cuốn sách, kéo ghế lại gần, bà ta vốn rất sốt sắng. Tôi ngồi xuống. Bà nghĩ là tôi có thể bị lạnh; bà lấy từ phần trên cái ghế ra một chiếc đệm mà bà để trước mặt tôi, rồi bà cúi xuống nâng hai bàn chân tôi để trên đệm; sau đó, tôi chơi một số bài của Cuporanh của Ramo, của Xcaclatti; trong lúc đó, bà gỡ một góc khăn quàng cổ của tôi ra, bàn tay bà đặt trên vai trần của tôi, và đầu các ngón tay bà để trên cuống họng tôi. Bà thở dài; bà như

bị nghẹt thở, hơi thở của bà dồn dập; lúc đầu bà dùng bàn tay đang nắm vai tôi bóp mạnh vai, rồi bà lại không bóp nữa; và đầu bà ngả vào đầu tôi. Thực ra người đàn bà điên rồ ấy có một sự xúc cảm mạnh mẽ và yêu thích âm nhạc một cách cuồng nhiệt; chưa bao giờ thấy âm nhạc tác động đến với người nào mạnh mẽ như đối với bà nhất.

Chúng tôi đang giải trí một cách giản dị và êm ái như vậy thì bỗng nhiên cánh cửa mở mạnh; tôi khiếp sợ và bà nhất cũng vậy: đó chính là cô gái Xanhtơ Têredơ điên rồ; quần áo chị xộc xệch, chị đảo mắt nhìn chúng tôi từ người này sang người khác với một sự chăm chú kỳ lạ nhất; đôi môi chị run rẩy, chị không nói được nên lời. Nhưng rồi chị cũng bình tĩnh lại và quỳ xuống chân bà nhất; tôi nối theo lời chị cầu xin bà nhất và lần này cũng được bà tha thứ; nhưng bà nhất nói cho chị biết một cách hết sức kiên quyết rằng đó sẽ là lần cuối cùng, ít nhất là đối với những thứ lỗi lầm thuộc loại này, và cả hai chúng tôi cùng đi ra.

Khi trở về phòng mình, tôi nói với chị:

"Chị thân yêu, chị hãy cẩn thận, chị sẽ làm mếch lòng mẹ chúng ta; tôi sẽ không bỏ chị; nhưng chị sẽ làm cho tôi mất hết tác dụng đối với mẹ, và tôi sẽ thất vọng vì không còn có thể giúp ích gì chị cũng như người khác. Nhưng chị có những ý nghĩ gì vậy?"

Không có lời đáp.

"Chị sợ gì tôi?"

Không có lời đáp.

"Phải chăng mẹ chúng ta không thể yêu mến cả hai chúng ta như nhau hay sao?

- Không, không, chị trả lời tôi một cách quyết liệt, điều đó không thể có; chả mấy chốc tôi sẽ làm cho mẹ ghê tởm, và tôi sẽ chết vì đau khổ. Ôi! Tại sao chị lại đến đây? Và chị sẽ không hạnh phúc được lâu, tôi tin chắc như vậy; và tôi sẽ khổ sở mãi mãi.

- Nhưng, - tôi nói, - mất đi sự yêu thương của bà nhất; sẽ là một họa lớn, tôi biết như vậy, tôi biết còn có một tai họa lớn hơn, ấy là khi người ta xứng đáng hứng chịu tai họa ấy; chị không có gì phải tự trách cứ mình.

- A! Lạy Chúa!

- Nếu chị tự xét mình đã phạm một tội lỗi nào đó, thì chị phải sửa lỗi; và cách chắc chắn nhất là chịu đựng một cách kiên trì nỗi đau khổ vì lỗi lầm.

- Tôi không thể; tôi không thể; vả lại, lẽ nào bà ấy lại có quyền trừng phạt tôi!

- Bà ấy, xơ Têredơ, bà ấy! Người ta nói như vậy về một bà nhất sao? Như vậy không tốt; chị không tự chủ được nữa rồi. Tôi tin chắc rằng lỗi lầm này nghiêm trọng hơn bất kỳ lỗi lầm nào mà chị có thể tự trách mình.

- A! Lạy Chúa! Chị còn nói với tôi như vậy, lạy Chúa!..." và chúng tôi chia tay nhau; chị thì về để sầu khổ một mình tại phòng chị, tôi thì để mơ mộng tại phòng mình về những điều kỳ quái trong đầu óc của những người đàn bà.

Đó là hậu quả của cuộc sống nơi tu kín. Con người ta sinh ra để sống trong xã hội; tách riêng nó ra, cô lập

nó ra, tư tưởng của nó sẽ phân tán, tính nết nó thay đổi, hàng ngàn tình cảm yêu thương lố bịch sẽ nổi dậy trong lòng nó; những tư tưởng kỳ dị nẩy mầm trong đầu óc nó, giống như những cây mâm xôi trên một đám đất hoang. Hãy để một người vào một khu rừng, hắn ta đã trở nên dữ tợn, trong một ngôi nhà tu kín, nơi mà tư tưởng về sự cần thiết gắn với tư tưởng về nô dịch, lại càng xấu hơn nữa. Người ta ra khỏi một khu rừng thì được, người ta không ra khỏi nhà tu kín được; người ta tự do trong khu rừng, người ta là nô lệ trong nhà tu. Chống lại sự cô đơn có lẽ còn cần nhiều sức mạnh tâm hồn hơn là chống lại cảnh đói khổ, sự đói khổ làm cho người ta trở nên hèn hạ, còn đi tu làm cho người ta trở nên trụy lạc. Phải chăng sống sự hèn hạ còn hơn là sống trong điên loạn? Đó là điều tôi không dám quyết định; nhưng nên tránh cả cái này lẫn cái kia.

Tôi nhận thấy bà nhất càng ngày càng âu yếm tôi. Tôi thường xuyên đến buồng bà và bà cũng đến chỗ tôi luôn. Hễ hơi khó ở là bà bắt tôi đi y xá, miễn các buổi lễ ở nhà thờ, cho tôi đi ngủ sớm hoặc cấm tôi đọc kinh buổi sáng. Ở điện thờ, ở nhà ăn, trong giờ chơi, lúc nào bà cũng tìm cách biểu lộ tình thân ái đối với tôi. Trong lúc hát lễ, nếu gặp một câu tâm tình, âu yếm thì bà hát như để gửi gắm cho tôi, hoặc nếu có một người khác hát thì bà lại nhìn tôi. Ở nhà ăn, bà luôn luôn sẻ cho tôi những thức ăn ngon mà người ta dọn cho bà. Trong giờ chơi, bà ôm ngang người tôi và nói với tôi những lời êm dịu, ngọt ngào nhất. Không có thứ quà gì nhận được mà bà không chia cho tôi, sôcôla, đường, cà phê, rượu mùi, thuốc lá, quần áo, khăn tay, bất cứ cái gì. Bà lấy ở buồng

bà tranh ảnh, đồ dùng, bàn ghế và vô số những thứ xinh xắn hoặc tiện lợi để trang hoàng cho buồng tôi. Không khi nào tôi đi vắng một lúc mà về buồng lại không thấy có thêm một vài thứ quà. Tôi đến buồng bà để cám ơn và bà cảm thấy một niềm vui sướng khôn tả. Bà hôn tôi, âu yếm tôi, đặt tôi ngồi trên đầu gối bà, cho tôi biết những chuyện bí mật nhất của tu viện, và còn bảo rằng nếu tôi yêu bà thì bà thấy ở tu viện còn sướng gấp nghìn lần ở ngoài đời. Bà dừng lại, nhìn tôi bằng cặp mắt xúc động và hỏi:

- Xuydan, con có yêu mẹ không?

- Làm sao con không yêu mẹ được? Chả hóa ra lòng con phụ bạc lắm sao!

- Đúng thế, con ạ!

- Mẹ thật có lòng tốt.

- Phải nói là mẹ rất thích con...

Khi nói những lời ấy, mắt bà nhìn xuống, cánh tay đang ôm tôi siết chặt, bà kéo tôi vào sát người bà, mặt bà áp mặt tôi, bà thở dài, ngả người trên ghế tựa và run lẩy bẩy. Dường như bà muốn tâm sự với tôi điều gì, nhưng không dám, rồi bà khóc và nói:

- Ôi, Xuydan, con không yêu mẹ!

- Con mà không yêu ư!

- Không.

- Mẹ hãy nói cho con biết con phải làm gì để tỏ rõ tình yêu ấy?

- Con phải tự đoán lấy.

- Con cố nghĩ, nhưng không đoán ra được.

Tuy vậy, bà tháo khăn ở cổ ra và cầm tay tôi đặt lên ngực bà. Bà im lặng và tôi cũng im lặng. Dường như bà đang thưởng thức niềm vui sướng nhất. Bà bảo tôi hôn lên trán, lên má, lên mắt, lên miệng bà, và tôi vâng lời, vì tôi cho rằng không có gì xấu xa. Trong lúc ấy, bà càng thấy thích thú; còn tôi, vì ngây thơ, không muốn gì hơn là làm cho bà được sung sướng thêm, nên tôi lại hôn lên trán, lên má, lên mắt, và lên miệng bà. Bàn tay mà bà đặt trên đầu gối tôi cứ sờ xoạng khắp áo quần tôi, suốt từ đầu ngón chân tôi cho đến ngang lưng, lúc thì bóp người tôi ở chỗ này, lúc chỗ khác. Với một giọng lắp bắp, khe khẽ và lạc tiếng, bà yêu cầu tôi cứ vuốt ve bà gấp bội lên. Tôi vâng lời. Cuối cùng, đến một lúc, không hiểu vì quá sung sướng hay đau khổ mà mặt bà tái mét như người chết, mắt nhắm lại, toàn thân duỗi mạnh, đôi môi mím chặt, ươn ướt như sùi bọt; rồi miệng hé mở, bà thở hắt ra một hơi dài; tôi tưởng như bà sắp chết. Tôi đứng phắt dậy, ngờ bà nguy đến nơi; tôi muốn chạy ra kêu lên. Bà hé mắt và nói với tôi, giọng yếu ớt:

- Rõ ngây thơ! Có gì đâu; con định làm gì đấy? Đứng lại nào!...

Tôi nhìn bà, ngơ ngác, không biết nên ở lại hay nên đi ra. Bà lại mở mắt to hơn, nhưng không nói được lời nào nữa, chỉ ra hiệu cho tôi đến gần bà và ngồi lại vào lòng bà. Tôi hoang mang; tôi e ngại, tôi run lẩy bẩy, tim đập liên hồi, tôi khó thở, tôi cảm thấy bối rối, xao xuyến, nhọc mệt như có cái gì đè nặng lên tôi, tôi sợ hãi. Dường như tôi không còn sức nữa và sắp khuỵu xuống. Nhưng

tôi không thể nói được rằng tôi cảm thấy đau khổ. Tôi đến gần bà. Bà lại lấy tay ra hiệu cho tôi ngồi vào lòng. Tôi ngồi xuống. Bà như đã chết, còn tôi thì như sắp chết. Cả hai chúng tôi đều ở trong một trạng thái kỳ quặc như thế khá lâu. Nếu có một tu nữ nào đến bất chợt và thấy thế thì chắc chắn chị ta sợ lắm. Có lẽ chị ta sẽ cho là chúng tôi đang mệt hoặc đang ngủ. Nhưng bà nhất tốt bụng ấy - vì không thể nào con người dễ xúc cảm như thế mà lại không tốt - hình như hồi tỉnh. Bà vẫn ngả người vào ghế, mắt vẫn nhắm, nhưng mặt bà đã tươi tỉnh, da dẻ trở lại hồng hào. Bà cầm tay tôi hôn. Tôi nói với bà:

- Mẹ thân yêu! Mẹ làm con sợ quá...

Bà cười dịu dàng, mắt vẫn không mở.

- Mẹ có mệt lắm không?

- Không.

- Con tưởng mẹ bị mệt.

- Con bé ngây thơ! Trời! Con bé ngây thơ đáng yêu! Sao ta thích nó đến thế!

Nói đoạn, bà đứng dậy, rồi ngồi lại trên ghế, ôm ngang mình tôi, hôn rất mạnh vào má tôi và hỏi:

"- Con bao nhiêu tuổi?

- Con chưa đầy hai mươi.

- Khó mà tin được.

- Đúng thế đấy, mẹ ạ!

- Mẹ muốn biết cả cuộc đời con, con sẽ kể lại cho mẹ nghe chứ?

- Thưa mẹ, vâng.

- Tất cả?

- Tất cả.

- Thôi, bây giờ có thể có người đến. Mẹ con ta hãy vào ngồi trước đàn, con dạy mẹ đàn."

Chúng tôi lại ngồi trước đàn. Nhưng tôi không biết vì sao, tay cứ run lẩy bẩy, bản nhạc trước mắt tôi chỉ còn là một đống những nốt nhạc hỗn loạn, tôi không thể đàn được. Tôi nói điều ấy với bà, bà cười và ngồi vào chỗ tôi để dạo đàn, nhưng còn tệ hơn nữa: dường như bà không cất nổi tay.

- Con ạ, - bà nói, - mẹ thấy rằng bây giờ con không thể dạy mẹ đàn và mẹ cũng không thể học được. Mẹ hơi mệt, mẹ cần phải nghỉ; thôi, con về buồng. Ngày mai, không thể chậm hơn được nữa, mẹ nhất định phải biết tất cả những gì đã xảy ra trong cái tâm hồn bé nhỏ đáng yêu kia. Thôi, con về buồng đi.

Những lần khác, khi tôi đi ra, bà tiễn tôi đến cửa và nhìn theo tôi đi suốt dọc hành lang, cho đến khi tôi vào buồng. Bà vẫy tay gửi theo một chiếc hôn và chỉ trở vào khi tôi đã bước vào buồng tôi. Nhưng lần này bà chỉ hơi nhích dậy và chỉ có thể bước đến chiếc ghế tựa gần giường bà. Bà ngồi xuống ghế, tựa đầu gối vào, vẫy tay để gửi theo tôi một chiếc hôn. Mắt bà nhắm lại và tôi đi ra.

Buồng tôi gần như đối diện buồng chị Xanhtơ Têredơ. Cửa buồng còn mở, chị đợi tôi, chặn tôi lại và hỏi:

- Chị Xanhtơ Xuydan, chị ở chỗ mẹ về phải không?

- Vâng, - tôi trả lời.

- Chị ở đó lâu không?

- Mẹ muốn giữ tôi đến chừng nào thì tôi đã ở lại đến chừng ấy.

- Chị có hứa với tôi thế đâu?

- Tôi không hứa gì với chị cả.

- Chị có dám nói với tôi là chị đã làm gì ở đằng ấy không?

- Mặc dù trong lương tâm tôi không có gì ân hận về việc tôi đã làm, nhưng, thưa hầu tước, tôi xin thú thật với ông rằng câu hỏi ấy làm tôi bối rối. Chị Xanhtơ Têredơ nhận thấy điều đó nên khẩn khoản và tôi trả lời:

- Chị thân mến! Có lẽ chị không tin tôi, nhưng chắc chị tin mẹ. Tôi sẽ xin mẹ nói cho chị biết.

- Chị Xuydan thân mến, - chị ta vội nói, - chị chớ có làm như vậy. Chị đừng làm cho tôi khổ sở. Bà không đời nào tha thứ cho tôi đâu. Chị không biết đấy: bà có thể từ âu yếm nhất chuyển sang hung bạo nhất. Tôi không biết sau này tôi sẽ ra sao. Chị hãy hứa với tôi là chị sẽ không nói gì với bà cả.

- Chị muốn thế sao?

- Tôi quỳ xuống để xin chị đừng nói gì với bà. Tôi khổ sở quá, tôi thấy rất rõ ràng tôi phải quyết tâm, tôi sẽ quyết tâm, tôi sẽ quyết tâm được. Chị sẽ hứa với tôi là chị sẽ không nói gì với bà...

Tôi đỡ chị dậy, và hứa sẽ không nói gì với bà nhất. Chị tin ở tôi và chị không lầm. Chúng tôi chia tay nhau ai về buồng nấy.

Vào buồng, tôi thấy mình mơ mơ màng màng. Tôi muốn cầu nguyện nhưng không cầu nguyện được. Tôi cố gắng làm một việc gì, nhưng vừa bắt tay làm việc thì tôi đã bỏ để làm việc khác, rồi lại bỏ để làm một việc khác nữa. Tay tôi tự nhiên dừng lại và tôi như người ngớ ngẩn. Chưa bao giờ tôi cảm thấy như thế cả. Mắt tôi bỗng nhắm lại, tôi thiu thiu ngủ, mặc dù tôi không ngủ ngày bao giờ. Thức giấc, tôi tự hỏi điều gì đã xảy ra giữa tôi và bà nhất, tôi tự điểm lại mình và thoáng thấy lơ mơ rằng... nhưng đó chỉ là những ý nghĩ mơ hồ, rồ dại, buồn cười đến nỗi tôi phải gạt bỏ đi. Tôi nghĩ đi nghĩ lại; cuối cùng, tôi cho rằng có lẽ bà mắc bệnh gì đấy, có lẽ là bệnh truyền nhiễm. Xanhtơ Têredơ đã bị lây và có lẽ tôi cũng sẽ bị lây.

Hôm sau, đọc kinh sáng xong, bà nhất nói với tôi: "Xanhtơ Xuydan, mẹ hy vọng hôm nay mẹ sẽ biết tất cả những gì đã xảy ra trong đời con; con đến nhé..."

Tôi đến. Bà bảo tôi ngồi trên một chiếc ghế bành cạnh giường bà và bà ngồi trên một chiếc ghế tựa thấp hơn. Người tôi cao hơn, lại ngồi trên ghế cao nên tôi lại càng cao hơn bà. Bà ngồi sát tôi đến nỗi hai đầu gối tôi luồn vào hai đầu gối bà. Bà chống khuỷu tay trên giường. Sau một phút im lặng, tôi nói:

- Mặc dù con còn rất trẻ, nhưng con đã trải qua nhiều đau khổ. Chẳng mấy ngày nữa con sinh ra đã được hai mươi năm và cũng đã hai mươi năm chịu đau khổ. Không biết con có nói hết được với mẹ không và mẹ có vui lòng nghe hết không. Đau khổ khi còn ở nhà với cha mẹ, đau khổ ở tu viện Xanhtơ Mari, đau khổ ở tu viện

Lôngsăng, đau khổ ở mọi nơi. Thưa mẹ thân yêu, mẹ muốn con bắt đầu từ đâu?

- Từ những đau khổ đầu tiên

- Nhưng, thưa mẹ, thế thì dài và buồn lắm mà con không muốn mẹ phải buồn lâu đến thế.

- Con đừng sợ gì cả, mẹ muốn khóc. Khóc thật là khoan khoái đối với một tâm hồn dễ xúc cảm. Mẹ chắc con cũng thích khóc. Con sẽ lau nước mắt cho mẹ, mẹ sẽ lau nước mắt cho con và chắc cả mẹ lẫn con đều sung sướng trong lúc con thuật lại những đau khổ của con. Ai biết được mối cảm xúc ấy sẽ đưa chúng ta đến đâu?...

Nói những lời cuối cùng ấy bà nhìn tôi từ chân đến đầu, mắt ướt lệ. Bà nắm hai tay tôi, nhích lại gần tôi hơn nữa đến nỗi hai người sát vào nhau.

- Con kể đi, - bà nói, - Mẹ mong đợi, mẹ cảm thấy lúc này mẹ dễ xúc động nhất. Trong đời mẹ chưa có một ngày nào mà lòng mẹ xúc động và chứa chan âu yếm hơn hôm nay...

Thế là tôi bắt đầu kể câu chuyện của tôi gần như tôi đã viết cho ông. Tôi không thể mô tả lại câu chuyện ấy đã tác động đến bà như thế nào; bà thở dài, bà khóc lóc, bà biểu lộ lòng căm phẫn đối với cha mẹ tàn bạo của tôi, đối với những người con gái đáng kinh sợ ở tu viện Xanhtơ Mari, cũng như ở Lôngsăng. Dù sao, tôi cũng không muốn họ bị một trừng phạt nào như bà đã mong họ phải chịu. Tôi không muốn rút một sợi tóc trên đầu kẻ thù tàn bạo nhất của tôi. Thỉnh thoảng, bà ngắt lời tôi, đứng lên đi đi lại lại, rồi trở về ngồi vào chỗ cũ. Có lúc, bà giơ tay, ngẩng mặt lên trời, rồi úp mặt vào hai đầu gối tôi. Khi

tôi kể đến cảnh tôi bị giam, buổi lễ trừ tà, buổi tạ tội công khai, bà dằn tiếng thét lên. Khi đã kể hết, tôi im ặng, còn bà thì nghiêng mình trên giường, úp mặt vào chăn, hai cánh tay duỗi thẳng trên đầu và nằm như thế khá lâu.

- Thưa mẹ, - tôi nói, - con xin lỗi mẹ, vì con đã làm cho mẹ phải buồn phiền. Con đã nói trước với mẹ, nhưng chính mẹ lại muốn thế...

Bà chỉ trả lời tôi:

- Quân độc ác! Quân ghê tởm! Chỉ có trong tu viện lòng nhân đạo mới tàn lụi đến thế. Khi lòng thù hằn cấu kết với tính khí cáu kỉnh thì không biết mọi việc sẽ đi tới đâu. Nhưng may mà ta là người hiền hậu, ta yêu tất cả tu nữ của ta. Họ đều giống tính ta, kẻ ít người nhiều, và đều thương yêu nhau. Nhưng làm sao cái thân hình yếu đuối kia lại chịu nổi những giày vò như thế? Làm sao những tay chân nhỏ nhắn thế kia đã không bị gẫy? Làm sao cái thân hình mảnh dẻ kia đã không bị hủy hoại? Làm sao cái ánh sáng long lanh của đôi mắt kia lại không tắt trong nước mắt? Quân tàn bạo! Nỡ nào nó siết chặt những cánh tay kia bằng dây thừng!... - Bà cầm cánh tay tôi mà hôn, - "làm cho cặp mắt kia đầm đìa lệ!" - và bà hôn lên mắt tôi - "làm cho cái miệng kia phải thốt lên những tiếng than văn và rên rỉ!" bà hôn lên miệng tôi, - làm cho cái mặt xinh xắn và trong sáng kia bị những đám mây u sầu bao phủ" - bà hôn lên mặt tôi, - "làm cho cặp má ửng hồng kia phải phai lạt!" - bà lấy tay nựng má tôi và hôn, - làm cho cái đầu kia xấu xí! Rút món tóc kia! Làm cho vầng trán kia phải lo nghĩ buồn phiền!" và bà

hôn đầu, hôn mắt, hôn tóc tôi. - "Dám tròng dây thừng vào cái cổ kia và lấy mũi nhọn làm rách nát đôi vai kia!"

Nói xong, bà khẽ nâng khăn quàng cổ và khăn trùm đầu của tôi lên và cởi cúc áo trên ngực tôi ra. Tóc tôi xõa trên đôi vai trần, ngực tôi để hở và bà hôn khắp nơi trên cổ, trên vai trần và trên ngực để hở của tôi.

Bà run lẩy bẩy, nói năng lúng túng, cặp mắt đờ dẫn, hai bàn tay sờ soạng, đầu gối bà ép chặt vào đầu gối tôi, hai cánh tay bà siết chặt tôi như điên dại. Qua tất cả những cử chỉ ấy tôi biết là bệnh của bà sắp lên cơn. Tôi không biết lúc ấy tôi nghĩ gì, nhưng tôi rất sợ: toàn thân run lên và mềm nhũn. Tôi xác định với tôi rằng sự nghi ngờ của tôi về bệnh dễ lây của bà là đúng.

Tôi nói:

- Mẹ yêu quý! Mẹ xem, mẹ đã làm cho yếm áo con xốc xếch, không còn ra cái gì nữa! Nhỡ có ai đến...

- Cứ ở lại đây! Cứ ở lại đây! - bà hổn hển nói, - không ai đến đâu...

Nhưng tôi cố sức đứng dậy, dằng ra khỏi người bà và nói:

- Mẹ yêu quý, mẹ nên giữ gìn, bệnh của mẹ sắp tái phát đấy, mẹ cho phép con về.

Tôi muốn đi ra, thật thế, nhưng tôi không thể đi được. Tôi cảm thấy không còn sức lực nào nữa, đầu gối tôi như quy xuống. Bà ngồi, tôi đứng, bà kéo tôi, tôi sợ ngã lên bà, làm bà bị đau, nên tôi ngồi trên mép giường và nói:

- Mẹ yêu quý, không biết con thế nào ấy, con thấy khó ở.

- Mẹ cũng thế, - bà nói. - Con hãy nghĩ một lát, rồi nó qua đi, không sao đâu.

Quả thế, sau đó, bà nhất trở lại bình tĩnh và tôi cũng thế. Cả hai đều mệt lả: tôi đặt đầu trên gối tựa của bà, còn bà thì tựa đầu vào đầu gối tôi, trán bà đặt trên tay tôi. Bà và tôi cứ ngồi như thế một lúc lâu. Tôi không biết bà nghĩ gì, còn tôi, tôi không nghĩ gì cả, tôi không thể nghĩ gì được và tôi hoàn toàn kiệt sức. Cả hai chúng tôi đều im lặng.

Một lát sau, bà nói:

- Xuydan, qua những lời con kể với mẹ về bà nhất đầu tiên thì hình như con rất thân với bà ta thì phải.

- Vâng, rất thân.

- Bà yêu con không bằng mẹ, nhưng bà lại được con yêu hơn... Con không trả lời mẹ ư?

- Con đau khổ, bà ấy đã làm dịu nỗi khổ của con.

- Nhưng tại sao con ghê tởm cuộc đời tu hành đến thế? Xuydan, con chưa nói hết với mẹ.

- Con xin lỗi mẹ.

- Không thể nào... với một người đáng yêu như con! Phải, con ạ! Con thật đáng yêu, con không biết con đáng yêu chừng nào! Không thể nào lại không có ai nói với con điều ấy.

- Có người đã nói với con.

- Và con không ghét người đã nói với con chứ?

- Không.

- Và con thích anh ta chứ?

- Không thích một tí nào.

- Trái tim con không bao giờ cảm thấy gì sao?

- Không thấy gì cả.

- Lạ thật!... Có phải là do một chuyện yêu đương, hoặc thầm kín, hoặc bị cha mẹ phản đối, mà con chán ghét tu viện không? Con hãy nói thật cho mẹ điều đó, mẹ rất khoan dung.

- Thưa mẹ, về điều đó thì con không có gì để nói với mẹ cả.

- Nhưng, một lần nữa, con hãy nói cho mẹ biết vì sao con ghê tởm cuộc đời tu hành?

- Do chính cuộc đời ấy. Con ghét những nhiệm vụ, những công việc phải làm, ghét cảnh sống ẩn dật, ghét sự cưỡng bức. Chí hướng của con ở chỗ khác kia.

- Nhưng theo con, con thấy cuộc đời ở tu viện thế nào?

- Đó là cuộc đời nặng trĩu u buồn, con thấy buồn lắm.

- Ngay cả ở đây nữa?

- Vâng, thưa mẹ, ngay cả ở đây nữa, mặc dù ở đây mẹ rất tốt đối với con.

- Nhưng trong thâm tâm con có cảm thấy những mối xúc động, những ước muốn nào không?

- Không.

- Mẹ tin con, vì mẹ thấy tính tình con có vẻ bình thản lắm.

- Đúng thế.

- Lạnh nhạt nữa.

- Con không biết.

- Con không biết cuộc đời thế tục sao?

- Con biết ít lắm.

- Liệu cuộc đời thế tục ấy có gì lôi cuốn con không?

- Con không thể giải thích rõ ràng, nhưng chắc chắn là phải có.

- Phải chăng con tiếc không được tự do?

- Đúng thế và có lẽ còn nhiều cái khác nữa.

- Những cái khác ấy là những cái gì? Con ạ! Con hãy nói thật với mẹ đi, con muốn lấy chồng phải không?

- Con muốn như thế hơn là cứ sống như thế này. Chắc chắn là như vậy.

- Tại sao con lại thích như thế?

- Con không biết.

- Con không biết? Nhưng con hãy nói cho mẹ biết khi đứng trước một người đàn ông, con cảm thấy thế nào?

- Con không cảm thấy gì cả. Nếu người ấy thông minh và nói chuyện có duyên thì con thích nghe và nếu người ấy đẹp trai thì con thích nhìn.

- Và trái tim của con vẫn bình thản sao?

- Cho đến giờ phút này trái tim con chưa hề xúc động.

- Sao? Ngay khi họ nhìn vào mắt con bằng cặp mắt thiết tha con cũng vẫn không cảm thấy...

- Đôi khi con cũng thấy lúng túng và con phải nhìn xuống.

- Không có một sự xao xuyến nào trong lòng con sao?

- Không.

- Và các giác quan của con không nói gì với con sao?

- Con không biết thế nào là tiếng nói của giác quan.

- Nó có một tiếng nói riêng đấy.

- Cũng có thể.

- Con không biết gì về tiếng nói ấy sao?

- Con không biết gì cả.

- Thế nào? Con. Đó là tiếng nói rất êm dịu. Con muốn biết không?

- Thưa mẹ, không. Cái ấy có ích gì đối với con?

- Để làm con khuây khỏa nỗi buồn.

- Để tăng thêm thì có. Và tiếng nói ấy có nghĩa gì nếu không có đối tượng?

- Khi người ta nói, bao giờ cũng là nói với một người nào. Tất nhiên, nói có người nghe thích hơn là nói một mình, mặc dù nói một mình cũng không phải hoàn toàn không thích thú.

- Con không hiểu gì cả.

- Nếu con muốn, mẹ có thể làm cho con hiểu rõ hơn.

- Không, thưa mẹ, không. Con không biết gì cả; và con thích đừng biết gì hơn là biết những cái có lẽ làm cho con càng khổ tâm. Con không ham muốn gì cả và con

không thích đi tìm những dục vọng mà con không thể thỏa mãn được.

- Nhưng tại sao lại không thể thỏa mãn được?

- Con làm thế nào được?

- Làm như mẹ.

- Như mẹ! Nhưng trong tu viện có ai đâu?

- Cô bạn ơi? Có tôi đây và có cô đấy.

- Vâng. Nhưng con là gì với mẹ và mẹ là gì với con?

- Cô bé mới ngây thơ làm sao!

- Vâng, thưa mẹ, con còn quá ngây thơ và con muốn thà chết hơn là hết ngây thơ

Tôi không biết những lời cuối cùng này có làm cho bà phật ý không, nhưng tôi thấy mặt bà bỗng nhiên biến sắc. Bà trở nên nghiêm trang, luống cuống. Bàn tay bà, đặt trên đầu gối tôi, không ấn mạnh xuống nữa và cuối cùng bà rút tay ra. Cặp mắt bà nhìn xuống.

- Thưa mẹ, có chuyện gì vậy? Con đã vô tình nói điều gì xúc phạm tới mẹ chăng? Xin mẹ tha thứ cho con. Mẹ đã cho con được tự do nên con cũng mạnh dạn nói với mẹ, con nói mà không cân nhắc gì cả, nhưng nếu có cân nhắc thì con cũng sẽ nói như thế và có lẽ còn vụng hơn nữa. Những chuyện vừa rồi đối với con rất lạ lùng! Xin mẹ tha thứ cho con.

Nói đoạn, tôi quàng hai cánh tay lên cổ bà và tựa đầu vào vai bà. Bà cũng ôm choàng lấy tôi và siết lấy tôi một cách hết sức âu yếm. Chúng tôi ôm nhau như thế một lúc lâu. Đoạn, trở lại bình tĩnh, bà âu yếm hỏi tôi:

- Xuydan, con ngủ có ngon không?

- Rất ngon, mẹ ạ, đặc biệt là thời kỳ vừa qua.

- Con nằm xuống là ngủ ngay sao?

- Thường thường là con ngủ ngay.

- Nhưng khi con không ngủ ngay thì con nghĩ gì?

- Con nghĩ đến cuộc đời đã qua, đến những ngày sắp tới; con cầu nguyện Chúa hoặc con khóc, con còn biết nghĩ gì nữa?

- Và buổi sáng khi con thức dậy sớm?

- Con vùng dậy.

- Ngay tức khắc?

- Ngay tức khắc.

- Con không thích mơ mộng sao?

- Không.

- Không thích tựa trên gối mà nghĩ ngợi sao?

- Không.

- Không thích tận hưởng cái êm ấm trên giường sao?

- Không.

- Không bao giờ ư?...

Nói đến đó bà dừng lại. Và như vậy là phải. Điều mà bà phải hỏi tôi thật không đứng đắn. Đem kể ra có lẽ lại càng không hay, nhưng tôi đã quyết định là không giấu một điều gì cả.

- Không khi nào con ngắm nhìn một cách thỏa mãn vẻ đẹp của con sao?

- Thưa mẹ, không. Con không biết con có thật đẹp như mẹ nói không. Nhưng dù có đẹp thật, thì người ta đẹp cho kẻ khác, chứ không phải đẹp cho mình.

- Con không bao giờ nghĩ đến việc lấy bàn tay mơn man trên cái ngực đẹp kia, trên đùi, trên bụng, trên da thịt chắc nịch, êm dịu và trắng trẻo kia sao?

- Ồ! Cái ấy thì không, làm như thế là có tội và nếu có thì con không biết làm thế nào để thú nhận khi xưng tội...

Tôi không nhớ chúng tôi còn nói gì với nhau nữa, vừa lúc ấy có người vào mời bà ra phòng khách. Bà có vẻ bực dọc vì phải ra tiếp khách; bà muốn ở lại để tiếp tục câu chuyện với tôi, mặc dù những điều mà bà và tôi nói thật chẳng đáng quan tâm chút nào. Tuy vậy, tôi và bà cũng tạm biệt nhau.

Chưa khi nào cả tu viện được sung sướng như từ khi tôi vào đấy. Tính tình bà nhất không còn thất thường như trước kia nữa. Người ta nói rằng tôi đã ổn định được bà. Cũng vì tôi mà bà ban cho nhiều ngày nghỉ ngơi tiêu khiển mà chúng tôi gọi là những ngày hoan lạc. Trong những ngày ấy, thức ăn khá hơn ngày thường, các buổi lễ cũng ngắn hơn và giữa các buổi lễ chúng tôi được rỗi rãi.

Nhưng đối với tất cả những người khác cũng như đối với tôi cái thời kỳ sung sướng ấy rồi cũng kết thúc.

Sau cảnh tôi vừa mô tả trên lại tiếp theo nhiều cảnh khác tương tự, nhưng tôi không thể kể hết ra làm gì. Tôi xin kể cảnh tiếp diễn liền sau đó.

Bà nhất bắt đầu lo lắng. Bà mất vui, gầy đi và ngủ không yên. Đêm sau, khi ai nấy đều đã đi ngủ và cả tu

viện im lặng như tờ thì bà thức dậy. Sau một lúc đi lại trong hành lang, bà đến buồng tôi. Tôi tỉnh ngủ, nên hầu như tôi đã nhận ra bà. Bà dừng lại gục đầu vào cửa và cố ý gây ra tiếng động để tôi thức dậy, nếu tôi ngủ say. Tôi nằm im. Hình như tôi nghe thấy có người rên rỉ và thở dài: tôi rùng mình, đoạn tôi nói *Avê* (1). Không trả lời tôi, người ấy rón rén bước đi, nhưng một lát sau thì trở lại. Tôi lại nghe thấy tiếng rền rĩ, và tiếng thở dài. Tôi lại nói *Avê* và người ấy lại bước đi lần thứ hai. Tôi yên tâm và nhắm mắt ngủ. Khi tôi ngủ thì có người vào, ngồi cạnh giường; màn tôi hé mở. Cây nến nhỏ trong tay người ấy soi sáng mặt tôi và người ấy ngồi nhìn tôi ngủ. Đó là điều tôi nhận thấy, căn cứ vào dáng điệu người đó khi tôi mở mắt ra; và người đó đúng là bà nhất.

Tôi vùng dậy. Bà thấy tôi hốt hoảng bèn nói: "Xuydan, bình tĩnh con, mẹ đây mà..." Tôi lại ngả đầu trên gối và nói:

- Thưa mẹ, vào giờ này mẹ còn làm gì ở đây? Mẹ đến đây để làm gì? Tại sao mẹ không ngủ?

- Mẹ không thể ngủ được, - bà đáp. - Mẹ không ngủ được đã lâu. Những cơn ác mộng cứ đến giày vò mẹ. Vừa nhắm mắt thì những đau khổ mà con đã chịu đựng lại hiện lên trong đầu óc mẹ; mẹ thấy con đang ở trong tay lũ bất nhân ấy, thấy đầu tóc con rũ rượi, thấy đôi bàn chân con đẫm máu, thấy con đang cầm cây đuốc trong tay, dây thừng quàng vào cổ. Mẹ cảm thấy như chúng sắp giết con. Mẹ rùng mình, run sợ, mồ hôi ra lạnh toát khắp

(1) Tiếng chào mừng các thánh (N.D.)

mình; mẹ muốn chạy đến cứu con, mẹ la hét, mẹ tỉnh dậy và thế là không thể ngủ lại được. Đó là điều đã xảy ra với mẹ đêm nay. Mẹ lo rằng hay là trời đã báo cho mẹ biết cô bạn của mẹ đang bị tai họa gì đây. Mẹ trở dậy, đi đến cửa buồng con và nghe ngóng. Hình như con không ngủ thì phải vì con đã lên tiếng; mẹ đi ra; nhưng khi mẹ trở lại thì con lại lên tiếng và mẹ lại đi ra. Lần thứ ba mẹ lại trở lại và khi mẹ cho là con ngủ rồi thì mẹ vào. Mẹ ngồi cạnh con một lúc khá lâu và mẹ sợ làm con thức dậy. Mẹ nghĩ không biết có nên vén màn con lên không. Mẹ muốn đi ra, vì sợ quấy rầy giấc ngủ của con, nhưng ý nghĩ muốn biết Xuydan yêu dấu của mẹ có khỏe không làm cho mẹ không dằn lòng được. Mẹ nhìn con. Con đẹp làm sao, ngay cả trong giấc ngủ:

- Thưa mẹ, mẹ tốt quá!

- Mẹ bị lạnh, nhưng giờ đây mẹ đã biết rằng con của mẹ không có gì đáng lo ngại và mẹ tin rằng mẹ sẽ ngủ được. Con hãy đưa tay đây.

Tôi giơ tay ra.

- Mạch đập bình thường lắm! Nhịp đập đều đặn lắm! Không có gì làm nó xúc động cả.

- Con ngủ khá yên giấc.

- Con hạnh phúc thật!

- Mẹ ạ, mẹ sẽ bị lạnh nữa đấy.

- Con nói đúng. Thôi mẹ ra, con xinh đẹp của mẹ, mẹ ra đây.

Nhưng bà không đi ra và cứ nhìn tôi, hai dòng nước mắt từ từ chảy xuống.

- Mẹ, mẹ có việc gì thế? Mẹ khóc sao? Con lấy làm ân hận sao lại đem kể với mẹ những nỗi đau khổ của con làm gì?

Ngay lúc ấy bà đóng cửa buồng lại, tắt nến và nhảy bổ vào tôi. Bà ôm tôi vào lòng, nằm trên chăn, cạnh tôi, mặt bà áp vào mặt tôi và nước mắt bà đẫm cả hai má tôi. Bà thở dài và nói với tôi, giọng buồn thảm và ngắt quãng:

- Bạn thân yêu, hãy thương ta với!

- Mẹ, - tôi nói, - mẹ làm sao thế? Mẹ thấy trong người khó chịu phải không? Con phải làm gì bây giờ đây?

- Mẹ run, mẹ rét cóng. Mẹ cảm thấy giá lạnh chết người đang lan khắp người mẹ.

- Mẹ có muốn con dậy và nhường giường cho mẹ không?

- Không, không cần con phải dậy. Con hãy vén chăn lên một chút cho mẹ nằm sát con để được sưởi ấm và mẹ sẽ khỏi.

- Thưa mẹ, nhưng đó là điều cấm. Nhỡ ra có ai biết thì họ sẽ nói thế nào? Con đã thấy nhiều tu nữ bị trừng phạt vì những lỗi nhẹ hơn thế nhiều kia. Ở tu viện Xanhtơ Mari, có một tu nữ ban đêm đến buồng một tu nữ khác, bạn thân của chị, và con không thể kể lại với mẹ về tất cả những cái xấu xa mà người ta đã gán cho chị. Cha giáo đạo có lần đã hỏi con rằng có ai đề nghị được nằm ngủ cạnh con không và cha căn dặn con không được cho ai nằm như thế. Con thuật lại với cha về những sự âu yếm của mẹ đối với con. Riêng con thì con thấy những cái ấy rất vô tội, nhưng cha thì không nghĩ như thế. Con không biết sao con lại quên mất những lời khuyên bảo của

cha. Con đã định bụng là thế nào cũng nói với mẹ về những điều ấy.

- Bạn thân yêu, - bà nói, - xung quanh ta mọi người đều ngủ cả, không ai biết gì đâu. Chính mẹ mới là người có quyền khen thưởng hay trừng phạt. Mặc cho cha giáo đạo muốn nói thế nào thì nói, còn mẹ, mẹ cho rằng không có gì xấu xa đối với một người cho phép bạn mình nằm cạnh mình khi người bạn ấy lo lắng, thức dậy và đang đêm, mặc dù rét mướt, đến xem thử bạn thân yêu của mình có bị nguy hiểm gì không. Xuydan, khi còn ở nhà cha mẹ, có bao giờ con ngủ chung với một chị nào của con không?

- Không bao giờ.

- Nếu gặp dịp con sẽ không đắn đo gì mà không ngủ chung với chị con chứ? Nếu chị con hoảng hốt, rét cóng, đến nói với con cho nằm bên cạnh, liệu con có từ chối không?

- Có lẽ con không từ chối.

- Còn ở đây mẹ không phải là mẹ thân yêu của con sao?

- Vâng, mẹ là mẹ thân yêu của con, nhưng việc ấy là việc cấm.

- Bạn thân mến, chính mẹ mới là người cấm kẻ khác làm việc ấy, nhưng mẹ lại cho phép và yêu cầu con làm. Để cho mẹ sưởi ấm một lúc rồi mẹ về. Con hãy đưa tay ra đây...

Tôi đưa tay ra.

- Này, - bà bảo tôi, sờ thử mà xem; mẹ run cầm cập, rét cóng, mình mẹ lạnh như băng ấy.

Mà cũng đúng thật.

- Trời! Mẹ sẽ ốm mất, mẹ thân yêu ạ! Nhưng khoan để con nằm ra mép giường và mẹ nằm vào chỗ ấm.

Tôi nằm dịch ra ngoài, nâng chăn lên và bà nằm vào chỗ tôi. Chao ôi! Bà có vẻ mệt lả! Chân tay bà run lẩy bẩy. Bà muốn nói với tôi, muốn nằm dịch lại sát tôi, nhưng bà không thể nói ra, không thể nhúc nhích. Bà nói khẽ:

- Xuydan, bạn ơi! Hãy dịch gần lại một chút.

Bà sải tay ra, Tôi nằm quay lưng lại bà, bà nhẹ nhàng ôm tôi và kéo tôi lại phía bà, cánh tay phải luồn xuống dưới và cánh tay trái quàng trên người tôi. Bà nói:

- Mẹ rét cóng, rét đến nỗi không dám đụng đến con vì sợ con cũng bị rét lây.

- Thưa mẹ, không sao đâu.

Tức khắc bà đặt một tay lên ngực tôi và tay kia ôm ngang thắt lưng tôi. Chân bà luồn dưới chân tôi và tôi kẹp lại để sưởi ấm nó. Bà nói:

- Chà! Bạn thân yêu, con xem kìa, chân mẹ được sưởi ấm nhanh chóng làm sao, vì không có gì ngăn cách chân con với chân mẹ.

- Nhưng, thưa mẹ, sao mẹ không sưởi ấm toàn thân bằng cách ấy? Có ai ngăn cấm đâu?

- Phải, không ai ngăn cấm cả, nếu con đồng ý.

Tôi đã quay mình lại. Bà đã cởi áo và tôi cũng sắp cởi áo ra thì bỗng nhiên có ai đập mạnh hai cái vào cửa. Hoảng hốt, tôi vội nhảy xuống một bên giường và bà thì nhảy xuống bên kia. Chúng tôi lắng tai và nghe thấy có ai rón rén đi về phía buồng bên cạnh.

- Chà! Tôi nói với bà, chị Xanhtơ Têredơ đó. Chị thấy mẹ đi qua hành lang và vào buồng con. Chị ấy đã lắng tai nghe và chắc là đã biết câu chuyện giữa mẹ và con. Không biết chị ấy sẽ nghĩ thế nào?

Tôi sợ tưởng chết ngất đi được.

- Đúng, chính nó đấy! - bà nói, giọng giận dữ - Chính nó; mẹ không nghi ngờ gì nữa, nhưng mẹ mong rằng nó sẽ nhớ lâu sự táo bạo này.

- Trời! Thưa mẹ, dù sao mẹ cũng đừng làm khổ chị ấy.

- Xuydan, - bà nói, - thôi, tạm biệt. Con hãy nằm lại và chúc con ngủ ngon. Mẹ miễn cho con buổi kinh sáng. Bây giờ mẹ đến buồng con bé ngu dại ấy. Con hãy đưa tay cho mẹ.

Tôi đứng bên kia giường và đưa tay ra. Bà xắn tay áo của tôi lên rồi bà vừa thở dài vừa hôn suốt dọc cánh tay tôi, từ đầu ngón tay cho đến tận vai. Bà đi ra và quả quyết rằng cô gái táo bạo dám quấy rầy bà sẽ phải nhớ lấy việc này...

Ngay lập tức, tôi tiến sang phía bên kia giường và lắng nghe bà ta vào phòng xơ Têredơ. Tôi toan đứng dậy và đến đứng giữa chị ta và bà nhất, nếu như tình huống trở nên kịch liệt, nhưng tôi bối rối quá, khó chịu quá, đến

nỗi thà nằm trên giường còn hơn, nhưng tôi không ngủ. Tôi nghĩ rằng mình sẽ trở thành đầu đề bàn tán cho cả tu viện; rằng câu chuyện này, mà thực ra tự bản thân nó khá đơn giản, sẽ được kể lại với những tình huống bất lợi nhất; rằng ở đây sẽ còn xấu hơn ở Lôngsăng là nơi tôi bị buộc tội không biết vì lẽ gì; rằng lỗi lầm của chúng ta sẽ được các bề trên biết, rằng mẹ chúng tôi sẽ bị phế truất; và rằng cả hai chúng tôi đều sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Nhưng tai tôi vẫn rình nghe, tôi sốt ruột chờ đợi mẹ chúng tôi ra khỏi buồng xơ Têredo; câu chuyện ấy có lẽ khó hòa giải vì bà ta ở lại đó hầu như cả đêm. Tôi thương hại bà làm sao! Bà mặc sơ mi, trần trụi và tê tái vì giận và rét.

Buổi sáng, tôi rất muốn lợi dụng việc bà ta cho phép và được nằm ở giường; nhưng tôi lại nẩy ra ý nghĩ là không nên. Tôi nhanh nhẹn mặc quần áo, và là người thứ nhất có mặt ở dàn đồng ca, là nơi mà bà nhất và Xanhtơ Têredơ không xuất hiện, đó là điều làm cho tôi rất thích thú; thứ nhất, vì tôi sẽ khó chịu đựng sự có mặt của xơ ấy mà không bối rối; thứ hai vì, nếu người ta đã cho phép chị ta được vắng mặt trong buổi lễ, thì có thể là chị được bà nhất tha thứ, một sự tha thứ mà chị chỉ có thể dành được theo những điều kiện làm cho tôi được yên lòng. Tôi đã đoán ra.

Buổi lễ vừa kết thúc, đã thấy bà nhất cho người đến tìm tôi. Tôi đến gặp bà: bà còn nằm ở giường, vẻ mệt mỏi; bà nói với tôi: "Mẹ đã đau khổ; mẹ không ngủ được; Xanhtơ Têredơ phát điên; nếu điều đó còn tiếp diễn, mẹ sẽ nhốt nó lại."

- A! Mẹ thân yêu, - tôi nói với bà ta, - xin mẹ đừng bao giờ nhốt chị ấy lại.

- Điều đó tùy thuộc ở cách ăn ở của nó: nó đã hứa với mẹ là nó sẽ cư xử tốt hơn; và mẹ tin như vậy. Và còn nữa, Xuydan thân yêu, sức khỏe con thế nào?

- Thưa mẹ thân yêu, con rất khỏe.

- Con đã nghỉ ngơi được chút nào không?

- Thưa, rất ít ạ.

- Người ta nói với mẹ là con có mặt ở dàn đồng ca; tại sao con lại không cứ nằm trên giường mà nghỉ?

- Nằm như vậy con sẽ khó chịu; vả lại con nghĩ tốt hơn hết là...

- Không, không có gì bất tiện cả. Nhưng lúc này mẹ cảm thấy hơi buồn ngủ; mẹ khuyên con cũng làm như mẹ, nếu không phải là con thích chấp nhận một chỗ nằm bên cạnh mẹ.

- Mẹ thân yêu ạ, vô cùng cám ơn mẹ; con có thói quen ngủ một mình, và con không thể ngủ với một người khác.

- Vậy thì con về đi. Mẹ sẽ không xuống nhà ăn vào bữa trưa; người ta sẽ mang thức ăn đến cho mẹ ăn ở đây: có lẽ mẹ sẽ không ngồi dậy trong thời gian còn lại của ban ngày. Con sẽ đến đây với một số tu nữ khác mà mẹ sẽ báo trước.

- Xơ Têredơ sẽ có mặt không? - tôi hỏi bà.

- Không, bà trả lời.

- Con lấy làm mừng.

- Tại sao?

- Con không biết, hình như con sợ gặp mặt chị ta.

- Con yên tâm; mẹ cho rằng nó sợ con nhiều hơn là con sợ nó.

Tôi từ biệt bà, tôi đi nghỉ. Buổi chiều, tôi đến phòng bà nhất; ở đấy, tôi thấy có một đám khá đông những nữ tu sĩ trẻ nhất và đẹp nhất của nhà tu; những người khác đã đến thăm và đã rút lui. Thưa ngài hầu tước ngài là một người sành về hội họa, tôi bảo đảm với ngài đây thực là một bức tranh khá đẹp mắt. Ngài hãy tưởng tượng một xưởng nhỏ có từ mười đến mười hai người, người trẻ nhất khoảng mười lăm tuổi, và người nhiều tuổi nhất không quá hai mươi ba; một bà nhất trạc tứ tuần, trắng trẻo, tươi trẻ, to béo, nửa người nhấc khỏi giường, với cái cằm hai ngấn trông khá dễ coi; những cánh tay tròn như thể được máy tiện, những ngón tay hình suốt chỉ và lấm chấm những lỗ đồng tiền, đôi mắt đen, to, sắc sảo, và dịu dàng; không bao giờ mở hoàn toàn, chúng lim dim, tưởng như người có đôi mắt ấy cảm thấy hơi mệt mỏi khi phải mở mắt; cặp môi đỏ như hoa hồng, hàm răng trắng như sữa, đôi má đẹp, một cái đầu khá dễ thương, vùi trong một chiếc gối sâu và mềm; những cánh tay duỗi một cách mềm mại sang hai bên, với những cái nệm nhỏ đỡ dưới khuỷu. Tôi ngồi trên thành giường bà và không làm gì cả; một người khác ngồi trong một chiếc ghế bành, với một khung thêu trên hai đầu gối; mấy người khác ở gần cửa sổ mang đăng ten; có những người ngồi dưới đất trên những chiếc mệm bóc từ mấy chiếc ghế dựa, họ may, thêu, tháo vải ra từng sợi hoặc kéo sợi ở guồng quay sợi nhỏ. Người tóc vàng hoe, người lại tóc nâu; không ai giống ai, mặc dầu tất cả họ đều đẹp. Tính tình họ cũng đa dạng như là diện

mạo của họ; người này bình tĩnh, người kia vui vẻ, những người khác lại nghiêm nghị, u sầu hay buồn bã; tất cả mọi người đều làm việc, trừ tôi, như tôi đã nói với ngài. Cũng dễ dàng phân biệt những người bạn thân với những kẻ vô tình và những kẻ thù; những người bạn thân thì hoặc là đứng bên cạnh nhau, hoặc là đứng trước mặt nhau, họ vừa làm việc vừa nói chuyện, khuyên bảo nhau, nhìn trộm nhau, các ngón tay bấm chí nhau, lấy cớ là đưa cho nhau một cái kim găm, một cái kim, hay một cái kéo. Bà nhất đảo cặp mắt nhìn họ; bà quở trách người này vì chăm chỉ quá, người kia vì rỗi rãi quá, người thì quá thờ ơ, người lại buồn rầu; bà bảo đưa cho bà xem công việc đang làm, bà khen ngợi hoặc chê bai; bà sửa sang chiếc khăn trên đầu cho một chị... "Tấm khăn voan này nhô ra quá... mảnh vải này che hết mặt, người ta không thấy rõ má con... Những nếp áo này không đẹp..." Bà phân phát cho mỗi người hoặc là những lời trách móc nhẹ nhàng, hoặc là những lời âu yếm êm dịu.

Trong khi mọi người đang bận bịu như vậy, thì tôi nghe có ai gõ nhẹ ở cửa, tôi đi ra. Bà nhất nói với tôi: "Xanhtơ Xuydan, lát nữa con trở lại nhé."

- Vâng, thưa mẹ thân yêu.

- Đừng quên nhé, vì mẹ có điều quan trọng muốn nói với con.

- Con sẽ trở lại...

Ấy là chị Xanhtơ Têredơ đáng thương. Chị đứng một chặp mà không nói được, tôi cũng vậy, sau đó, tôi nói với chị: "Chị thân yêu, có phải chị tìm tôi?"

- Vâng.

- Tôi có thể giúp gì cho chị?

- Tôi sẽ nói với chị. Tôi đã bị mẹ thân yêu của chúng ta ghét bỏ, Tôi những tưởng bà ấy đã tha thứ cho tôi và tôi có lý do để nghĩ như thế, nhưng tất cả các chị đều có mặt ở phòng bà, mà tôi không ở đó, và tôi được lệnh ở lại phòng mình.

- Vậy chị có muốn vào không?

- Có.

- Chị có muốn tôi cầu xin cho chị được phép vào không?

- Có.

- Chị chờ ở đây nhé, chị thân yêu, tôi đi xin cho chị đây.

- Thực tâm, chị sẽ nói với bà cho tôi ư?

- Nhất định rồi; và tại sao tôi lại không hứa sẽ làm việc đó hộ cho chị kia chứ, và một khi đã hứa rồi, tại sao tôi lại không làm?

- A! - chị ấy vừa nhìn tôi một cách âu yếm vừa nói, - tôi tha thứ cho bà ta, tôi tha thứ cho bà ta về việc bà ta thích chị; bởi lẽ chị có mọi sức quyến rũ, một tâm hồn đẹp nhất và một thân hình đẹp nhất.

Tôi phấn khởi được giúp chị ta một chút việc ấy. Tôi trở vào. Một tu nữ khác trong lúc tôi đi vắng đã chiếm chỗ của tôi ở thành giường bà nhất, đang cúi xuống người bà, khuỷu tay đặt trên hai đùi của bà và cho bà xem công trình của cô ta, bà nhất, mắt gần như nhắm lại, miệng nói mà không nói với cô ta, mắt hầu như không nhìn cô ta; tôi đứng bên cạnh mà bà không biết. Nhưng chẳng

mấy chốc bà đã ra khỏi trạng thái mơ màng. Người tu nữ trước chiếm chỗ của tôi đã trả lại cho tôi, tôi ngồi xuống; sau đó nhẹ nhàng nghiêng mình xuống bà nhất, lúc đó bà đã nhấc đầu lên một chút trên gối, tôi im lặng, nhưng tôi nhìn bà như thể là muốn yêu cầu bà ban cho một ân huệ. "Nào, - bà nói với tôi, - có việc gì vậy? Nói đi, con muốn gì? Mẹ còn có thể từ chối con điều gì?"

- Xơ Xanhtơ Têredơ...

- Mẹ hiểu. Mẹ rất bực mình về nó; nhưng Xanhtơ Xuydan đã xin giúp cho thì mẹ tha thứ cho nó; con hãy ra bảo nó có thể vào được."

Tôi chạy ra ngay. Người bạn gái bé bỏng tội nghiệp đứng chờ ở cửa; tôi bảo chị vào, chị vừa đi vừa run, mắt nhìn xuống đất; chị cầm một miếng vải sa dài căng trên một chiếc khuôn, chị vừa bước một bước thì cái khuôn rơi khỏi tay; tôi nhặt nó lên; tôi nắm một cánh tay chị và đưa chị đến chỗ bà nhất. Chị quì xuống; chị cầm lấy một bàn tay của bà mà chị vừa hôn vừa buông ra những tiếng thở dài, vừa khóc; rồi chị nắm chặt một bàn tay tôi mà chị chắp với bàn tay của bà nhất và chị hôn lên cả hai bàn tay. Bà nhất ra hiệu đứng dậy và tìm chỗ đứng đâu cũng được; chị vâng lời. Người ta bày ra bữa ăn lót dạ buổi chiều. Bà nhất đứng dậy; bà không ngồi với chúng tôi mà đi dạo vòng quanh bàn, đặt bàn tay lên đầu người này, nhẹ nhàng lật đầu người ấy ra đằng sau và hôn lên trán, lật khăn quàng cổ của một người khác, đặt bàn tay lên đó, đứng tựa vào chiếc ghế bành; đi đến một người thứ ba, bà để một bàn tay lên người đó hoặc lên miệng chị ta, nếm qua loa những thứ mà người ta dọn ra, và

phân phát những thứ ấy cho người này người kia. Sau khi đã đi vòng quanh như vậy một lúc, bà dừng chân trước mặt tôi, nhìn tôi với cặp mắt rất âu yếm và rất dịu dàng; trong lúc ấy, các tu nữ khác đưa mắt nhìn xuống như thể họ sợ làm cho bà ta khó chịu hoặc không tập trung tư tưởng được, nhất là xơ Xanhtơ Têredơ. Bữa ăn xong, tôi ngồi vào dạo đàn: tôi đệm cho hai chị hát, họ hát không có phương pháp, nhưng có "gu" hát đúng và có giọng. Tôi cũng hát và tự đệm đàn cho mình. Bà nhất ngồi dưới chân chiếc đàn và tỏ ra thích thú được nghe tôi hát và được nhìn thấy tôi; những người khác đứng nghe hoặc không làm gì, hoặc tiếp tục công việc của họ. Buổi chiều hôm đó thực là thú vị. Xong, ai về nhà nấy.

Tôi cùng đi với mọi người; nhưng bà nhất giữ tôi lại: "Mấy giờ rồi?" - bà hỏi tôi.

- Sắp sửa sáu giờ.

- Một số người tâm phúc sắp vào. Mẹ đã suy nghĩ về những điều con nói về việc ra khỏi nhà tu Lôngsăng; mẹ đã trao đổi ý kiến của mẹ với họ; họ tán thành những ý kiến ấy, mẹ và họ có một đề nghị với con. Không thể chúng ta không thành công; và nếu chúng ta thành công, điều đó sẽ đưa đến cho nhà tu chúng ta một tài sản nhỏ và con sẽ phần nào dễ chịu..."

Sáu giờ, mấy người tâm phúc của bà nhất vào; những người tâm phúc của các nhà tu kín thường già yếu, lọm khọm. Tôi đứng dậy, họ ngồi xuống; và bà nhất nói với tôi: "Xơ Xuydan, có phải con đã nói với mẹ rằng nhờ lòng từ thiện của ông Manuri mà con có số tiền cúng vào nhà tu ở đây?

- Vâng, thưa mẹ thân yêu.

- Vậy mẹ đã không nhầm, và các xơ ở Lôngsăng đã chiếm được số tiền cúng mà con nạp cho họ khi con vào nhà tu của họ?

- Vâng, thưa mẹ thân yêu.

- Họ không trả lại cho con gì cả sao?

- Không, thưa mẹ thân yêu.

- Họ không cho con tiền dưỡng cấp?

- Không, thưa mẹ thân yêu.

- Như thế là không công bằng; đó là điều mẹ đã trao đổi với các bạn tâm phúc đây, và các bạn đã đồng ý với mẹ là con có quyền đòi họ hoặc là họ phải giao lại số tiền cúng cho tu viện chúng ta, hoặc là họ phải cho con hưởng một số niên kim. Cái mà con có do sự quan tâm của ông Manuri đối với số phận của con, không giống gì với cái mà các xơ ở Lôngsăng còn nợ con; ông ta tặng con món tiền cúng không phải là để dành cho họ.

- Con không tin như vậy; nhưng muốn chắc chắn, tiện hơn cả là con viết thư cho ông ta.

- Nhất định là như thế; nhưng trong trường hợp mà câu trả lời của ông ta phù hợp với điều ta mong muốn, thì đây là những đề nghị của chúng ta đối với con: chúng ta sẽ nhân danh con mà khởi tố kiện nhà tu Lôngsăng; nhà tu của chúng ta sẽ chịu các chi phí số này không đáng kể, vì ta có thể tin là ông Manuri sẽ không từ chối đảm nhiệm việc này và nếu chúng ta được kiện, thì nhà tu sẽ chia sẻ với con nửa số tiền hoặc số niên kim. Con

nghĩ thế nào, xơ thân mến? Con không trả lời ư, con đang nghĩ gì đấy.

- Con nghĩ rằng các xơ ở Lôngsăng đã gây cho con biết bao điều khổ sở, và con sẽ hết sức buồn nếu họ nghĩ rằng con trả thù họ.

- Đây không phải là việc trả thù; mà là đòi lại cái mà người ta nợ con.

- Lại một lần nữa làm trò cho thiên hạ xem.

- Đó là điều bất tiện chẳng đáng kể; hầu như không có liên quan gì đến con. Hơn nữa giáo đoàn của chúng ta nghèo, mà giáo đoàn Lôngsăng thì giàu. Con sẽ là ân nhân của chúng ta, ít nhất là trong lúc con còn sống; chúng ta cũng không cần có lý do ấy mới quan tâm đến việc giữ con ở lại đây; tất cả chúng ta đều yêu con? Và tất cả các người tâm phúc đều đồng thanh nói: "Và ai lại không yêu cô ấy cơ chứ? Cô ấy thật là hoàn mỹ."

- Mẹ có thể chết lúc nào không biết, một bà nhất khác có thể không mến con như là mẹ: a! Chắc chắn là không, bà ấy sẽ không có những tình cảm ấy. Con có thể có lúc khó ở, có lúc cần thứ này thứ nọ; thật là dễ chịu khi nắm trong tay một số tiền nhỏ mà người ta có thể sử dụng để cho cuộc sống được nhẹ nhõm hoặc để giúp đỡ kẻ khác.

- Thưa các mẹ thân yêu, - tôi nói với họ, - những điều quan tâm đó không thể coi thường, vì rằng các mẹ đã chú ý; còn có những mối quan tâm khác làm cho con chú ý hơn, nhưng con sẵn sàng hy sinh tất cả vì các mẹ. Cái ân huệ duy nhất mà con yêu cầu mẹ, thưa mẹ thân

yêu, là đừng bắt đầu làm gì cả trước khi trao đổi với ông Manuri, trước mặt con.

- Không có gì thuận tiện hơn. Con tự mình viết thư cho ông ta nhé?

- Thưa mẹ thân yêu, con xin vâng.

- Con viết cho ông ấy đi, và để không trở lại việc này hai lần, vì mẹ không thích thú gì những câu chuyện như thế này, chúng làm mẹ chán chết, con hãy viết ngay lập tức đi."

Người ta mang cho tôi bút, mực và giấy, và ngay lập tức, tôi khẩn cầu ông Manuri vui lòng đến Acpagiông khi công việc cho phép, tôi còn cần đến sự giúp đỡ và lời khuyên bảo của ông trong một công việc có phần quan trọng, v.v... Hội nghị giám mục họp lại, đọc và tán thành bức thư, và nó được gửi đi ngay.

Mấy ngày sau, ông Manuri đến. Bà nhất trình bày vấn đề với ông; không do dự ông nhất trí với bà; người ta cho những sự giữ ý của tôi là buồn cười; và người ta kết luận là sẽ khởi tố các tu nữ Lôngsăng tại tòa ngay ngày hôm sau, và người ta đã làm việc đó và thế là, mặc dầu tôi tức giận, tên tôi lại xuất hiện trong các bản báo cáo, các bản biện hộ, trước tòa, và với tất cả những chi tiết, giả định, vu khống và tất cả những sự bôi nhọ có thể làm cho một con người trở nên bất lợi trước quan tòa và ghê tởm trước công chúng. Nhưng thưa hầu tước, các trạng sư có được phép muốn vu cáo thế nào cũng được không? Không có một công lý nào chống lại họ ư? Nếu như tôi có thể thấy trước những điều cay đắng mà vụ án này kéo theo nó, tôi quả quyết rằng tôi sẽ không bao giờ

đồng ý cho nó bắt đầu. Người ta đã chú ý gửi cho nhiều tu nữ trong tu viện chúng tôi những tài liệu mà người ta công bố để chống lại tôi. Họ luôn luôn đến hỏi tôi về các chi tiết những sự việc ghê tởm hoàn toàn không có chút sự thật nào. Tôi càng tỏ ra không hay biết, người ta càng tin là tôi là phạm tội; vì tôi không giải thích gì hết, tôi không thú nhận gì hết, tôi phủ nhận tất cả nên người ta tin rằng tất cả đều là sự thật; người ta cười mỉm, người ta nói với tôi những lời mập mờ, nhưng rất xúc phạm đến tôi; người ta nhún vai trước sự ngây thơ của tôi. Tôi khóc lóc, tôi đau khổ.

Nhưng nỗi đau khổ không bao giờ đến một mình. Ngày đi xưng tội đã đến. Tôi đã tự kết tội mình về những sự mơn trớn đầu tiên của bà nhất đối với tôi; cha giáo đạo đã nói một cách nghiêm khắc rằng ông cấm tôi không được cho bà ta mơn trớn hơn nữa; nhưng làm sao có thể từ chối những điều làm vui lòng người khác, mà mình lại hoàn toàn phụ thuộc vào người ấy, vả lại bản thân mình lại không thấy có gì là xấu trong những điều đó cả.

Người cha giáo đạo này sẽ đóng một vai trò quan trọng trong phần còn lại của tập trần tình của tôi, tôi nghĩ rằng nên để ngài biết về ông ta.

Đó là một tu sĩ dòng frăngxixcanh; tên ông ta là cha Lomoan; ông ta chưa đầy bốn mươi lăm tuổi. Đó là một trong những người có gương mặt đẹp nhất mà người ta có thể thấy, một gương mặt dịu dàng, trong sáng, cởi mở, tươi cười, dễ chịu khi ông ta không cố ý; nhưng khi cố ý, trán ông nhăn lại, lông mày nhíu lại, mắt nhìn xuống, và thái độ cũng trở nên nghiêm khắc. Tôi không thấy người

nào khác biệt nhau như cha Lomoan ở điện thờ và ông cha Lomoan ở phòng nói chuyện, lúc một mình hoặc lúc trò chuyện với người khác. Vả chăng, tất cả những tu nữ đều tin như thế và cả bản thân tôi, nhiều lần tôi bất chợt thấy mình sắp đi đến hàng rào sắt rồi dừng hẳn lại, sửa sang tấm khăn trùm, buộc lại giải bịt trán, sửa nét mặt, cặp mắt, miệng, bàn tay, cánh tay, thái độ, dáng đi, và tự tạo cho mình một tư thế, một sự khiêm tốn vay mượn kéo dài nhiều hay là ít tùy theo người mà mình nói chuyện. Cha Lomoan cao lớn, thân hình đẹp, vui vẻ, rất dễ thương khi ông tự quên mình, ông ăn nói tuyệt diệu; trong nhà tu ông nổi tiếng là một nhà thần học lớn, và trong xã hội ông là một nhà tiên tri lớn; nói chuyện với ông làm cho người ta say mê. Đó là một con người rất hiểu biết nhiều kiến thức ngoài nghề nghiệp của mình: ông có giọng nói tốt nhất, ông biết âm nhạc, sử học và nhiều ngoại ngữ; ông là tiến sĩ của trường Xoocbon. Tuy còn trẻ ông đã trải qua nhiều chức vụ chính của dòng tu. Tôi tin là ông không có âm mưu và tham vọng; ông được các bạn đồng nghiệp yêu mến. Ông đã yêu cầu được giữ chức trụ trì của nhà tu Etămpơ như là một vị trí yên ổn để ông toàn tâm lao vào một vài công trình nghiên cứu mà ông đã bắt đầu; và người ta đã thỏa mãn yêu cầu của ông. Đối với một nhà tu kín của nữ tu sĩ thì việc lựa chọn người nghe xưng tội là một vấn đề lớn: đó phải là một con người quan trọng và có danh vọng. Người ta đã làm tất cả để có cha Lomoan, và người ta đã có, ít nhất là một cách bất thường.

Người ta gửi cho ông chiếc xe của nhà tu, trước các ngày lễ lớn, và ông đã đến. Cần phải thấy sự xôn xao diễn ra trong toàn thể giáo đoàn khi chờ đợi ông đến; thấy

người ta vui mừng như thế nào, ngẫm nghĩ thế nào, chăm chú quan sát ông như thế nào, chuẩn bị làm ông bận bịu càng lâu càng tốt như thế nào.

Đó là buổi trước ngày lễ Chúa giáng lâm. Ông ta được mọi người chờ đợi. Tôi lo lắng, bà nhất nhận thấy điều đó, bà nói với tôi. Tôi không giấu bà lý do mối lo âu của tôi; bà tỏ ra hoảng hốt hơn tôi, mặc dầu làm đủ mọi cách để giấu tôi điều đó. Bà coi Lomoan là một người lố bịch, chế diễu sự thận trọng của tôi, hỏi tôi rằng phải chăng cha Lomoan biết rõ sự trong trắng tình cảm của bà và của tôi, hơn là lương tâm chúng tôi, rằng lương tâm của tôi có quở trách tôi điều gì đó. Tôi trả lời bà rằng không. "Vậy thì sao - bà nói với tôi, - mẹ là bà nhất của con, con phải vâng lời mẹ, và mẹ ra lệnh cho con là không được nói với ông những điều ngốc nghếch ấy. Việc con đi xưng tội là vô ích, nếu con chỉ có những điều nhảm nhí để nói với ông ta."

Tuy nhiên cha Lomoan đến: tôi chuẩn bị xưng tội, khi đang có nhiều người vội vã hơn chiếm lấy chỗ. Đến lượt tôi thì bà nhất lại gần tôi, kéo tôi ra một nơi và nói với tôi: "Xanhtơ Xuydan, mẹ đã nghĩ đến những điều con nói với mẹ; hãy trở lại căn buồng của con, mẹ không muốn con đi xưng tội hôm nay.

- Và tại sao, tôi trả lời bà, thưa mẹ thân yêu? Ngày mai là một ngày trọng đại, đó là ngày lễ ban thánh thể chung: mẹ muốn cho người ta nghĩ về con như thế nào, nếu một mình con không đến nơi bàn thờ thiêng liêng?

- Mặc kệ, họ nói sao thì nói, con sẽ không đi xưng tội.

- Thưa mẹ thân yêu, tôi nói với bà, nếu như quả thật mẹ yêu con, thì mẹ đừng để cho con bị sỉ nhục, con xin mẹ điều đó như là một ân huệ.

- Không, không, điều đó không thể được; con sẽ gây cho mẹ một sự phiền muộn nào đó với con người ấy, mà mẹ thì không muốn có điều phiền muộn ấy.

- Không, thưa mẹ thân yêu, con sẽ không làm cho mẹ phiền muộn!

- Vậy con hãy hứa với mẹ. Điều đó là vô ích, sáng sớm mai con sẽ đến buồng mẹ, con sẽ thú tội với mẹ: con đã không phạm một lỗi lầm nào mà lại không thể giải hòa và xá tội cho con, và con sẽ bái lĩnh thánh thể với những người khác. Con đi đi."

Vậy là tôi lui gót, và tôi ngồi trong phòng mình buồn bã, lo lắng, mơ màng, phân vân, có nên đến nơi cha Lomoan không mặc dầu bà nhất đã cấm, hay ngày mai chỉ đi xưng tội với bà nhất, hay cứ đi lễ với tất cả mọi người hay lánh xa đi, mặc cho người ta nói thế nào thì nói. Khi bà ta trở lại, bà đã xưng tội, và cha Lomoan đã hỏi bà tại sao ông ta không trông thấy tôi, có phải tôi đau ốm không; tôi không biết bà ta đã trả lời ông thế nào; nhưng kết quả là ông ta đợi tôi ở phòng xưng tội. "Vậy thì con cứ đến đó, bà ta nói, vì phải làm như vậy, nhưng con hãy cam đoan với mẹ rằng - con sẽ im lặng". Tôi ngần ngừ, bà lại khẩn khoản: "Nào! Con bé rồ dại, bà nói với tôi, - con thấy có hại gì nếu con phải im lặng khi điều đó không có hại gì cả?"

- Thế nói ra thì có hại gì? - tôi đáp lại.

- Không hại gì cả, nhưng có điều bất tiện. Ai biết được con người ấy lại cho việc đó quan trọng như thế nào? Vậy con hãy cam đoan với mẹ...". Tôi vẫn phân vân; nhưng cuối cùng tôi định không nói gì, nếu ông ta không hỏi tôi, và tôi đi.

Tôi xưng tội, và tôi im lặng; nhưng cha giáo đạo hỏi tôi, và tôi không giấu giếm gì hết. Ông ta hỏi hàng ngàn điều la lùng mà tôi không hiểu gì cả mãi cho đến ngày nay khi tôi hồi tưởng lại. Ông ta cư xử với tôi một cách khoan dung; nhưng ông ta nói về bà nhất với những lời lẽ làm cho tôi rùng mình; ông ta gọi bà là vô liêm sỉ, phóng đãng, một tu nữ xấu xa, người đàn bà độc hại, tâm hồn trụy lạc; và ra lệnh cho tôi đừng bao giờ ở một mình với bà ta và đừng để cho bà ta mơn trớn một lần nào cả, nếu không sẽ bị trọng tội.

"Nhưng thưa cha, tôi nói với ông, - đó là bà nhất của con, bà muốn vào buồng con, muốn gọi con đến nhà bà lúc nào cũng được".

- Cha biết, cha biết và cha lấy làm phiền lòng về điều đó. Con thân yêu, ông nói với tôi, đáng ca ngợi là Chúa đã bảo vệ cho con đến nay! Không dám giải thích cho con rõ ràng hơn nữa, sợ rằng bản thân mình sẽ trở thành đồng lõa của bà nhất đê hèn, và làm tàn úa, bởi hơi thở nhiễm độc có thể tuôn ra từ môi của ta mặc dầu là vô ý thức, một bông hoa mỏng manh, mà người ta chỉ có thể giữ được tươi tắn và không dấu vết đến cái tuổi của con, với sự che chở đặc biệt của đấng thượng đế, ta ra lệnh cho con phải lánh xa bà nhất của con, cự tuyệt mọi sự mơn trớn của bà, đừng bao giờ vào nhà bà ta một

mình, đóng cửa không cho bà ta vào, nhất là ban đêm; không ra khỏi giường con nếu bà ta vào, mặc dầu con không đồng ý, đi trong hành lang nếu cần thì gọi, đứng ở chân các điện thờ trần truồng, kêu ầm lên trong nhà tu và làm tất cả cái gì mà lòng yêu Chúa, sự sợ hãi tội ác, sự trong trắng của tâm hồn con và mối quan tâm muốn được cứu vớt gợi cho con biết, nếu quỷ Xatăng hiện hình hiện ra trước mặt con và theo đuổi con. Vâng, con ạ, chính là quỷ Xatăng, ta bắt buộc phải chỉ bà nhất của con dưới hình dạng đó; bà ta bị chìm đắm trong vực thẳm của tội ác, bà ta muốn nhận chìm con xuống đó luôn; và có lẽ con đã ở đó với bà ta, nếu chính sự trong trắng của con đã không làm cho bà ta khiếp sợ, và đã không ngăn cản bà ta lại". Rồi ngước mắt nhìn lên trời, ông kêu to: "Lạy Chúa tôi; người hãy tiếp tục che chở cho cô bé này... Hãy nói với ta: *Satana, vade retro, apage, Satana* (1). Nếu như kẻ khốn nạn ấy hỏi con, con hãy nói với bà ta tất cả, nói lại cho bà ta nghe những lời của ta; con hãy nói với bà ta rằng thà bà không sinh ra trên đời còn hơn, hoặc là bà ta hãy lao xuống địa ngục một mình chịu lấy một cái chết khốc liệt.

- Nhưng, thưa cha, - tôi đáp lại ông. - Cha đã nghe chính bà ta nói vừa đây thôi".

Ông không trả lời gì cả: nhưng buông một tiếng thở dài ảo não, ông chống tay lên thành nhà xưng tội; và áp đầu lên đó như một người đầy đau khổ: ông đứng trong tư thế đó một lúc lâu. Tôi chẳng còn biết nghĩ thế nào

---

(1) Lời của chúa Giêsu, trong Phúc Âm, Xatăng (quỷ sứ) ngươi hãy cút đi. (N.D.)

cả, đầu gối tôi run rẩy; tôi cảm thấy bối rối, đầu óc lộn xộn không nhận thức được gì nữa. Tôi giống như một người khách bộ hành đi trong cõi tối tăm giữa những vực thẳm mà mình không trông thấy, từ mọi phía đều nghe những tiếng gào lên từ lòng đất: "Thế là xong đời mày!" Sau đó, nhìn tôi với một vẻ bình tĩnh, nhưng trìu mến, ông nói với tôi: "Con có khỏe không?"

- Thưa cha, có.

- Con có thấy quá mệt nhọc nếu phải trải qua một đêm không ngủ?

- Thưa cha, không.

- Vậy thì, - ông nói với tôi, - đêm nay con đừng ngủ; ngay sau lễ trao chức con sẽ vào nhà thờ, con sẽ quỳ xuống dưới chân điện thờ, và con sẽ cầu nguyện suốt đêm. Con chưa biết mối nguy hiểm mà con đã trải qua; con sẽ cảm tạ Chúa đã bảo đảm cho con; và ngày mai, con sẽ lại gần bàn thánh với các tu nữ khác. Để phạt con cha chỉ bắt con đứng xa bà nhất của con, và khước từ những sự mơn trớn nhiễm độc của bà ấy. Con đi đi, về phía cha, cha sẽ hòa lẫn những lời cầu nguyện của cha với những lời cầu nguyện của con. Con đã gây cho cha bao nhiêu là lo lắng! Cha cảm thấy tất cả những hậu quả của lời cha khuyên con; nhưng con có bổn phận phải làm như thế với con và cả cha nữa. Thượng đế là vị chúa tể; và chúng ta chỉ có một luật lệ".

Thưa ông, tôi chỉ nhớ lại một cách hoàn chỉnh tất cả những lời ông ấy nói với tôi. Bây giờ mà tôi so sánh những điều ông nói, như tôi đã thuật lại ông nghe, với cảm giác ghê sợ mà ông gây cho tôi, tôi không làm sao

so sánh được; nhưng điều đó là do câu chuyện bị ngắt quãng, không có mạch lạc; ở đó thiếu nhiều điều mà tôi không nhớ, vì tôi không tìm thấy ở đó một ý niệm rõ rệt nào, và trước kia tôi đã không nhìn thấy, hiện nay vẫn không nhìn thấy một sự quan trọng nào trong những điều đã làm cho ông phải kêu to lên một cách dữ dội. Ví dụ, ông tìm thấy có gì lạ lùng trong cảnh bên đàn claxovanh? Há lại không có những người mà âm nhạc đã gây nên cho họ một cảm xúc mạnh mẽ nhất? Người ta cũng đã nói với bản thân tôi rằng một số làn điệu, một số giọng hát đã làm biến đổi hoàn toàn diện mạo của tôi: lúc đó tôi hoàn toàn thoát ly ra khỏi mình, tôi không biết tôi đã trở nên con người như thế nào nữa, tôi không tin rằng như vậy thì tôi bớt trong trắng. Tại sao đối với bà nhất của tôi lại không phải là như thế, mặc dầu tất cả những sự điên rồ và tính tình bất thường của bà ta, nhất định bà vẫn là một trong những người đàn bà dễ xúc động nhất trên đời này?

Bà không thể nghe một câu chuyện hơi cảm động một chút mà không trào nước mắt: khi tôi kể cho bà nghe câu chuyện của tôi, tôi đã làm cho bà phải sống trong một trạng thái đáng thương. Ông ta cho rằng lòng từ bi của bà ta cũng là một tội ác sao? Và câu chuyện ban đêm mà ông ta chờ đợi kết quả với một sự khiếp sợ chết người. Chắc chắn con người ấy quá nghiêm khắc.

Dầu sao tôi vẫn thi hành một cách nghiêm chỉnh điều ông quy định, mà ông có lẽ cũng đã đoán trước hậu quả trực tiếp của mệnh lệnh ấy. Ngay sau khi ra khỏi nhà xưng tội, tôi đến quỳ ở chân điện thờ; đầu óc bối rối vì sợ hãi; tôi quỳ ở đó cho đến buổi ăn tối. Bà nhất, lo

lắng thấy tôi như vậy, cho người gọi tôi; người ta trả lời bà là tôi đang cầu nguyện. Bà xuất hiện nhiều lần ở cửa nhà cầu kinh; nhưng tôi làm như không nhìn thấy bà. Giờ ăn tối đã đến; tôi đến nhà ăn; tôi ăn vội ăn vàng, và ăn xong, tôi lại trở lại nhà thờ ngay; tôi không xuất hiện trong giờ giải lao buổi tối; đến giờ về nhà đi ngủ tôi không trở về. Bà nhất không phải không biết vì sao tôi lại như thế. Đêm đã khuya; khi trong nhà tu tất cả đều im lặng thì bà bước đến bên tôi. Hình ảnh mà cha giáo đạo đã dùng để mô tả bà hiện ra trong trí tưởng tượng của tôi; tôi run lên, tôi không dám nhìn bà, tôi tưởng nhìn thấy bà ta trong một bộ mặt ghê tởm, bao bọc trong những ngọn lửa, và tôi nói trong thâm tâm: "*Satana, vade retro, apage, Satana*". Chúa hỡi, hãy bảo vệ con, hãy để cho con lánh xa con quỷ ấy.

Bà quỳ gối, và sau khi đã cầu nguyện một lát, bà nói với tôi "Xanhtơ Xuydan, con làm gì ở đây?

- Thưa bà, bà thấy đấy.

- Con có biết bây giờ là mấy giờ rồi không?

- Thưa bà, có.

- Tại sao con không trở về buồng con vào giờ nghỉ?

- Vì con chuẩn bị làm lễ ngày mai.

- Ý đồ của con là thức suốt đêm ở đây?

- Thưa bà, vâng.

- Và ai cho phép con làm như vậy?

- Cha giáo đạo đã ra lệnh cho con.

- Cha giáo đạo không có quyền gì ra lệnh chống với luật lệ nhà tu, còn mẹ, mẹ ra lệnh cho con đi ngủ.

- Thưa mẹ, ông ta xử phạt con.

- Con sẽ thay thế hình phạt đó bằng những việc làm khác.

- Thưa mẹ con không được lựa chọn.

- "Nào, - bà nói với tôi, - con gái mẹ, con lại đây. Khí mát của nhà thờ ban đêm sẽ làm cho con mệt nhọc; con sẽ cầu nguyện trong buồng con".

Nói xong, bà muốn cầm tay tôi; nhưng tôi chạy nhanh tránh xa bà. "Con lánh xa mẹ," - bà nói với tôi.

- Vâng thưa mẹ, con lánh xa mẹ.

Yên tâm trước sự linh thiêng của khung cảnh, sự hiện diện của Đấng thần linh, sự trong trắng của trái tim mình, tôi trấn tĩnh lại, tôi dám ngước mắt nhìn bà, nhưng vừa nhìn thấy bà tôi đã kêu lên một tiếng to và tôi chạy vào trong nhà cầu kinh như một kẻ mất trí, vừa chạy vừa kêu: "Xa ta ra, quỷ Xatăng..."

Bà không đi theo tôi, bà đứng tại chỗ, và vừa dịu dàng giơ hai cánh tay về phía tôi, bà vừa nói với một giọng nói cảm động nhất và êm ái nhất: "Con làm sao thế? Vì sao con sợ hãi? Con hãy đứng lại. Mẹ không phải là quỷ Xatăng, mẹ là bà nhất và là bạn thân của con".

Tôi dừng chân lại, tôi quay đầu về phía bà, và tôi thấy là mình đã sợ hãi vì một ảo ảnh kỳ dị mà trí tưởng tượng đã tạo nên; ấy là vì bà đã đứng trong ánh đèn của nhà thờ ở một tư thế làm cho mặt bà và chỉ phần đầu của bàn tay bà là được chiếu sáng, phần còn lại thì ở

trong bóng tối, do đó mà tạo nên một hình dáng đặc biệt. Trấn tĩnh lại một chút, tôi ngồi vào mọt chiếc ghế gỗ. Bà tiến đến gần, ngồi trên chiếc ghế gỗ bên cạnh, thế là tôi đứng dậy và ngồi xuống một chiếc gỗ phía bên dưới. Tôi đi loanh quanh như thế từ ghế này sang ghế khác, và bà cũng làm như thế cho đến chiếc ghế cuối cùng! Đến đó, tôi dừng lại và tôi xin bà ít nhất cũng để một chỗ trống giữa bà và tôi.

"Mẹ đồng ý", bà nói với tôi.

Cả hai chúng tôi ngồi xuống; một chiếc ghế gỗ ngăn cách chúng tôi; bà nhất lên tiếng, nói với tôi: "Con có thể cho biết, Xanhtơ Xuydan, do đâu mà sự có mặt của mẹ lại làm cho con sợ hãi?"

- Thưa mẹ thân yêu, tôi nói với bà, xin lỗi mẹ, đó không phải là do con, mà do cha Lơmoan. Ông ta đã mô tả sự âu yếm mà mẹ dành cho con, những vuốt ve của mẹ đối với con, mà con không thấy gì là xấu xa, dưới những màu sắc ghê tởm nhất. Ông ra lệnh cho con hãy lánh xa mẹ, đừng vào phòng mẹ một mình, và đi ra khỏi buồng nếu mẹ đến; ông đã mô tả mẹ như một con quỷ. Con chẳng còn biết điều gì nữa mà ông ta không nói với con.

- Vậy con đã nói với ông ta?

- Thưa mẹ thân yêu; nhưng con không thể từ chối không trả lời ông ta.

- Vậy ra mẹ khá dễ sợ trước mắt con?

- Thưa mẹ thân yêu, con không thể không yêu mẹ, không thể không cảm thấy giá trị những ân huệ mẹ ban

cho con, không thể không cầu mong mẹ tiếp tục yêu con như thế: nhưng con sẽ tuân lời cha giáo đạo của con.

- Vậy con sẽ không đến thăm mẹ nữa?

- Thưa mẹ thân yêu, không.

- Con sẽ không tiếp mẹ ở nhà con nữa?

- Thưa mẹ thân yêu, không

- Con khước từ những vuốt ve của mẹ?

- Con đau khổ nhiều vì điều đó, vì con cần đến sự dịu dàng và con muốn được vuốt ve. Nhưng phải làm như thế; vì con đã hứa với cha giáo đạo như thế, và con đã tuyên thệ dưới chân điện thờ. Nếu con có thể cho mẹ thấy cách ông ấy giải thích sự việc này! Đó là một người ngoan đạo, một người có kiến thức; ông ta có lợi gì khi chỉ cho con mối nguy hiểm nếu nó không có thực? Khi ngăn cách trái tim một nữ tu với trái tim của bà nhất? Nhưng có lẽ ông nhận thấy trong những hành động rất trong trắng của mẹ và của con, một mầm mống hư hỏng thầm kín mà ông cho là rất phát triển ở mẹ, và ông sợ rằng mẹ cũng sẽ phát triển nó ở con. Con không giấu mẹ là khi nghĩ đến những cảm giác mà đôi khi con cảm thấy... Mẹ thân yêu, do đâu mà sau khi ở gần mẹ và ra về phòng mình, con lại bị xúc động và trở nên mơ màng? Do đâu mà con không thể cầu nguyện, cũng không thể làm việc gì cả? Do đâu mà có một thứ u sầu mà con chưa bao giờ cảm thấy? Tại sao, con vốn là người chưa bao giờ ngủ ban ngày, lại cảm thấy buồn ngủ? Con nghĩ rằng ở mẹ đó là một bệnh truyền nhiễm, mà hiệu quả bắt đầu thể hiện ở con; nhưng cha Lomoan lại thấy điều đó một cách khác.

- Thế ông ta thấy như thế nào?

- Ông ta thấy ở đó tất cả những sự đen tối của tội ác, sự sa đọa tất yếu của mẹ, cái chết đã thấy trước của con. Còn gì nữa?

- Thôi, - bà ta nói với tôi, - ông cha Lomoan của con là một kẻ đầy ảo tưởng; đây không phải là lần đầu tiên mà ông ta chửi rủa mẹ theo kiểu ấy. Chỉ cần mẹ gắn bó với ai bằng một tình bạn dịu dàng, là đủ làm cho ông ta điên đầu; còn chưa đủ, việc ông ta làm cho con bé Xanhtơ Têredơ tội nghiệp trở nên điên rồ. Điều đó bắt đầu làm mẹ bực mình, và mẹ sẽ mời con người ấy đi; trên thực tế, ông ta ở cách đây mười dặm; đưa ông ta đến đây là một việc khó khăn; không phải muốn gặp ông ta lúc nào là có lúc ấy: nhưng ta sẽ nói về điều ấy một cách thoải mái hơn. Vậy con không muốn lên phòng sao?

- Thưa mẹ thân yêu, không, con xin mẹ làm ơn cho con được thức suốt đêm ở đây. Nếu con không làm bổn phận ấy, ngày mai con sẽ không dám đến gần nơi làm lễ thánh với những người khác của giáo đoàn. Còn mẹ, thưa mẹ thân yêu, mẹ có chịu lễ ban thánh thể không?

- Tất nhiên là có.

- Nhưng cha Lomoan đã không nói gì với mẹ sao?

- Không.

- Nhưng tại sao lại như vậy?

- Ấy là vì ông ta không thể nói gì mẹ được. Người ta không chỉ đi đến nhà xưng tội để tự tố cáo về những tội lỗi của mình; và mẹ không thấy có tội gì khi mẹ yêu mến một cô gái dễ thương như Xanhtơ Xuydan. Nếu có

khuyết điểm nào đó, thì đó là mẹ đã tập trung vào con một tình cảm đáng lẽ phải chia đều cho tất cả các tu nữ hợp lại thành giáo đoàn; nhưng điều đó không tùy thuộc ở mẹ; mẹ không thể ngăn cấm mình nhìn thấy đâu là cái đáng quý, và hưởng sự ưu đãi của mình vào đó. Mẹ xin lỗi Chúa; mẹ không hiểu vì sao mà cha Lơmoan của con lại cho là một tội lỗi khi mẹ có một sự thiên vị rất tự nhiên như vậy, một sự thiên vị khó mà cưỡng lại được. Mẹ cố gắng đưa hạnh phúc đến cho tất cả mọi người; nhưng có những người trong đó mà mẹ quý, và yêu hơn những người khác, vì những người đó đáng yêu và đáng quý hơn. Đó là tất cả tội ác của mẹ đối với con. Xanhtơ Xuydan, con có thể thấy đó là tội lỗi lớn lắm không?

- Không, thưa mẹ thân yêu.

- Nào, con thân yêu, mỗi một chúng ta hãy cầu nguyện thêm một chút nữa rồi lui gót".

Tôi lại khẩn cầu bà một lần nữa cho phép tôi thức suốt đêm ở nhà thờ; bà đồng ý với điều kiện là điều đó không tái diễn nữa, và bà lui về phòng.

Tôi suy nghĩ lại những điều bà nói với tôi; tôi cầu mong Chúa soi sáng cho tôi; tôi suy nghĩ và kết luận, là dầu sao đi nữa, dù là người trong một giới, vẫn có thể có ít nhất một sự xấu xa nào đó trong cách họ biểu lộ tình bạn với nhau; cha Lơmoan, một con người nghiêm khắc, có thể cường điệu sự việc, nhưng lời khuyên để tránh lại sự suồng sã quá mức của bà nhất, bằng cách dè dặt nhiều hơn quả là một lời khuyên nên nghe theo, và tôi tự hứa với mình như vậy.

Buổi sáng, khi các tu nữ đến nhà cầu kinh, họ thấy tôi ở nguyên chỗ cũ; tất cả bọn họ tiến lại gần bàn thờ thánh, bà nhất đi đầu, điều này làm cho tôi càng tin ở sự trong trắng của bà, trong khi vẫn giữ điều tôi đã quyết định. Tôi vẫn cảm thấy có nhiều cảm tình đối với bà cũng như bà đã có nhiều cảm tình tỏ ra với tôi. Tôi không thể không so sánh bà với bà nhất đầu tiên của tôi: khác nhau bao nhiêu! Làm gì có cái lòng ngoan đạo ấy, sự trang trọng ấy, cái phẩm cách, sự nhiệt tình ấy, cái trí óc ấy, cái tính thích trật tự ấy.

Trong vòng một ít ngày, đã xẩy ra hai biến cố lớn: một là việc tôi được kiện trong vụ kiện chống lại các nữ tu sĩ Lôngsăng; họ bị buộc trả lại cho nhà tu Xanhtơ Orôpơ, nơi tôi ở, một món tiền bằng số tiền cúng của tôi; hai là, việc thay thế cha giáo đạo. Chính bản thân bà nhất đến báo cho tôi tin sau này.

Tuy nhiên, tôi chỉ đến nhà bà khi có người đi theo, bà cũng không đến buồng tôi một mình. Bà luôn luôn tìm kiếm tôi, nhưng tôi tránh mặt bà, bà nhận thấy điều đó và trách móc tôi. Tôi không biết điều gì đã diễn ra trong cái tâm hồn ấy, nhưng chắc đó phải là một cái gì bất thường. Ban đêm, bà thức dậy và đi lại trong các hành lang, nhất là ở hành lang của tôi; tôi nghe bà đi đi, lại lại; dừng chân ở cửa phòng tôi, rên rỉ, thở dài; tôi run lên và tôi vùi mình trên giường. Ban ngày, hễ tôi đi dạo, trong phòng làm việc, hay trong phòng nghỉ, cốt sao để tôi không thể trông thấy bà, và bà để hàng giờ ngắm nghía tôi; bà rình mò tất cả các bước đi của tôi; nếu tôi đi xuống, tôi thấy bà ở bậc thấp nhất; hễ tôi đi lên, bà đợi tôi ở bậc cao nhất. Một hôm, bà giữ tôi lại, bà nhìn tôi không nói

một lời; những giọt nước mắt tuôn giàn giụa từ mắt bà rồi đột nhiên, bà quì xuống đất và hai tay ôm chặt đầu gối tôi, bà nói với tôi: "Xơ độc ác, con hãy đoạt lấy cuộc đời của mẹ, mẹ sẽ cho con, nhưng đừng tránh mẹ; mẹ không thể sống không có con..." Tình trạng của bà làm tôi thương hại, mắt bà đờ đẫn, bà gầy đi, thần sắc nhợt nhạt. Đó là bà nhất của tôi, bà quỳ dưới chân tôi, đầu kê vào đầu gối tôi mà bà ôm lấy; tôi chìa hai bàn tay cho bà, bà cầm lấy một cách sôi nổi, hôn chúng rồi lại nhìn tôi, tôi đỡ bà dậy. Bà đi xiêu vẹo, đi một cách khó nhọc; tôi dẫn bà trở về buồng. Khi cánh cửa đã mở, bà cầm lấy tay tôi, dịu dàng kéo tôi vào, nhưng không nói và không nhìn tôi.

"Thưa mẹ thân yêu, - tôi nói với bà, - không nên, con đã tự hứa với mình như vậy. Như vậy thì tốt hơn đối với mẹ và cho con. Con đã chiếm quá nhiều chỗ trong tâm hồn mẹ, thế là chiếm mất chỗ dành cho Chúa, là người đã ban cho mẹ hoàn toàn cái tâm hồn đó.

- Con lại là người trách móc mẹ điều đó sao...?

Vừa nói, tôi vừa cố tìm cách rút bàn tay tôi ra khỏi bàn tay bà.

"Vậy con không muốn vào ư? - Bà nói với tôi.

- Thưa mẹ thân yêu, không.

- Con không muốn ư, Xanhtơ Xuydan? Con không biết cái gì có thể xẩy ra, không, con không biết điều đó: con sẽ làm mẹ chết..."

Những lời cuối cùng này gây nên ở tôi một tình cảm ngược hẳn lại điều mà bà mong ước; tôi rút bàn tay mình một cách quyết liệt, và tôi bỏ chạy. Bà quay mặt lại, nhìn

tôi đi ít bước, rồi quay trở về phòng bà mà cửa vẫn mở, buông ra những lời rên rỉ não ruột nhất. Tôi nghe những lời ấy; chúng xuyên vào lòng tôi. Trong một lúc tôi do dự không biết tiếp tục xa lánh bà hay là sẽ quay trở lại; tuy nhiên, không hiểu do một động cơ căm ghét nào mà tôi bỏ đi, mặc dầu không phải là không đau khổ vì đã để bà ở vào một tình trạng như vậy; tôi vốn tính dễ thương người. Tôi đóng kín phòng lại, cảm thấy mình khó chịu; tôi không biết làm gì; tôi đi ngang rồi đi dọc mấy vòng, lơ đãng và bối rối; tôi đi ra, tôi trở lại; cuối cùng tôi đến gõ cửa chị Xanhtơ Têredơ, người láng giềng của tôi, chị đang nói chuyện thân mật với một nữ tu khác trong số bạn chị; tôi nói với chị: "Chị thân yêu, tôi lấy làm phiền là đã ngắt câu chuyện của chị, nhưng tôi yêu cầu chị nghe tôi một lát, tôi muốn nói với chị vài lời..." chị theo về phòng tôi, và tôi nói với chị: "Tôi không hiểu mẹ chúng ta có điều gì, bà tỏ ra đau khổ; nếu chị đi tìm bà, có lẽ chị có thể an ủi bà..." Chị không trả lời tôi, chị để mặc bạn chị, đóng cửa và chạy đến bà nhất.

Trong khi đó bệnh của người đàn bà ấy ngày càng trầm trọng; bà trở nên u sầu và nghiêm nghị; tính vui vẻ, mà bà biểu lộ từ khi tôi đến nhà tu, bỗng nhiên biến mất; tất cả trở lại trong cảnh trật tự nghiêm ngặt nhất; các buổi lễ vẫn tiến hành một cách nghiêm chỉnh; những khách bên ngoài hầu như hoàn toàn bị cấm không được vào phòng nói chuyện; cấm các tu nữ không được thăm hỏi lẫn nhau; các công việc lại được hồi phục với một sự chính xác chi li; không còn tập trung ở nhà bà nhất nữa, không còn buổi ăn nhẹ nữa; những lỗi lầm nhẹ nhất cũng bị trừng phạt một cách nghiêm khắc; đôi lúc, người ta còn yêu cầu

tôi xin ban ân huệ, nhưng tôi đã tuyệt đối từ chối không chịu xin bà ta. Nguyên nhân cuộc cách mạng ấy không ai là không biết; những người cũ không lấy thế làm bất bình, những người trẻ thì thất vọng; họ nhìn tôi với con mắt cay độc; về phần tôi, thanh thản về tư cách của mình, tôi coi thường tính khí và những lời trách móc của họ.

Bà nhất ấy, mà tôi không thể an ủi được, cũng không thể không thương hại, thì chuyển từ trạng thái u buồn đến mộ đạo, rồi lại từ trạng thái mộ đạo đến hôn mê. Tôi không theo dõi bà trong quá trình diễn biến ấy, điều đó sẽ đưa tôi vào từng chi tiết không bao giờ kết thúc; tôi chỉ nói với các ngài rằng, trong trạng thái đầu tiên, khi thì bà tìm kiếm tôi, khi thì bà tránh mặt tôi; lúc bà đối xử với chúng tôi, tôi và những người khác, với sự dịu dàng thường ngày; đôi lúc, bà đột nhiên chuyển qua sự khe khắt quá đáng; bà gọi chúng tôi, rồi đuổi chúng tôi đi; cho phép giải lao rồi lại thu hồi lệnh một chặp sau đó; cho gọi chúng tôi đến nhà cầu kinh; và khi mọi người chuẩn bị nghe lời bà, thì một tiếng chuông thứ hai báo cho cả giáo đoàn ở lại trong phòng mình. Khó mà tưởng tượng nổi cuộc sống rối loạn mà mọi người đang trải qua; cả ngày chỉ lo ra rồi lại vào nhà, cầm quyển kinh rồi lại bỏ ra, lên rồi lại xuống, buông khăn trùm mặt rồi lại cất lên. Ban đêm cũng bị ngắt quãng như ban ngày.

Một vài tu nữ khẩn cầu tôi, cố gắng làm cho tôi hiểu rằng nếu tôi chịu khó chiều bà và ân cần với bà một chút, thì tất cả sẽ trở lại trật tự - đáng lẽ họ phải nói là lộn xộn - quen thuộc; tôi buồn bã trả lời họ: "Tôi thương hại các chị; nhưng hãy nói với tôi rõ ràng tôi phải làm gì..." người ta cúi đầu không nói gì, người khác lại đưa ra

những lời khuyên khó có thể dung hòa với những lời khuyên của cha giáo đạo; tôi nói đến cha giáo đạo đã bị phế truất, chứ không phải người kế tục ông, mà chúng tôi chưa gặp.

Bà nhất không ra khỏi nhà ban đêm nữa, hàng tuần lễ liền bà không dự lễ thánh, không đến nhà cầu kinh, không đến nhà ăn, không giải lao, bà đóng kín cửa sống trong phòng mình; bà đi lang thang trong các nhà cầu kinh hoặc đi xuống nhà thờ; bà đến gõ cửa phòng các tu nữ và nói với họ, giọng than vãn: "Xơ nào đó, hãy cầu nguyện cho mẹ; xơ nào đó hãy cầu nguyện cho mẹ..." Có tin đồn lan truyền là bà dự định tổ chức một buổi xưng tội chung.

Một ngày nọ, tôi xuống nhà thờ trước tiên, tôi thấy một tờ giấy đính trên bức màn của song sắt, tôi tiến đến gần và đọc: "Các xơ thân mến, các xơ hãy cầu nguyện cho một tu nữ xa rời bổn phận của mình và muốn trở về với Chúa..." Tôi muốn giựt tờ giấy, nhưng lại thôi. Ít ngày sau, lại một tờ giấy khác trên đó người ta viết: "Các xơ thân mến, các xơ hãy cầu khẩn lòng tư bi của Chúa cho một tu nữ đã biết nhận những sự sai lầm của mình; những sự sai lầm ấy là nghiêm trọng..." Một ngày khác, lại một lời khuyên nhủ khác: "Các xơ thân mến, các xơ hãy cầu Chúa đẩy ra xa sự thất vọng của một tu nữ mất hết lòng tin vào sự từ bi của Chúa..."

Tất cả những lời khuyên nhủ ấy, trong đó người ta mô tả những nỗi thăng trầm của mỗi tâm hồn đau khổ kia làm cho tôi đau buồn sâu sắc. Một lần nọ, tôi đứng như một cột mốc trước tờ giấy, tôi tự hỏi xem những lầm lạc mà bà tự buộc tội mình là gì; vì đâu mà có những

cơn tâm thần của người đàn bà ấy; bà ta tự trách mình về những tội ác gì, tôi hồi tưởng lại những tiếng kêu than của cha giáo đạo, tôi nhớ lại lối diễn tả của ông, tôi cố tìm trong đó một ý nghĩa mà tôi không tìm được và tôi đương trầm ngâm. Vài tu nữ nhìn tôi và trao đổi với nhau, và nếu tôi không nhầm thì họ cho là tôi cũng luôn luôn bị đe dọa bởi những nỗi sợ hãi tương tư.

Cái bà nhất tội nghiệp ấy chỉ còn xuất hiện với một tấm khăn trùm mặt, bà không còn nhúng vào công việc nhà tu, bà không nói với ai cả, bà thường nói chuyện với cha giáo đạo mới. Đó là một tu sĩ trẻ thuộc giòng thánh Bênoa. Tôi không biết ông ta có bắt bà thực hiện những sự hành xác mà ta đang làm không, bà nhịn đói ba ngày trong tuần; bà hành xác, bà ngồi ở những chiếc ghế gỗ đặt bên dưới để làm lễ mi-sa. Phải đi ngang cửa phòng bà mới đến nhà thờ được, qua cửa, chúng tôi thấy bà quỳ gối, mặt áp sát đất, và chỉ ngẩng đầu lên khi không còn ai cả. Ban đêm, bà mặc sơ mi, đi chân đất bước xuống, nếu Xanhtơ Têredơ hay tôi tình cờ gặp bà, thì bà ngoảnh đi và úp mặt vào tường. Một ngày nọ, tôi ra khỏi phòng, thấy bà ta đang quỳ gối, hai tay giang ra và mặt úp xuống đất; và bà nói với tôi: "Con hãy đi lên, đi đi, hãy giẫm lên người mẹ; mẹ không đáng hưởng một sự đối xử khác".

Trong những tháng dài mà căn bệnh ấy diễn ra, những người còn lại trong giáo đoàn đã có thì giờ để chịu khổ và thù ghét tôi. Tôi sẽ không nói lại những sự khó chịu của một tu nữ bị người ta ghét trong nhà tu, bây giờ hẳn ngài có thể biết được. Dần dần, tôi cảm thấy nẩy nở sự chán chường về tình trạng của mình. Sự chán chường và những nỗi khổ của tôi chiếm tâm trí của cha giáo đạo

mới; ông ta tên gọi là Đông Môren, một người tính tình sôi nổi tuổi khoảng bốn mươi. Ông có vẻ nghe tôi nói một cách chăm chú, quan tâm; ông muốn biết về những biến cố trong cuộc đời tôi; ông đi vào những chi tiết tỉ mỉ nhất về gia đình tôi, về những thiên hướng của tôi, tính tình tôi, những nhà tu mà tôi đã ở, nhà tu mà tôi vừa đến, về những gì đã xẩy ra giữa bà nhất và tôi. Tôi không giấu giếm gì ông cả, ông có vẻ như không cho vấn đề tư cách của bà nhất có tầm quan trọng như là ông P. Lomoan; ông chỉ nói vài lời qua loa về vấn đề đó; ông xem sự việc đó như đã kết thúc; việc làm cho ông chú ý nhất là những thiên hướng thầm kín của tôi về cuộc đời tu hành. Tôi càng thổ lộ tâm tình, ông càng tin cậy tôi hơn; nếu như tôi đã xưng tội với ông, thì ông càng tin tôi hơn; những điều mà ông nói về những nỗi khổ của ông giống hệt như những nỗi khổ của tôi; ông đã vào tôn giáo một cách bất đắc dĩ, ông chịu đựng tình trạng của mình cũng với một sự ghê tởm như thế, và ông đáng được phàn nàn không kém gì tôi.

"Nhưng xơ thân yêu, - ông nói tiếp, - làm thế nào được? Chỉ còn có mỗi một cách, ấy là làm sao cho thân phận của chúng ta càng đỡ buồn phiền bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu". Rồi ông cũng khuyên răn tôi những điều mà ông đã làm theo; đó đều là những lời khuyên khôn ngoan. "Hơn nữa, - ông nói thêm, - người ta không tránh được những điều phiền muộn, người ta chỉ có cách là hãy chịu đựng chúng. Những người theo đạo chỉ tự hào trước Chúa về những nỗi khổ của mình; lúc đó họ lấy làm hoan hỉ về những nỗi khổ, và họ chuẩn bị đón những sự hành xác; chúng càng cay đắng và liên tục bao nhiêu thì họ

càng thấy làm tự hào bấy nhiêu; họ đã đánh đổi hạnh phúc hiện tại của họ để lấy hạnh phúc tương lai; họ tự bảo đảm cái này bằng sự tự giác hy sinh cái kia. Khi nào họ đã đau khổ đầy đủ, họ nói với Chúa: *Ampulius, Domine*: Đức Chúa trời, hãy thêm nữa... và đó là một lời nguyện mà Chúa sẵn sàng chấp nhận. Nhưng nếu những nỗi khổ ấy được tạo nên cho con và cho cha cũng như cho những người ấy, chúng ta không thể hứa cho mình một sự đền bù tương tự, chúng ta không có cái điều duy nhất làm cho chúng có giá trị, đó là sự nhẫn nhục: điều đó đáng buồn. Than ôi! Làm sao cha có thể gợi cho con cái đức hạnh mà con thiếu và cha cũng không có? Nhưng nếu không có điều đó chúng ta có cơ lâm nguy trong cuộc sống tương lai sau khi đã khá khốn khổ trong cuộc sống hiện tại. Giữa những hình phạt, chúng ta làm khổ mình cũng chắc chắn như là người đời tự làm khổ mình giữa những thú vui; chúng ta nhịn, họ hưởng thụ; và sau cuộc đời này, những hình phạt tương tự chờ đợi chúng ta. Thân phận của một tu sĩ, một nữ tu sĩ không được Chúa gọi, thật buồn phiền. Dù sao đó chính là thân phận của chúng ta; và chúng ta không thể thay đổi nó được. Người ta đã quàng lên chúng ta những dây xích nặng nề, mà suốt đời buộc ta phải không ngừng tìm cách thoát ra một cách vô hiệu; vậy thì xơ thân yêu, chúng ta hãy cố chịu đựng chúng. Thôi con đi đi, cha sẽ trở lại thăm con.

Ít ngày sau ông trở lại; tôi gặp ông ta ở phòng nói chuyện, tôi quan sát ông kỹ hơn. Ông đã kể hết về cuộc đời của ông, tôi cũng vậy, vô số những trường hợp khiến giữa ông và tôi có nhiều điểm gần gũi và giống nhau; ông hầu như đã chịu đựng những hình phạt tương tự như tôi

trong cuộc đời riêng cũng như cuộc đời tu hành. Tôi không nhận thấy rằng việc ông mô tả những cái ông ghê tởm khó có thể làm tan biến những sự ghê tởm của tôi; tuy vậy mà nó có tác động đến tôi, và tôi nghĩ rằng việc tôi mô tả những cái tôi ghê tởm cũng có tác động tương tự đối với ông. Thế là sự giống nhau về tính tình kết hợp với sự giống nhau giữa các biến cố, khiến cho chúng tôi càng gặp nhau càng thêm thân thiết; câu chuyện về hoàn cảnh của ông là câu chuyện về những hoàn cảnh của tôi; câu chuyện về tình cảm của ông cũng là câu chuyện về những tình cảm của tôi, câu chuyện của tâm hồn ông là câu chuyện của tâm hồn tôi.

Khi chúng tôi đã nói chuyện đầy đủ về mình, chúng tôi cũng nói chuyện về những người khác và chủ yếu là về bà nhất. Tư cách cha giáo đạo của ông khiến cho ông phải dè dặt; tuy nhiên qua các câu chuyện của ông; tôi nhận ra rằng tình trạng hiện nay của người đàn bà ấy sẽ không kéo dài: rằng bà ta đấu tranh với bản thân nhưng vô hiệu; và giữa hai điều sẽ xảy ra một, hoặc là bà sẽ thường xuyên quay trở lại những thiên hướng đầu tiên của bà, hoặc là bà sẽ loạn óc. Tôi hết sức tò mò muốn biết hơn nữa việc này: ông đã có thể làm sáng tỏ về những vấn đề mà tôi tự đặt ra cho mình mà không bao giờ có thể giải đáp được; nhưng tôi không dám hỏi; tôi chỉ đánh bạo hỏi xem ông có biết cha Lomoan không.

"Có, - ông nói với tôi, - tôi biết ông ta; đó là một người đáng trọng, rất đáng trọng.

- Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ mất ông ấy.

- Đúng vậy.

- Cha có thể cho con biết sự việc xẩy ra như thế nào không?

- Cha sẽ phiền lòng nếu điều đó bị tiết lộ.

- Cha có thể tin ở sự kín đáo của con.

- Theo cha, người ta đã viết thư tố cáo ông ở tòa tổng giám mục.

- Người ta có thể nói gì?

- Rằng ông ta ở quá xa nhà tu, khi người ta muốn gặp ông thì ông không có mặt; rằng tính ông nghiêm khắc quá; rằng người ta có vài lý do để nghi ông là có tư tưởng cách tân; rằng ông gieo rắc sự chia rẽ nhà tu, và ông làm cho các tu nữ xa rời bà nhất.

- Vậy do đâu mà cha biết việc đó.

- Chính từ ông mà ra.

- Vậy cha có gặp ông ấy?

- Có, cha gặp, ông ta đôi lúc có nói về con.

- Ông ta nói gì với cha?

- Rằng con thật đáng thương; rằng ông không thể tưởng tượng vì sao mà con đã chống lại được mọi nỗi đau khổ mà con đã chịu đựng; rằng tuy ông chỉ mới có cơ hội nói chuyện với con một vài lần, ông đã không tin rằng con có thể thích ứng được với cuộc sống tu hành, rằng ông có trong đầu óc..."

Đến đây, ông đột nhiên dừng lại, và tôi hỏi tiếp: "Ông ấy có gì trong đầu óc?"

Đông Môren trả lời tôi: "Điều này là một việc bí mật đặc biệt mà cha không thể tùy tiện nói hết..."

Tôi không nài mà chỉ nói thêm: "Rõ ràng là chính cha Lomoan đã gợi ý cho con xa lánh bà nhất của con.

- Ông ấy làm đúng.

- Và tại sao?

- Xơ hãy làm như lời ông ta khuyên, ông nói với tôi giọng trang nghiêm, - và hãy cố đừng biết đến lý do chừng nào con còn sống.

- Nhưng hình như nếu con biết được mối hiểm nguy, con sẽ càng biết cách tránh nó một cách cẩn thận hơn.

- Cũng có thể ngược lại.

- Hẳn là cha có một quan niệm rất xấu về con.

- Cha cần phải có một quan niệm rất xấu về con.

- Cha cần phải có một quan niệm về cách ăn ở và về lòng trong trắng của con; nhưng con hãy tin rằng có những sự hiểu biết tai hại mà con không thể có nó mà không nguy hiểm. Chính lòng trong trắng của con đã làm cho bà nhất của con phải kính sợ; nếu con hiểu biết hơn nữa, có lẽ bà ấy đã ít kính trọng con hơn.

- Con không hiểu cha nói gì.

- Càng tốt.

- Nhưng sự thân mật và những vuốt ve của một người đàn bà có thể có gì là nguy hiểm đối với một người đàn bà khác?

Không có câu trả lời của Đông Môren.

"Phải chăng vào đây con không phải vẫn là con người như trước kia?" Có gì là xấu khi thương yêu nhau, nói với

nhau điều ấy, và biểu lộ điều ấy ra với nhau? Đó là một điều thật êm dịu!

- Thật vậy, Đông Môren vừa nói vừa ngước mắt nhìn tôi, đôi mắt vốn vẫn nhìn xuống trong khi tôi nói.

- Trong các nhà tu thường có như vậy không? Bà nhất tội nghiệp của con! Bà bị rơi vào một tình trạng như thế nào!

- Thật đáng phiền muộn, và cha sợ sẽ còn xấu hơn. Bà ta không xứng đáng với vị trí của mình; và đó là điều sớm muộn phải xảy ra, khi người ta chống lại thiên hướng chung của tự nhiên; sự gò bó ấy dẫn bà đến tình cảm điên loạn, mà những tình cảm này càng phi lý càng trở nên mãnh liệt; đó là một loại điên loạn.

- Bà ta điên ư?

- Đúng, điên, và sẽ điên thêm nữa.

- Và con tin rằng đó là số phận chờ đợi những ai bị ràng buộc vào một tình trạng mà họ không muốn?

- Không hẳn như thế: có kẻ chết trước; có kẻ tính tình mềm yếu thì dần dà sẽ thích ứng; có kẻ nhờ những niềm ước vọng mơ hồ giúp họ chống đỡ được một thời gian.

- Một người tu nữ thì có những ước vọng gì?

- Gì à? Trước hết là ước vọng bãi bỏ những lời mình đã thề.

- Còn khi người ta không còn ước vọng đó?

- Thì có những ước vọng là một ngày nào đấy các cánh cửa sẽ được mở ra; con người ta thoát khỏi sự vô lý là đem nhốt vào trong những nấm mồ những con người

trẻ trung hoàn toàn tươi tắn và các tu viện sẽ bị triệt hạ; lửa sẽ đốt cháy, các bức tường của nhà giam đổ sụp; có người nào đó sẽ cứu họ. Tất cả những điều phỏng đoán đó quay tròn trong đầu óc; người ta bàn tán về chúng; khi đi dạo chơi trong vườn, bất giác người ta nhìn xem các bức tường có thật là cao không: nếu ở trong buồng mình, người ta nắm lấy các song sắt và để giải trí, người ta lay nhẹ chúng; nếu có đường phố dưới cửa sổ, thì người ta nhìn xuống; nếu nghe có ai đi qua, thì trái tim rung động, người ta âm thầm mong mỏi có một người đến giải phóng cho mình; nếu như đâu đó nổi lên tiếng huyên náo mà tiếng động lọt vào nhà tu, thì người ta hy vọng; người ta mong có một cơn bệnh nào đó làm cho người ta gần gũi một người đàn ông hoặc giải thoát cho người ta.

- Đúng vậy, đúng vậy, - tôi kêu lên: - cha hiểu thấu tim con; con đã nuôi dưỡng và hãy còn nuôi dưỡng những ảo tưởng ấy.

- Và nếu khi người ta do suy nghĩ mà làm mất đi những ảo tưởng ấy, bởi vì những thứ hơi trong lành mà trái tim gửi cho lý trí ấy thường bị quét sạch từng lúc, và lúc đó, người ta thấy hết sức sâu sắc nỗi khốn khổ của mình; người ta tự ghét mình; người ta ghét người khác; người ta khóc than, rên rỉ, kêu gào, người ta cảm thấy thất vọng. Lúc đó kẻ thì chạy đến quỳ gối trước bà nhất của họ, và tìm kiếm ở đó một sự an ủi; kẻ thì quỳ xuống ở trong buồng mình hay ở chân điện thờ và kêu trời cứu vớt cho họ; những người khác thì xé áo quần và lôi tóc mình, có kẻ lại tìm một cái giếng sâu, những cửa sổ khá cao một chiếc dây, và đôi lúc họ tìm được cái đó; những kẻ khác, sau khi bị giày vò lâu ngày, đã rơi vào một trạng

thái u mê và trở thành đần độn; những kẻ khác, mà cơ thể yếu ớt, thì héo hắt suy mòn; cũng có những kẻ cơ thể bị rối loạn và trở nên giận dữ. Sung sướng nhất là những kẻ mà những ảo tưởng an ủi họ luôn luôn được hồi sinh và mơn trớn họ hầu như cho đến lúc họ xuống mồ; cuộc đời của họ trải qua giữa hai tình thế, giữa sự lầm lạc và sự thất vọng.

- Còn những người khốn khổ nhất, - tôi vừa nói thêm, vừa thở dài não nề, - hơn là những kẻ lần lượt nếm trải tất cả những trạng thái trên... A! Thưa cha, con phiền muộn biết bao vì đã được nghe những lời của cha!

- Và tại sao?

- Trước kia con đã không tự hiểu mình; nay con tự hiểu được; những ảo tưởng của con sẽ ít kéo dài hơn. Trong những lúc...

Tôi định tiếp tục, thì có một tu nữ vào, rồi một người khác, rồi lại một người thứ ba, thứ tư, thứ năm thứ sáu, không còn biết là bao nhiêu nữa. Rồi sau đó trở thành một cuộc trò chuyện chung; những người này nhìn cha giáo đạo; những người khác im lặng nghe ông nói, mắt cúi xuống; rất nhiều người cùng hỏi ông một lúc; tất cả đều kinh ngạc về những câu trả lời khôn ngoan của ông; tuy nhiên tôi lui về một góc và thả mình vào mơ màng sâu thẳm. Giữa lúc đang diễn ra những cuộc trao đổi, trong đó mỗi người đều tìm cách làm cho người ta chú ý và dành sự yêu thích của con người thần thánh ở cái mặt lợi thế nhất, giữa lúc đó, người ta nghe có tiếng chân chầm chậm bước tới, người đó thỉnh thoảng lại dừng chân và buông ra những tiếng thở dài, người ta lắng nghe; người

ta nói thì thầm: "Chính là bà ta, bà nhất của chúng ta"; sau đó người ta nín bặt và ngồi thành vòng tròn. Thực vậy, chính bà nhất: bà ta vào, khăn trùm mặt rơi đến tận thắt lưng; hai cánh tay khoanh trước ngực và đầu nghiêng nghiêng. Tôi là người đầu tiên bà ta nhìn thấy, bà liền thò một trong hai bàn tay của bà ra khỏi khăn, dùng bàn tay ấy che hai mắt, và vừa quay sang một bên, vừa dùng hai bàn tay kia ra hiệu cho tất cả đi ra; chúng tôi im lặng đi ra, và bà ở lại một mình với Đông Môren.

Thưa ngài hầu tước, tôi đoán được là ngài sẽ có một quan niệm xấu về tôi; nhưng vì tôi không cảm thấy xấu hổ về điều tôi đã làm, tại sao tôi lại phải xấu hổ khi bộc lộ cùng ngài? Vả lại, làm sao lại có thể cắt bỏ trong câu chuyện này một biến cố sẽ có nhiều hậu quả? Vậy phải nói rằng đầu óc tôi thật lạ lùng, khi nào sự việc có thể gợi lên lòng quí trọng hay làm tăng thêm nỗi thương hại, thì tôi viết dầu hay dầu dở, nhưng một cách nhanh chóng và dễ dàng không thể tưởng tượng được; tâm hồn tôi vui vẻ, sự diễn tả đến với tôi dễ dãi, nước mắt tôi tuôn ra dịu dàng, hình như ngài hiện diện, tôi thấy ngài, và ngài lắng nghe tôi. Ngược lại nếu tôi buộc phải hiện ra trước mắt ngài dưới một dáng vẻ bất lợi, tôi suy nghĩ một cách khó khăn, diễn đạt không được, ngòi bút khó viết, chữ viết của tôi cũng bị ảnh hưởng, và tôi vẫn tiếp tục viết chỉ vì mừng thầm rằng ông sẽ ông không đọc những đoạn này. Sau đây là một đoạn:

Khi tất cả các xơ đã rút lui... "Vậy thì xơ làm gì?" - Ngài không hình dung được sao? Không, ngài quá thật thà về việc đó. Tôi rón rén đầu ngón chân bước xuống, và tôi đến đứng ở cửa phòng nói chuyện và nghe người ta

nói ở bên trong. Đó là một việc khá xấu, ngài sẽ nói như vậy... Ồ! Về điều đó, vâng, điều đó khá xấu; tôi tự nói với mình như thế; và sự bối rối của tôi, những cách giữ gìn để không ai nhìn thấy mình, mỗi khi tôi dừng lại, tiếng nói của lương tâm tôi mà cứ mỗi bước giục giã tôi quay lại, tất cả những cái đó không cho phép tôi nghi ngờ, tuy nhiên, sự tò mò là cái mạnh mẽ nhất, và tôi đi. Nhưng nếu như rình nghe câu chuyện giữa hai người tưởng rằng xung quanh mình không có ai, là một điều xấu, thì phải chăng thuật lại cho ngài nghe những lời đó lại là một điều xấu hơn? Sau đây lại còn một đoạn nữa mà tôi viết, bởi vì tôi cứ cho là ngài không đọc, tuy nhiên điều đó không đúng, nhưng tôi phải khẳng định với tôi như vậy.

Tiếng đầu tiên tôi nghe được sau một chặp im lặng dài làm cho tôi rùng mình:

"Cha của con, con đáng xuống địa ngục..."

Tôi trấn tĩnh lại. Tôi lắng nghe; tấm màn mà cho đến đó đã làm cho tôi thoát khỏi cơn nguy bị xé toạc khi người ta gọi tôi: phải đi đi, vậy thì tôi đi; nhưng than ôi! Tôi đã nghe được quá nhiều rồi. Ôi, một người đàn bà gớm guốc, thưa ngài hầu tước, một người đàn bà đáng ghê tởm làm sao!...

Đến đây, hồi ký của xơ Xuydan bị gián đoạn; những điều tiếp theo đây chỉ là những lời báo trước cái mà cô hứa dùng trong phần còn lại của câu chuyện. Hình như bà nhất của cô phát điên, và chính là về trạng thái của bà mà các đoạn tôi ghi lại sau đây kể lại.

Sau lần thú tội này, chúng tôi sống một số ngày thanh thản. Nỗi vui trở lại với giáo đoàn, và người ta khen

ngợi tôi, những lời khen ngợi mà tôi khước từ một cách bực bội.

Bà không lánh mặt tôi nữa: bà nhìn tôi; nhưng hình như sự có mặt của tôi không còn làm bà bối rối. Tôi cố làm sao để bà ta không còn gợi cho tôi sự ghê sợ nữa, khi mà do một sự tò mò may mắn và tai hại, tôi đã được biết bà ta rõ hơn.

Chẳng mấy chốc bà ta trở nên lặng lẽ; bà chỉ còn nói có hoặc không; bà đi dạo một mình; bà từ chối thức ăn; người bà hầm hập, bà lên cơn sốt và sự mê sảng kèm theo cơn sốt.

Một mình trên giường, bà ta gặp tôi, nói chuyện với tôi, bà mời tôi đến gần, nói với tôi những lời êm ái nhất. Nếu bà nghe tiếng chân đi xung quanh phòng bà, bà kêu lên: "Chính nó đi qua; chính bước chân của nó, tôi nhận ra bước chân ấy. Hãy gọi nó đến... Không, không, hãy để cho nó đi".

Một điều kỳ lạ, là không bao giờ bà nhầm, và nhầm người khác với tôi.

Bà cười từng cơn nắc nẻ; một lúc sau, bà lại khóc nức nở. Các xơ đứng quanh bà im lặng và một số khóc theo.

Bà bỗng nói: "Ta chưa bao giờ ở nhà thờ, ta không hề cầu Chúa... Ta muốn ra khỏi chiếc giường này, ta muốn mặc quần áo; hãy mặc quần áo cho ta..." Nếu người ta chống lại, thì bà nói tiếp: "Ít nhất cũng cho ta quyển kinh..." Người ta đưa cho bà: bà mở ra, lấy tay lật các tờ giấy và bà tiếp tục lật ngay cả khi không còn giấy nữa; nhưng hai mắt bà nom điên dại.

Một đêm nọ, bà một mình xuống nhà thờ, một số xơ đi theo; bà quỳ trên các bậc thềm của điện thờ, bà rên rỉ, thở than cầu nguyện to tiếng; bà đi ra, bà đi vào; bà nói: "Hãy đi tìm cô ta, đó là một tâm hồn thanh khiết làm sao! Đó là một con người ngây thơ làm sao! Nếu cô ta hòa những lời cầu nguyện của mình với những lời cầu nguyện của ta..." Rồi hướng về toàn thể giáo đoàn và ngoảnh nhìn các ghế gỗ không ai ngồi, bà kêu to "Hãy ra đi, ra tất cả, chỉ một mình cô ta ở lại với ta. Các người không xứng đáng lại gần cô ta; nếu giọng nói các người hòa lẫn với giọng cô ta, lời tán tụng phàm tục của các người sẽ làm mất sự dịu dàng trong lời tán tụng của cô ta trước mặt Chúa. Các người hãy đi xa, ra đi, xa ra...". Rồi bà khuyên tôi cầu Chúa giúp đỡ và tha lỗi. Bà nhìn thấy Chúa; dường như bà thấy trời đang chớp dây, rạch toạc ra và gầm rú trên đầu mình; từ đó các thiên thần nổi giận đi xuống; những cái nhìn của Thượng đế làm cho bà rùng mình; bà chạy khắp mọi phía, bà giấu mình trong những góc tối tăm của nhà thờ, bà cầu khẩn lòng từ bi, bà dán mặt vào đất, bà thiu thiu ngủ, hơi mát ẩm ướt của nơi đó làm cho bà cảm lạnh, người ta khiêng bà gần như chết vào buồng bà.

Cảnh tượng đáng sợ đêm đó, hôm sau bà đã quên. Bà nói: "Các xơ của chúng ta đâu rồi? Ta không còn nhìn thấy ai cả, ta sống một mình trong căn nhà này; tất cả bọn họ bỏ rơi ta, cả Xanhtơ Têredơ cũng vậy; họ làm như vậy là phải. Vì Xanhtơ Xuydan không còn ở đó, ta có thể đi ra, ta sẽ không gặp cô ta... A! Nếu ta gặp cô ta! Cô ta sẽ nói hết với bà nhất mới của mình; bà ta sẽ nghĩ gì về ta?... Có phải Xanhtơ Têredơ đã chết? Ta đã nghe tiếng

chuông báo có người chết suốt cả đêm. Cô gái khốn nạn! Thế là hết vĩnh viễn đối với cô ta; và đó là ta! Là ta! Một ngày nào đó, ta sẽ phải đối chất với cô ta; ta sẽ nói gì với cô ta! Ta sẽ trả lời cô ta thế nào đây? Khốn nạn cho cô ta! Khốn nạn cho ta!"

Trong một lúc khác, bà nói: "Các xơ của chúng ta đã trở về chưa? Nói với họ là ta ốm khá nặng... Hãy nâng gối ta lên... Cởi dây giày cho ta... Ta cảm thấy ở đó có cái gì đè nặng lên ta... Đầu ta bốc cháy, hãy cởi mũ cho ta... Ta muốn rửa mặt... Đưa nước đến cho ta; dội xuống nữa. Họ đều trắng trẻo; nhưng vết nhơ của tâm hồn còn để lại... Ta muốn chết đi; ta muốn đừng được sinh ra, ta đừng trông thấy vết nhơ đó thì hơn".

Một buổi sáng, người ta tìm thấy bà ta đi chân đất, mặc sơ mi, đầu bù tóc rối, gào rống, miệng sùi bọt mép và chạy xung quanh phòng mình, hai tay đặt trên hai tai, mắt nhắm lại và thân thể áp sát tường... "Các người hãy tránh xa vực thẳm này; các người có nghe những tiếng kêu la kia không? Đó là những địa ngục; những ngọn lửa mà ta thấy được bới lên từ vực thẳm ấy từ những ngọn lửa ta nghe những tiếng nói hỗn độn gọi ta... Xin Chúa thương xót con!... Đi nhanh lên, rung chuông lên, tập hợp giáo đoàn lại; hãy bảo người ta cầu nguyện cho ta, ta cũng sẽ cầu nguyện... Nhưng trời vừa mới sáng, các xơ của chúng ta đang ngủ... Ta không nhắm mắt chút nào cả đêm? Ta muốn ngủ mà không được".

Một trong những xơ nói với bà: "Thưa bà, bà có ít nhiều đau khổ; hãy nói với con, như vậy có thể bà sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn.

- Xơ Agat, nghe ta, lại gần ta... gần hơn nữa... gần thêm hơn nữa... làm sao không cho ai nghe thấy chúng ta nói. Ta sẽ nói hết với con, nói hết; nhưng "hãy giữ bí mật cho ta. Xơ có thấy cô ta không?

- Thưa bà, ai vậy?

- Có phải đúng là không ai có được sự dịu dàng như vậy không? Cô ta đi mới tuyệt chứ! Đoan trang làm sao! Cao quý làm sao! Khiêm tốn làm sao!... Hãy đến chỗ cô ta; nói với cô ta... A! Không, đừng nói gì hết; đừng đi... Xơ không để ta đến gần được; các thiên thần của trời bảo vệ cô ta, họ canh giữ xung quanh cô ta; ta đã nhìn thấy họ, xơ sẽ thấy họ, xơ sẽ sợ hãi như ta. Xơ ở lại... Nếu xơ đi, xơ sẽ nói gì với cô ta? Hãy bịa ra một chuyện gì đó mà không làm cho cô ta đỏ mặt...

- Nhưng thưa bà, bà có thể hỏi ý kiến cha giáo đạo.

- Đúng đúng... không, không, ta biết ông ta sẽ nói gì; ta đã nghe ông ta nói nhiều rồi... Ta sẽ nói với ông ta gì nữa? Nếu ta có thể mất trí nhớ!... Nếu ta có thể đi vào hư vô, hoặc hồi sinh!... Đừng gọi cha giáo đạo. Ta thích nghe người ta đọc bài thuyết giảng về khổ nạn của chúa Giêxu hơn. Đọc đi... Ta bắt đầu thở... chỉ cần một giọt máu ấy đủ để làm cho ta trở nên trong sạch... Xem kìa, người lao tới sôi sục... Hãy đặt nghiêng vết thương thiêng liêng ấy trên đầu ta... Máu của người chảy xuống ta, và không dính lại ở đó... Ta chết mất!... Hãy đưa chiếc thập tự ấy xa ra... đưa nó lại cho ta..."

Người ta đưa cây thập tự cho bà, bà ôm lấy nó trong hai cánh tay, hôn nó, rồi nói tiếp:

"Ấy là những con mắt của cô ta, ấy là miệng cô ta; bao giờ ta sẽ gặp lại cô ta? Xơ Agat, hãy nói với cô ta rằng ta yêu cô ấy; hãy mô tả cho cô ta biết rõ tình trạng của ta; hãy nói rằng ta đang chết..."

Bà bị chảy máu: người ta tắm rửa cho bà, nhưng con bệnh xem chừng trầm trọng thêm vì thuốc. Tôi không dám mô tả tất cả những hành động sỗ sàng của bà, không dám gặp lại tất cả những câu nói tục tĩu mà bà buột buông ra trong cơn mê sảng của mình. Lúc nào bà cũng đưa tay lên trán, như muốn dứt bỏ từ đó những ý nghĩ khó chịu, những hình ảnh, tôi nào biết những hình ảnh gì đây! Bà giúi đầu trên giường mình, bà dùng vải bọc phủ lên mặt "Chính là tên cám dỗ! - bà nói, - chính là nó! Hắn khoác một hình dáng kỳ dị làm sao! Hãy lấy nước thánh; rẩy nước thánh lên người ta... Ngừng lại, ngừng lại; hắn không ở đó nữa..."

Chẳng bao lâu, người ta giam bà lại; nhưng nhà tu không được canh giữ cẩn thận lắm nên một ngày kia bà thoát ra được. Bà đã xé hết quần áo, bà chạy trần truồng qua các nhà cầu nguyện, chỉ có hai đầu dây bị dứt buông xuống từ hai cánh tay bà; bà kêu to: "Ta là bà nhất của các người, tất cả các người đều đã thề nguyền: các người hãy tuân theo lời ta. Các người đã giam ta lại; ôi những kẻ khốn nạn! Đó là cách thưởng những ân huệ của ta! Các người đã lăng nhục ta, vì ta đã quá tốt; ta sẽ không tốt như thế nữa... Lửa!... Giết người!... Kẻ trộm!... Hãy cứu tôi!... Hãy chạy đến cứu ta, xơ Têredơ... Hãy chạy đến cứu ta, xơ Xuydan." Nhưng người ta đã nắm lấy bà, và dẫn bà đến nhà tù, và bà nói: "Các người có lý, các người có lý, than ôi! Ta đã hóa điên, ta cảm thấy điều đó".

Đôi lúc bà dường như bị ám ảnh vì cảnh tượng của nhiều kiểu hình phạt; bà thấy những người đàn bà cổ tròng dây hoặc hai tay bị trói quặt ra sau lưng; bà thấy họ với những bó đuốc trên tay; bà nối theo sau những người công khai tạ tội, bà tưởng mình bị dẫn đến chỗ chết; bà nói với đao phủ: "Ta xứng đáng với số phận của mình, ta xứng đáng với số phận đó, đây đã là sự hành hạ cuối cùng chưa, nhưng là cả một sự vĩnh cửu! Một sự vĩnh cửu của những ngọn lửa!..."

Tôi không nói điều gì ở đây mà không phải là sự thật; và tất cả những gì là thật mà tôi còn có thể nói không trở lại với tôi, hoặc là tôi sẽ phải xấu hổ khi làm ô uế những trang giấy này.

Sau khi sống nhiều tháng trong tình trạng thê thảm ấy, bà chết. Một cái chết như thế nào, thưa ngài hầu tước! Tôi đã thấy nó, tôi đã thấy nó, hình ảnh khủng khiếp của thất vọng và của tội ác trong giờ cuối cùng của nó; bà cảm thấy ma quỷ dưới âm phủ lẩn quất xung quanh mình; chúng chờ đợi linh hồn bà để bắt lấy: bà nói với một giọng nghẹn thở: "Chúng nó đấy! Chúng nó đấy!..." và vừa nói vừa huơ huơ từ phải sang trái một chiếc thập tự mà bà cầm ở tay; bà rống lên, bà kêu to: "Chúa tôi!... Chúa tôi!..." Xơ Têredơ theo sát bà; và chúng tôi có một bà nhất khác, đứng tuổi và tính tình vui vẻ lại mê tín dị đoan.

Người ta tố cáo tôi là đã dùng tà thuật để mê hoặc người đi trước bà: bà ấy tin và tôi lại phải chịu đựng một lần những điều sầu muộn. Cha giáo đạo mới cũng bị các bậc bề trên hành hạ, và ông ta thuyết phục tôi hãy trốn khỏi nhà tu.

Việc trốn của tôi đã định sẵn. Vào khoảng từ mười một giờ đến nửa đêm, tôi đi ra vườn. Người ta ném dây cho tôi, tôi buộc dây vào mình, dây đứt và tôi rơi xuống, chân bị trợt da và hai bên sườn cũng bị sầy da chảy máu. Hai, rồi ba lần, cuối cùng người ta kéo được tôi lên tường; tôi tụt xuống. Thật ngạc nhiên làm sao! Đáng lẽ là xe trạm mà tôi hy vọng được đưa đi, thì lại là xe hàng bốn bánh xấu xí. Thế là tôi đang ở trên đường đến Pari cùng với một tu sĩ thuộc dòng thánh Bơnoa. Qua lời nói sỗ sàng và những cử chỉ suồng sã của anh ta, tôi thấy ngay rằng người ta không thực hiện một điều kiện nào đã quy định cả. Lúc bấy giờ tôi tiếc căn buồng nhỏ của tôi trong tu viện và thấy tình cảnh của tôi thật là khủng khiếp.

Ở đây, tôi xin mô tả lại tình cảnh của tôi trên xe. Một tình cảnh hãi hùng biết chừng nào! Một con người đốn mạt biết chừng nào! Tôi hét lên! Tôi hét lên; bác đánh xe đến cứu tôi. Cuộc ẩu đả kịch liệt xảy ra giữa bác đánh xe và tên thầy tu.

Tôi đến Pari. Chiếc xe dừng lại ở một phố nhỏ, trước một cái cửa mở vào một lối đi tối tăm, bẩn thỉu. Bà chủ nhà ra đón tôi, cho tôi ở trong một căn phòng nhỏ trên tầng cao nhất; ở đây cũng tạm đủ đồ đạc cần dùng. Một bà ở tầng hai thường đến thăm tôi. Bà nói: "Cô ạ! Cô còn trẻ, hẳn là cô thấy buồn. Cô xuống dưới tôi, cô sẽ có nhiều bạn bè nam nữ, họ không đáng yêu như cô cả đâu, nhưng hầu hết đều trẻ như cô. Chúng tôi chuyện trò, vui đùa, ca hát, nhảy múa; chúng tôi vui chơi đủ mọi cách. Nếu cô có làm cho tất cả những chàng công tử ấy mê mệt thì tôi thề với cô rằng các cô ả của tôi không vì thế mà ghen hay giận cô đâu. Cô xuống nhé!" Cái bà nói với tôi như

thế đã có tuổi, cặp mắt hiền hậu, giọng nói ngọt ngào và có một lối nói chuyện rất thú vị.

Tôi sống khoảng mười lăm ngày trong nhà ấy, bị tên thầy tu đểu giả quyến rũ tôi trước kia theo sát, và phải sống những cảnh ồn ào trong một nơi đáng ngờ vực; lúc nào tôi cũng rình dịp để trốn.

Cuối cùng, một hôm, dịp may đã đến. Đêm đã khuya; nếu nhà tu ở gần thì chắc tôi đã trở lại đấy. Tôi cứ chạy là không biết là sẽ đến đâu. Tôi bị người ta giữ lại; tôi hoảng sợ. Mệt quá, tôi ngã lịm đi trên bục một hiệu bán nến; người ta cứu tôi; khi tỉnh dậy, tôi thấy tôi đang nằm trên một chiếc giường ọp ẹp, xung quanh có rất nhiều người. Người ta hỏi tôi là ai, tôi không biết tôi đã trả lời thế nào. Người ta cho người hầu gái trong nhà dẫn tôi đi; tôi nắm tay chị ta và cùng đi với chị; khi đã đi được một quãng đường dài, chị nói với tôi:

- Chị, chắc chị biết chúng ta đi đâu chứ?

- Không, em ạ, có lẽ đến trại cứu tế.

- Trại cứu tế? Có phải chị bị đuổi ra khỏi nhà không?

- Chao ôi! Phải đấy.

- Chị làm gì mà bị đuổi đi trong đêm khuya khoắt thế này. Nhưng kìa, chúng ta đã đến trước cổng trại cứu tế Xanhtơ Catorin. Nào, xem thử ta có thể gọi người ta mở cửa được không. Dù sao chăng nữa, chị cũng đừng sợ gì cả, chị sẽ không phải ở ngoài đường đâu, chị sẽ ngủ với em...

Tôi trở về nhà ông bán nến. Chị hầu gái rất sợ hãi khi thấy chân tôi bị bong da do tôi bị ngã hôm đi trốn.

Đêm ấy tôi ở lại đó. Tối hôm sau tôi trở lại trại cứu tế Xanhtơ Catorin, ở lại đó ba ngày, đến hôm cuối cùng người ta cho tôi biết hoặc tôi phải đến trại cứu tế công cộng (1) hoặc có dịp làm bất cứ công việc gì là phải làm ngay.

Ở trại cứu tế Xanhtơ Catorin có những người đàn ông và đàn bà thật nguy hiểm cho tôi, vì ở đó - sau này tôi mới biết - chính là nơi mà bọn chơi bời đàng điếm và những mụ chủ nhà chứa trong thành phố đến tìm người.

Mặc dù tôi biết là sẽ phải sống nghèo khổ, nhưng những lời quyến rũ thô bỉ của bọn chúng không thể nào cám dỗ được tôi. Tôi bán quần áo đang mặc để mua loại hợp với tình cảnh cua tôi hơn.

Tôi vào giúp việc cho một bà thợ giặt; hiện nay tôi đang ở nhà bà ta. Tôi nhận quần áo để là; suốt ngày tôi làm việc rất mệt nhọc; tôi ăn uống kham khổ, chỗ ở, chỗ nghỉ ngơi thiếu tiện nghi và chật chội, nhưng, trái lại, tôi được đối đãi một cách nhân đạo. Ông chồng là người đánh xe ngựa thuê; vợ ông ta hơi cục cằn, nhưng tốt bụng. Tôi cũng khá bằng lòng với cảnh ngộ của tôi lúc này, nếu tôi có thể hy vọng được yên ổn mà hưởng cảnh ngộ ấy.

Tôi biết được là cảnh sát bắt được tên thầy tu quyến rũ tôi và đã giao hắn lại cho các bề trên của hắn. Thằng cha tội nghiệp! Hắn còn đáng thương hại hơn cả tôi; việc làm của hắn đồn đại khắp nơi. Chắc ông chưa biết các giáo sĩ trừng phạt những tội lỗi tai tiếng như vậy tàn

---

(1) Tức trại Xanpêtorie: trại cứu tế ở Pari dành cho những bà già. Ở đây người ta cũng chứa những cô gái loạn óc, những cô gái bị bệnh thần kinh (N.D.)

nhẫn như thế nào: trọn đời hắn sẽ bị nhốt vào buồng giam, và đó cũng là số phận đang chờ đợi tôi nếu tôi bị bắt, nhưng hắn sẽ sống lâu hơn tôi trong nhà giam đó.

Vết thương hôm bị ngã trên tường xuống bây giờ tôi mới thấy đau, hai chân sưng lên, tôi không thể nhấc chân đi một bước; tôi ngồi mà làm vì tôi đứng không nổi. Tuy nhiên tôi lại lo sợ đến lúc lành: không biết lúc ấy tôi lấy cớ gì để không ra khỏi cửa và nếu ló mặt ra chắc chắn là sẽ nguy hiểm cho tôi. Nhưng may là tôi vẫn còn có thì giờ. Hai chị và hai anh rể tôi biết chắc là tôi vẫn ở Pari, nhất định dùng đủ mọi cách để tìm kiếm tôi. Tôi quyết định nhờ người mời ông Manuri đến chỗ tôi ở và làm theo lời khuyên bảo của ông, nhưng ông không còn nữa.

Tôi luôn luôn sống trong lo âu, sợ hãi. Một tiếng động nhỏ trong nhà, trên cầu thang, ngoài đường cũng làm tôi khiếp sợ, tôi run như tàu lá, đầu gối như muốn quy xuống và quần áo là rơi khỏi tay tôi. Đêm đêm tôi thường không nhắm mắt; nếu có ngủ thì cũng là một giấc ngủ chập chờn; tôi nói, tôi gọi, tôi la hét; tôi không hiểu sao những người xung quanh tôi lại chưa đoán được ra tôi là ai.

Dường như ai cũng biết việc đi trốn của tôi, đó là điều mà tôi đã tính đến từ trước. Hôm qua, một người bạn gái nói với tôi về việc ấy, lại thêm thắt những tình tiết ghê tởm, đồng thời cũng có nhiều ý nghĩ thật đáng buồn. May là chị ta đang phơi quần áo ướt lên dây, xoay lưng về ngọn đèn nên không nhận thấy vẻ bối rối của tôi. Song bà chủ thấy tôi khóc và bà hỏi: "Mari, cô có việc gì thế?" - "Không có gì ạ", tôi trả lời. Bà nói thêm: "Gì vậy? Thật khéo dư nước mắt mà thương hại cho một tu nữ xấu

xa, hư hỏng, quên cả Chúa, lại phải lòng một thằng thầy tu khả ố, rồi cùng hắn trốn khỏi nhà tu. Chị thật hay thương người quá. Ả ta chỉ có việc ăn uống, cầu nguyện Chúa và ngủ; ở trong ấy như thế thật quá sướng rồi, sao ả ta lại bỏ mà đi? Thời tiết như thế này, cứ ra sông ba bốn lần thôi cũng đủ đưa ả ta trở lại với cuộc sống tu hành..." Về điểm này tôi trả lời rằng người ngoài không hiểu được nỗi khổ của cô ta.

Nói xong tôi cảm thấy rằng giá tôi cứ im đi thì hơn, vì như thế thì bà ta đã không nói tiếp:

- Thôi, cái đồ bỏ đi ấy, Chúa sẽ trừng phạt.

Nghe nói như thế tôi phục lên bàn và cứ phục như thế cho đến khi bà chủ nói với tôi:

- Kìa, Mari, chị mơ mộng gì thế? Ngủ đấy thì công việc chậm trễ hết.

Tôi không bao giờ có ý nghĩ đi tu, hành động của tôi cũng đủ chứng tỏ điều ấy, nhưng tôi đã nhiễm một số tập quán về tôn giáo mà tôi cứ lặp đi lặp lại như một cái máy. Chẳng hạn, có tiếng chuông vang lên ư? Thì hoặc tôi làm dấu chữ thập hoặc tôi quỳ xuống. Có ai gõ cửa ư? Thì tôi nói: *Avê*. Có ai hỏi tôi ư? Thì câu trả lời của tôi bao giờ cũng kết thúc bằng "có" hoặc "không", "thưa mẹ, thưa chị". Nếu có người lạ đến thì tôi khoanh tay trước ngực và không phải tôi chào (1) mà nghiêng mình thi lễ. Chị em bạn phá lên cười, tưởng tôi chế nhạo các

(1) Nguyên văn: révérence. Phụ nữ thượng lưu châu Âu khi gặp khách lạ thì hai tay sẽ nâng chéo váy và hai đầu gối hơi nhún xuống (N.D.)

tu nữ. Nhưng rồi sự hiểu lầm ấy cũng không thể kéo dài mãi; những sơ suất của tôi sẽ làm tôi bị lộ và tôi sẽ nguy mất.

Thưa ông, mong ông hãy mau mau cứu tôi. Chắc ông sẽ bảo tôi: hãy nói cho tôi biết tôi có thể làm gì để giúp cô. Thì đây: tôi không có tham vọng gì lớn đâu? Chỉ cần cho tôi một chân hầu phòng hoặc một chân lao công, cho tôi làm một người đầy tớ bình thường cũng được, miễn sao tôi có thể sống không ai biết tới ở một nơi thôn quê nào đó, ở nơi cùng tận một tỉnh nào đó, sống với những người lương thiện, ít khách khứa. Tiền công nhiều ít cũng không hề gì, chỉ cần được yên thân, được yên lòng có bánh mì và nước lã. Ông hãy tin rằng người ta sẽ toại nguyện với sự giúp việc của tôi. Khi còn ở nhà cha mẹ, tôi đã học làm lụng và khi ở nhà tu, tôi đã học vâng lời. Tôi còn trẻ, tính tình tôi rất dịu dàng. Khi chân tôi khỏi, tôi sẽ khỏe, tôi thừa sức để làm việc. Tôi biết may vá, kéo sợi, thêu thùa và giặt giũ. Khi chưa đi tu, tôi tự tay vá lấy đồ thêu ren và tôi tin rằng chẳng mấy chốc tôi sẽ lại quen với những việc ấy. Tôi không vụng về việc gì cả và biết hạ mình để làm đủ mọi thứ. Tôi có giọng hát hay, tôi biết âm nhạc, tôi chơi đàn cũng đủ làm vui lòng một bà mẹ nào đó thích nghe đàn; và tôi cũng có thể dạy đàn cho con bà ta, nhưng tôi sợ rằng những việc ấy chứng tỏ tôi có được một nền giáo dục ưu tú và do đó mà bị lộ mất. Nếu cần học nghề sửa sang đầu tóc thì tôi cũng có khiếu thẩm mỹ, tôi sẽ tìm thầy học và chẳng mấy chốc tôi sẽ học được cái tài mọn ấy. Thưa ông, đối với tôi thì chỉ cần một nơi dễ thở, nếu có thể, hoặc bất cứ nơi nào cũng được. Tôi chỉ cần có thế, ngoài ra tôi không có tham vọng gì

xa, hư hỏng, quên cả Chúa, lại phải lòng một thằng thầy tu khả ố, rồi cùng hắn trốn khỏi nhà tu. Chị thật hay thương người quá. Ả ta chỉ có việc ăn uống, cầu nguyện Chúa và ngủ; ở trong ấy như thế thật quá sướng rồi, sao ả ta lại bỏ mà đi? Thời tiết như thế này, cứ ra sông ba bốn lần thôi cũng đủ đưa ả ta trở lại với cuộc sống tu hành..." Về điểm này tôi trả lời rằng người ngoài không hiểu được nỗi khổ của cô ta.

Nói xong tôi cảm thấy rằng giá tôi cứ im đi thì hơn, vì như thế thì bà ta đã không nói tiếp:

- Thôi, cái đồ bỏ đi ấy, Chúa sẽ trừng phạt.

Nghe nói như thế tôi phục lên bàn và cứ phục như thế cho đến khi bà chủ nói với tôi:

- Kìa, Mari, chị mơ mộng gì thế? Ngủ đấy thì công việc chậm trễ hết.

Tôi không bao giờ có ý nghĩ đi tu, hành động của tôi cũng đủ chứng tỏ điều ấy, nhưng tôi đã nhiễm một số tập quán về tôn giáo mà tôi cứ lặp đi lặp lại như một cái máy. Chẳng hạn, có tiếng chuông vang lên ư? Thì hoặc tôi làm dấu chữ thập hoặc tôi quỳ xuống. Có ai gõ cửa ư? Thì tôi nói: *Avê*. Có ai hỏi tôi ư? Thì câu trả lời của tôi bao giờ cũng kết thúc bằng "có" hoặc "không", "thưa mẹ, thưa chị". Nếu có người lạ đến thì tôi khoanh tay trước ngực và không phải tôi chào (1) mà nghiêng mình thi lễ. Chị em bạn phá lên cười, tưởng tôi chế nhạo các

---

(1) Nguyên văn: révérence. Phụ nữ thượng lưu châu Âu khi gặp khách lạ thì hai tay sẽ nâng chéo váy và hai đầu gối hơi nhún xuống (N.D.)

khác. Ông có thể yên tâm về hạnh kiểm của tôi. Dù biểu hiện bề ngoài có thế nào đi nữa, nhưng tôi là người có đức hạnh, lại có cả lòng thành kính nữa. Chao ôi! Thưa ông, nếu Chúa đã không ngăn cản tôi thì những nỗi khổ của tôi có lẽ đã kết thúc và tôi không còn gì để sợ người ta nữa; cái giếng sâu thẳm ở góc vườn tu viện, đã bao lần tôi đến thăm. Sở dĩ tôi không nhảy xuống, chính là vì người ta đã để tôi hoàn toàn tự do làm việc đó. Tôi không biết số phận của tôi sẽ ra sao, nhưng nếu một ngày kia tôi phải trở về tu viện thì dù là tu viện nào đi nữa tôi không dám nói chắc là sẽ xảy ra chuyện gì. Khắp nơi đều có giếng. Thưa ông, ông hãy thương tôi và ông đừng làm cho ông phải mãi mãi hối tiếc... (1).

P.S. - Tôi mệt lử, sự sợ hãi bao bọc lấy tôi, và sự yên tĩnh của tôi không còn nữa. Những hồi ức này mà tôi viết một cách vội vã, tôi vừa mới đọc lại khi đầu óc bình tĩnh, và tôi chợt nhận thấy rằng tuy không có chút ý đồ nào, tôi đã tự mô tả mình khốn khổ đúng như trên thực tế, nhưng dễ thương hơn nhiều so với bản thân tôi. Có phải chúng ta vẫn tin rằng mọi người ít cảm động về bức tranh mô tả những nỗi khổ của chúng ta hơn là hình ảnh của những vẻ đẹp của chúng ta? Và có phải chúng ta còn tự hứa với mình là cám dỗ mọi người dễ hơn là làm cho

---

(1) Tác phẩm này do đồng chí Nguyễn Ngọc Ban dịch với sự cộng tác của đồng chí Tôn Gia Ngân. Đồng chí Ban dịch xong từ đầu năm 1964 nhưng chưa kịp sửa chữa thì đã bất ngờ tạ thế ngày 7-4-1964. Theo yêu cầu của Nhà xuất bản, đồng chí Tôn Gia Ngân đã dịch trọn vẹn những phần lược bỏ trong lần dịch trước và sửa chữa lại toàn bộ bản dịch.

họ xúc động? Tôi biết về họ quá ít, và tôi đã không được học hỏi để biết điều đó. Tuy nhiên, nếu như hầu tước là người mà người ta cho là rất tế nhị lịch thiệp, vừa tự khẳng định rằng tôi không phải dựa vào lòng phúc đức mà là dựa vào thói xấu của ông, thế thì ông nghĩ gì về tôi? Sự suy nghĩ ấy làm tôi lo lắng. Thực ra, ông rất sai lầm khi qui trách nhiệm cho cá nhân tôi về một bản năng vốn gắn liền với giới tính của phụ nữ chúng tôi. Tôi là phụ nữ, có lẽ hơi làm đỏm một chút, tôi nào biết được? Nhưng là một cách tự nhiên và không có gì giả tạo.

HẾT

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập :
TRIỆU XUÂN
Sửa bản in :
PHAN HÒE
Vẽ bìa :
THÁI TUẤN HOÀNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ – Hà Nội
*ĐT: (84.8) 82944685 * Fax: (84.8) 8294781*
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q. 3, TP.HCM
*ĐT: (84.8) 8483481; 8469858 * Fax: (84.8) 8483481*
E-mail: cnnxbvanhoc@hcm.vnn.vn

In 1000 cuốn, khổ 13x19cm tại Xưởng in Bình Hòa. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 507, Cục xuất bản cấp ngày 19-5-2000. Trích ngang kế hoạch xuất bản số 390/GPVH do Nhà xuất bản Văn Học cấp ngày 25 tháng 12 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1-2002.

TỦ SÁCH VĂN HỌC PHÁP

BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM
Alexandre Duma

BÀ BÔVARY
Gustave Flambert

CARMEN
Prosper Mérimée

ĐỎ VÀ ĐEN
Stendhal

MỐI TÌNH ĐẦU CỦA NAPOLÉON - Giấc mộng tình yêu
Annemarie Selinko

NHÀ THỜ ĐỨC BÀ PARIS
Victo Hugo

PAPILLON - NGƯỜI TÙ KHỔ SAI
Henri Charrière

QUÁN RƯỢU
Emile Zola

ANGÉLIQUE VÀ QUỐC VƯƠNG Ả RẬP
Sergeane Golon



GIÁ: 24.000đ